N° 162 Mai 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

SỰ-NGHIỆP VĂN-HỌC TRIẾT-HỌC CỦA TAINE VÀ RENAN

Nói đến văn-học triết-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 19, thì có hai nhà đứng đầu hết thảy, là TAINE và RENAN, ảnh-hưởng rất sâu-xa, dẫu ngày nay cũng vẫn còn.

Bài này là lược-thuật về lịch-sử cùng sự-nghiệp trước-tác của hai nhà ấy.

∴

HIPPOLYTE TAINE sinh ở *Vouziers*, quận *Ardennes*, ngày 21 tháng 4 năm 1828, mất ở *Paris* ngày mồng 5 tháng 3 năm 1893. Cha làm trạng-sư, năm 12 tuổi thì mồ-côi cha. Thuở nhỏ học ở *Rethel*, rồi ra *Paris* học ở trường trung-học *Bourbon*, năm 1848 vào học trường Cao-đẳng Sư-phạm, bạn học hồi bấy giờ có những tay như ABOUT, SARCEY, CHALLEMEL-LACOUR, J.-J. WEISS, PRÉVOST-PARADOL, GRÉARD, v. v.. Ngay tự hồi ấy bạn học cùng thầy học đã chịu phục là người có trí-lự cao. Kỳ thi « đặc-biệt giáo-thụ » (*agrégation*) năm 1851 hỏng, được bổ chân giáo-thụ thường dạy khoa triết-học ở trường trung-học thành *Nevers*. Bấy giờ trong nước vừa xảy ra việc chính-biến, Nã-phá-luân đệ-tam đương làm chức Giám-quốc, nghiễm-nhiên xưng Hoàng-đế. Trong giáo-giới có ý không phục-tình về việc đó, bị Chánh-phủ xem-xét và phòng-giữ nghiêm lắm. TAINE cũng bị ngờ, lấy làm bực mình, bèn lấy sự học-vấn làm tiêu-khiển. Sau bị đổi ra dạy khoa tu-từ học (*rhétorique*) ở trường trung-học thành *Poitiers*, rồi lại đổi ra dạy lớp sáu ở trường trung-học thành *Besançon*; ngày mồng 9 tháng 10 năm 1852 thì xin nghỉ không dạy học nữa. Bấy giờ có soạn một bài luận-văn về triết-học đề là « Khảo về sự cảm-giác » (*Les Sensations*) để thi tiến-sĩ, nhưng bài đó không hợp với cái học-thuyết của phái triết-học đương thịnh-hành về bấy giờ, nên không được trúng-cách. Ngày 30 tháng 5 năm 1853, ông lại trình một bài luận-văn về văn-học, «Khảo về văn-chương của LA FONTAINE», lần này thì được trúng cử tiến-sĩ. Lịch-sử đời ông từ bấy giờ, tức là lịch-sử tư-tưởng cùng trước-tác của ông, ngoại-giả không có việc gì đáng chú-ý cả. Duy có mấy cuộc du-lịch, như năm 1854 đi chơi núi *Pyrénées*, năm 1858 đi chơi nước Anh, sau này còn đi lại nhiều lần nữa; lại đi chơi Hà-lan, Ý-đại-lợi, Đức (năm 1870, hồi khởi ra trận Pháp-Phổ, ông hiện còn ở Đức.) Năm 1863 được cử làm chức giám-khảo về khoa sử-học và khoa tiếng Đức ở trường Võ-bị *Saint-Cyr*, nhân đó được có dịp đi du-lịch khắp nước Pháp. Tháng 10 năm 1864 được bổ chức giáo-thụ dạy khoa lịch-sử về mĩ-thuật và khoa thẩm-mĩ-học ở trường Mĩ-thuật. Hồi bấy giờ các nhà trí-thức, các tay văn học như bọn SAINTE-BEUVE, RENAN, BERTHELOT, FLAUBERT, SCHÉRER, hai anh em GONCOURT, thường họp nhau đặt tiệc ở *Magny*, để bàn-bạc về văn-chương nghĩa-lý; các tiệc đó đã trứ-danh một thời, ông vẫn thường đến dự. Năm

1868 thì cưới vợ, lấy con gái một nhà kỹ-sư kiến-trúc tên là DENUELLE. Năm 1871 giữa hồi có loạn *Commune ở Paris*, thì ông ở trường Đại-học *Oxford* bên Anh, giảng sáu bài về văn-học nước Pháp. Năm 1878 được bầu vào hội Hàn-lâm nước Pháp, mãi đến ngày 15 tháng giêng năm 1882 mới làm lễ nghênh-tiếp. Trong hội Hàn-lâm có đức-cha DUPANLOUP vẫn có ý phản-đối ông, nên trước kia ông có trình bộ «Văn-học-sử nước Anh» cho Hàn-lâm xét, bị bác không được phần thưởng. Mãi sau hội Hàn-lâm mới biết tài mà bầu cho ông. Từ đó, lịch-sử ông cũng không có chuyện gì đáng ghi nữa. Khi mệnh-một, ông có di-chúc lại táng theo lễ Tân-giáo (*Protestantisme*). Nói về tính-cách cao-nghiêm, cuộc đời trong-sạch của ông, thì thiên-hạ hết thảy ca-tụng, không còn ai có lời dị-nghị gì cả.

Nay xét đến các sách của ông, tức là gồm cả học-thuyết cùng sự-nghiệp tư-tưởng của ông trong gần nửa thế-kỷ.

Các bản trước-tác có giá-trị, xin lược kể như sau này.

Sách «Thảo-luận về thơ ngụ-ngôn của LA FONTAINE» (*Essai sur les fables de La Fontaine*), xuất-bản năm 1853, là bài luận-văn thi tiến-sĩ của ông. Sách này năm 1861 in lại lần thứ ba, có sửa-đổi và phụ thêm nhiều lắm, đặt tên lại là «LA FONTAINE và thơ ngụ-ngôn» (*La Fontaine et ses Fables*). Bản in mới này có một bài tựa, trong hai bản trước không có, bài tựa nói rõ cái bản-ý lập-luận của tác-giả. Có câu nói rằng: «Người ta có thể coi là một giống cao-đẳng động-vật, sản ra triết-lý cùng thơ-văn, khác nào cũng như con tằm kéo tơ hay con ong gây mật vậy». (*On peut considérer l'homme comme un animal d'espèce supérieure qui produit des philosophies et des poèmes à peu près comme les vers à soie font leurs cocons, et comme les abeilles font leurs ruches*). Câu đó là tiêu-biểu cho cả cái chủ-nghĩa của ông, cho rằng vạn-sự vạn-vật đều có nguyên-nhân có thể giải được cả, dù thuộc về cõi tinh-thần cũng không ra ngoài vòng vật-lý. Như trong sách này ông giải-thích về văn-chương của LA FONTAINE, thì trước xét về quê-hương xứ-sở, về chủng-tộc gia-thế của LA FONTAINE, rồi mới phân-tích đến cái tính-cách làm người, đến sự học-vấn tư-tưởng. Đã xét đủ các phương-diện rồi, bấy giờ mới so-sánh mà tìm xem cái bản-năng cốt-yếu (*faculté dominante*) của LA FONTAINE là ở đâu, thì thấy rằng cái bản-năng ấy chính là cái tính hay thơ, phàm sự đời trông ra con mắt nhà thơ hết cả. Đã nắm được cái then-chốt đó rồi, thời bấy giờ dễ hiểu được tinh thần của tập thơ «Ngụ-ngôn.» Theo như ý ông, thì LA FONTAINE tức là tiêu-biểu cho cái hồn thơ vậy. Cái năng-lực hay thơ (*faculté poétique*) của tác-giả tập «Ngụ-ngôn» thật đã biểu-lộ trong khắp cả các bài ngụ-ngôn, vừa hình-dung được cái xã-hội nước Pháp đời bấy giờ, lại vừa tả-mạc được cái cảnh-vật thiên-nhiên ở quanh mình, làm cho cái tinh-thần sáng-sủa của nước Pháp, lại thêm có vẻ mĩ-miều khả-ái. Nhân xét về thơ ngụ-ngôn của LA FONTAINE, ông lại xét rộng về cả lối ngụ-ngôn từ xưa đến nay, và so-sánh thể ngụ-ngôn thơ với lối ngụ-ngôn đời cổ cùng lối ngụ-ngôn triết-lý khác nhau thế nào. Bài luận văn-học của ông, chính là một bài luận triết-học: chủ-ý ông vẫn là giải-thích về thơ ngụ-ngôn LA FONTAINE, nhưng cũng lại là muốn nghiên-cứu cùng phân-tích về cái năng-lực làm thơ thế nào, mà chẳng qua chỉ lấy LA FONTAINE làm một cái chứng hiển-nhiên để lập-luận mà thôi. Rút lại cái vấn-đề triết-học ông định khảo-sát là vấn-đề này: «Thơ là gì và các nhà thơ phát-sinh ra thế nào?» —

Cả sách này chính là để giải-đáp một câu hỏi đó.

Năm 1855 xuất-bản một tập « Du-lịch núi *Pyrénées* » (*Voyage aux Pyrénées*), năm 1858 lại tái-bản một lần nữa, có sửa đổi ít nhiều. Sách này là đem lối văn-chương hoa-mĩ mà diễn những tư-tưởng triết-lý của tác-giả, đem sự-thực kinh-nghiệm mà chứng những quan-niệm trừu-tượng của tác-giả. Như xét người dân cùng giống vật ở miền *Pyrénées*, thì thấy thổ-địa, khí-hậu, hoàn-cảnh cùng cách sinh-hoạt, thật đã đào-tạo ra các giống, như cái dấu in sâu vào không lẫn được. Đất ấy, cảnh ấy thì phải sinh ra người ấy vật ấy, nhân-quả mật-thiết, không thể nào sai được.

Năm 1851, hội Hàn-lâm nước Pháp treo thưởng bài luận về nhà sử-học La-mã TITE-LIVE. TAINE có ứng-thi, bài luận của ông trúng-cách, duy có mấy đoạn các ông Hàn không ưng, phải sửa lại, cuộc thi hoãn cho đến năm 1855 mới nộp quyển. Bài luận được Hàn-lâm thưởng; năm sau xuất-bản đề là « Thảo-luận về TITE-LIVE » (*Essai sur Tite-Live*). Bài này chính là một bài nghiên-cứu về cái « bản năng cốt-yếu » hay là cái « chủ-động năng-lực » (*faculté maîtresse*), cũng như bài khảo về LA FONTAINE trước, nhưng nghị-luận lại có thống-hệ và nghiêm-xác hơn. Tác-giả nói rằng: « Năng-lực của người ta cũng như cơ-quan của cái cây, có phải là hệ-thuộc lẫn nhau không? Có phải là do một cái luật độc-nhất vừa đo-lường được và vừa phát-sinh ra không? Luật đó đã biết thì có thể dự-đoán được sức mạnh cùng tính trước được kết-quả tốt xấu của năng-lực không? Có thể kết-cấu lại được như nhà bác-vật-học khôi-phục lại một con vật hóa-thạch từ đời xưa không? Trong người ta có một cái năng-lực chủ-động, hành-động nhất-luật, truyền cho khắp cả các cơ-quan khác trong người khiến cho cả bộ máy của ta đều theo một nhịp vận-động nhất-định không? Mấy câu hỏi đó, tôi muốn tìm cách trả lời rằng có... » (*Les facultés d'un homme, comme les organes d'une plante, dépendent-elles les unes des autres? Sont-elles mesurées et produites par une loi unique? Cette loi donnée, peut-on prévoir leur énergie et calculer d'avance leurs bons et leurs mauvais effets? Peut-on les reconstruire comme les naturalistes reconstruisent un animal fossile? Y a-t-il en nous une faculté maîtresse, dont l'action uniforme se communique différemment à nos différents rouages, et imprime à notre machine un système nécessaire de mouvements prévus? J'essaye de répondre oui...*) Cái năng-lực chủ-động của TITE-LIVE là tài hùng-biện (*faculté oratoire*) cũng như năng-lực chủ-động của LA FONTAINE là tính hay thơ (*faculté poétique*). Đã biết được cái năng-lực chủ-động đó rồi, thì cả tính-cách sự-nghiệp của TITE-LIVE, điều hay điều dở, cũng do đó mà suy ra cả. Cách lý-luận cùng chứng-giải rất là mạnh-mẽ sáng-sủa, tuy có nghiêm-khắc một chút, nhưng thật là tinh-vi.

Năm 1857 xuất-bản sách « Các nhà triết-học Pháp về thế-kỷ thứ 19 » (*Les Philosophes français du XIXe siècle*). Sách này đến năm 1868 in lại lần thứ ba, đổi tên là « Các nhà triết-học cổ-điển về thế-kỷ thứ 19 ở nước Pháp » (*Les Philosophes classiques au XIXe siècle en France*); bài tựa là thuộc về bản in lại lần thứ nhì năm 1860; mỗi lần in lại đều có sửa đổi đi nhiều, và thứ nhất là đổi cái giọng bớt kịch-liệt như trước. Xem bài tựa thì rõ ý tác-giả, muốn căn-cứ ở nhà triết-học Đức HEGEL mà vừa công-kích cái tinh-thần-chủ-nghĩa (*spiritualisme*), vừa công-kích cái thực-nghiệm-chủ-nghĩa (*positivisme*). Xét trong sách thì không thấy nói đến chủ-nghĩa tinh-thần mấy, mà chỉ công-kích cái chủ-nghĩa thực-

nghiệm nhiều, thứ nhất là công-kích cái chủ-nghĩa chiết-trung (*éclectisme*) của phái Cousin là phái chuyên-chế triết-học nước Pháp đời bấy giờ, được Nhà-nước tôn cho là phái chính-học, các trường đều phải theo, thật cũng là một cái ách nặng-nề cho các nhà tư-tưởng đương-thời. Trong sách này, Taine trước chứng-giải rằng cái thuyết duy cảm (*sensualisme*) của thế-kỷ trước đến Laromiguière là suy hẳn, tự bấy giờ mới bắt đầu cái phong-trào triết-học thế-kỷ thứ 19; Taine bèn kể ra từng nhà, mỗi nhà bình-phẩm một cách sâu-sắc đích-đáng, mỗi người tặng cho một câu một chữ đủ tả rõ được tính-cách: như Royer Collard, thì là tay « chuyên-chế » (*dictateur*), Maine de Biran, thì là một nhà « trừu-tượng hư-huyền » (*abstracteur de qunitessence*), Cousin, thì là một tay « hiếu-biện » (*orateur*), Jouffroy, thì là « một người chỉ châu-tuần trong chốn nội-tâm » (*homme intérieur*); tác-giả dụng-tâm thứ nhất là bài-bác cái học-thuyết của Cousin. Hai thiên cuối cùng thì xét về các phương-pháp, trong đó có nói đến hai nhà triết-học vô-danh, gọi là ông Pierre và ông Paul, tác-giả lấy làm cảm-phục; một người trong hai người đó chính là Vacherot là thầy dạy ông khi trước ở trường Cao-đẳng Sư-phạm. Sách xuất-bản ra cũng làm cho thiên-hạ náo-động một độ; tự đó người ta mới biết Taine là một tay không vừa.

Kế đấy xuất-bản một tập đề là « Luận phê-bình cùng luận sử-học » (*Essais de critique et d'histoire*), sưu-tập những bài đăng ở các tạp-chí tự năm 1855. Mấy bài nghiên-cứu có giá-trị là những bài nói về Guizot, Michelet, Saint-Simon, Mme de La Fayette.

Năm 1863 thì xuất-bản một bộ « Văn-học-sử nước Anh » (*Histoire de la littérature anglaise*). Sách này cùng với sách « Cổi-rễ nước Pháp đời nay » xuất-bản sau này, là hai bộ sách kiệt-tác của Taine. Bộ « Văn-học-sử nước Anh » cả thảy có năm quyển, trên đầu có bài tổng-luận rất quan-trọng, nói rõ cái chủ-ý lập-luận của tác-giả. Tác-giả cho văn-chương tức là một cái tài-liệu của lịch-sử, mà lịch-sử chính là một « vấn-đề tâm-lý » (*problème de psychologie*). Khảo về lịch-sử văn học, chính là khảo về tâm-lý một dân-tộc. Người trong một nước, hết thảy đều do mấy cái « chủ-lực » (*forces primordiales*) nó tác-thành, nó chi-phối, khiến cho cách tư-tưởng cảm-giác đều là giống nhau hết thảy, dù có khác cũng là đại-đồng tiểu-dị mà thôi. Chủ-lực ấy có ba: một là chủng-loại (*la race*); hai là hoàn-cảnh (*le milieu*); ba là thời-kỳ (*le moment*). Nghiên-cứu về một nhà danh-sĩ, tức là tìm xét xem sự nghiệp trước-tác của nhà ấy chịu ảnh-hưởng của ba sức mạnh đó và tiêu-biểu cho ba sức mạnh đó thế nào. Lấy đấy làm tôn-chỉ, bèn cứ suy ra mà lập-luận: lấy nước Anh là một đảo-quốc, khí-hậu là khí-hậu một đảo-quốc, người dân dưỡng-sinh một cách phong-hậu, chủng-tộc là thuộc về giống Nhật-nhĩ-man, Taine bèn nhân đó mà giải-thích cả các việc về lịch-sử cùng xã-hội, rồi cứ suy-lý một cách rất chặt-chẽ mà thuật lại cả cuộc tiến-hóa của văn học nước Anh, kết-cấu khôi-phục lại cả các bậc nhân-tài cùng các nền kiệt-tác, tự Chaucer, Spenser, Shakespeare, Bacon, qua Bunyan, Richardson, Byron, đến Stuart Mill, Tennyson. Chứng-giải xác-đáng, lời văn bóng-bẩy, phân-tích tinh-vi, tài-liệu phong-phú, tư-tưởng thâm-trầm, sách gồm được bấy nhiêu tính-cách, được thiên-hạ rất hoan-nghênh; chính ở nước Anh cũng coi là một bộ sách mô-phạm. Taine rất cảm-phục nước Anh, cảm-phục phái quí-tộc nước ấy, đạo Tân-giáo, lòng đạo-đức cùng tính vụ thực, bụng vừa hiếu-cổ vừa ham tự-do, trí cương-cường tự-đắc của người Anh; thậm-

chỉ những điều khuyết-điểm của người Anh, ông cũng sẵn lòng khoan-dung. Ông cảm nước Anh là một nước có vẻ qui-phái và phục vì theo đạo Tân-giáo; ông coi nước ấy như là cái tổ-quốc thứ nhì của tâm-trí ông vậy. Có khi vì quá mến nước Anh mà đem lòng thiên-lệch đối với tinh-thần văn-học Pháp, phán-đoán không khỏi mất sự công-bằng.

Năm 1865 xuất-bản sách « Triết-học của mĩ-thuật » (*Philosophie de l'art*); năm 1866 xuất-bản sách « Triết-học mĩ thuật ở Ý-đại-lợi » (*Philosophie de l'art en Italie*); năm 1867 sách « Nói về lý-tưởng trong mĩ-thuật » (*De l'idéal dans l'art*); năm 1868 sách « Triết-học của mĩ-thuật ở nước Hòa-lan » (*Philosophie de l'art dans les Pays-Bas*); năm 1869 sách « Triết-học của mĩ-thuật ở Hi-lạp » (*Philosophie de l'art en Grèce*). Năm bài nghiên-cứu đó xuất bản rời từng bài một, rồi đến năm 1880 thì in gồm cả làm một bộ hai quyển, đề tên chung là « Triết-học của mĩ-thuật » (*Philosophie de l'art*). Đó là những bài giảng-học của ông ở trường Mĩ-thuật. Hai lớp giảng về triết-học của mĩ-thuật và lý-tưởng trong mĩ-thuật là gồm cả khoa thẩm-mĩ-học của ông. Ông muốn đem khoa thẩm-mĩ ra khảo-sát bằng phép lịch-sử cùng phép thực-nghiệm, để cho cũng có tính-cách như một khoa-học chân-chính. Vậy ông đem mĩ-thuật ra nghiên-cứu, so-sánh các việc thực với nhau, rồi suy lý mà kết-luận rằng mục-đích của mĩ-thuật chính là phỏng chép sự thiên-nhiên, nhưng cố-ý chép sai đi, để tiêu-biểu lấy cái đặc-tính, đặc-tính này thường trong cảnh thiên-nhiên không được rõ-rệt lắm. Xét về cách sản-xuất ra các mĩ-thuật-phẩm, ông bèn tuyên lên cái luật về hoàn-cảnh, cho hoàn-cảnh là có ảnh-hưởng sâu-xa đến các công-trình mĩ-thuật. Lấy bốn đoạn lịch-sử hiển-nhiên mà làm chứng: cổ Hi-lạp thì có nghề điêu-khắc, đời Trung-cổ thì có nghề kiến-trúc, nước Pháp về thế-kỷ thứ 17 thì có nghề cổ-kịch, thế-kỷ thứ 19 thì có nghề âm-nhạc. Rồi ông lại chứng-giải rằng mỗi thời-kỳ đó có tiêu-biểu ra một « nhân-vật chủ-tể » (*personnage régnant*), gồm cả những tài-năng, khuynh-hướng cùng sự cần-dùng của cả một thời-đại; nhân vật đó vẫn không thực-hiện được hoàn-toàn trong cảnh thực-tế, nhưng chính là cái kiểu-mẫu mà mĩ-thuật muốn tiêu-biểu ra, muốn phát-huy ra, phô diễn ra trong các công-trình tạo tác, hay là đào-tạo ra ở trong tưởng-tượng của công-chúng. Xét về lý-tưởng trong mĩ-thuật chính là để định cái giá-trị hơn kém của các mĩ-thuật-phẩm, vật nào cũng là có nguyên-nhân nhất-định, có tính-cách tất-nhiên cả, hơn kém nhau chỉ là ở cách phô-diễn cái mẫu vô-hình đó được hoàn-toàn hay còn khuyết điểm mà thôi. Xét về giá-trị các mĩ-thuật-phẩm thì lấy ba điều sau này làm tiêu-chuẩn: một là tính-cách quan-trọng nhiều ít thế nào (*degré d'importance du caractère*), hai là tính-cách bổ-ích nhiều ít thế nào (*degré de bienfaisance du caractère*), ba là hiệu-quả tập-hợp nhiều ít thế nào (*degré de convergence des effets*). Điều thứ nhất là thuộc về ý nghĩa triết-lý của mĩ-thuật, điều thứ nhì thuộc về giá-trị luân-lý, điều thứ ba thuộc về thể-tài mĩ-thuật. Còn những bài nghiên-cứu về mĩ-thuật ở Ý-đại-lợi, ở Hòa-lan và ở Hi-lạp, là đem cái thuyết về hoàn-cảnh mà ứng-dụng ra thực-sự.

Năm 1865 lại xuất-bản một quyển đề là « Mấy bài luận mới về phê-bình cùng sử-học » (*Nouveaux Essais de critique et d'histoire*). Trong tập này có hai bài quan-trọng nhất, là một bài khảo về *Balzac*, là người mà tác-giả rất cảm-phục cái tài làm tiểu-thuyết tả-thực; một bài thảo về *Racine*, tác-giả cho là người tiêu-biểu được hết cái

tinh-hoa của văn-học cổ-điển, cùng phép lịch-sự nơi triều-miếu ở nước Pháp đời xưa. Bài sau đó kể cũng là một bài phán-đoán có đặc-sắc về *Racine* cùng lối cổ-kịch của nước Pháp, đáng ghi trong văn-học-sử.

Năm 1866 xuất-bản bộ sách đề là « Du-lịch Ý-đại-lợi » (*Voyage en Italie*). Bộ này có hai quyển, thuộc về lối văn du-ký, cũng không có tư-tưởng triết-lý đặc-biệt gì.

Năm 1867 xuất-bản sách đề là «Tạp-ký về thành *Paris*» (*Notes sur Paris*). Dưới tên sách lại đề thêm một câu khôi-hài rằng: «Thuật về lịch-sử cùng ý-kiến của ông THOMAS GRAINDORGE đỗ bác-sĩ về khoa triết-học ở nước Đức, hiệu làm chủ công-ty bán thịt lợn muối ở nước Mĩ.» Đọc tên sách như vậy, cũng đã đủ biết là lối văn hoạt-kê. Sách này là sưu-tập những bài nhàn-đàm viết trong báo « Đời Paris » (*Vie parisienne*) tự năm 1863. Tuy là lời văn tự-do bình-phẩm về xã-hội thành *Paris*, nhưng cũng đem những tư-tưởng cốt-yếu của tác-giả mà đối-chiếu ra thực-sự vậy.

Năm 1870 xuất-bản một bộ sách thuần về triết-lý, đề là «Nói về trí-tuệ» (*De l'Intelligence*). Trong sách này tác-giả chủ-ý xét về sự tri-giác của người ta hành-động ra thế nào, và tự-phụ chỉ dùng phép thực-nghiệm mà khảo-sát, không có lý luận viển-vông. Nói rằng chỉ định khảo về tâm-lý theo phép khoa-học, lấy những việc thực về sinh-lý-học, bệnh-lý-học, ngữ-ngôn-học, lịch-sử-học đề làm chứng-cớ, nhưng tựu-trung vẫn có một phần siêu-hình-học ở đó. Tác-giả vốn không ưa cái thuyết duy-tâm cho là viển-vông, cũng không ưa cái thuyết duy-vật cho là thô-thiển, muốn gây ra một nền triết-học mới trái hẳn với hai cái thuyết đó. Sách này tức là phác-họa ra nền triết-học ấy và tiêu-biểu cho cái tư-tưởng bình-sinh của tác-giả.

Năm 1872 xuất-bản sách «Tạp-ký về nước Anh» (*Notes sur l'Angleterre*). Sách này là hình-dung và cai-quát cả cuộc sinh-hoạt của dân-tộc Anh, là dân-tộc ông lấy làm cảm-phục lắm. Đối với nước Anh, ông vẫn có bụng yêu-mến đã lâu, cho nước Anh là tiêu-biểu được rõ rệt cái tinh-thần của đạo Tân-giáo. Dân Anh tuy cũng có một phần theo về Cựu-giáo, nhưng ông cho phần này không quan-hệ gì, nên không từng nói đến.

Năm 1872, xuất-bản hai cuốn sách nhỏ, kể cũng không có tư tưởng gì lạ, nhưng làm tài-liệu cho bộ sách lớn về sau này: một cuốn đề là «Nói về sự phổ-thông đầu-phiếu và về cách đầu-phiếu thế nào» (*Du suffrage universel et de la manière de voter*); một cuốn đề là « Một người du-lịch ở Pháp từ năm 1792 đến 1795; Thư-từ của một người mục-kích cuộc cách-mệnh nước Pháp » (*Un séjour en France de 1792 à 1795 ; lettres d'un témoin de la Révolution française*), sách này là dịch ở tiếng Anh ra.

Năm 1876 mới bắt đầu xuất-bản bộ sách kiệt-tác của TAINE, đề là «Cội rễ nước Pháp ngày nay» (*Les Origines de la France contemporaine*). Sách này chia ra ba phần : phần thứ nhất nói về chế-độ cũ, phần thứ nhì nói về cuộc cách-mệnh, phần thứ ba nói về chế-độ mới. Phần thứ ba này chưa được hoàn-toàn cả, vì tác-giả chưa làm xong sách thì mệnh-một. Cả toàn-bộ sách này đến năm 1900 mới xuất-bản hết, cả thảy 11 quyển, thật là một công-trình vĩ-đại. Tác-giả sở-dĩ khởi-công làm sách này, là đã từng mục-kích cái tình-trạng nước nhà đương buổi gian-nan. Nào là Đế-chính đổ, nào trận năm 1870 bị thua, nào loạn *Commune*, nào công-việc đề-tạo ra Dân-quốc, thật đã

khó-khăn vô-cùng. Trông thấy cảnh đó mà cảm-kích trong lòng, muốn đem hết tài học-vấn, hết sức binh-sinh mà khảo-sát về cội-rễ nước nhà cho biết vận-mệnh nước ở đâu. Muốn thuật lại cái chế-độ cũ về đời quân-chủ, tả về cuộc Đại-Cách-mệnh, cùng cái chế-độ của Nã-phá-luân đã gây-dựng ra, để cho hiểu rõ tình-trạng nước Pháp ngày nay thế nào. Ông nói rằng tuy xét về nước nhà, nhưng vẫn muốn giữ cái thái-độ công-bằng như kẻ bàng-quan, khác nào như nhà bác-vật-học đứng trước một con côn-trùng đương biến-hình vậy (*comme un naturaliste devant la métamorphose d'un insecte*). Nhà sử-học MONOD nói rằng: Thái-độ ông chính là thái-độ một ông thầy thuốc đứng trước một người bệnh muốn cứu cho khỏi. Theo phương-pháp của ông thì ông làm sách này là sưu-tập những « việc vặt » *petits faits*) có ý-nghĩa, rồi khái-luận mà kết-cấu lại theo ba cái tôn-chỉ cốt-yếu của ông: là chủng-tộc, hoàn-cảnh, thời-kỳ. Vốn không phải là nhà sử-học chuyên-môn, cho nên cách phê-bình sử-liệu, không khỏi có điều khiếm-khuyết. Lại vốn là xuất-thân ở trung-lưu xã-hội mà có cái tài-trí lỗi-lạc, nghiễm-nhiên vào bậc thượng-lưu một thời, nên tính ham mến trật-tự, cho những sự bạo-động là không nên cả, thành ra bình-phẩm về cuộc Đại-Cách-mệnh cùng những nhân-vật về đời đó, có ý thiên-lệch không được công-bằng. Còn như tả về vua Nã-phá-luân cũng có ý nghiêm-khắc không đúng với sự thực. Song đó là những điều khuyết-điểm thường. Còn toàn-bộ nghiên-cứu về cội-rễ nước Pháp, thật là sâu-sắc vô-cùng, khám-phá vô-cùng, ai đọc đến cũng phải có cái cảm-giác nghiêm-trang hùng-kính vậy.

Sau khi ông mệnh-một rồi còn xuất-bản mấy quyển sách nữa hồi còn sống chưa in kịp: Năm 1894 xuất-bản tập « Mấy bài luận sau cùng về phê-bình cùng sử-học » (*Derniers Essais de critique et d'histoire*), trong đó có hai bài khảo có giá-trị, một bài nói về *Sainte-Beuve*, một bài nói về *George Sand*; năm 1896 xuất-bản tập « Du-lịch bút-ký, biên-chép về các tỉnh » (*Carnets de voyage. Notes sur la Province, 1863 1865*). Sách này là những tập bút-ký của ông trong khi đi chấm thi các tỉnh cho trường Võ-bị trong khoảng năm 1863-1865; xem sách này thì biết người chủ-trương cái phương-pháp thực-nghiệm đã biết thi-hành phương-pháp ấy thế nào. Xét ra phàm những sự-vật gì thuộc trong vòng khuôn lý-thuyết của ông, thì ông quan-sát một cách tinh-vi, thâm-trầm, sành-sỏi, xác-đáng lắm; còn những sự-vật ra ngoài học-thuyết của ông thì ông không để ý đến. Cái giới-hạn của ông chính là ở đó.

Trở lên là lược-thuật sự-nghiệp trước-tác của TAINE, mỗi quyển sách có giải-thích qua cho biết ý-nghĩa cùng tôn-chỉ. Nay tổng-luận mấy câu về công-nghiệp ông trong cõi tư-tưởng nước Pháp về thế-kỷ thứ 19.

TAINE thật là một bậc tri-thức hùng-cường vĩ-đại về thế-kỷ thứ 19. Ông cùng với RENAN là một bậc tôn-sư đã đào-tạo ra tâm-trí mấy lớp người trong khoảng năm 1860 đến 1890; mà có lẽ ảnh-hưởng của ông lại còn sâu-xa hơn RENAN nữa. Cái năng-lực chủ-động của ông là năng-lực trừu-tượng, (*faculté d'abstraction*), nghĩa là trong đám sự-vật phiền-phức phân-vân nên lấy một vài cái lý-tưởng cốt-yếu lên làm đích, rồi cứ theo đó mà xét đoán. Phàm cái tâm-lý của nhà triết-học vẫn thường như thế, mà ông vốn là giàu cái tâm-lý đó. Nhưng ông là nhà triết-học mà lại kiêm là nhà văn-học nữa, cho nên những lý-tưởng trừu-tượng ông đã tiêu-biểu ra, ông lại

muốn đem đối-chiếu với thực sự, diễn-xuất ra cảnh-tượng, lấy văn-chương mà phô bày hiển-nhiên ra cho thiên-hạ dễ cảm-xúc. Cái phương-pháp của ông là như thế này: Trong trí đã định lấy mấy cái qui-tắc nhất-định làm chuẩn-đích, thì khác nào như cái mốc đã cắm rồi, cứ theo một đường lối đó mà đi, nhân việc trước suy ra việc sau, nhân việc sau lại suy ra việc sau nữa, suy-diễn một cách rất chặt-chẽ, rất hợp-lý, thành ra sự-vật tùng-tạp nghiễm-nhiên thấy có điều-lý, có chỉnh-đốn, có phép-tắc, có qui-củ, giường-mối sáng-sủa, khám-phá dễ như trên bàn tay vậy. Như văn-học cùng lịch-sử, ông cho chẳng qua cũng là thuộc về tâm-lý cả, mà phương-pháp khảo-sát của tâm-lý-học thì cho là không khác gì phép thực-nghiệm của các khoa-học thiên-nhiên, cũng theo một cái luật nhân-quả tiền-định, phàm sự-vật gì cũng có nguyên-nhân, đó được nguyên-nhân thì biết được kết-quả, phương-pháp đó nghiêm chỉnh tinh-vi, vừa trái với cái lối độc-đoán của phái cổ-điển, vừa trái với cái lối phóng-đãng của phái lãng-mạn. Ông xướng lên một lối phê-bình, một khoa thẩm-mĩ, lấy sự-thực kinh-nghiệm làm căn-cứ và muốn kết-luận cũng đích-đáng như các khoa cách-trí vậy. Ông cho là cõi tinh-thần với cõi vật-chất cũng có thể nghiên-cứu bằng cùng một phương-pháp được, nên ông đem những phương-pháp của các khoa-học tự-nhiên mà ứng-dụng vào các khoa tinh-thần, xét về tâm-lý người ta cũng như nhà bác-vật xét về con sâu cái kiến vậy. Học-thuyết của ông đó, có lẽ ngày nay xét ra thấy còn khuyết-điểm, quá thiên về thống-hệ, quá trọng về trật-tự, thành ra kém về tự-nhiên, không được uyển-chuyển, phần nhân-công nhiều hơn phần thực-tế, như cái lâu-đài tráng-lệ dựng lên ở một nơi đất có lẽ chưa được vững-vàng vậy. Tuy-nhiên, cái công ông tác-thành, dựng phép-tắc qui-củ cho tư-tưởng nước Pháp, thật đã to-tát lắm, và ảnh-hưởng ông sâu-xa vô-cùng. Hoặc-giả bác rằng cái thuyết hoàn-cảnh của ông có ý hẹp-hòi, dùng để mà giải-thích những nhân-vật dung-thường thì được, chứ dùng để mà giải-thích những nhân-tài lỗi-lạc thì không đủ, các bậc thiên-tài là những người cương-cường mãnh-liệt, siêu-việt cả ra ngoài hoàn-cảnh, chứ không bị hoàn-cảnh chi-phối được. Tuy-nhiên ai cũng phải chịu rằng ảnh-hưởng của hoàn-cảnh rất là thâm-trầm, người ta dù ít dù nhiều, ai cũng là « con đẻ » của giống, nòi mình, của hoàn-cảnh mình và của thời-đại mình cả. Như vậy thì cái thuyết của Taine vẫn là đúng, duy có lẽ trong cách ông ứng-dụng thuyết ấy ra thực-sự có điều nghiêm-khắc chặt-chẽ quá mà thôi, khiến cho những kẻ ham-mê cái thuyết tự-do không khỏi cho chủ-nghĩa ông là khốc-liệt quá vậy.

Cho nên hồi đầu cũng có người công-kích cái học-thuyết của ông, nhất là những kẻ mê-tín về sự-nghiệp đời Cách-mệnh lại càng oán ông là đã mạt-sát bằng-bổ sự-nghiệp đó. Nhưng về sau, ở nước Pháp nổi lên một cái phong-trào tư-tưởng mới, ngày nay vẫn hãy còn, phong-trào này là phản-đối với chủ-nghĩa cách-mệnh, phản-đối với chính-thể dân-chủ, thành ra nhiều người trước kia công-kích ông nay lại quay về cảm-phục tán-dương cái tư-tưởng của ông. Song một nhà tư-tưởng nhiệt-thành chân-chính như ông, dù phong-trào thay-đổi, người đời theo cái khuynh-hướng nhất-thời, có lúc ưa lúc ghét mặc lòng, đối với học-thuyết của ông tưởng cũng chẳng hề gì. Những cái tôn-chỉ thiết-tha đích-đáng ông đã khởi-xướng ra, thì tưởng bao giờ cũng có giá-trị vậy.

***

ERNEST RENAN vừa là nhà sử-học, nhà triết-học, lại vừa là một tay văn-sĩ tuyệt-luân của nước Pháp về thế-kỷ thứ 19. Cùng với TAINE là Thái-sơn Bắc-đẩu trong trường văn cổi học về thế-kỷ mới qua. Sinh ở *Tréguier* ngày 27 tháng 2 năm 1823, mất ở *Paris* ngày 12 tháng 10 năm 1892. Cha làm quan tầu buôn, là người đất *Bretagne*; mẹ thì người đất *Gascogne*. Gốc-tích ở hai xứ khác nhau như vậy, nên trong tính-tình ông thật là gồm có hai cái tâm-lý, chính tự ông đã phân-tích ra như sau này: một là cái tâm-lý có thi-vị mơ-màng của giống *Celtes* đất *Bretagne*; hai là cái tâm-lý vui-vẻ tự-nhiên, đối với sự đời toàn lạc-quan cả, là tâm-lý người đất *Gascogne*. Sự giáo-dục của ông thuở nhỏ là công phu của đàn bà và của cố đạo cả, hai cái ảnh-hưởng đó đã in sâu vào trong tâm-tính ông. Ông mồ-côi cha từ thuở lên năm, ở cùng với mẹ và chị tên là HENRIETTE, lớn hơn ông 12 tuổi. Chị là một người có tính-cách cao-thượng, có nghị-lực khác thường, dốc một lòng thương yêu chăm-chút cho ông trong tuổi đồng-ấu. Sau này ông nói rằng người đã có công tác-thành cho ông nhiều nhất là chị ông đó. Ông bắt đầu học ở trường thầy dòng *Tréguier*. Mẹ cùng các thầy giáo đều muốn khuynh-hướng cho ông theo về đường tu-hành. Chính tự ông cũng tưởng rằng nghiệp tu-hành là thích-hợp với tâm-tính mình ham học-vấn tư-tưởng, muốn theo đuổi một cái đời vô-tư-kỷ để dốc lòng mà phụng-sự chân-lý. Bởi thế nên năm 15 tuổi được lương vào học ở trường lý-đoán *Saint-Nicolas du Chardonnet* ở *Paris*, do cố DUPANLOUP làm đốc. Vào cái hoàn-cảnh mới này thấy khác hẳn hoàn-cảnh cũ ở quê nhà, các cố đạo dạy học thuở nhỏ là những người thật-thà mộc-mạc, chỉ biết dốc lòng tin đạo, không có bụng dạ gì khác, còn các thầy dạy bây giờ thì hiểu lẽ đạo ra nghĩa đời cả, đem phần đời lẫn với phần đạo, ông lấy thế làm trái-ngược, và tự đó cái lòng tin đạo đã thấy lay chuyển. Năm 1842, sang học trường lý-đoán ở *Issy*, để chuyên khoa triết-học, bấy giờ mới đọc sách các nhà tư-tưởng nước Đức như HEGEL, HERDER, nhân đó suy-nghĩ mà dần dần không tin về giáo-lý đạo Thiên-chúa nữa, quan-niệm về vũ-trụ cho là có một cái nguyên-lý ở bên trong tự-nhiên phát-siển ra ngoài mà thành ra thế-gian vạn-vật. Đến năm 1843 và 1844 lại sang học trường lý-đoán *Saint Sulpice*, chuyên-trị khoa bác-ngữ-học về tiếng Do-thái (*hébreu*) để khảo-cứu về sách Thánh-kinh đạo Thiên-chúa, bấy giờ mới rõ rằng sách «Thánh-kinh» (*Bible* không phải là sách thần-thánh cảm-ứng gì, lấy chứng-cớ về lịch-sử phụ thêm cho chứng-cớ về triết-học mà bày tỏ rằng sách ấy chẳng qua cũng là một bộ cổ-thư như các bộ cổ-thư khác mà thôi, bèn quyết bỏ cái chí đi tu tự bấy giờ (năm 1845). Mấy năm đó là hồi tâm-trí khủng-hoảng, băn-khoăn đau-đớn, nhờ được chị phù-trì khuyên-nhủ cho, bấy giờ mới quyết thoát-ly hẳn sự cảm dỗ rất mạnh của đạo-giáo.

Bỏ trường đạo ra, bèn đi dạy học tư, vào ở trọ một nơi nọ gặp được một người kém mình bốn tuổi tên là BERTHELOT, liền thấy thanh-khí bên nhau, rồi từ đó thành một đôi bạn chí thân chí-thiết cho đến già. Trong khi đương tổ-chức tư-tưởng, gặp được người bạn đó, thật là định được cái chí-hướng của mình. BERTHELOT là một nhà khoa-học, bày tỏ cho ông biết cái thế-giới vật-lý, còn bao-quát rộng hơn cái phạm-vi của ngữ-ngôn lịch-sử nhiều, lại đích-xác hơn là cõi thuần-lý mơ-màng của các nhà triết-học Đức. Ông bạn dạy cho ông biết tin ở khoa-học thực-nghiệm để khám-phá được chân-lý cùng cải-hóa được các xã-hội loài người. Bấy giờ mới định một mục-

đích mới cho đời mình, dựng một cái tôn-giáo mới để phụng sự. Nhất-diện vẫn chuyên-trị khoa bác-ngữ-học như khi còn ở trường lý-đoán và soạn một bộ sách «Tổng-sử về các thứ tiếng thuộc loại Do-thái» (*Histoire générale des langues sémitiques*), nhất-diện thì hằng ngày đàm-luận với BERTHELOT mà gây lên một nền triết-học dung-hòa được cả kết-quả sự học riêng của mình với các lý-thuyết đã ảnh-hưởng đến tư-tưởng mình. Sách «Tổng-sử về các thứ tiếng thuộc loại Do-thái» năm 1848 đệ trình hội Hàn-lâm khảo-cổ, tự đó nổi danh là nhà Đông-phương ngữ-học. Sách này tiêm-nhiễm-triết-học nước Đức nhiều, lấy sự nghiên-cứu về ngữ-ngôn làm một phương-pháp để khám-phá tâm-lí của người Do-thái. Còn như tư-tưởng chung của ông về thế-giới cùng về nhân-loại, thì cuối năm 1848 đầu năm 1849, ông có viết thành một quyển sách mãi đến năm 1890 mới xuất-bản, sách đề là «Tương-lai của khoa-học» (*L'avenir de la science*). Sách này có vẻ tùng-tạp mà rất nhiều tư-tưởng, ngoài những thuyết cải-cách xã-hội là do ông chịu ảnh-hưởng cuộc Cách-mệnh năm 1848 mà xướng lên, rồi về sau cũng bỏ đi không theo nữa, còn toàn là giải-thích về cái chương trình nghiên-cứu về lịch-sử tôn-giáo của ông định theo đuổi suốt đời, cùng phô-diễn những lý-thuyết về triết-học làm nền-tảng cho tư-tưởng ông về sau này. Theo cái thuyết trong sách «Tương-lai của khoa-học», thì vũ-trụ không phải là công-trình của một đấng sáng-tạo gọi là Thượng-đế hay Thiên-chúa gì, đứng ngoài thế-giới mà định qui-mô phép-tắc cho thế-giới; vũ-trụ là biến-hóa luôn luôn, do một cái nguyên-lý bên trong mà tự-nhiên phát-siển ra vô-cùng. Vậy thì khoa thần-học của đạo Cơ-đốc là sai-lầm, phải lấy triết-học của HEGEL thay vào; theo triết-học đó thì sự tiến-hóa trong vũ-trụ quả có mỗi ngày mỗi hơn, mỗi ngày thực-hiện được thêm cái lý tưởng trong loài người, khiến cho người ta biết tư-tưởng, biết đạo-lý, biết ham-mê những cái đích vô-tư-kỷ, biết nhiệt-thành theo đuổi lẽ phải cùng điều thiện. Dốc lòng mà theo đuổi lý-tưởng, đó là cái phần tôn-giáo thiên-niên bất-diệt của loài người, còn những đạo-giáo đặc-biệt, đạo nào có tôn-chỉ của đạo ấy, đạo nào có giới-hạn của đạo ấy, sớm trưa tất có ngày phải tiêu-diệt.

Mục-đích của triết-học là gì? Là xét lẽ tiến-hóa trong vũ-trụ cùng trong loài người. Muốn xét như thế thì không thể tư-niệm một cách trừu-tượng được, chỉ có thể khảo-sát bằng các khoa-học thực-nghiệm, như lý-học, hóa-học, bác-vật-học, ngữ-ngôn-học, thần-thoại-học (*mythologie*). Đó chính là cái đặc-sắc trong triết-học của RENAN: là đem cái thuần-lý-học của HEGEL mà điều-hòa với khoa-học thực-nghiệm đời nay, phần thực-nghiệm đó chính là phần ông sở-đắc ở bạn là BERTHELOT và ở sự nghiên-cứu riêng của mình về khoa bác-ngữ-học (*philologie*). Người tu-hành về đạo là người bỏ cả phần đời phần xác mà thờ một cái tôn-giáo cao-siêu; vậy thì người học-giả tận-tụy một đời để theo đuổi về khoa-học và triết-học, cũng chẳng khác gì người tu-hành, và sự học-vấn tư-tưởng cũng tức là một tôn-giáo cao-siêu. Cầu-nguyện tinh-thần, cầu-nguyện chân-lý, cũng chẳng khác gì cầu-nguyện Thần Phật, cầu-nguyện Thượng-đế. Người có tư-tưởng mới là người biết cầu-nguyện chân-chính. Nhà khoa-học triết-học là hạng thượng-lưu trí-thức trong loài người, cũng phải coi mình như kẻ giáo-sĩ, ra tay mà nâng cao trình-độ công-chúng cho tới mình, khiến cho cũng được tham-dự vào cuộc đời cao-thượng là cõi lý-

tưởng vậy. Muốn biến-hóa các xã hội, phải nhờ đến công khoa-học. Vạn-vật lưu-chuyển luôn, thì muốn biết loài người phải biết loài người tiến-hóa ra làm sao, phải biết lịch-sử của loài người; nay sự tiến-hóa của loài người cũng như sự tiến-hóa của vạn vật, là do một cái sức mạnh tự-nhiên gây nên, vậy thì đối với nhà sử-học, không có sự nghiên cứu nào quan-trọng bằng xét về lịch-sử các tôn-giáo, và trong lịch-sử tôn-giáo không có phần nào quan-trọng bằng lịch-sử cổi-rễ của tôn-giáo; vì không có đâu nghiệm được rõ cái sức sáng-tạo tự-nhiên của vũ-trụ bằng ở đó. Trong lịch-sử loài người, việc quan-trọng nhất về đường tinh thần là việc sáng-tạo ra đạo Cơ-đốc, đạo này tuy lấy khoa-học mà xét không khỏi có điều sai lầm, lấy tôn-chỉ mà xét không khỏi có điều biền-hiệp, nhưng thực đã có công tuyên-bố được nhiều điều đạo-lý thiên-niên bất-dịch. Bởi các lẽ đó nên RENAN có câu nói rằng: « Quyển sách quan-trọng nhất về thế-kỷ thứ 19 phải đề nhan là: Phê-bình khảo-sát về cổi-rễ đạo Cơ-đốc. »

Cuối năm 1849, RENAN được Chính-phủ cử đi khảo-cứu ở Ý-đại-lợi; ông ở đó tám tháng. Cuộc du-lịch này có ảnh-hưởng đến thần-trí ông nhiều lắm, sẽ dao-động đến tâm-lý ông cũng mạnh bằng mấy năm trước hồi quyết chí bỏ đạo Gia-tô vậy. Ông ở Ý-đại-lợi nghiên-cứu những kiệt-tác của mĩ-thuật cổ-kim, bấy giờ mới hiểu mĩ-thuật có một địa-vị to ở trong đời người, và từ đó trong tâm-trí ông, ngoài cái quan-niệm về đạo-đức, về chính-lý của nhà triết-học, nhà khoa-học, lại nảy ra cái trí tưởng-tượng, cái tài hoa-mĩ của nhà mĩ-thuật nữa. Mục-kích những sự chính-biến trong nước đã lấy làm thất-vọng rồi, lại du-lịch mà biết rằng xã-hội loài người mỗi nơi một khác, nên bao nhiêu những cái mơ-mộng bình-đẳng dân-chủ, cái chí muốn cải-tạo cho nhân-loại thế-giới, bấy giờ nguội lạnh cả. Ông nghiệm ra mà biết rằng các vấn-đề xã-hội rất là phiền-phức, những kế-hoạch mưu-tính để giải-quyết cùng những ý-kiến chủ-trương xướng-suất, đều không có gì là chắc-bằng tuyệt-đối cả. Tự bấy giờ thì các tư-tưởng cảm-tình của ông rất là phong-phú mà lại có thống-hệ, gây thành cho ông một cái hoàn cảnh tâm-lý rất có phong-vận. Cái nhân-cách đặc-biệt của ông là định hẳn tự đó, rất điều-hòa, rất mầu-nhiệm, dù sau này có vì sự cảm xúc bên ngoài mà lòng tin tưởng hay sự khuynh-hướng hoặc cũng thay đổi đi một đôi chút, nhưng cái mô-dạng tinh-thần của ông, cái kiểu-cách tư-tưởng của ông, rồi đại-khái cũng đại đồng tiểu-dị như vậy, chứ không có đổi khác đi nữa.

Năm 1850, ông được vào làm ở nhà « Quốc-gia đồ-thư viện » (*Bibliothèque nationale*). Từ năm ấy cho đến năm 1856, ông ở với chị, vẫn nghiên-cứu về khoa bác-ngữ-học và lịch-sử tôn giáo. Năm 1852 xuất-bản sách « AVERRÖES cùng chủ nghĩa của AVERRÖES » (*Averröes et l'averroïsme*). AVERRÖES là một nhà làm thuốc người Ả-rập (*Arabe*) sinh-trưởng ở Tây-ban-nha về thế-kỷ thứ 11, xướng lên những lý-thuyết đã hơi tương-tự với lý-thuyết của khoa-học đời nay, nhưng bị Giáo-hội Gia-tô bác là không hợp với lẽ đạo, nên không thể phát-siển ra được. Sách này là chủ-ý chứng rằng cái thuyết đạo chính với đạo tà của Giáo-hội đã làm ngăn-trở cho khoa-học triết-học không nảy nở ra được.

Sách « Tổng-sử các tiếng nói về loại Do-thái » xuất-bản năm 1855, thì năm sau ông được bầu vào hội Hàn lâm khảo cổ (*Académie des Inscriptions et Belles-Lettres*). Đồng-thời lại viết nhiều bài luận-thuyết khảo-cứu trong « Thanh-nghị nhật-báo » (*Journal des Débats*) và « Tạp-chí hai

thế-giới » (*Revue des Deux mondes*); các bài đó rồi sưu-tập thành sách đề là « Nghiên-cứu về lịch-sử tôn-giáo » (*Etudes d'histoire religieuse*) xuất bản năm 1857, và « Luận-thuyết về luân-lý cùng phê bình » (*Essais de morale et de critique*), xuất-bản năm 1859. Xem các bài đó thì rõ cái chí của tác-giả châu-tuần về đạo-đức cùng mĩ-thuật. Cái phương pháp sử học của ông cũng đại-khái bày tỏ ra đó, phương-pháp ấy có thể tóm lại như thế này: Ông lấy cái tư-cách nhà khảo-cứu mà nghiên-cứu kỹ các sách-vở, rồi đứng cao lên mà cai quát cả cái ý-nghĩa, cái triết lý một thời-đại hay một phong-trào mình nghiên-cứu; xong rồi lấy ngọn bút thanh-tao hoa-mĩ mà hình-dung tả-mạc ra để cảm đến tính-tình tưởng-tượng của người ta. Các bài luận-thuyết nghiên-cứu đó đều có đặc-sắc về văn-chương cả. Bà chị thường khuyên em làm văn nên cốt lấy giản-dị, nhờ đó mà giọng văn của ông vừa có vẻ nghiêm-trang, vừa có vẻ thanh-thú. Đối với tình trạng chính-trị xã-hội nước Pháp hồi bấy giờ, ông vẫn để ý xem-xét, và lời phán-đoán không khỏi có ý nghiêm-khắc: ông thấy khắp trong xã-hội đâu đâu cũng chỉ theo đuổi về đường công-lợi, trong đám bình-dân cũng như trong hàng thượng-lưu, không đâu là thấy có lòng đạo-đức cao-thượng cả.

Năm 1856 ông kết-hôn với cô SCHEFFER là cháu gái nhà hội-họa ARY SCHEFFER. Cô là một người thông-minh đĩnh-ngộ, đã dạy cho ông biết đem con mắt tự-nhiên mà xem cảnh vật của trời đất. Có người đã nói rằng nhờ cô đánh thức được cái hồn thơ nó còn đương mơ-màng ở trong tâm-trí nhà bác-học, nhà tư-tưởng. Cuộc hôn-nhân đó làm cho ông nhập-tịch vào làng mĩ-thuật, và có ảnh-hưởng sâu đến tâm-lý ông; có người nói nhờ đó mà nhà bác học đã làm bộ « Tòng-sử các thứ tiếng Do-thái », sẽ trở nên nhà văn-học tuyệt-luân, viết ra bộ sách « Đời đức Gia-tô » (*Vie de Jésus*) sau này. Văn của ông từ nay lại có cái vẻ thanh-tân đẹp-đẽ hơn trước nữa. Lúc đó giữa là lúc tài-học đương phát-đạt dồi-dào, mới bắt đầu làm cái công-trình lớn-lao nhất một đời, phải đến 20 năm mới hoàn-thành, là sách « Cỗi-rễ đạo Cơ-đốc » (*Origines du christianisme*). Quyển thứ nhất trong bộ này là quyển « Đời đức Gia-tô », ông soạn trong khi được Nhà-nước cử đi khảo-cổ ở đất *Phenicie* hồi năm 1860-1861. Sách ấy sáng-nghĩ ra ở đất *Galilée*, giữa nơi phong-cảnh mà thuở xưa đức Gia-tô đã mục-kích; khi viết thành sách thì vẫn có bà chị bên cạnh, bà có đi cùng với ông trong cuộc du-lịch này, giữa khi ở *Amschit* ngày 24 tháng 9 năm 1861 thì bà bị cảm sốt rét mà tạ-thế. Ông lấy làm cảm-thương vô-cùng, có làm một cuốn sách để kỷ-niệm chị đề là « Chị HENRIETTE của tôi » (*Ma sœur Henriette*). Sách này trước chỉ in có một trăm cuốn thôi, sau khi ông mất rồi mới đem công-bố cho thiên-hạ. Tình thâm nghĩa nặng, ý-tứ thiết-tha cao-thượng, mà lời văn lại bóng-bẩy thanh-tao, lâm li ai-oán, sách này có thể cho là nền văn-chương tuyệt-bút của ông. Khi ở *Phénicie* về, tháng giêng năm 1862 được bổ giáo-thụ khoa bác-ngữ về tiếng Do-thái ở trường đại-học *Collège de France*. Nhưng ngày bài giảng đầu của ông, nhân ông giảng đức Gia-tô là một « nhân-vật tuyệt-luân » (*un homme incomparable*), vừa phái Giáo-hội, vừa phái phản-đối Giáo-hội, đều nổi lên nhao-nhao công kích ông, hôm ấy là ngày 21 tháng 2 năm 1862; vì đó lớp học phải đình không giảng được nữa, cách hai năm sau thì bãi hẳn. Trung-gian xuất-bản sách « Đời đức Gia-tô », giữa ngày 23 tháng 6 năm 1863, là một ngày đáng kỷ-niệm, vì tự đó danh-giá ông lừng-lẫy khắp Âu-châu. Từ xưa đến giờ chưa ai dám

đem đức Gia-tô mà khảo-cứu như một nhân-vật về lịch-sử, bằng-cứ ở các sách cũ, khôi-phục lại cái hoàn-cảnh đời bấy giờ cùng hình-dung tả-mạc về thái-độ cùng nhân-cách của ông tổ đạo Cơ-đốc; nay mới có quyển sách này là đầu, mà sách có một cái vẻ thơ tuyệt thú. Tác-giả vừa lấy tư-cách nhà tâm-lý, nhà mĩ-thuật mà tả đức Gia-tô là người một thời một xứ đặc-biệt, lại vừa lấy tư-cách nhà triết-học mà giải-thích cái phần nghĩa-lý cao-thâm trong đạo của Ngài. Trong quyển thứ nhì thuộc về bộ « Cỗi-rễ đạo Cơ-đốc », đề là « Các thánh Tông-đồ » (*Les Apôtres*), xuất-bản năm 1866, tác-giả giải-thích về sự tin đức Gia-tô phục-sinh, cho rằng lòng tin đó là ở bụng quá yêu quá mến mà ra. Quyển thứ ba nói về « Thánh Bảo-lộc » (*Saint Paul*), trước khi soạn xong tác-giả lại đi sang Đông-phương một lần nữa vào khoảng năm 1861-1865, để thăm những nơi Tông-đồ Bảo-lộc đã đi qua thuở xưa; trong sách này ông phân-tích rõ về tình-trạng xã-hội tinh-thần của La-mã đế-quốc đời bấy giờ và về tính-cách cùng tâm-lý của thánh Bảo-lộc, để chứng rằng chính Bảo-lộc là một nhà thực-hành, đã làm cho cái đạo của đức Giz-tô mộng-tưởng có thể sống được, và vì có lòng tín hăng-hái cho nên vừa thắng được cái lòng câu-nệ về lễ-nghi của người Do-thái có thể làm ngăn-trở cho đạo mới không tiến-hành được, lại vừa thắng được cái lòng hoài-nghi lãnh-đạm của các dân « ngoại-đạo » (*païens*), vẫn nhờ Đế-quốc La-mã cai-trị mà được hưởng sự yên-ổn cùng sự sung-túc về đường vật-chất, nhưng về đường tinh-thần thì cái tôn-giáo « đa-thần » (*polythéisme*) của họ không thể làm cho thỏa lòng tin-tưởng được. Trong sách đó tác-giả lại bày rõ cái cảnh xung-đột của hai cách quan-niệm về đời người; cách quan-niệm mới của đạo Cơ-đốc sắp truyền-bá ra khắp Âu-châu thì trọng về đạo-đức tôn giáo, mà cách quan-niệm cũ của Hi-lạp truyền cho La-mã từ trước thì thuần trọng về một phương-diện mĩ-thuật mà thôi.

Năm 1869, RENAN đã soạn xong và đã xuất-bản quyển « Thánh Bảo-lộc » rồi, ra ứng-cử nghị-viên vào hạt *Seine-et Marne*, đứng về đảng tự-do phản-đối với Chính-phủ, nhưng không được trúng-cử. Hai năm sau, thì xảy việc chiến-tranh Pháp-Phổ và việc loạn *Commune*, làm chuyển-động cả tư-tưởng của ông cũng như hồi chính-biến năm 1848 vậy. Bấy giờ ông mới hiểu biết rằng đời hãy còn xa cõi đạo-lý lắm, và những dân-tộc thiên-hạ cho là rất văn-minh, dù là dân Đức hay dân Pháp mặc lòng, vẫn chưa thoát khỏi vòng cuồng-dại dã-man, và gặp lúc chiến-tranh thì phô-bày ra rõ-rệt cả. Nghiệm thấy cái tâm-lý của loài người còn khuyết điểm nhiều như vậy, ông ngờ rằng sự tiến-bộ không biết có phải là một sự mơ-tưởng không. Bấy giờ ông mới dinh việc nghiên-cứu về lịch-sử tôn-giáo, mà viết một pho sách về thời-sự đề là « Cải-cách về tri-thức cùng tinh-thần » (*Réforme intellectuelle et morale*) xuất-bản năm 1872, và một pho nữa đề là « Triết-học vấn-đáp » (*Dialogues philosophiques*), viết từ năm 1871, nhưng năm năm sau mới xuất-bản. Sách trên là sách ông bày một cái chương-trình cải-tạo xã-hội, sách dưới là sách ông sát-hạch lại cái tư-tưởng triết-lý của ông. Trong sách « Cải-cách về tri-thức tinh-thần », ông bác cái chế-độ dân-chủ phát-sinh từ cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp, lấy việc chiến-tranh và việc nội-loạn vừa qua mà chứng rằng cái chế-độ ấy sai-lầm tệ-hại; ông tổ-chức lại nước Pháp theo cái chế-độ quí-tộc (*type aristocratique*), đặt cho đứng đầu trong nước một

hàng thượng-lưu trí-thức, đủ có địa-vị cao-quí để không cần phải mưu sự tư-lợi, mà đứng chủ-trương đốc-suất hết thảy, cầm cân nảy mực cho quốc-dân. Đó là một điều ông đã mộng-tưởng tự năm 1848, muốn lấy kẻ thượng-lưu về đường trí-thức đạo-đức ra cầm quyền chủ-động cho quốc-gia, mộng ấy nay ông lại phục-hồi lại và mong cho có thể thực-hành được. Trong sách « Triết-học vấn-đáp », cũng lại bày tỏ những sự tin-tưởng của ông đã phát-khởi ra từ hồi viết sách « Tương-lai của khoa-học » : như tin rằng duy có khoa-học mới biết được chân-lý ; ở đời không có sự gì là siêu-việt ra ngoài vòng vật-lý ; cứu-cánh của vũ-trụ là cõi lý-tưởng, bằng ngày vẫn đạt cho tới, do một cái lẽ tất-nhiên thuộc về tâm-lý; người ta cũng tham-dự vào cái công tiến-hóa của vũ-trụ, bằng khoa-học, bằng đạo-đức, bằng mĩ-thuật, nghĩa là bằng sự gắng-gỏi vô-tư-kỷ để đạt tới cõi lý-tưởng. Nhưng RENAN ngày nay đã có ý hoài-nghi hơn trước, nên thiết-tha nói rằng phàm sự tri-thức của người ta là cũng không lấy gì làm chắc-bằng cả, và trong công-phu tiến-hành cho đạt cõi lý-tưởng thật là lắm nỗi khó-khăn ngăn-trở, lắm sự thất-bại rủi-ro. Ông ngờ rằng không biết sự chính-lý công-nghĩa có bao giờ thực-hiện được ra trên mặt địa-cầu này không, và cái công-phu của bọn thượng-lưu có lẽ chỉ dùng tài-trí mình để ngăn-cấm cho bọn hạ-lưu nó khỏi quấy-hại đến mình, dùng cách kiềm-chế cho phải thiếp-phục vậy. Trong sách « Triết-học vấn-đáp » này không có cái lý-thuyết gì là mới-mẻ, toàn là những tư-tưởng cũ của ông từ trước mà đem ứng-dụng ra một cách mới, có khi cố-ý trái lại với lẽ thường ; lại cái trật-tự trong tư-tưởng cũng chuyển-di thay đổi đi, như cái tư-tưởng hoài-nghi, cái tư-tưởng bi-quan của ông thì trước kia còn ngấm-ngầm chưa biểu-lộ ra, mà nay thật là phát-biểu ra rõ-rệt vậy.

Quyển thứ tư trong bộ « Cội-rễ đạo Cơ-đốc », đề là « Phản Cơ-đốc » (*L'Antéchrist*), thì đã thấy có dấu vết cái lòng yếm-thế của ông hồi bấy giờ. Sách này không còn cái vẻ bình-tĩnh thanh-thản như mấy quyển trước về « Các thánh Tông đồ » hay « Thánh Bảo-lộc » nữa. Trong sách này tác-giả thuật về sự xung-đột đạo Cơ đốc với văn-hóa cổ La-Hi, một bên là tín-ngưỡng, là đạo-đức, là luân-lý, một bên là mĩ-thuật, là cái đẹp hiển-nhiên để vui sướng cho tai mắt cùng thần-trí người ta ; một bên là thánh Bảo-lộc, một bên là vua NÉRON, (tức là người tiêu-biểu cho cái phong-trào phản-đối đạo Cơ-đốc, người mà RENAN đặt cho tên là Phản-Cơ-đốc đó) ; ông thánh đạo thì mê-tín một cách hẹp-hòi, ông vua đời thì hoài-nghi mà hiểm-độc, hai cái thái-độ đó, tác-giả đều không phục cả. Ông muốn cho Thánh Bảo-lộc kia hiểu biết rằng sự tin-tưởng của loài người thật không có gì là chắc-bằng cả, và người ta đem lòng tin một sự gì một cách ngoan-ngạnh cố-chấp là sai-lầm cả. Hồi soạn sách đó ông lại đi Ý-đại-lợi một lần nữa, bấy giờ lại cảm thêm về cái thú mĩ-thuật của đất này, hiểu rằng người ta cầu lấy đạo-đức ở đời nhiều khi cũng là uổng công vô-ích, nên chủ-trì cái thuyết rằng giá-trị của cái đẹp cũng ngang bằng sự đạo-đức (*la beauté vaut la vertu*). Tuy-nhiên ông vẫn tiếp-tục cho hoàn-thành bộ sách « Cội rễ đạo Cơ-đốc ». Kế-tiếp với bộ « Phản Cơ-đốc » thì đến bộ « Giáo-hội Cơ-đốc » (*L'Eglise chrétienne*), rồi đến quyển sau cùng đề là « Vua MARC-AURÈLE » (*Marc-Aurèle*). Trong hai quyển đó tác-giả bày tỏ sự hại của một chính-phủ toàn do bọn thượng-lưu trí thức chủ-trương, vì những người cầm quyền ấy không biết đến các phong-trào u-ẩn

trong dân gian, có khi nó bành-trướng ra mà tràn ngập hết cả. Trong sách « Giáo-hội Cơ-đốc », thì nghiên-cứu về chủ-nghĩa Giác-ngộ (*Gnosticisme*), là chủ-nghĩa của một phái thần-bí tin rằng có thể trực-giác mà biết được chân-lý ; trong sách *Marc Aurèle* thì xét về công-dụng của chủ-nghĩa kiên-nhẫn (*Stoïcisme*) đối với đế-quốc La-mã thế nào. Chủ nghĩa giác-ngộ với chủ-nghĩa kiên-nhẫn, rốt cùng đều đến thất-bại cả, vì chỉ làm tôn-chỉ được cho một hạng thượng lưu mà thôi. Đến như đạo Cơ đốc thì cứu-cánh được thành-công, vì là một nền luân-lý phổ-thông có thể thích-hợp với tính-tình của mọi người. Trong mấy quyển sách này, RENAN lại càng tỏ ra lòng hoài-nghi đối với cái chủ-nghĩa độc-đoán của các tôn-giáo, cho rằng ngoài các khoa-học thực-nghiệm về vạn-vật, không có lẽ gì là đích-xác đáng tin cả. Về phương-diện xã-hội thì tư-tưởng ông bấy giờ không có vẻ bi-quan lắm như trước nữa, ông không nhất-thiết bài-xích cái chủ-nghĩa dân-chủ nữa, cho rằng chủ-nghĩa này cũng có một phần hay, vì xã-hội nếu cứ để cho một đảng bảo-thủ và một đảng tôn-giáo chủ-trương thì có lẽ lại hại cho kẻ học-vấn tư-tưởng hơn là để cho bình-dân cũng được tham-dự vào.

Trong sách «Kịch triết-lý » (*Drames philosophiques*) viết trong khoảng từ năm 1878 đến 1886, cũng thấy rõ cái thái-độ về tâm-trí đó. Ông càng từng trải sự đời thì càng rõ rằng phàm các lý-thuyết về chính-trị, về xã-hội, về triết-học, về tôn-giáo, đều là có khuyết-điểm, đều không xác-định cả; tuy-nhiên cũng biết rằng thuyết nào cũng có một phần lẽ thực, dù trái ngược nhau mặc lòng. Cho đến cách cư-xử ở đời dẫu khác nhau xa, mà xét ra không phải là cách của kẻ ngu-dại hay kẻ độc-ác, thì ông cũng cho là chánh-đáng cả. Bởi thế nên tư-tưởng ông về triết-lý, về luân-lý, về xã-hội, ông không muốn đặt thành học-thuyết có vẻ độc-đoán : ông đặt ra những nhân-vật khác nhau để tiêu-biểu những ý-kiến khác nhau, cho độc-giả tự phê-bình mà kén chọn lấy. Văn ông về hồi này khác với văn trong sách « Đời đức Gia-tô » cũng như văn sách này khác với văn sách « Tương lai của khoa-học » hồi trước ; tuy có kém cái vẻ nghiêm-trang thanh-thú, mà vẫn dịu-dàng êm-ái, giản-dị thung-dung, lại thêm có cái vẻ nhẹ nhàng bay-bổng, mà lời-lẽ càng bóng-bẩy, càng mạnh-bạo. Tiêu-biểu cho lối văn mới đó thì có bộ sách « Ký-ức về tuổi đồng-ấu và tuổi thanh-niên » (*Souvenirs d'enfance et de jeunesse*), xuất-bản năm 1883, sách này kể cũng là một áng văn-chương tuyệt-bút của ông. Năm 1879 ông được bầu vào hội Hàn-lâm Văn-học (*Académie française*) nước Pháp. Năm 1884 được cử làm quản-đốc trường Đại-học *Collège de France*, kiêm giáo thụ khoa bác-ngữ tiếng Do-thái ; khoa này hồi xưa ông đã dạy, không được bao lâu rồi bị bãi, đến năm 1870 được Chính-phủ Dân-quốc lại phục-hồi. Tự bấy giờ, thỉnh-thoảng viết một vài bài văn chơi, hoặc bài kịch triết-lý, hoặc bài luận tạp-chí, nhưng vẫn chuyên-chú sưu-tập các bi-ký bằng tiếng Do-thái cổ, để in vào bộ *Corpus*, là một bộ sách nổi danh trong học-giới về khoa bác-ngữ-học, và chính tự ông khởi-xướng lên cùng chủ trương tự năm 1868. Hồi đã 60 tuổi ông mới bắt đầu soạn bộ sách « Lịch-sử dân Do-thái » (*Histoire du peuple d'Israel*), bộ này có năm quyển dầy. Chủ-ý ông viết sách này là muốn thuật lại cái chí của các nhà « tiên-tri » (*prophètes*) đất Do-thái, từ xưa vẫn đã khao-khát gây nên một cái tôn-giáo không có giáo-điều, không có nghi-tiết, chỉ lấy sự trong-sạch trong lòng và sự ham-mê điều nghĩa làm tôn-chỉ

mà thôi. Thế là đến năm 1892, ông đã cai quát cả lịch-sử dân Do-thái mà lại trở lại thời-đại đức Gia-tô ; thế là cái công học-vấn nhất-sinh đã hoàn-thành. công ấy là muốn thuật lại cho người đời biết cái tư-tưởng đạo-đức là gốc của đạo Cơ-đốc, phôi-thai ra và phát-đạt lên thế nào. Mấy năm cuối đời ông đó, thời cái thái-độ tâm-lý ông đại-khái như thế này : Trong tâm trong trí vẫn tin rằng dù gian-nan trắc trở thế nào mặc lòng, lý-tưởng rồi cũng thực hiện trên thế-giới, và chân lý rồi cũng phải thắng được hết thảy ; song cũng lại hiểu rằng phàm các lý-thuyết về đạo-đức, xã-hội, tôn-giáo, là phân-vân phiền-phức cả, không cái nào là có tính-cách tuyệt-đối hết ; bởi thế nên đối với hết thảy, ông một lòng khoan-dung bình-thản cả, khoan-dung mà vẫn như có cái vẻ cười thầm ; cười là cười những kẻ hẹp-hòi tự-đắc, tưởng là mình đã nắm được cái chân-lý ở trong tay, muốn đem cái thủ-đoạn độc-đoán mà bắt người ta phải theo mình ; khoan là khoan với hết thảy mọi người chịu khó gắng-gỏi muốn tìm cho được lẽ phải, muốn cầu cho được điều thiện, hay muốn mong cho được hạnh-phúc nữa cũng vậy. Trong lòng ông bấy giờ bình-tĩnh thanh-thản vô-cùng, dù bệnh-tật đau-đớn, dù biết mình sắp chết cũng không hề xiêu lòng. Khi lâm-chung có câu rằng : « Tôi đã làm trọn công-việc, chết cũng vui-vẻ. Ở đời không có sự gì thường bằng sự chết. Ta nên thuận theo lẽ thường của Tạo-hóa. »

THƯỢNG CHI *biên-dịch*

Văn Ernest Renan

Qu'est-ce qu'une nation ? (1)

Une nation est une âme, un principe spirituel. Deux choses qui, à vrai dire, n'en font qu'une, constituent cette âme, ce principe spirituel. L'une est dans le passé, l'autre dans le présent. L'une est la possession en commun d'un riche legs de souvenirs ; l'autre est le consentement actuel, le désir de vivre ensemble, la volonté de continuer à faire valoir l'héritage qu'on a reçu indivis. L'homme, messieurs, ne s'improvise pas. La nation, comme l'individu, est l'aboutissant d'un long passé d'efforts, de sacrifices et de dévouements. Le culte des ancêtres est de tous le plus légitime ; les ancêtres nous ont faits ce que nous sommes. Un passé héroïque, des grands hommes, de la gloire (j'entends de la véritable), voilà le capital social sur

Thế nào gọi là một nước?

Một nước là một cái hồn, một cái mối tinh-thần. Có hai phần làm ra cái hồn ấy, cái mối tinh-thần ấy, hai phần kể cũng là một. Một phần thuộc về quá-khứ, một phần thuộc về hiện-tại. Một phần là cùng nhau có một cái gia-tài kỷ-niệm lớn ; một phần là hiện đồng lòng muốn ăn ở cùng nhau, đồng-chí muốn cùng nhau mở-mang mà hưởng-lợi cái gia-tài đã nhận được chung ấy. Các ngài phải biết rằng người ta không phải buổi hôm buổi mai mà thành được. Một nước cũng như một người, là kết-quả một cuộc quá-khứ lâu-dài những công-phu khó-khăn nhọc-nhằn mới làm nên. Thờ tổ tiên là sự thờ chánh-đáng hơn cả, vì chính tổ-tiên gây-dựng ra ta như bây giờ. Một cuộc lịch-sử vẻ vang,

---

(1) Trích một đoạn trong bài diễn-thuyết của RENAN ở trường Đại-học *Sorbonne* ngày 11 tháng 3 năm 1882. Bài này đã dịch cả toàn-văn trong *Nam-Phong* số 74 (Août 1923).

lequel on assied une idée nationale. Avoir des gloires communes dans le passé, une volonté commune dans le présent ; avoir fait de grandes choses ensemble, vouloir en faire encore, voilà les conditions essentielles pour être un peuple. On aime en proportion des sacrifices qu'on a consentis, des maux qu'on a soufferts. On aime la maison qu'on a bâtie et qu'on transmet. Le chant spartiate : « Nous sommes ce que vous fûtes ; nous serons ce que vous êtes, » est dans sa simplicité l'hymne abrégé de toute patrie.

Dans le passé, un héritage de gloire et de regrets à partager, dans l'avenir un même programme à réaliser ; avoir souffert, joui, espéré ensemble, voilà ce qui vaut mieux que des douanes communes et des frontières conformes aux idées stratégiques; voilà ce que l'on comprend malgré les diversités de race et de langue. Je disais tout à l'heure : « avoir souffert ensemble » ; oui, la souffrance en commun unit plus que la joie. En fait de souvenirs nationaux, les deuils valent mieux que les triomphes ; car ils imposent des devoirs ; ils commandent l'effort en commun.

Une nation est donc une grande solidarité, constituée par le sentiment des sacrifices qu'on a faits et de ceux qu'on est disposé à faire encore. Elle suppose un passé ; elle se résume pourtant dans le présent par un fait tangible : le consentement, le désir clairement exprimé de continuer la vie commune. L'existence d'une nation est (pardonnez-moi cette métaphore) un plébiscite de tous les jours, comme l'existence de l'individu est une affirmation perpétuelle de vie. Oh ! je le

những bậc danh-nhân hiển-hách, cái vinh dự chân-chính, đó là cái vốn chung có thể gây lên một nước. Về đời trước thì có những sự vẻ-vang chung, về bây giờ thời có một cái chí-nguyện chung ; trước đã làm nên công-nghiệp lớn, giờ còn muốn làm được thế nữa, đó là cái điều-kiện thứ nhất cho thành một dân một nước. Xưa đã càng phải thiệt-hại nhiều, càng phải chịu khổ lắm, thời nay lại càng thương yêu nhau hơn. Cái nhà tay mình xây dựng ra, tự mình truyền để lại, chắc là lòng mình yêu mến. Dân Ty-ba-đạt ngày xưa có câu hát rằng : « Xưa các anh thế nào, nay chúng tôi như thế, nay các anh thế nào, sau chúng tôi sẽ thế », tuy lời bình dị mà thật là tóm-tắt được cả bài quốc-ca của các nước vậy.

Về đời trước thời có một cái gia-tài vẻ-vang, một tấm lòng thương-tiếc cùng nhau, về sau này thời có một cái chương-trình sự-nghiệp cùng phải làm; cùng nhau sướng-khổ, cùng nhau hi-vọng, đó còn hơn là có quan-ải chung và có bờ cõi hợp với phép quân-phòng ; đó dẫu có khác giống khác tiếng cũng hiểu nhau được. Tôi vừa nói : « cùng nhau chịu khổ » ; thật thế, cái khổ chung nó làm cho người ta thân nhau hơn là sự sướng. Trong những sự kỷ-niệm chung của một nước, thời sự sầu-khổ còn hơn là sự đắc-thắng, vì có chịu khổ mới bắt buộc phải có nghĩa-vụ, mới cần đến phải gắng sức chung.

Vậy thời một nước là một cái đoàn-thể lớn, hết thảy người ta liên-lạc với nhau bởi xưa kia đã cùng nhau chịu khổ và hiện nay cũng sẵn lòng chịu khổ nữa. Một nước tất phải có lịch-sử ; song nước là gồm ở hiện tại, ở một sự thực hiển-nhiên : là sự công-nhiên đồng lòng ăn ở với nhau. Sự sinh-tồn của một nước là do quyền quốc-dân tự-quyết hằng ngày, cũng như sự sinh-tồn của mỗi người là do sức người ta quyết sống luôn luôn. Phải, tôi đã biết, cái đó

sais, cela est moins métaphysique que le droit divin, moins brutal que le droit prétendu historique. Dans l'ordre d'idées que je vous soumets, une nation n'a pas plus qu'un roi le droit de dire à une province: « Tu m'appartiens, je te prends.» Une province, pour nous, ce sont ses habitants ; si quelqu'un en cette affaire a droit d'être consulté, c'est l'habitant. Une nation n'a jamais un véritable intérêt à s'annexer ou à retenir un pays malgré lui. Le vœu des nations est, en définitive, le seul critérium légitime, celui auquel il faut toujours en revenir.

Nous avons chassé de la politique les abstractions métaphysiques et théologiques. Que reste-t-il, après cela ? Il reste l'homme, ses désirs, ses besoins. La sécession, me direz-vous, et, à la longue, l'émiettement des nations, sont la conséquence d'un système qui met ces vieux organismes à la merci de volontés souvent peu éclairées. Il est clair qu'en pareille matière aucun principe ne doit être poussé à l'excès. Les vérités de cet ordre ne sont applicables que dans leur ensemble et d'une façon très générale. Les volontés humaines changent ; mais qu'est ce qui ne change pas ici bas ? Les nations ne sont pas quelque chose d'éternel. Elles ont commencé, elles finiront. La confédération européenne, probablement, les remplacera.

Mais telle n'est pas la loi du siècle où nous vivons. A l'heure présente, l'existence des nations est bonne, nécessaire même. Leur existence est la garantie de la liberté, qui serait perdue si le monde n'avait qu'une loi et qu'un maître.

Par leurs facultés diverses, souvent opposées, les nations servent à l'œuvre commune de la civilisation, toutes apportent une note à ce grand concert de l'humanité, qui, en somme, est la plus haute réalité idéale que nous atteignions. Isolées, elles

thời không siêu-việt như cái thuyết quân-chủ chịu mệnh trời, cũng không khốc-liệt như cái thuyết về quyền lịch-sử hão-huyền. Theo cái ý tôi bàn đây, thời một nước cũng như một ông vua, không có quyền bảo một tỉnh nọ rằng : « Mày thuộc về tao, tao cướp mày. » Hỏi với ta, một tỉnh nào tức là dân tỉnh ấy, trong việc sáp-nhập, phải hỏi ý dân. Một nước muốn cố cưỡng sáp-nhập hay kiêm-tính một xứ nào, không có lợi cho mình bao giờ. Bao giờ cũng phải lấy cái chí-nguyện của quốc-dân làm tiêu-chuẩn, duy có đó mới là chính đáng.

Ta đã bài-trừ những cái lý tưởng siêu-việt thần-bí ra ngoài vòng chính-trị, thời còn lại cái gì ? Còn lại người ta, sự cần dùng, lòng dục-vọng của người ta. Các ngài nói rằng các nước cũng như các cơ-thể đã già-cỗi, mà lòng dân thời nhiều khi u-mê mờ-ám, nếu để cho cái chí-nguyện phất-phơ ấy xử việc nước thời có khi nước đến phân-lìa và dần-dần giải-tán. Phải biết rằng về những việc này không cái chủ-nghĩa gì là nên lạm-dụng quá. Lẽ phải ở đây đem ra ứng-dụng là phải cả toàn-thể, một cách đại-đề mà thôi. Nói rằng lòng người hay thay đổi ư ? Nhưng ở đời này cái gì là không thay đổi? Nước không phải là một vật vĩnh-viễn bất-diệt ; có bắt đầu rồi cũng có cùng-tận. Có lẽ một ngày kia các nước Âu-châu sẽ mất đi mà thành một cuộc liên-bang lớn.

Nhưng mà cái phép-tắc của thời-đại ta không phải như thế. Hiện nay có các nước là một sự hay, một sự cần. Có các nước thời mới giữ được quyền tự-do, nếu cả thế-giới chỉ có một pháp-luật, một ông chủ, thì không có quyền tự-do gì nữa.

Mỗi nước có những năng-lực khác nhau, nhiều khi trái nhau, nhờ đó mà các nước có thể giúp cho công-cuộc văn-minh chung ; cả loài người ví như một cuộc hòa-nhạc lớn, mỗi nước là tiếng đàn riêng trong cuộc hòa-nhạc ấy,

ont leurs parties faibles. Je me dis souvent qu'un individu qui aurait les défauts tenus chez les nations pour des qualités, qui se nourrirait de vaine gloire; qui serait à ce point jaloux, égoïste, querelleur; qui ne pourrait rien supporter sans dégainer, serait le plus insupportable des hommes. Mais toutes ces dissonances de détail disparaissent dans l'ensemble. Pauvre humanité! que tu as souffert! que d'épreuves t'attendent encore! Puisse l'esprit de sagesse te guider pour te préserver des innombrables dangers dont ta route est semée!

Je me résume, messieurs. L'homme n'est esclave ni de sa race, ni de sa langue, ni de sa religion, ni du cours des fleuves, ni de la direction des chaînes de montagnes. Une grande agrégation d'hommes, saine d'esprit et chaude de cœur, crée une conscience morale qui s'appelle une nation. Tant que cette conscience morale prouve sa force par les sacrifices qu'exige l'abdication de l'individu au profit d'une communauté, elle est légitime, elle a le droit d'exister...

và nói rút lại người ta quan-niệm về sự đời đến cái lý-tưởng nhân-loại có lẽ là tuyệt-phẩm hơn cả. Các nước rời nhau thời có phần khuyết-điểm. Tôi thường nghĩ bụng rằng có nhiều cái tính xấu của người ta mà ở nước thời coi là tính tốt, như hiếu hư-danh, như hay ghen-ghét, hay ích-kỷ, hay hiếu-chiến, hơi một tí là tuốt gươm liền, vì có một người có tính như thế thì người ấy thật không ai chịu được. Nhưng mà xét cả toàn-thể thời những sự khuyết-điểm ấy sẽ tiêu-mất đi. Ôi! nghĩ mà thương thay cho loài người đã chịu khổ bao nhiêu; đã gian-nan biết bao nhiêu! Con đường tiến-hóa của nhân-loại thật là lắm sự nguy-hiểm, chông-gai; ước gì cho biết khôn-ngoan mà tránh cho khỏi!

Thưa các ngài, tôi xin nói tóm-tắt lại mấy lời. Người ta không phải là nô-lệ giống-nòi, không phải là nô-lệ tiếng nói, không phải là nô-lệ tôn giáo, không phải là nô-lệ đường sông hướng núi. Hễ họp nhiều lại đông người, trí ngay thẳng, bụng thân-yêu, thời gây ra một cái hồn gọi là một nước. Cái hồn ấy mà đủ mạnh khiến được người ta quên mình vì nước, thì nước ấy là chánh-đáng, nước ấy có quyền được sống.....

BÔNG HOA CUỐI MÙA

(Tập học làm văn)

Tự-ngôn

Đã có « Bông hoa đầu mùa », rồi có « Bông hoa đua nở », tất cũng phải có « Bông hoa cuối mùa » vậy.

Trước khi tập « Bông hoa cuối mùa » ra đời, đã có lời truyền : Trí-đức học-xá nghỉ giảng. Lời truyền nọ không đủ khiến cho chậm bước khách đi đường trong đất Phương-thành, nhưng riêng lọt đến tai tôi là một tiếng vang động tối thiêng-liêng xúc mạnh vào tinh-thần, khiến cho mỗi khi nghe đến sinh lầm bàn-hoàn thổn-thức trong chốn cùng lòng, vì nhà học-xá T. Đ. với tôi đã có một mối cảm-tình thân-thiết, chữ quốc-ngữ với tôi đã có một mối duyên nợ thâm-trầm.

T. Đ. H. X. thôi giảng, kẻ có lòng với tương-lai nước nhà nghe qua ai cũng muốn biết vị cớ gì? Than ôi ! « Vị cớ gì ? » câu hỏi muốn trả lời mà não dạ ! — Nào có vị cớ gì xa-xôi đâu, chỉ vì không ai thích học đó mà thôi ! Học-trò thưa vắng, giảng-tập bất-thường, buổi học đến chỉ còn một thầy và một trò thì làm gì mà không bãi.

Quốc-ngữ, Hán-văn không phải là món hàng đắt giá ở giữa chốn chợ trần, thì khách đi chợ ai còn mua hỏi làm gì nữa. Kẻ bán hàng yêu trọng món hàng mình, tự coi là món quí mà buổi sớm buổi trưa rao bán chẳng người mua; ngày chiều chợ vãn, đến ngồi ôm món hàng vô-duyên nọ vào lòng mà khóc, khóc xong lủi-thủi ra về; tình cảnh cũng thương-tâm đó thay !

Kẻ thư-sinh này bấy lâu lập ra nhà học T. Đ. giảng-tập quốc-văn, hi-vọng đem tài-liệu bằng tiếng nói của nòi giống Lạc Hồng gây nên cái lâu-đài tráng-lệ uy-nghi ở giữa đất Phương-thành, làm chỗ lui tới cho các văn-nhân học-sĩ, mở ra một lối phong-nhã cao-thượng cho kẻ tử-đệ tương-lai; nay kết-quả đến cái tình-cảnh « ngày chiều chợ vãn », cùng kẻ bán hàng kia đã có khác gì nhau ! Cho mới biết chiêm bao là cảnh mộng !

T.Đ.H.X. khai-giảng năm bính-dần; nay là năm tân-vị đã trải năm năm mà trong năm năm ấy đã phải bãi đi họp lại đến ba lần. Một lần thất-bại chưa nản ; hai lần thất-bại cũng chưa nản, nay đã đến ba lần thất-bại, có nản hay không ? — Câu hỏi xin hỏi ở tương-lai. Còn nhớ khi T. Đ. H. X. nghỉ giảng lần thứ hai, ngày kỷ-niệm tiết hạ-nguyên năm mậu-thìn tôi có câu : «... Đệ trước sau vẫn nguyện làm một người tri-kỷ với quốc-văn, lòng này đã cùng với quốc-văn ước-nguyện sông núi : quản bao tháng đợi năm chờ, dám xa-xôi mặt mà thưa-thớt lòng, — thì năm nay chưa họp được, năm sau sẽ họp được, năm sau chưa họp được, năm sau nữa sẽ họp được, vì mỗi bữa sáng chiều giảng học, đối với cảnh non cao nước rộng, trong chốn bông hoa hơi gió nghe có tiếng bình văn đọc sách, lời văn giản-dị mà có nghĩa-lý thâm-trầm, nét bút đơn-sơ mà có chiều thanh-nhã, tả-mạc bức tranh tình-tình người Việt-Nam bằng tiếng quốc-âm nhà, tiếng ấy đã hàm có cái khí-vị của non sông nòi giống, cùng với cảnh thiên-nhiên nhịp-nhàng điều-độ, êm-ái vui hòa, thì như cảnh-vật phản-chiếu vào trong cõi tâm-hồn, khiến cho đệ lấy đó làm cái thú tuyệt-trần, không bao giờ cho quên bằng được. . .»(1) Lòng tôi là thế, chỉ tôi

(1) N.-P. số 135.

Người dân ba Hồi ở Tây-ninh (Nam-kỳ)

Cliché Gouvernement général

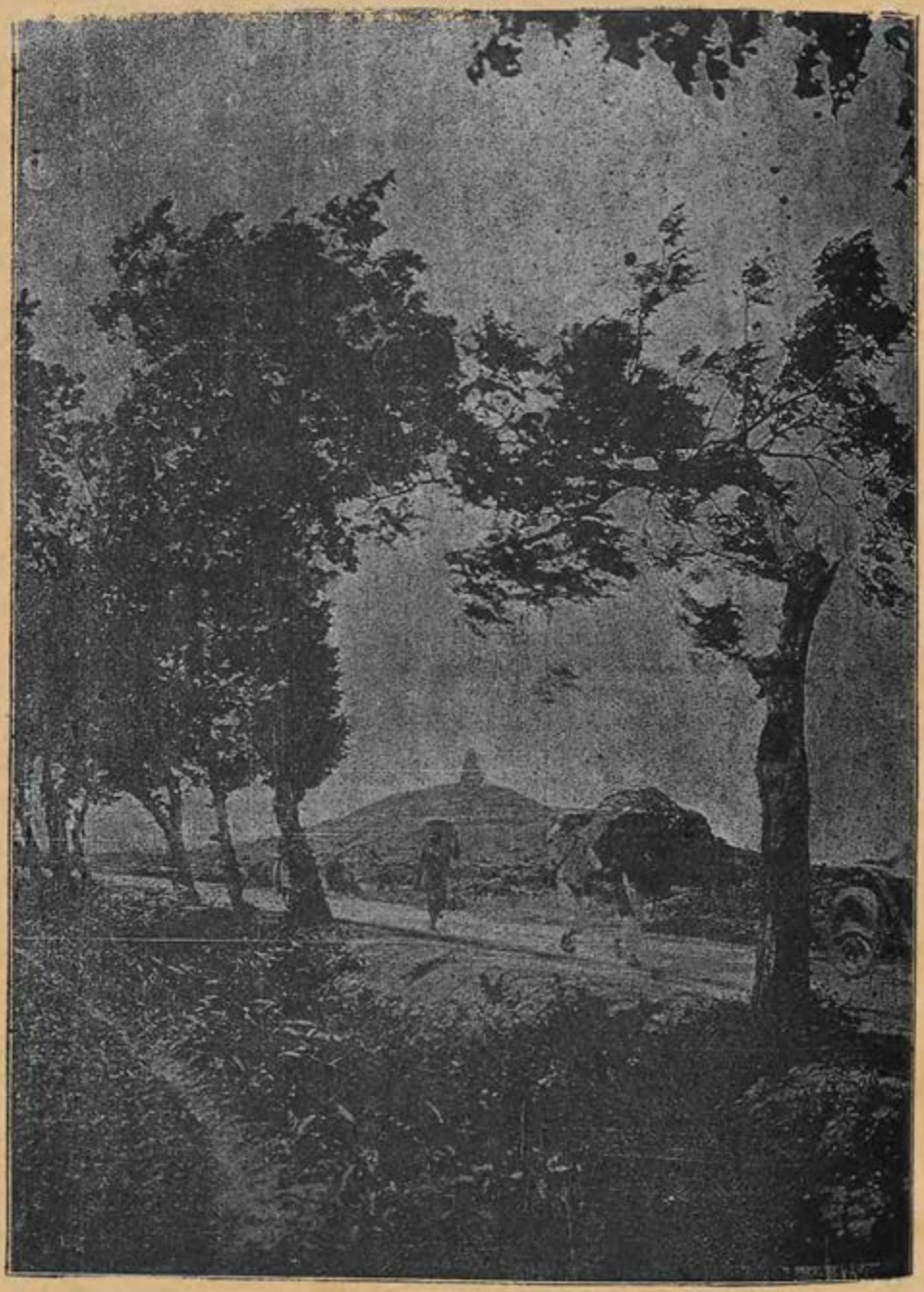

Đường từ Quảng-ngãi đi Qui-nhơn

(Trên đồi cao có cái tháp Hời)

Cliché Gouvernement général

như kia, dẫu thất-bại mà không bao giờ chán-nản. Không chán-nản mà vẫn buồn; buồn cho T. Đ. H. X. sinh không nhằm hoàn-cảnh tốt cho sự học-hành. Núi biếc hồ xanh, bãi dài biển rộng, hoàn-cảnh thiên nhiên đã rất là thích-hợp, nhưng lòng lạnh-lẽo, dạ hẳng hờ, hoàn-cảnh người khinh-bạc tầm-thường đã rất là phản-trái. Học-phong tiêu-điều, sĩ-khí vắng-vẻ thì phát-sinh sao được kẻ học-trò ham học. Ngoài cái học thi đỗ, kiếm cơm, mắt không thấy cái học nào khác nữa, mắt đã không thấy mà lại vẫn có lời hủy-báng chê cười, cho «bọn quốc-ngữ» là gàn là hủ. Đặt mình ra ngoài dư-luận, tôi vẫn thường thường khuyến-khích tưởng-lệ các phụ-huynh học-trò hãy vững tâm cho con em đến học, nhưng than ôi! «dẫu ai nói ngửa nói nghiêng. ta đây cứ vững như kiềng ba chân», hạng người ấy trần-ai đã để có mấy người, phần nhiều đều bị trào-lưu lôi cuốn cả. Nói thực thì cũng có một hạng rất ít biết suy-nghĩ, biết việc học quốc-ngữ là phải, nhưng ngoảnh về sau mưu-sinh doanh-thực nó không phải là cái lợi-khí, dẫu lòng muốn học mà chí vẫn lôi-thôi do-dự. Kẻ không biết thì bị dư-luận cười «quốc-ngữ là gàn, là hủ» mà thôi, kẻ biết thì vì thấy quốc-ngữ không phải là món đắc-dụng ở đời mưu-lợi mà cũng thôi, kẻ không biết và kẻ biết, chao ôi! nào có khác gì nhau!

Khi T. Đ. H. X. thành-lập, tôi có bài thơ thuật-hoài còn nhớ hai câu:

Muốn sang biển học ai ai đó?
Tri-đức thuyền đây đã sẵn chờ.

Tiếng gọi kia đồng-vọng, nước mây man-mác nào ai là kẻ tri-âm? Nay thì đã đến cái tình-cảnh:

Đưa sang biển học đành không khách,
Tri-đức thuyền ai luống lửng-lờ!

Muốn đưa không khách, tình-cảnh kia dễ não khách chở thuyền, muốn đạy không người, cảnh-ngộ nọ dễ buồn người giảng học. Không khách sang, thuyền buông neo, không người học, tràng đóng cửa!

. . .

Học-xá từ nay thôi giảng, học-trò tuy đã xa thầy, nhưng riêng lòng tôi đối với học-xá, đối với học-trò, tình cũ duyên xưa chưa dễ mà phai nhạt; mưa chiều gió sớm từng phen man-mác mối cảm-hoài, mây tối trăng khuya xiết bao là nỗi tình-tứ; lại khi bên án dưới đèn, tưởng nhớ đến cảnh học-tập ngày nào bút nghiên nô-nức, tử-đệ vui-vầy mà nay thì lạnh-lùng hiu-quạnh lạ thường..

Chợt buổi xuân chiều cảnh muộn, dạo lại chốn vườn xưa lối cũ, bên rào lẻ-tẻ chùm hoa còn nở cuối mùa, lẽ cố-nhiên là phải hái vớt lại để giữ lấy chút hương thừa làm kỷ-niệm, kỷ-niệm cho cái cảnh tiêu-điều buồn-bã, như tiếng con chim oanh kêu hót véo-von áo-não sắp từ-giã ngày thâm-xuân tịch-mịch.

So với đôi bông hoa trước, bông hoa này tất kém thua nhiều về vẻ kiều-diễm đậm-đà, vì là đàn em sinh sau nở muộn, nhưng gần màu thiên-nhiên, xa tay nhân-tạo, còn có phần hơn về nét thanh đạm bình-thường. Nhưng đã là tiếng kỷ-niệm, lời ngây-thơ con trẻ, thì những ai ai đọc tập văn này xin lọc bỏ cái văn mà gạn lấy cái tình cho.

Tập văn còn có ba-mươi bài, tác-giả tự-nhận là *Thanh-san văn-thảo* 青珊文草. Nhưng nay đổi lại làm «Bông hoa cuối mùa» là để đóng với hai tập văn «bông hoa» trước kia.

Lại nhân buổi «nhân tạo tiểu song» trông cái cảnh «điểm-điểm dương-hoa» mà cảm về mối «bất tri xuân khứ», hai bài thơ vừa thảo xin lục đăng dưới lời tựa này mà trên tập «Bông hoa cuối mùa» kia vậy.

1. — Nhớ các học-sinh T.Đ.H.X.

Quốc-ngữ duyên kia lỡ hẹn-hò!
Buồn duyên thêm não cảnh tiêu-sơ!
Huệ lan hoa thoảng mùi hương cũ,
Đào trúc cành lay vẻ gió xưa;
Kỷ án vắng nghe lời giảng-đọc,
Núi rừng còn nhớ cuộc nô-đùa;
Tháng ngày mưa nắng bao thay đổi,
Chỉ xiết lòng ai nỗi thần-thờ!

2. — Thấy tập « Bông hoa cuối mùa » cảm nhớ T.Đ.H.X.

Chữ Trí-đức mưa nhòa nét mực,
Mùi huệ-lan (1) gió nhạt mùi hương;
Hồn phong nhã, cảm văn-chương,
Hồ-sơn mây nước thê-lương sớm chiều.
Nhớ những nhớ ngày nào năm nọ,
Hạt quốc-văn gieo thuở ban đầu;
Trải bao nắng hạ sương thu,
Mầm non sẽ nảy, cành tơ sẽ chồi.
Rồi đến buổi ra đời nở nhị,
Giữa thành Phương hoa «Trí-đức» tươi;
Đầu mùa xuân có hoa mai,
Sớm đem hương sắc chào cười chủ-nhân.
Buổi mới dầu còn phần thưa-thớt,
Nhưng đã nhiều cốt-cách tinh-thần;
Vườn hồng tỏ mặt Đông-quân,
Bỗ công vun tưới ân-cần bấy lâu.
Bỗng bèo nước vẽ màu ly-biệt,
Cảnh hồ Đông vắng nét hoa mai;
Thôi đành tan hợp cuộc đời,
Thôi đành nước chảy hoa trôi ngậm-ngùi.
Thôi đành hãy tài-bồi lớp khác,
Hẳn cũng còn hương ngát màu tươi;
Công-trình kể biết mấy mươi,
Nắng mưa chưa dễ ăn ngồi chưa yên.
Dầu ngày tháng bao phen thay đổi,
Vẫn sớm hôm mọi nỗi ân-cần;
Hơi xuân đâu lại thấm nhuần,
Màu xuân đâu lại mười phân đậm-đà.

Vườn Trí-đức « Bông-hoa đua nở »,
Sắc hương cùng một lứa thanh-tân;
Trước sau dù có đôi lần,
Mà trong khí-vị tinh-thần khác chi.
Đã đẹp chốn hồng khoe biếc mở,
Lại đẹp trong nhị nở đài tươi;
Oanh ca én hót vui cười,
Vườn trời xuân-sắc, lòng người văn-chương.
Lòng những nghĩ xuân-quang vô tận,
Cảnh thần-tiên còn hẹn nhiều ngày;
Tương-lai còn lắm điều hay,
Cảnh hoa «quốc-ngữ» còn tươi-tốt nhiều.
Đang mong đợi bao nhiêu mộng-cảnh,
Trận gió qua chợt tỉnh mơ-màng;
Trước mành tơ liễu bay vàng,
Bẩy thềm hoa rụng bẽ-bàng xuân đi.
Kiếp hồng-tử đến kỳ linh-lạc,
Dãi màu xuân phấn lạt hương tàn,
Thuốc nào giữ được hồng-nhan,
Phương nào chữa được hoa tàn lại tươi.
Gió tung cuốn tơi-bời hoa rụng,
Ngùi trông theo cảm-động muôn vàn;
Buổi xuân nhặt cánh hoa tàn,
Tấm sầu xuân những bàn-hoàn ngẩn-ngơ!
Nao hay cảnh tiêu-sơ vắng-vẻ,
Còn chùm hoa lẻ-tẻ cuối mùa;
Yêu hoa há có hững-hờ,
Xuân chiều hoa muộn càng âu-yếm nhiều.
Hoa nọ dẫu không yêu-kiều lắm,
Lòng thơm kia riêng cảm với ai;
Dầu chăng sắc nước hương trời,
Mà hương sắc đủ vui người vô-liêu.
Hương sắc ít nhưng nhiều ý-vị,
Cùng Đông-quân chung thủy có nhau;
Có nhau trong cảnh vui sầu,
Cảnh vui hoa thịnh, cảnh sầu hoa suy,
Có cùng nhau trăng khuya mây tối,
Có cùng nhau gió núi mưa ngàn;
Có nhau thu vẫn xuân tàn.

---

(1) Kinh *Dịch* có câu : « Lời của kẻ đồng-tâm nói ra như mùi lan », mà đây thực-tế thì trước T.Đ.H.X. thường có trồng nhiều giống lan huệ.

Hơi huân ngày hạ, cơn hàn tháng đông,
Nay là cảnh thưa hồng rậm lục,
Rồi xuân không mấy lúc phối-pha ;
Rồi đây tháng lại ngày qua.
Hương thừa còn chút « bông hoa cuối mùa ».

Còn đâu nữa gió đưa mây đón,
Còn đâu là lá mởn hoa tươi;
Còn đâu sóng bãi trăng đồi,
Còn đâu khúc hát câu cười non sông.
Hội nghiên bút tao-phòng đâu nữa,
Lệ văn-chương giọt ứa cảm-hoài ;
Mịt-mù trong cõi trần-ai,
Cao-sơn lưu-thủy ai người tri âm
Hoa lan mọc âm-thầm hang tối,
Qua đường ai kẻ hỏi mùi hương ;
Liên-thành giá ngọc ai thương,
Nắm xương thiên-lý nghìn vàng ai mua
Thôi đành chịu người thua cảnh-ngộ,
Cảnh không may thực khó mà nên ;
Hồn Đại-Việt, giọng Hàn Thuyên,
Năm năm ba bận tình duyên lỡ làng !

Gác Nam-phong, ngày cuối xuân,
năm tân-vị

ĐÔNG-HỒ

∴

— Có học bằng tiếng nước nhà thì chúng ta mới vỡ trí khôn ra được

(Lời ông R. TAGORE nước Ấn-độ)

∴

— Tri-thức làm nước, đạo-đức làm phần, chất văn-học tươi-vun chồi Quốc-ngữ:

— Đông-hồ là nghiên, Tô-châu là bút, màu gió mây trang-điểm bức Phương-thành.

(Câu đối đề nhà T. Đ. H. X.)

1.- *Đầu bài* — **Tả một chị hàng hoa**

Bài làm

« Hoa huệ tươi ai mua !»
« Hoa huệ tươi ai mua ! »

Đó là tiếng rao của một chị hàng hoa bán dạo. Nghe tiếng tôi đã biết đó là tiếng chị Huệ, thường bán hoa cũng cùng một tên với chị. Có lẽ người ta thấy chị bán hoa huệ mà người ta đặt tên chị là Huệ chắc. Tôi phải mua vài cành để cắm bình ở bàn viết cho thầy tôi, nên vẫy tay gọi chị vô nhà.

Chị người không gầy lắm, mặt xương xương, nước da trắng ngăm-ngăm mà nhỏ mịn, đầu tóc không vấn kỹ mà gọn, quần áo vải mà sạch, trông rất nhũn-nhặn, tỏ ra người con nhà phong-lưu vừa sa-sút, mà ra làm cái nghề thanh-nhã nay.

Chị bưng một tràng đựng toàn là hoa huệ, hoa nào cánh ấy đã nở trắng, sắp ra la-liệt, ngan-ngát hương thơm.

Đã có lệ thường, nên khỏi mặc cả lâu, tôi lựa mua lấy hai cành tươi đẹp nhất tràng. Lấy tiền rồi chị từ-giã tôi đi ra, tôi đem hoa vào cắm bình còn văng-vẳng nghe tiếng « hoa huệ tươi ai mua ! » rao ở đầu phố.

2.— *Đầu bài.* **Nhà có khách. Tả người khách và kể lại câu chuyện**

Bài làm

Đêm rồi có khách đến chơi nhà tôi. Khách bước vào, chị tôi ra chào rồi chúng tôi cũng lần-lượt chào theo. Chị tôi mời khách ngồi ở bàn giữa. Theo công-việc thường mỗi khi nhà có khách, tôi đem trầu, rót nước ra mời khách. Chị tôi ngồi hầu chuyện với khách, còn tôi trầu nước xong, cũng đứng gần đó đợi hoặc có sai bảo.

Tôi đứng nép vào sau chị tôi, nom trộm khách và nghe câu chuyện của hai người. Khách vẫn quen với chị tôi, thường hay đến nhà chơi. Trên dưới hai-mươi tuổi, người tầm-thước, mặt tròn trán cao, vén về sau gáy còn bỏ lại hai mái tóc mai đen nhánh, che nửa cạnh thái-dương, hai con mắt sáng ma dịu, miệng hay cười cợt; cái áo dài thâm nền buông theo vóc mình mảnh-khảnh, cái quần lụa trắng đã hơi cũ như không có vẻ khoe-khoang, phủ

vừa chấm đôi guốc nhỏ sơn đen, làm ra hai vẻ tương-phản ở cái gấu quần và cạnh chiếc guốc, khắp người đều một vẻ nhũn-nhặn dịu-dàng, biểu được cái hiền-lành chân-thật.

Chị tôi sẽ hỏi khách rằng: « Anh chị và mấy cháu độ này có được vui mạnh không? »

Khách đáp: « Chúng tôi vô-sự, duy cháu bé nhà tôi hơi yếu, nhưng uống thuốc đã đỡ rồi ».

Xong những lời hàn-huyên đó thì hai người nói sang chuyện khác: những chuyện làm ăn của hai nhà, những chuyện vừa xảy ra trong làng. Khách là người thiệp, nên thỉnh-thoảng lại điểm có câu vui cười khiến cho câu chuyện thêm nhiều ý-vị.

Khách ở chơi đã hơi lâu, từ-giã xin về, chị tôi theo đưa ra đến ngoài ngõ.

3. — *Đầu bài.* — Tả một người đi ăn xin

Bài làm

Đang chú-ý vào bài luận, trong buồng học, tôi bỗng nghe tiếng kêu thương ngoài ngõ, ngẩng đầu trông ra, thấy một người ăn xin, đang đi lang-thang trên con đường cát bụi nắng chang-chang. Người gầy-gò, mặt xanh-xao, hai con mắt lờ đờ mà bực-tức, bực-tức vì số-phận; đầu đội cái nón rơm đã rách nát bày lân tóc hai màu, cây gậy tre cầm trên tay dính bùn dơ-dáy, cái áo vải rách bẩn-thỉu, bày cái ngực rặt xương, vai mang cái bị lép-kẹp vừa đi vừa kêu xin những kẻ qua đường, hai bên hàng phố.

Người ấy đi đã suốt ngày rồi mà mới được chén cơm nguội, đó cũng là may, biết đâu có khi phải nhịn đói mấy hôm luôn. Tối lại, ngủ ở chợ hoặc ở vệ đường, dẫu gặp đêm đông rét mướt cũng không có một chiếc chiếu, không có một mảnh chăn mà đắp cho ấm chút thân cô-độc...

4. — *Đầu bài* — Tả một ông cụ già thuộc về lối nhà Nho

Bài làm

Cụ đồ Lê là một ông cụ già lối nhà nho cũ. Cụ ở cùng làng với tôi, nên tôi được biết cụ lắm. Cụ người không cao mấy, đầu bạc phơ, trán cao, mắt sáng, miệng rộng, râu trắng như sợi tơ tuyết. Lúc đi đứng lúc nói-năng của cụ đều có vẻ trầm-trọng. Tính-tình cụ rất khoan-hòa, không giận ai, không ghét ai, ai nói gì cũng lấy cái cười đối lại, cụ là người có độ-lượng, biết dung-thứ cho người lầm-lỗi. Cụ không lấy giàu có làm mê lòng, chỉ cầu thân được an-nhàn, lòng được trong sạch là hơn. Cụ lại thường lấy cái cực-khổ thanh-bạch làm đức tốt. Ăn thì không cần cao-lương mỹ-vị, mặc thì không cần gấm vóc lụa là; cơm đỏ canh rau, quần bò áo vải, mà vẫn vui lòng, không oán người mà cũng không trách trời. Đối với ngày tháng buổi đời về chiều, cụ vẫn an vui thân-phận, tưởng chừng trong vũ trụ nầy không còn ai sung-sướng bằng cụ. Buồn thì ngâm thơ thưởng nguyệt, bầu rượu cuộc cờ, ngần ấy thú, cũng đủ làm vui cho cụ lắm rồi, cụ còn phải băn-khoăn lo nghĩ gì cho bận tuổi già.

5. — *Đầu bài.* — Tả cảnh sông nước Hà-tiên lối gần thành-phố

Bài làm

Đông-hồ có lối thông ra biển. Thành-phố Hà-tiên ở ngay trên khoảng giữa biển và hồ ấy.

Lấy con mắt nhà buôn-bán mà trông thì cảnh kia không khiến cho thích mắt được, vì dưới bến không có thuyền tàu tấp-nập như các bến chợ khác.

Nhưng lấy con mắt nhà làm thơ, nhà vẽ cảnh mà trông thì khúc sông

kia cũng có nhiều nét đẹp. Đối với thành-phố, bên kia sông, hai ngọn núi Tô-châu đứng liền nhau. Cho nên mỗi buổi sáng buổi chiều, trời sương mù hay trời trong lặng, bóng núi chiếu dọi xuống mặt nước, màu sắc thay đổi, có nhiều vẻ đẹp dịu-dàng.

Thường bức cảnh nước non là thế, chứ mỗi lần thay đổi nét vẽ của thợ trời, như buổi chiều hôm đàn cò trắng bay ngang làn nước biếc, hay bóng trăng khuya ngả dọi sườn non, mặt nước long-lanh châu ngọc, thì cảnh đẹp vô-cùng, không thể mà tả nói cho xiết được.

6. — *Đầu bài.* — **Tả bến đò Tô-châu sang chợ buổi sáng sớm**

Bài làm

Bông trời tờ-mờ, trên bến đò Tô-châu, chưa thấy rõ bóng người. Chỉ nghe có tiếng nói náo động ồn-ào, đó là những người bán hàng đang đợi đò để sang cho kịp buổi chợ sớm. Bông sáng dần ra, người lái đò cũng vừa đến mắc chèo sắp-sửa chở đò sang sông. Lúc bấy giờ những rổ những trảng, những rổ những thúng, cái nào cái ấy đựng đầy cả đồ ăn vặt dùng, cả mâm rau cải, bày la-liệt trên bến. Khi nghe người lái đò ra hiệu cho xuống, tiếng tranh nhau trước sau, tiếng giành nhau chỗ ngồi, rất là ồn-ào náo-nhiệt, xuống một lượt đông làm cho nghiêng lắc chiếc đò, nước ngập-nghé mạn thuyền, ai nấy kêu ầm ! . . . Một chút lâu đâu đấy ngồi yên, thì người lái đò từ-từ chèo sang sông ; bấy giờ trên bến lại lặng yên như cũ.

7. — *Đầu bài.* — **Tả cảnh chợ Hà-tiên và nói cái vẻ đặc-biệt của cảnh chợ**

Bài làm

Chợ Hà-tiên cất bằng gạch, lợp bằng ngói, không được cao rộng lắm, chỉ vừa đủ làm chỗ buôn bán cho người trong tỉnh-thành. Nhưng chợ cất trên mé nước về mặt biển nên vẫn được sạch-sẽ luôn. Chợ không làm cửa làm ngăn chi cả, để tiện cho việc sắp-đặt hàng-hóa. Trên đầu chợ là hai hàng bán rượu mát và nước đá, gần đó là hai hàng bán cơm ta và cơm tây. Vô trong một chút là hai hàng bán thịt heo và thịt bò. Chỗ nầy thì có nhiều mầu-mỡ hơn các chỗ khác. Gặp buổi chợ, người mua đông, tiếng chặt xương, tiếng bỏ cân ồn-ào, tiếng người mua người bán náo-nhiệt.

Giữa chợ, bốn góc cột là hai hàng bán rau cải và các món đồ ăn gia-vị. Hàng nầy thì duy có đàn bà con gái bán mà thôi và thường ở lại đó bán cả ngày.

Cuối chợ là hai hàng bán vải lụa, kim chỉ và bán những món nhẹ-nhàng, Trong chợ thì có hàng nầy là sạch-sẽ hơn cả, khiến cho người đi chợ ai cũng ghé vào. Đó là những hàng lớn, ngoài các hàng ấy lại còn những hàng nho-nhỏ bày ra bốn góc chợ hay là hai bên chái, bán kẹo mứt và những đồ ăn chơi.

Mỗi buổi sớm mai khi trời tạnh ráo thì chợ lại họp ở ngoài trời. Ở đây là bán những gà, vịt, cá, mắm, dưa, muối, các thức ăn dùng theo bữa. Chợ Hà-tiên một năm có họp một buổi đặc-biệt về ban đêm là đêm 29 tháng chạp, để cho người trong tỉnh đi chợ tết. Đèn đuốc nhấp-nhoáng giữa trời, bánh trái bông hoa la-liệt ; buổi chợ nầy đông vui lắm.

Chợ lúc nào cũng có người buôn bán, nhưng rộn-rịp nhất là về buổi sớm mai ; buổi trưa vắng dần đi, buổi tối mới có người đi chơi thì chợ lại hơi có vẻ náo-động.

8. — *Đầu bài.* — **Tả một chiếc thuyền buồm đang đánh cánh chạy ở cửa biển**

Bài làm

Trời rạng đông, ở gành mũi Kim-dữ có một chiếc thuyền buồm đang đánh cánh ra cửa.

Buồm xuôi nước chảy, thuyền đi như bay, trong giây phút đã ra khỏi cửa biển. Trời quang mây tạnh, bóng triêu-dương chiếu ra, mây khói sông nước, đều phản-chiếu có ánh hồng-hồng về buổi sáng... Thỉnh-thoảng một ngọn gió chắc thổi qua, cánh buồm phới nặc, sóng đập vào mũi thuyền, rồi giạt ra rẽ thành hai làn bọt trắng.

Nước càng chảy xiết, gió tây may càng thổi mạnh, chiếc buồm thẳng cánh, như con chim xòe đôi cánh bạc (1) thả trên mặt sóng, xa dần, rồi hút mất trong đám mây mù khói tỏa...

9.— *Đầu bài.*— **Tả một ngày mưa thu**

Bài làm

Ngày hạ sang thu! Về mùa thu thì mưa rả-rích suốt ngày. Ngày ấy ngày khác không dứt. Cảnh trời đất non sông đã thê-lương ảm-đạm vô-cùng!..

Cái ngày mưa thu! Cái ngày mưa thu nó mới buồn sao! Chỉ nghe ngần ấy tiếng thôi cũng đủ khiến cho người ta cảm ra một mối tình chứa-chan rồi! Kịp trông đến cảnh mới lại càng dễ não người. Gió lạnh, mây mù, mưa sa phấp-phới, lá cây ngọn cỏ lướt-mướt đầm-đìa, hạt mưa lấm-tấm động nặng trên cành như đem cái mối sầu-cảm của con người ta mà đeo gửi lên trên ấy.

Bốn bề vắng-vẻ, trong lòng vẽ ra cái cảnh buồn hiu! Đường sá bùn lầy, sân vườn tràn ngập, người qua lại vắng thưa. Thỉnh-thoảng cũng thấy có một người nón lá áo tơi, dáng bộ tất-tả vội-vàng, hẳn là có việc gì cần mới phải mạo gió dầm mưa mà đi ra như thế.

Đương trong cảnh âm-thầm như vậy, thì bỗng có tiếng gà gáy, hay tiếng chó cắn vang lên, hay tiếng chiếc xe chạy vụt qua làm động một cái rồi lại buông lặng-lẽ tiêu-điều như trước.

Gió thổi mây bay, hoa tàn lá rụng, lạnh-lùng thay mưa thu!...

Mùa trời đổi thay, mà cảnh cũng tùy mùa mà thay đổi, ai cầm xuân mãi, ai giữ hè lâu, rồi cũng phải chịu trong cảnh thu buồn đông lạnh. Nhưng cũng đừng thấy thu buồn mà sợ, hết thu đông, xuân rực-rỡ về, cứ an lòng trong cảnh lạnh buồn mà đợi buổi vui-vầy ấm-áp.

10.— *Đầu bài* — **Kể một đêm chơi trăng**

Bài làm

Đêm qua là đêm rằm, trăng tỏ lắm. Tôi cùng em gái tôi đi chơi theo dọc bờ biển. Lững-thững theo con đường quanh-co, tôi ngẩng đầu trông lên, một bầu trời trong-trẻo lặng-lẽ, lơ-lửng một vầng trăng tròn sáng, bóng sáng dịu dọi thẳng vào mặt tôi, lòng tôi thấy vui-thích lạ!

Đi mỏi thì dắt nhau ngồi ở tảng đá bên ghềnh. Tôi trông bốn bên, trên dưới đều một vẻ êm lặng, chiều non nước, nét cỏ cây đều có màu trăng điểm qua một vẻ dịu-dàng. Ngoài mặt hồ, con cá con nó đớp bọt nước làm cho gợn thành làn sóng vàng sáng lấn-tấn, bóng mặt trăng dưới đáy hồ rung động như vỡ ra từng mảnh.

Chơi thích về, khi về mà lòng còn vơ-vẩn nhớ cái cảnh vui đẹp kia mãi không quên.

11.— *Đầu bài* — **Tả cây mảng-cầu (quả na)**

Bài làm

Mảng-cầu về mùa tháng sáu tháng bảy thì có trái nhiều. Cây mảng-cầu không có gai nhưng mà cây có nhiều nhánh nhỏ. Da cây màu hơi mốc mà sần, lá cây nhỏ mà không xanh lắm. Cây có trái hơi tròn. Trái thì da xù-

(1) Miền duyên-hải Hà-tiên thường chạy thuyền hai buồm.

xi những gai to. Khi còn non thì gai khít liền nhau, lúc sắp chín thì gai nở, gọi là « nứt gai » hay « nở gai ». Cho nên muốn biết mãng-cầu đã gần chín hay chưa thì xem ở chỗ gai đã nứt hay chưa. Trong trái có nhiều tép (múi). Tép có thịt trắng gọi là cơm, nên thịt nhiều gọi là « dầy cơm ». Mỗi tép có bao một cái hạt đen mà cứng

Mãng-cầu vị ngọt mà ngon, người mình ai cũng ưa ăn, nên vườn nào cũng thấy có trồng giống cây ấy ít nhiều.

12. — *Đầu bài.* — **Tả một bụi trúc và nói cái tính-cách, cái công-dụng của giống cây ấy**

Bài làm

Trước nhà học-xá tôi có trồng nhiều bụi trúc. Trúc là một giống cây không bông không trái gì cả. Nghe thầy tôi nói hoặc trong năm sáu chục năm một trăm năm cũng mới có trái một lần, nhưng đó là thuộc về chuyện bất-thường. Dẫu không hoa không quả như các giống cây khác, nhưng trúc là một giống cây đẹp lắm, đẹp từ cái cành đến cái lá. Nhưng trong nét đẹp có hàm cái vẻ buồn. Ai có từng trông cái cảnh gió lướt bờ tre ở chốn thôn-quê về buổi chiều hiu-hắt thì đều phải nhận là trong cái cảnh la-lả theo chiều gió, lả đổ ngả-ngà có cái vẻ buồn riêng của giống Nam-Việt.

Trúc có bụi, cây ấy cây khác chen-chúc sâm-si nhau, trông xanh tốt um-tùm, và mạnh đẹp lắm. Trúc mới sinh mầm gọi là măng, dần lớn lên tròn mà thẳng, lòng hồng, thỉnh-thoảng có đốt cứng, các cành lá do ở đốt ấy mà chồi ra. Cành lại cũng có đốt nhỏ, lá thì như lá lúa mà rộng và vắn hơn.

Bụi trúc, khi trời êm lặng thì đứng thẳng yên, trông không đẹp bằng lúc có gió nhẹ hay có trăng sáng. Gặp khi gió nhẹ thoảng qua thì lướt-thướt la-đà trông cũng đã đẹp rồi, nhưng gặp khi có trăng sáng chiếu đọi vào thêm vẻ dịu-dàng thì lại càng đẹp lắm. Lúc có cơn gió mạnh thì cây trúc hình như lựa theo chiều gió mà lay động. Gió đặt giống xô biết bao chiều nghiêng-ngửa, nhưng không bao giờ làm cho hư gẫy được. Lòng hồng không bẩn bụi nhơ, tiết cứng không dẻ uốn gẫy, vì thế mà cây trúc là biểu-hiệu cho người quân-tử vậy.

Trúc là một thứ cây cần cho người mình lắm, trúc lớn thì dùng để cất nhà, trúc non thì dùng để chẻ lạt; trúc chẻ ra nan để đan thúng đan rổ dựng đồ được nhẹ-nhàng và sạch-sẽ; lá trúc để cho súc-vật ăn, rễ trúc để làm bàn chải. Măng trúc là món đồ ăn thanh-đạm trong thực-phẩm Việt-Nam.

13. — *Đầu bài* — **Trò có đứa em bé. Trò thấy ai đưa hát cho nó ngủ thế nào?**

Bài làm

Tôi có một đứa em gái bé. Năm nay đã hai tuổi. Mẹ tôi yêu nó lắm, nên không để cho ai đưa nó cả. Tự mẹ tôi dỗ cho nó ngủ mà thôi. Thường ngày mẹ tôi hay đưa hát nó trên cái võng con treo ở sau nhà. Tiếng đưa đi đưa lại cót-két của cái võng với tiếng hát nhịp-nhàng của mẹ tôi khiến cho em tôi phải ngủ say. Thấy em tôi đã ngủ thì mẹ tôi nín hát. Tiếng hát của mẹ tôi đã nín mà tiếng võng vẫn cót-két đưa mãi. Có khi mẹ tôi sai lấy chăn đắp cho em tôi. Động như thế thì em tôi khóc rú lên, làm cho tiếng hát của mẹ tôi lúc ấy, lại cất lên như cũ...

14. — *Đầu bài* — **Kể lại một đêm xem hát**

Bài làm

Một đêm tôi có đi xem hát tuồng Tuồng thuộc về lịch-sử nước nhà rất có ý-vị. Tuồng đã hay, diễn lại khéo,

khiến cho người xem phải cảm-động, cho nên dầu xem đã lâu ngày mà tôi vẫn còn nhớ như mới hôm qua. Tuồng diễn về hai bà Trưng sau khi thua Mã Viện ở hồ Tây, rồi hai chị em về tự-tử ở sông Hát-giang.

Chập tối trong rạp hát người đi coi đông chật cả, tiếng nói ồn-ào, vô ra tấp-nập.

Trên sân khấu, màn-trướng rực-rỡ, đèn đuốc sáng choang, người đi coi ai nấy đều để mắt nhìn vào đó, như có ý nóng-nảy vì trò diễn chậm. Khi các chỗ ngồi chật cả, bấy giờ tuồng mới bắt đầu diễn. Thoạt tiên diễn cảnh chiến-trường ở Tây-hồ, hai chị em bà Trưng chống lại với quân Mã Viện rất hăng. Sau vì thế non binh ít mà khách quần-thoa không thắng nổi sức anh-hùng, đành phải lui về sông Hát-giang. Đến đấy thì tiếng quân Tàu đuổi theo rất gấp, đường cùng sức hết, hai chị em đành phải tạ trời đất, tạ non sông, thương khóc khúc đau lòng mất nước, rồi ôm nhau mà gieo mình xuống dòng nước

Lúc này chính là lúc cảm-động nhất trong trò. Hai người đào đóng vai hai chị em bà Trưng rất tài, dáng-dấp hình-dung, lời than tiếng khóc, mỗi một tiếng mỗi một điệu là khiến cho người xem phải rỏ lệ rơi châu, tưởng như mình đứng trước tấn thảm-kịch trên sông Hát giang ở hai nghìn năm về trước. Khi vãn tuồng ra về ai nấy đều có vẻ ngậm-ngùi.

15. — *Đầu bài.* — Kể lại một buổi đi câu cá

Bài làm

Một hôm trời chiều mát-mẻ, tôi và vài chị em bạn học rủ nhau ra bờ hồ câu cá.

Lúc tôi đi thì sắp sửa cần câu và mồi. Cần là một cây trúc nhỏ dài và dịu. Mồi thì bằng cá nhỏ hay tôm bẻ. Cũng có người lấy giun đất làm mồi, nhưng tính tôi gớm giun lắm. Ngoài hai món ấy, lại còn đem theo cái rổ để đựng cá. Đi một chút đã tới bờ hồ, tìm chỗ bóng mát cỏ sạch cùng ngồi. Móc mồi vào lưỡi câu thả xuống nước, cầm cần đợi, đợi thật lâu cũng chưa thấy gì, lòng sinh nản đã toan thôi; chợt một cái, thấy giây câu động-đậy, quả tim tôi đập mạnh, bụng chắc là cá cắn hẳn rồi, dần-dần thấy đầu cần câu hơi nặng trĩu, biết là cá đã nuốt mồi. Vội-vàng tay giựt thật mau, con cá đã theo dây mà lên bờ. Níu giây vào, gỡ cá bỏ vào rổ, rồi lại móc mồi câu nữa, cứ như thế đến chiều tối mới ra về, thì đã được cá một số nhiều.

16. — *Đầu bài.* — Sắp thi Sơ-học yếu-lược. Nói cảm-tưởng đối với cuộc thi ấy

Bài làm

Đầu tháng sáu đây sẽ có kỳ thi tiểu-học (1) của tôi. Nếu mà thi đậu thì cha mẹ và thầy giáo được vui lòng và tôi cũng thỏa dạ. Dẫu biết rằng cái bằng kia chưa phải là vật đáng tôn-qui cho đời học-trò, nhưng ai nấy đều mong đợi cái kết-quả một năm ở chỗ đó. Nếu mà thi hỏng thì làm cho cha mẹ và thầy giáo thất vọng biết là bao, thất-vọng vì cha mẹ đã có công lâm-lụng khó-nhọc lo cho con cơm áo ấm no, lo cho con bút giấy học-hành, là mong cho con giỏi con hay, mong cho con được nên người khá-giả. Thầy giáo thì chiều sớm ân cần dạy-dỗ, cũng chỉ mong cho học trò bao nhiêu đó, nếu mà thi không đỗ thì làm phụ lòng cha mẹ, phụ lòng thầy giáo biết chừng nào. Khi mới bắt đầu vào thi chắc là tôi lấy làm hăng-hái hớn-hở như cầm chắc cái đậu trong tay, nếu hỏng ra thì tôi sẽ lấy làm buồn; buồn vì những lẽ như trên đã kể là

(1) Nam-kỳ thường gọi là thi tiểu học.

không làm được cho cha mẹ và thầy giáo mở một tiếng cười thấy cái kết-quả tốt-tươi trong một năm đằng-đẵng.

17.— *Đầu bài* — **Làm con phải ăn ở thế nào cho cha mẹ vui lòng?** (Đầu bài thi tiểu-học, 5-6-1929 — Bài này được chấm giải nhất đã làm danh-dự cho tiểu-tác-giả trong kỳ thi)

Bài làm

Cha mẹ là người có công sinh đẻ, lại có công nuôi nấng dạy dỗ cho con được nên người. Vậy kẻ làm con đã biết cung-kính và thương yêu cha mẹ tất phải biết ăn ở thế nào khiến cho cha mẹ vui lòng. Muốn cho cha mẹ vui lòng thì điều cần nhất là phải biết vâng lời cha mẹ.

Tôi nay còn nhỏ dại chưa có thể làm được việc gì, chỉ có một ngày hai buổi, cha mẹ cho đến trường học-tập để cầu lấy cái tư-cách làm người, vậy tôi phải chăm-chỉ lo-lắng trong việc học-hành, để cho cha mẹ được vui lòng.

Biết làm người học trò hết bổn-phận thì cũng đã vừa lòng cha mẹ lắm rồi, nhưng muốn cho cha mẹ vui thỏa hơn nữa thì ngoài công-việc nhà trường, buổi trưa buổi chiều nghỉ học, tôi lại còn phải làm-lụng coi-sóc công việc nhẹ-nhàng trong nhà để đỡ tay chân cho cha mẹ, khiến cho cha mẹ trong khi mồ-hôi nước mắt, nắng mưa vất-vả vì con, thấy đứa con biết lo nghĩ ngoan-ngoãn như thế, dẫu có cực-khổ mà cũng lấy làm hả dạ hài lòng.

18. — *Đầu bài.* — **Thơ gửi cho người bạn thân, kể chuyện mình, chuyện nhà trong tháng vừa qua**

Bài làm

Chị Hồng-liên,

Đã lâu rồi em không có thơ giấy gì về thăm chị được, lấy làm không phải lắm, kỳ thi sắp tới việc học-hành nó làm trở-ngại cho em chị ạ!

Nay buổi nghỉ hè rỗi-rảnh, mượn giấy bút thay lời, trước kính thăm lệnh-quyến, sau thăm chị bình-an. Nhân đây em kể lại chuyện học-hành thi-cử của em cho chị góp mừng. Em ở đây học, gặp thầy giáo có lòng thương em lắm, sớm chiều hai buổi, dạy dỗ ân-cần, em nào có được thông-minh như chị, chị cũng biết, mà kỳ thi tiểu-học vừa rồi em được chấm đậu, bài luận quốc-văn lại giật giải quán-quân, thì biết đó là công khó thầy em bao nhiêu vậy.

Đã vui thêm lại được mừng, em vừa thi đậu thì mẹ em, em Trọng em từ quê nhà đến thăm. Không nói chị cũng biết em vui mừng là chừng nào. Mẹ con chị em xum-họp cho bõ những ngày xa nhớ. Mấy hôm nay em đã đi ra mẹ em đi chơi các nơi phong-cảnh đất Phương-thành: Tô-châu, Lư-khê, Bình-san, Thạch-động, nhiều cảnh đẹp khiến cho mẹ em quyến-luyến, thường ngỏ lời ước-ao được nghỉ nhân tuổi già ở chốn nước-non này.

Em cũng cầu trời đất đưa đến cho nhà em những cảnh-ngộ may-mắn để cho chỗ sở-tâm của mẹ em khỏi phụ.

Lửa lựu lập-lòe, gió nam dìu-dặt, lá thư sang cho bạn làm tin.

Nay kính

Em chị: Th.-S.

19. — *Đầu bài.* — **Diễn bài thơ « Đi học xa nhớ nhà » của ông Song-an ra lời tản-văn**

Bài làm

Trời về chiều, hạt sương-sa phấp-phới thành một vệt trắng giăng ngang ngàn mây tối. Trên gác nhà học-xá, tựa cửa sổ trông về lối quê nhà, quê nhà nào thấy, mù-mịt trời sương mà lòng ngổn-ngang bao mối cảm-hoài. Xứ người có tốt đẹp thì tốt đẹp thực nhưng sao cho bằng chốn quê cũ làng xưa của

tả đã quen thích cùng nhau từ thuở ngây thơ con trẻ. Lòng vơ-vẩn nghĩ mà chạnh nhớ đến mẹ cha : Xuân-huyên đôi cụm cỗi già, gió mưa đâu biết, ngày qua tháng đoạn mà đã đến tuổi trăm năm không mấy chốc. Lại nhớ mới ngày nào đây, anh em cùng nhau lũ bảy lũ ba vui-thú, biết bao đầm-ấm cảnh gia-đình mà nay thì kẻ bắc người nam đôi ngã. Than ôi ! Thân tuy xa chốn quê nhà, xa cha mẹ anh em, mà một tấm lòng tưởng nhớ chưa dễ mà nguôi được. Khắc-khoải bâng-khuâng, một mình mình biết một mình mình hay, lòng nầy ai dễ biết cho nhau ! Xa quê nhà cảnh cũ mà rầu lòng thương nhớ là một sự đã đành rồi ; nhưng mà thôi trống học đã thúc giục bên mình, chắc rằng việc học hành là trọng, hãy nên lòng buồn nhớ lo cho tròn phận-sự học-trò.

20. — *Đầu bài* — **Diễn bài thơ « Cây hoa và đám mây » của ông Trúc-hà ra lời tản-văn**

Bài làm

Đang mùa thịnh-hạ, tiết trời nóng bức, cây cỏ héo tàn. Có một cây hoa đứng ủ-rũ bên sườn non như than khóc khoảng mùa xuân quá vội. Chợt có đám mây bay qua. Cây hoa gọi lại :

— Đám mây bay lơ-lửng trên đầu núi kia ơi ! Mây hãy kíp làm mưa, tưới dội cho cây hoa tàn héo này. Cái sắc phai nhạt này may mà được một hạt nước sa cũng đủ làm cho tươi thắm lại.

— Đành đã thế, nhưng mà khoan hãy vội-vàng chi. Nay ta còn đang chút việc cần, khi rồi việc sau nầy trở lại sẽ nhuần tưới cho hoa, chưa muộn.

Gió thổi mây qua, qua mất, chỉ còn nắng chang-chang héo-hắt chồi non, đến lúc lá đã vàng, hoa đã rụng, cành đã khô, thì lại gặp mưa dào, cái mưa đó nào đã làm sao cho cây hoa tươi sống lại, mưa tuôn tầm-tã cũng là vô-ích mà thôi !

Nghĩ những người cô-độc trong cõi phong-trần, gian-nan khốn-nan, không chỗ nương nhờ, kết cuộc rồi cũng như cây hoa nọ đến lúc chết tàn, nằm xương trắng chôn vùi vùng cỏ biếc. Bấy giờ mới có người động lòng thương-xót mà rỏ cho một vài giọt nước mắt không đâu trên nấm mồ hiu-quạnh lạnh-lùng, thì cũng là thương hão khóc vờ, cái giọt nước mắt đó nào đã làm cho ấm được lòng người chín suối.

21. — *Đầu bài.* — **Tả một cảnh đẹp ở Hà-tiên**

Bài làm

Hà-tiên có nhiều cảnh đẹp, nhưng riêng ở mắt tôi thì Đông-hồ là đẹp nhất trong vùng thắng-cảnh. Hồ ở về phía đông tỉnh-lỵ. Chung-quanh hồ có núi chạy liền, bao-bọc như một dẫy tráng-thành thiên-tạo. Giữa hồ lác-đác có cồn, khói tỏa sương sa, cây xanh lá biếc. Khi nước rồng xuống cạn, bãi cát nổi dài, vẽ một bức tranh cò trắng. Mặt hồ buổi sớm buổi chiều phẳng-lặng, lấp-lánh như gương có cái đẹp lạ thần-tiên. Gặp đêm quang lạnh thì dưới đáy hồ ánh phản-chiếu cả một bầu trời, trăng sao vằng-vặc, cảnh mộng tuyệt-trần ! Trong hồ thường có ghe thuyền qua lại luôn : cánh buồm phất-phơ, con chèo đủng-đỉnh, nét bút con con điểm thêm cho bức tranh thủy-mạc.

Mỗi khi rỗi rảnh xong việc học-hành, tôi cùng các bạn gái thường đưa nhau ra bờ hồ đón cơn gió mát, mà ngắm bức tranh trời, xiết bao là thanh-thú.

22.— *Đầu bài* — **Nói cái ý mình nghĩ thế nào mà học quốc-ngữ, vì có người bảo trò : « Học quốc-ngữ không ích-lợi gì cả »**

Bài làm

Chữ quốc-ngữ là cái lợi-khí tối-yếu trong sự giáo-dục người mình, Học quốc-ngữ rất mau bổ-ích cho đường học-vấn, vì trong các thứ chữ thì quốc-ngữ là thứ chữ dễ học nhất. Học quốc-ngữ, dầu tư-chất tầm-thường thế nào, trong vài bốn năm, cũng đọc được viết được những thư-từ lai-vãng, các giấy-má thông-thường. Quốc-ngữ dễ học vì quốc-ngữ là chữ Việt-Nam, tiếng mẹ đẻ. Tôi là kẻ học-trò Việt-Nam, vậy tôi học quốc-ngữ, tiếng mẹ đẻ. Lẽ rất thuận.

Thế mà còn có kẻ bảo tôi : « Đời này là đời nào mà học quốc-ngữ. Quốc-ngữ có giá trị gì Học quốc-ngữ không kiếm được tiền, không kiếm được gạo, học quốc-ngữ không quyền-lợi chức-tước gì. Học quốc-ngữ, không lấy nó mà mua được nhà, không tậu được ruộng, không sắm được xe ngựa tốt, không đổi được quần áo đẹp. Như thế thì học có ích gì, chi bằng thôi đi, có hơn không ? »

Lời kia nói đó thật có như lời, rất phải ở người vụ-lợi, chỉ biết mưu tính việc sung-sướng riêng mình ở chuyện trước mắt xử với cảnh đương-thời, học là để cầu lấy áo cơm no ấm. Quốc-ngữ đem ra mà mưu-cầu về đường ấy thực là không được vậy.

Nhưng nếu biết trông xa về sau một chút thì quốc-ngữ rất có giá-trị và học quốc-ngữ là có ích vô-cùng : có ích về đường tu-thân xử-thế. Có học quốc-ngữ thì mới khỏi làm người quên căn-bản, đối với nhà là người con nền-nếp, đối với nước là người dân tư-cách. Tương-lai mai-hậu nước nhà là trông cậy ở chữ quốc-ngữ mà tương-lai mai-hậu nước nhà cũng trông cậy ở kẻ học-trò biết học quốc-ngữ vậy.

23.— *Đầu bài*— **Học-trò chơi là để cho giải trí, không chơi là không nên. Nhưng nên chơi về lúc nào cho khỏi hại đến sự học-hành**

Bài làm

Học nhiều nghĩ lắm, tâm-trí cũng quẩn, thân-thể đau-yếu. Vậy kẻ học-trò cần phải giải-trí luôn, mới bay ra có các cuộc chơi, cho thân-thể được khoẻ mạnh, tâm-trí được sáng-sủa thì sự học-hành mới được mau tấn-tới. sự làm-lụng mới được thấy dễ-dàng, Không chơi thực là không nên vậy. Nhưng ích-lợi mà chơi thì chơi cũng phải có điều-độ, khi công việc đã xong, phận-sự đã rồi, thì sẽ nên chơi, chứ nếu công kia bề-bộn việc nọ ngổn-ngang mà lại đeo-đuổi sa-đà trong cuộc chơi-bời để đến mê-hồn bại-trí, hèn-hạ tư-cách, khiến cho hư-lỡ công-việc, chểnh-mảng học-hành, thì sao phải là chơi cho giải-trí mà là kẻ học-trò biết chơi vậy,

24.— *Đầu bài* — **Bình-giải câu cổ-ngữ : « Kẻ học-trò mà ba ngày không xem sách, coi gương mặt mũi đáng ghét, nói chuyện lạt-lẽo khó nghe »**

Bài làm

« Học-trò ba ngày không xem sách, soi gương mặt mũi đáng ghét ». Ghét đó không phải là ghét vì dơ-bẩn mà ghét, là ghét vì mình không chịu xem đọc, không chịu học-tập đạo thánh-hiền, tự mình trông thấy mặt mình mà xấu-hổ. « Nói chuyện lạt-lẽo khó nghe » : khó nghe đó không phải là nói không thành tiếng mà khó nghe, vì nói ra lời không thanh-nhã thành-thật, không văn-vẻ sáng-sủa, vì đã xa vắng sách-

vở thì những điều nghĩa-lý không giao-tập trong lòng.

Vì thế mà đã là kẻ học-trò thì không thể mà rời bỏ sách được, thường thường phải có quyển sách bên mình luôn.

Có xem đọc nhiều mới hiểu biết việc đời xưa đời nay, việc hay việc dở ở đời ; có xem đọc mới biết đời là một cuộc trước sau liên-tiếp nhau, thế-giới là một cuộc chung-đụng nhau mà có nghĩa tương-quan với nhau. Đọc sách là để cho rộng trí khôn, sáng con mắt, tỏ màng tai ra, nếu không thì người ta cũng là gỗ đá đó mà thôi.

Quyển sách đối với ta là ông thầy hay, là người bạn quí, cùng ta có nhiều mối cảm-tình, cùng ta chia xẻ nỗi vui buồn. Những khi đêm khuya ngày vắng, bên ấu trước đèn, giở sách ra đọc thì thấy thần-trí tỉnh-tao sáng-sủa, lòng dạ lâng-lâng sạch-sẽ mối tu-phiền.

25. — *Đầu bài.* — **Tả một đêm mưa dầm gió bấc ở học-xá**

Bài làm

Gặp đêm mưa dầm gió bấc, cửa học-xá đóng kín, hai ghế dài, học-trò thưa-thớt.

Dưới bóng đèn tỏa cái ánh sáng xanh dịu, học trò ngồi chăm-chầm mài đầu vào quyển sách tập bài.

Bên ngoài, giọt mưa lốp-đốp trên mái nhà, tiếng lá cây khua động, tiếng gió thổi lọt vào khe cửa hút lên lẫn với tiếng thầy giáo giảng học bên trong. Thường những đêm quang-tạnh, không mưa gió, học-trò đến học đông-đủ cả. Còn đêm như đêm hôm nay thì học-trò thưa ít vắng-vẻ là làm sao ? — Là vì cái lòng cầu học yếu hèn không đủ chống lại với cảnh-ngộ bên ngoài. Có một chút khó-khăn ngăn-trở là đành cam bỏ học. Nhưng cũng may cái số học trò yếu hèn ấy chưa phải là toàn cả học-xá. Cũng còn một số học-trò có chí cầu-học. Dầu cho đêm hôm tăm-tối, mưa gió âm-thầm cũng không nản chí. Tuy rằng gió mưa lạnh-lẽo, đêm-tối tiêu-điều mà lòng học-sinh chúng tôi thấy vui-vầy ấm-áp biết bao nhiêu. Vui-vầy ấm áp trong chốn tinh-thần vì được nghe lời hay lẽ phải của thánh-hiền.

26. — *Đầu bài.* — **Tả tập lịch và nói cái cảm-tưởng của mình đối với thời-gian.**

Bài làm

Lịch là để ghi ngày tháng. Tập lịch treo trước chỗ tôi ngồi, hình chữ nhật đứng. Trên đầu tập lịch có vẽ bông hoa màu tươi đẹp, và số 1929, nét cực to in trên mặt giấy cứng. Mỗi ngày ghi trên một tờ, 365 tờ chồng nhau thành một sấp cao chỉ dán niêm trên góc dầu vừa đủ để gỡ nhẹ một cái là rời ra. Những chữ số ghi ngày tháng thì đậm nét, ở xa cũng trông được dễ-dàng. Lịch giữ gỡ thường ngày thì mỗi lần trông vào lịch biết ngay là ngày nào tháng nào khỏi phải mất công tìm kiếm suy-nghĩ. Giản-tiện là ở chỗ đó. Ba-trăm sáu-mươi-lăm tờ đầy đủ lúc đầu năm, mà mỗi một ngày qua, bao mất một tờ, không mấy lúc rồi mòn dần đi, để lại ba góc giấy niêm xơ cạnh.

Tờ lịch bay, ngày tháng qua dần, tờ ấy tờ khác, ngày ấy ngày khác, mà tuổi thanh-xuân rồi cũng theo thời-gian mà ngày một già cỗi dần đi. Cho nên mỗi khi tôi ngừng bút ngẩng đầu trông lên tập lịch mà bao cái cảm nghĩ về thân-thế xô dồn, nhắc cho tôi nhớ rằng đang buổi trẻ-trung phải cố mà làm việc cho kịp lúc tuổi giàu sức mạnh, nếu không thì ngày vui-vẻ chẳng chờ mà tuổi già yếu đưa đến, đã trễ mất rồi, dẫu biết hối muốn ra làm việc cũng không kịp nữa.

27.— *Đầu bài.* — **Tả bức ảnh nào mình thích nhất.**

Bài làm.

Đầu mùa xuân năm kỷ-tị, vừa hết dịp nghỉ tết, ngày tựu-trường, thầy học chúng tôi và các học trò có chụp một bức ảnh chung làm kỷ-niệm. Bức ảnh chụp khổ 18×24, hình chữ nhật ngang, dán trên tấm giấy bồi dầy, dễ lồng vào khung kính.

Ảnh chụp trước lớp học, thềm bước ra gần sân cỏ. Các học-trò chúng tôi ngồi đứng phân làm ba hàng, một cái bàn dài đặt trước là chỗ các học-trò gái ngồi, Thanh-san tôi là một, năm lên mười ba, tóc vừa chấm trán.

Thầy tôi khăn áo đoan-trang đứng giữa, các học-trò đứng vây dàng sau và hai bên, người nào người ấy đều có vẻ tươi vui hớn-hở cả. Trên bức ảnh, giăng ngang bức hoành, khắc bài thơ « mừng tuổi tiếng nước Nam » mà chúng tôi vừa hát buổi đầu năm, điểm thêm cho bức ảnh lắm tinh-thần.

Bức ảnh treo trước chỗ tôi ngồi học. Khi canh khuya ngày vắng, ngẩng đầu trông lên, đọc câu thơ nhìn bức ảnh, tưởng nhớ đến cái tình-cảnh thầy trò bè-bạn đầm-ấm vui-vầy trong một năm học vừa qua mà lòng những dào-dạt mối cảm - tình. Nay năm học đã hết, kẻ ở người đi, kẻ còn người mất (1), cái tình - cảnh năm trước, từ đây ngày một thay đổi cách xa dần, rồi tất đến ngày không còn đâu là vẻ cũ màu xưa thì bức ảnh này, bức ảnh ghi chép lại cái cảnh thầy trò vui họp dưới bóng trời xuân này còn để lại cho chúng tôi một khoảng thời-gian vui-vẻ, một cuộc đời đầm-ấm, thời-gian nọ cuộc đời kia, từ đây rồi không tìm đâu cho có được.

28. — *Đầu bài* — **Một hôm em gái em có lỗi bị mẹ em đánh đòn. Tả lúc em em bị đòn và nói cái cảm-tưởng của em lúc đó.**

Bài làm

Một hôm em gái tôi có lỗi phải mẹ tôi đánh phạt. Thấy mẹ tôi cầm con roi vừa nhịp vừa gọi đến tên thì tôi đã lấy làm kinh sợ. Tôi đã lớn mà còn kinh sợ nữa là em bé, da thịt tất non nớt hơn, thì sợ đau lắm. Thấy con roi, sợ đau-đớn mà không dám không nằm, vì lòng kính sợ mẹ còn hơn. Nhấc chân từng bước một, em tôi rụt-rè, dần-dà đến nằm dài lên cạnh ván, vừa nằm vừa nức-nở khóc van tha cho một lần nầy, sau sẽ không dám làm lỗi nữa.

Mặc van-cầu, mẹ tôi vẫn cứ không dung, mặc khóc-lóc, mẹ tôi cũng vẫn không nguôi giận. Thấy em khóc, nước mắt rân-rụa mà thương quá, muốn xin tha cho em, hoặc xin chịu đòn thay mà không dám, vì thấy sắc mặt mẹ tôi đang nghiêm giận, nét mặt nghiêm giận mà chan-chứa một vẻ từ-ái buồn thương cho con làm nên tội-lỗi. Một ngọn roi hạ xuống là bao nhiêu thương xót trong lòng, nói đến bao nhiêu câu bảo-ban dạy-dỗ. Xong năm roi đánh nhẹ, vừa đủ đau để em tôi sợ thì mẹ tôi tha cho ; em tôi dậy lạy mẹ để tạ ơn dung-thứ. Mẹ tôi đánh thì có đau thương thực, nhưng đánh ấy là rãn dạy đấy. Tôi có buồn nhưng cũng lấy làm vui vì theo tục-ngữ nói : « Thương con cho roi cho vọt ».

29. — *Đầu bài.* — **Kể lại một chuyện, chuyện ghi cái kỷ-niệm buổi trẻ thơ.**

Bài làm

Bài trên nói chuyện em bị đòn tỏ ra lời kể cả, cúi đầu nhớ lại chuyện

(1) Trong bức ảnh có anh Phụng sau khi chụp ảnh mấy tháng rồi mất.

mình cũng vừa mới phải đòn hai hôm trước. Nào mình đã có bay gì hơn em. Nguyên-nhân chỉ vì cùng các chị em xuống mé Đông-hồ câu cá, và ném thia-lia. Vắng nhà một buổi xế, khi chiều về mẹ tôi gọi lại có đòn. Cái sắc mặt nghiêm giận của mẹ tôi và cái dáng-điệu nhút-nhát e-sợ của tôi lúc ấy tất cũng giống như khi đánh phạt em Trọng vừa kể, chỉ vì mình không thấy được mình. Nếu chị tôi mà có làm bài luận thì tất cũng kể chuyện tôi giống như tôi kể chuyện em Trọng mà thôi. Mười roi tuyên-bố, mười roi bị đòn, van-cầu khóc-lóc cũng vẫn cái số mười roi, mới biết mẹ tôi trong việc dạy-dỗ con-cái nghiêm-nhặt lắm.

Trong nhà tưởng đã là kín tất là dấu được chị em về sự xấu-hổ ; nào hay tấn kịch bị đòn lọt bốn bức vách mà bay tiếng ra ngoài hàng xóm. Hôm sau tờ báo « Học trò Gái » ở Phương-thành có đăng bài thơ ký-sự « bị đòn » chiều hôm trước :

Mẹ dạy con nên nhớ lấy lời,
Sao con dám cãi mẹ đi chơi ;
Roi nầy cho nhớ, Thanh-san nhà !
Em chín (1) mà em bị đến mười !

T. - H.

Ba câu trên làm ra lời mẹ dạy, còn câu thứ tư làm ra lời phê-bình của tòa soạn. Ký biệt-hiệu « T.-H. », không biết tác-giả là ai, nhưng bị đòn mà có báo đăng có thơ chép thì tưởng cũng là cái bị đòn có thú-vị mà đời cũng ít có đó thay !

30.— *Đầu bài.*— **Kể những cái đức-tính tốt của học-trò**

Bài làm.

1. — Làm người phải biết tự-trọng. Tự-trọng là tự mình trọng mình. Nếu muốn người trọng mình thì trước mình phải biết trọng mình. Yêu thân mình nhất là mình, mà mình không trọng mình thì còn ai trọng mình nữa.

2. — Giữ tính nết cho nghiêm-chỉnh đoan-trang, không đùa bỡn trơ-trẽn, không ăn nói lả-lơi, làm cho mất tư-cách kẻ học-trò mà phải giữ nết-na cho thùy-mị, lui tới dịu-dàng, để ai trông thấy cũng sinh lòng yêu-quí mà kính-trọng.

3.— Phải nên vui tính, nói-năng ôn-hòa ; đừng cau-có, giận-dỗi, hoặc ai có xử với mình tệ-bạc thì chỉ lấy cái cười cao-thượng mà trả lại, gác bỏ mọi mối thù-hằn, giữ được yên-tĩnh mà nuôi lấy cái đức trong-sạch trong lòng.

4. — Việc phải thì quả-quyết mà làm, việc không phải thì vội-vàng mà bỏ. Gặp chuyện nên nói sẽ nói, gặp việc nên cười sẽ cười, gặp người nên quen sẽ quen, gặp bạn nên chơi sẽ chơi, gặp chỗ nên ở sẽ ở. Không gặp chuyện nên nói không nói, không gặp việc nên cười không cười, không gặp người nên quen không quen, không gặp bạn nên chơi không chơi, không gặp chỗ nên ở không ở.

5. — Ăn-mặc tuy là cái vẻ ngoài, nhưng cũng tỏ được cái tư-cách bên trong. Ăn mặc chẳng nên thái-quá, chẳng nên se-sua, áo quần bảnh-bao, mầu sắc sặc-sỡ, phấn chát son tô mà ra gái lẳng-lơ. Trong lối trang-điểm nên giữ nền-nếp nhũn-nhặn làm hơn, lấy kín-đáo dịu-dàng làm đẹp. « Tâm ư trung, hình ư ngoại », trông cái vẻ ngoài mà cũng có thể đoán được cái tính-nết, cái phẩm-hạnh vậy.

6. — Tiền bạc là cần cho sự sinh-hoạt. Có khi này để dành khi khác. Khi bình-an, lo khi hoạn-nạn. Xa-xỉ là một cái nết xấu. Tiêu-dụng vô-ích,

(1). — Trong chị em, tôi thuộc về hàng thứ chín.

phung-phí quá chừng, không phải lúc ăn-mặc cũng đua đòi chị em. Người ta dư-dã thì lượt là, ăn cao-lương, mình thiếu-thốn thì mặc vải bô, ăn dưa muối. Một tấm thân nhẹ-nhàng, một tấm lòng trong sạch là quí gấp mấy lần là-lượt cao-lương rồi. Tiêu dùng có chừng, mua sắm có mực, không ganh thi những việc vô-ích, gặp việc đáng dùng thì coi đồng tiền là nhỏ, gặp việc không đáng dùng thì coi đồng tiền là lớn, như thế là tiết-kiệm mà không phải là keo-lận. Keo-lận bao giờ cũng coi đồng tiền hơn cả mọi việc, thờ tiền như thần-thánh, ngoài đồng tiền, ở đời không còn thấy gì nữa cả. Tiết-kiệm là tri-cơ, người hay nên tập ; keo lận là vị-kỷ, người hèn nên chê. Tóm lại là không nên xa-xỉ không nên keo lận mà nên tiết-kiệm.

Ấy là sáu cái đức-tính tốt thông-thường của kẻ học-trò, đây riêng nói về học-trò gái.

NGUYỄN-NỮ THANH-SAN

NƯỚC NAM VỀ ĐỜI NỘI-THUỘC NHÀ ĐÔNG-HÁN

Đọc Nam-sử đến đời Đông-Hán cai-trị nước ta, lấy làm lạ cho Chính-phủ Trung-hoa không có lưu tâm kinh-lý đến thuộc-địa, mà quan-lại Trung-hoa cũng không có để ý khai-hóa cho thuộc-dân ; chỉ nhất-thiết đem cái thủ-đoạn ức-chế khiến cho trăm họ oán-ta, gây nên mối loạn. Nếu không có Giả Mạnh-Kiên và Vương Sĩ-Nhiếp đem nhân-chính mà phủ-dụ lòng dân, thời cái cuộc cai-trị đã thay đổi ngay bấy giờ, há đợi đến Ngô-vương Quyền, Khúc Thừa-Dụ xuất-hiện mới xoay nên được cuộc tự-chủ đâu.

Đại-phàm trị dân cũng như trị tơ rối, thấy rối mà lại không tìm mối để gỡ dần, thời đã rối lại càng rối thêm ; phòng dân cũng như phòng nước lớn, thấy nước lớn mà lại không biết tìm đường tháo nước để cho tiêu-tiết, mà lại chỉ chuyên việc đắp đê để ngăn nước, hẳn tức nước vỡ bờ, đó là cái lẽ tất-nhiên vậy. Tự thường tình mà xem, ai cũng bảo nước loạn tự dân làm ra loạn, nước nguy tự dân làm ra nguy ; nhưng gây nên cái loạn và cái nguy ấy, không phải tự dân, tự quan cai-trị vậy. Cai-trị dân-tộc xứ nào, thời phải biết tính-tình phong-tục và cái tâm-lý của dân xứ ấy, rồi sẽ thi-hành cái chính-sách của mình, làm thế nào cho được ổn-đáng, dân đói thời nghĩ cách điều-tế cho dân khỏi đói, dân nghèo thời tìm đường kinh-tế cho dân khỏi nghèo. Dân đã khỏi đói khỏi nghèo mà lại được cùng hưởng quyền-lợi, thời dẫu xui dâu nó làm loạn nó cũng không làm. Than ôi ! Dân chi-ngu mà chí-thần, làm dân cũng như thân trâu ngựa, bảo sao nó cũng theo vậy, nhưng thẳng tay lắm, tất cũng có khi cùng sinh biến, thường-tình đời xưa đời nay bao giờ cũng giữ một cái chân lý ấy.

Xem như đời Đông-Hán cai-trị nước ta, thứ-sử Chu Ngung, chính-lệnh tàn-ngược, thời dân Giao-chỉ loạn. Khi Giả Mạnh-Kiên đến quận thi-hành cái chính-sách khoan-giản, thời dân tình ai cũng lấy làm hoan-nghênh. Kế sau dân Giao chỉ lại gặp quan thứ-sử Chu Phù, lại là một tay tàn-ác, dân nổi binh phản-kháng. May được ông Vương Sĩ-Nhiếp đem văn-hóa mà chuyên-dụ, đem đức-chính mà thi-hành, nên dân hạt lại được

ninh-thiếp như cũ. Xem thế thời cái cơ trị-loạn an-nguy chẳng là trách-nhiệm tự quan cai-trị đấy ư?

Nay ta xét cái tình-thế đương đời Đông-Hán bấy giờ, chính-phủ Trung-hoa mà đối với những nước phiên-phục, chỉ cầu lấy cái cống-lễ cho hậu, thu lấy sản-vật cho nhiều, còn ẩn-tình của dân, lợi-bệnh như thế nào, không có xét đến, mà những các quan cai-trị chỉ vơ-vét dân cao dân-chi cho no ấm lấy mình làm chủ-nghĩa, còn dân-tình khổ-sở không lấy đó làm quan-tâm; chứ không có chính-sách thực-dân như ngày nay. Vả nước Tàu cùng với nước Nam tiếp-giáp, nhưng địa-thế duyên-trường, quan-sơn cách-trở, cũng không có những cách giao-thông tiện-lợi để thông tin-tức như ngày nay. Lý Cố có dâng tờ sớ nói rằng tự châu Duyện, châu Dự, tiến đến Nhật-nam hơn chín nghìn dặm, đi bộ-đạo phải ba trăm ngày mới tới, mà quận Giao-chỉ lại xa hơn Nhật-nam. Cho nên quan-lại nước Tàu hoặc lấy đường xa làm ngại, hoặc lấy lam-chướng làm lo, nhiều người không muốn phó-chức. Nên lúc ấy Đào Huỳnh cùng là Cố Bí nhận lấy một chức cha truyền cho con, ông truyền cho cháu, đời đời kế-tập, chưa nghe thấy chọn được người nào hiền-lương để thay chức ấy. Bởi thế tham-quan những-lại có phần nhiều. Đời Tây-Hán, kẻ quan-lại sang nước ta bấy giờ duy có họ Giả họ Vương hai người mà thôi. Khen thay họ Giả họ Vương có học-thuật, có văn-tài, có chính-tích, chính là người ân-nhân đương lúc nội-thuộc bấy giờ, đáng nên kính, đáng nên trọng vậy. Nên đem đoạn lịch-sử của hai người lược kể sau này.

Giả Mạnh-Kiên và Vương Sĩ-Nhiếp

Triều vua Hán Minh-đế, năm Nguyên-hòa, trước Giả Mạnh-Kiên có Chu Ngung làm thứ-sử Giao-châu, đối với dân-tộc Giao-châu rất là tàn-bạo, dân-tình không thể kham được. Người châu là Lương Long 梁龍 lấy làm căm-tức, bèn chiêu-tập đảng-chúng hơn hai vạn người, kéo binh vào phá quận-huyện. Vua Hán sai Chu Thuyên người đất Cối-kê điều-bị binh-mã và chiêu-mộ gia-tốt tiến đến Giao-châu. Trước sai người đến thám-thính tình-hình, rồi thừa-cơ tiến đánh, bắt giết Lương Long. Tuy Long chết mà đảng-tốt vẫn còn tiềm-phục các nơi, rồi lại hợp-đảng đánh giết Chu Thuyên. Giết xong sai người đến cửa Khuyết nhà Hán kể tội-trạng Chu Ngung tàn-ngược đại-ý nói: « Dân Giao-châu chúng tôi xa cách thiên-triều, gặp phải thứ-sử Chu Ngung đem lòng tàn-nhẫn, không biết thể đức-ý của Thánh-thượng để trị dân; kẻ bao châu-ngọc quý-báu vét đầy túi tham mà chưa chán, nay ức dân việc này, mai ức dân việc khác, trẻ chẳng tha, già chẳng thương, nhiều người nhẫn-khổ hàm-oan, không biết kêu ai được, nên phải trèo non vượt bể, phục dầu ở dưới của Khuyết bộc-bạch ẩn-tình, mong Thánh-thượng ơn trời lượng bể soi xét cho, chọn bậc lương-lại để quản-trị Giao-châu, khiến dân Giao-châu được đội ơn thánh-thượng vô-cùng, chúc thánh-thượng vạn-tuế, vạn vạn tuế! »

Vua Hán nghe lời sai đình-thần chọn một người năng-lại để sung chức. Lúc ấy ba phủ bèn cử Giả Mạnh-Kiên, tâu rằng: « Kiên người Cối-kê, trước đã làm quan Thái-thú quận Hợp-phố, chính-thanh nghe khắp quận-huyện. Nguyên trước quận ấy sản nhiều minh-châu, các quan thú-mục ở đó, sai dân lặn bể tìm châu, nên ngọc châu rời sang quận Giao-chỉ. Tự khi Mạnh Kiên đề-ly, cách bỏ tệ cũ, rồi mà năm ấy trời cho phong-đăng, ngọc châu lại rời về quận Hợp-phố. Người ấy thực là xứng chức. »

Bèn chiếu cho Giả Kiên ra làm Thứ-sử Giao-châu. Khi mới đến quận, vời phụ-lão đến hỏi vì cớ gì Giao-châu bạn-nghịch, phụ-lão kêu rằng: « Tiền-quan chúng tôi lấy đất Giao-châu nhiều ngọc minh-châu và sừng tê-giác, ngà voi, đồi-mồi và kỳ-lương, lắm của báu nên nhiều người mưu-cầu đến đấy để làm kế phì-thân phì-gia, chỉ hút lấy máu-mủ dân mà không biết thương, coi dân như phần-thổ, đãi dân như cỏ rác, hễ có lợi mình thì việc gì cũng nhẫn-tâm làm được, nên trăm họ ai cũng ta-oán, Kinh-sư xa cách, không biết kêu đâu cho thấu đến cửu-trùng, nên bất-đắc-dĩ phải hợp-đảng để phản-kháng với bọn tham-lại, chứ có dám phản-kháng với triều-đình đâu. Nay nghe tiếng sứ-quân mới đến, trọng-nhậm hạt chúng tôi, lấy làm hoan-hỷ vô-cùng, xin đội ơn cảm-tạ. »

Mạnh Kiên ủy-dụ rằng: « Ta vâng lệnh Triều-đình tới đây, cốt lấy tập-đạo yên-dân làm chủ-nghĩa, còn như sự gây nên bạn-nghịch là tự bọn tham-lại, ta không có hỏi chi. Thôi phụ-lão về bảo con em trong hạt từ nay yên nghiệp làm ăn, hoặc có lưu-tán ở đâu cho về quê-quán để được tự do sinh-lý, người đi học, người đi buôn, người làm thợ, người làm ruộng, ai cũng có nghề-nghiệp để mà sinh-nhai, chứ không được phóng-đãng mà sinh lòng bạn-nghịch như trước nữa. » Phụ-lão nghe lời phủ-dụ ôn-tồn đều khen là đáng làm phụ-mẫu dân.

Rồi mà Giả Kiên lại sai người đi trong hạt hiểu-bảo cho nhân-dân đều biết, dâu đấy được yên nghiệp như cũ, nay mai sẽ được khoan-giảm phú-thuế, và chinh-dịch không phải phiền chi cả. Còn những tên nào thủ-xướng bạn-nghịch, xét ra đích thì làm tội không tha; phàm những đứa a-tòng, nhất-luật khoan-miễn. Rồi lại chọn những người hiền-lương cho làm trưởng-lại, để thiếp-phục dân-tình, cho nên trong hạt tự thành-thị thôn-quê, cho đến hang cùng ngõ hẹp, ai cũng ca-tụng rằng: *Giả-phụ lại vãn, sứ ngã tiên phản, kim kiến thanh-bình, bất cảm phục bạn*, 賈父來晚。使我先反。今見清平。不敢復叛。

Khen thay Giả đáng làm cha,
Sao ông đến muộn khiến ta hai lòng?
Nay mừng chính-sự khoan-dong,
Dám đâu bạn-nghịch hết lòng kính-yêu!

Giả tại chức được ba năm, vua Hán nghe có chính-tích, cho làm chức Nghị-lang, lấy người bản-châu là Lý Tiến 李進 thay. Bấy giờ Lý Tiến ở Giao-châu dâng thư tâu vua Hán rằng: « Cả thiên hạ ai cũng ở đất nhà vua, làm tôi nhà vua, thế mà các bậc sĩ-hoạn thuần dùng các người Trung-quốc, thế thời không công chưa đủ khích-khuyến được người xa. » Sớ tâu ấy từ-khí rất là cảm-thiết, vua nhà Hán bèn chiếu cho người nước ta, ai đỗ Hiếu-liêm, hay đỗ Mậu-tài, thời bổ cho chức trưởng-lại. Lúc ấy người nước ta là Lý Cầm phục trước chỗ điện-đình tâu rằng: « Ơn vua không đều. » Hữu-tư hỏi cớ sao vậy? Nói rằng: « Nước Nam-Việt ở ria biên-viễn, ơn trời không có che đến, đất không chở đến, cho nên mưa ngọt không xuống, gió lành không khắp, cũng vì Triều-đình dùng người không công. » Lời nói rất là khẩn-mật, vua Hán nghe cũng khá lượng, bèn ban tờ chiếu ủy-lạo, lấy nước ta một người Mậu-tài làm quan lệnh Hạ-dương, một người Hiếu-liêm làm quan lệnh Lục-hợp. Tự đấy nhân-tài nước ta cùng với người nhà Hán làm quan, cũng nhờ có cái lời cầu-thỉnh của Lý Tiến và Lý Cầm vậy.

Sau Lý Tiến lại có Chu Phù làm chức Thứ-sử quận Giao-chỉ ta, đem những người thân-thuộc chia làm trưởng-lại, tàn-ngược trăm họ, ức dân lấy phú-thuế cho nhiều, dân-tình căm-

tức, liền tụ-đảng cử binh vào đánh châu-quận. Chu Phù sợ chạy ra bể, bị phải giặc giết. Nhà Hán lại sai Trương Tân nối chức. Khi Trương Tân tại-quan, mê tín việc quỉ-thần, thường đội mũ đỏ đọc sách thần-tiên, những việc quan-thiết đến lợi-hại của dân, không có xem xét đến, nhân bị tướng-tốt họ giết chết. Rồi mà quan Lục-thứ ở châu Kinh là Lưu Biểu sai người Lại Cung thay Trương Tân làm chức Thứ-sử. Vua nhà Hán biết tin, cho Vương Sĩ Nhiếp một cái ấn và chiếu-thư nói rằng : « Giao-châu ở chỗ tuyệt-vực phía nam giáp sông bể, ơn đức của Triều-đình không có soi khắp, cho nên ẩn-tình của dân thường bị lũ quan-lại che đậy, không có đạo-đạt cho triều-đình nghe, khiến cho lũ nghịch-tặc là Lưu Biểu tự-tiện sai Lại Cung đến đất Nam-thổ, có ý khuy-du gì đó. Nay cử người làm chức Tuy-lang-úy, đốc-suất bảy quận ». Nhiếp bèn vâng lệnh, cảm-tạ xin đi.

Sĩ-Nhiếp tên chữ là Ngạn-uy, người đất Quảng-tín, quận Xương-ngô. Tổ-tiên vốn người Mân-dương nước Lỗ rốt đời nhà Hán gặp loạn Vương Mãng lánh ở nước ta, sáu đời đến Sĩ-Nhiếp. Cha là Vương Tứ, đương triều vua Hán Hoàn-đế làm chức Thái-thú quận Nhật-nam. Sĩ-Nhiếp còn nhỏ, du-học Kinh-sư, theo Lưu Tử-Kỳ người Dĩnh-xuyên chuyên-trị sách *Tả-truyện*, *Xuân-thu*, sau đỗ Hiếu-liêm, bổ chức Thượng-thư-lang. Nhân có việc quan phải bãi-chức, sau lại ứng-thi đỗ Mậu-tài, bổ chức lệnh-doãn Huyện Vu-dương, kế thăng chức Thái-thú quận Giao-chỉ, phong tước Lăng-đình-hầu.

Khi Chu Phù bị giặc giết, châu-quận lại nổi binh làm loạn. Sĩ-Nhiếp bèn cử em là Sĩ-Nhất 士壹 làm Thái-thú quận Hợp-phố, em thứ hai là Sĩ-Kiên 士堅 lĩnh chức Thái-thú quận Cửu-chân, em thứ nữa là Sĩ-Vũ 士武 lĩnh Thái-thú quận Nam-hải, bấy giờ châu-quận đâu đấy giặc cướp đều yên.

Anh em Sĩ-Nhiếp đều được quyền cao chức trọng, hùng-cứ một châu, uy nhức muôn dặm, đi đâu thời có cờ quạt chuông trống, nghi-vệ nghiêm-chỉnh, nghiễm-nhiên một vị phiên-thần, trăm rợ Man đâu đấy kính-phục, so với Triệu Úy-Đà tưởng không kém chi.

Sĩ-Nhiếp khi tại chức, tính nết ôn-hòa, tuy quyền-quý nhưng cũng giữ khiêm-cung, đối với sĩ-phu ai cũng có lòng yêu mến, cho nên những phái hàn-nho hạ-sĩ, ở Trung-quốc nghe tiếng đến đấy, đều dung-nạp và trợ-cấp cho cũng được chu-tất cả. Phẩm-giá ngày cao, thanh-thế ngày mạnh, tự xưng tước vương. Đương bấy giờ Viên Thiệu ngụ ở Giao-châu, đưa thư cho Thượng-thư-lệnh là Tuân Quắc 荀彧 nói rằng : « Giao-chỉ Sĩ-quân, có văn-chương, kiêm cả chính-sự, xử lúc đại-loạn, bảo-toàn được bảy quận, hơn hai mươi năm biên-cương yên cả trộm cướp, dân cầy-cấy nhờ được vui nghiệp, người lưu-lạc cũng được đội ơn, dầu họ Đâu trị đất Hà-tây khi trước, công-nghiệp vị-tất đã hơn đó. Sĩ-quân tính lại ham học, khi việc quan rỗi, đọc truyện kinh *Thi*, truyện *Xuân-thu*, nghĩa-lý tinh-vi, đều thấu-hiểu cả. Ta thường hỏi những nghi-nghĩa ở trong truyện, nói có điển-cố và khám-phá được những nghĩa nhiệm-nhặt của cổ-nhân. Đến như sách *Thương-thư*, kim-văn cổ-văn phàm các nghĩa-lý lại càng tinh-tường lắm. »

Sĩ-vương thật là một nhà chính-trị, mà kiêm cả nhà học-vấn vậy. Nước ta khen ông Sĩ-Nhiếp là « Nam-giao học-tổ », đó là cái lời kỷ-niệm, xưng-tụng Sĩ-Nhiếp là ông Thủy-tổ khai-hóa văn-học cho nước ta vậy.

Cuối đời nhà Hán Ngụy, Thục, Ngô ba nước có ý dòm vạc nhà Hán, để cướp ngôi, Ngô Tôn-Quyền 吳孫權 lúc ấy chiếm đất Giang-nam, dựng đô Kim-lăng, cách nước ta cũng không xa mấy.

Khoảng tây-lịch hai trăm linh mười, Tôn-Quyền niên-hiệu Hoàng-vũ thống-trị nước ta, sai Bộ-Chất 步 騭 chực cướp quyền của mình, bèn đem anh em quy-phụ với nước Ngô. Thời nước Ngô lại thống-trị nước ta, chính-sự phiền-hà, cốt chỉ muốn cho nước nghèo, dân yếu, khiến cho nước ta phải chịu phục dưới quyền-pháp của họ mà thôi, Sĩ-Nhiếp biết cái chủ-ý người nước Ngô như vậy, sai con là Sĩ-Khâm 士 廞 vào nước Ngô làm lễ chí, lại đưa những tô-thuế quận Giao-chỉ nộp cho nước Ngô, Tôn-Quyền cử cho Sĩ-Khâm làm Thái-thú quận Vũ-xương và ban cho Nhiếp một cái ấn, trao cho tước Long-biên-hầu, Sĩ-Nhiếp lại sai sứ đến nước Ngô, đem cống ngọc minh-châu, ngọc lưu-ly, cùng là đồi-mồi, ngà voi, cho đến ba-tiêu, long-nhãn, các phẩm-vật quý-báu, không thiếu thức chi, bèn truyền thư úy-lạo và ban thưởng rất hậu. Không lâu Sĩ-Nhiếp mất, Tôn-Quyền nghe tin, cắt quận Hợp-phố trở về bắc, cử Mã-Đại làm chức Thứ-sử, Hợp-phố trở về nam đặt ra Giao châu, lấy Đỗi Lương làm thứ-sử, còn quận Giao-chỉ địa-thế cách xa, thời cử Trần Thời 陳 時 thay Sĩ-Nhiếp làm chức Thái-thú. Con Sĩ-Nhiếp là Sĩ-Huy 士 徽 không tuân mệnh, tự tôn mình làm chức Thái-thú, rồi phát binh chống đánh quan-lại, nước Ngô lúc ấy Hoàn-Lân cùng với em là Hoàn-Trị 桓 治 đem binh rước Đỗi Lương đến quận để cung-chức, Sĩ-Huy đóng cửa thành, không cho vào. Lũ Hoàn, Trị vây đánh không được, bèn giả-cách đưa thư xin hòa, khiến hai bên đều bãi-binh. Rồi mà Lã Đại vâng tờ chiếu của vua Ngô, dụ Sĩ-Huy ra hàng sai người đem chém. Tự đấy Giao-châu, Quảng-châu chia làm đôi, mà bờ-cõi nước Việt ta bèn hãm-một vào nước Chi-na quá nửa vậy.

PHỤC-BA

NAM-KỲ ĐỊA-CHÍ

(Xứ Nam-kỳ trước khi thuộc quyền nước Pháp)

Ta đọc đến địa-chí Nam-kỳ, nhớ đến công triều Nguyễn khai-thác, phí bao nhiêu là huyết-hãn tâm-tư. Kể từ đời vua Thái-tôn Hiếu-triết Hoàng-đế, đến vua Thế-tổ, trải sáu vị thánh-quân hiền-chúa, kinh-doanh lao-khổ mới có cái cẩm-tú giang-sơn ấy, lưu-tặng cho người sau. Ngày nay địa-đồ đã biến-sắc, phong-vật đã cải-quan, sao rời vật đổi, trải mấy độ tang-thương mà ảnh-hưởng của tiền-vương hãy còn in trong tai mắt người ta vậy.

Kia tỉnh Định-tường há chẳng phải là công vua Duệ-tôn dựng trấn đặt đồn đấy ư? Đạo An-giang, chả phải là công vua Thế-tổ chiêu dân khẩn ruộng đấy ư? Nội Lộc dã đó, chả phải là vua Hiến-tôn sai Nguyễn Kính đóng quân để kinh-lược đất Cao-miên đấy ư? Dinh Long-hồ đó, chả phải là vua Túc-tôn đặt châu Định-viễn trú-binh để kinh-lý cõi nam-phục đấy ư? Tiền-vương tuy đã cách đời, mà dấu xe vết ngựa của tiền-vương còn sót lại, khách hữu-tình qua đó, ai là không xúc-cảnh hưng-hoài?

. . . . . Giang-sơn như cũ, mà phong-tục khác xưa, quang-cảnh khác xưa, địa-danh cũng khác xưa. Từ khi nước Pháp chiếm-lĩnh đất Nam-kỳ trước, dần-dần khai-hóa, hiện nay đã đặt đường thiết-lộ, khiến trong Nam

ngoài Bắc một mối giao-thông, đường buôn bán ngày một mở-mang, cuộc canh-nông một ngày một hưng-vượng. Xem như đồn *Boudap* (thuộc tỉnh Thủ-dầu-một) hơn hai nghìn mẫu trồng cao-xu, cà-phê và thứ dầu xả, lá như lá huệ, củ như mâm riêng, đem củ nấu ra dầu, bôi vào thì kỵ cả lam-chướng phong-sương cũng là các loài rắn độc, có bổ-ích cho vệ-sinh; đồn ấy chiêu-tập người Bắc-kỳ vô đó khẩu-trị, hơn hai nghìn người. Còn những các nơi tỉnh-thành khá rộng mở công cuộc cũng nhiều. Nay xem các đô-hội so với năm sáu mươi năm trở về trước có phần khởi-sắc hơn. Tự mắt tầm-thường xem đến cảnh-tượng ấy tất cũng mừng cho mình gặp được cái thời-đại văn-minh hơn cổ nhân ngày trước. Nhưng phải nên biết thời biến thế biến, mỗi một thế-kỷ lại một thế-kỷ khác nhau. Cái cảnh-tượng ngày nay đã khác ngày xưa, an-trí cái cảnh-tượng này sau lại không khác ngày nay hay sao? Vậy tân-học ta cần phải học địa-dư mới, mà địa-dư cổ lại càng phải nên giảng-cứu, đó cũng là một việc ôn-cố tri tân vậy.

* *

Xứ Nam-kỳ nguyên trước là nước Chân-lạp, bên đông giáp bể, bên tây tiếp đất Bồ cam 蒲甘, bên nam giáp Gia-la-hy 加羅希, bên bắc giáp Chiêm-thành 占城. Chân-lạp nhất-danh là Cát-miệt 吉篾 lại nhất-danh là Cam-bột-ty 甘孛斯 quốc-vương họ là Xát-lợi 利利 Đương quãng thế-kỷ thứ bảy, vẫn là một nước cường-thịnh ở xứ Đông-dương. Đời nhà Tùy mới giao-thông với Trung-quốc, truyền ngôi đến Y-kim-la 伊金羅 trong nước này càng giàu mạnh. Đến đời vua Đôn-đức-tôn niên-hiệu Trinh-quán, đương tây-lịch 806, chiếm-cứ đất Phù-nam 扶南. Tự bấy giờ bờ cõi rộng thêm hơn trước.

(Phù-nam là một nước mọi-rợ, trai gái đều để truồng mình, con trai thì lấy ống tre mà che hạ-thể, con gái thì lấy lá cây mà che mình. Nhưng vẫn biết xấu-hổ, không hay đi ban ngày, mua bán các đồ vật đợi tối trời mới đi. Tục nước Nguyên dựng con gái làm vua, hiệu là Diệp-gia 葉柳. Nhân bấy giờ có một người tên là Hỗn-hiệu 混沌 đến kén Diệp-gia làm vợ, muốn cách cái tục dã-man, dạy cho chít khăn mặc áo. Tự đấy người trong nước bắt-chước, mới bỏ cái tục truồng mình ấy đi. Sau có một người cao-tăng ở Tây-trúc là Kiều-Trần 橋陳 đến dạy quốc-dân phụng-sự thiên-thần; con gái lên chín tuổi rước thầy tăng tụng kinh niệm chú, xong rồi làm nước phép rửa mình, chấm vào trán; rồi lên mười tuổi thì gả chồng, trong nước lâu ngày tập-tục, thành ra nước Chân-lạp sau cũng sùng Phật mà trọng thầy tăng vậy).

Đô-thành chu-vi hai-mươi dặm, bào xây bằng đá, rộng hơn hai-mươi trượng, cung-điện vua ở, và nhà các quan đều trở mặt hướng đông, trong có cây tháp bằng vàng, và cầu đi lại cũng giát vàng. Cung vua chỗ chính-điện thì ngói lợp bằng kẽm, trên cửa thành có năm pho tượng Phật bằng đá, ngoài nạm rặt những vàng, tuế-thời yến-hội, mâm vàng chén ngọc, nhà vua cùng nhà các quan cũng thế, cho nên tục truyền phú-quí nhất là nước Chân-lạp.

Đương đời nhà Đường niên-hiệu Vĩnh huy, bao-chiếm đất Cưu-mật, đất Phù-la-già 浮羅伽, đất Mi-bồ-cam 眉蒲甘, thống-lĩnh được hơn sáu-mươi bộ-lạc, đất vuông hơn bảy nghìn dặm, nước chia làm hai, về phía nam gần bể phiêu cảnh đồng trũng gọi là Thủy-Chân-lạp 水眞腊, phía bắc nhiều núi và gò đống gọi là Lục-Chân lạp 陸眞腊. (Thủy-Chân-lạp tức là xứ Nam-kỳ, Lục-Chân-lạp tức là xứ Cao-miên) không bao lâu lại hợp làm một

Đời nhà Tống, niên-hiệu Tuyên-hòa, mới phong là Chân-lạp-quốc-vương. Sau nước Chiêm-thành đem quân đi thuyền đánh úp nước Chân-lạp vào phá quốc-đô. Bấy giờ nước Chân-lạp mới cùng với Chiêm thành gây nên thù hấn, khoảng thế-kỷ thứ mười, đương triều vua Tống Linh-tôn, niên-hiệu Khánh-nguyên, nước Chân-lạp đem binh đánh nước Chiêm để báo-thù, bắt giết thân-thuộc vua Chiêm gần hết, rồi bắt vua Chiêm đem về nước. Tự đấy nước Chiêm thuộc về nước Chân-lạp rồi dựng người nước Chân-lạp lên làm vua Chiêm, gọi tên nước là Chiêm-lạp.

Đời nhà Nguyên, niên-hiệu Trinh-nguyên, sai sứ đến nước chiêu-dụ; bấy giờ nước Chân-lạp mới vào triều-cống nhà Nguyên.

Đến đời Minh Hồng-vũ, Quốc-vương là Hốt-kiến 忽見 khiến sứ-thần là Nại-sích-cát-lang 奈赤吉郎 dâng tờ biểu và đem phương-vật đến cống. Bấy giờ giao-thông với nước Tàu nên tập-tục đã dần dần biến-cải được ít nhiều, mà trong nước ngày càng giàu thịnh. Khí-hậu thường nóng, sông ngòi sẵn nước, trồng cấy rất là tiện-lợi. Dân bãi bể có nghề nấu muối. Dù có gặp thiên-tai hạn-lạo, dân-sự cũng không phải đói khát bao giờ. Lúc ấy con trai con gái đã biết búi tóc mặc áo vấn, dưới mình thì quấn vải và y-phục cũng đã biết trang sức hơn xưa. Còn những bộ-lạc, nam-nữ vẫn còn để truồng mình, thấy ai mặc quần áo lấy làm quái lạ bưng miệng cười. Hiện nay gần đồn *Bou-tap* những dân Mọi con trai vẫn còn đóng khố, con gái thì lấy bức vải quấn mình, vẫn chưa đổi được cái tục cũ.

Sau Thủy Chân-lạp hợp với Lục-Chân-lạp làm nước Cao-miên. Đương đời nhà Thanh niên hiệu Khang-hi, ngang triều nhà Lê vua Gia-tôn niên-hiệu Đức-nguyên năm đầu, người nước Cao miên là Nặc-Đài 匿苔 nổi binh đuổi vua Nặc-Thục 匿淑. Lúc ấy Dũng-quốc-công là Nguyễn Phúc-Tần 阮福瀕 sai quan tướng Dương Lâm-Hầu 楊林侯 đem binh vây thành Nam-vang. Nặc-Đài 匿苔 chết trận, rồi phong cho Nặc-Thu 匿秋 làm quốc-vương, Nặc-Thục làm phó-vương. Đến đời Lê Hy-tôn niên-hiệu Chính-hòa, bộ-thần nhà Minh là Dương Ngạn-Địch 楊彥迪 không chịu hàng nhà Thanh, đi thuyền đến cửa bể Tư-dung (thuộc Thừa-thiên) xin ra hàng, Dũng-quốc-công chiếu vua Cao-miên là Nặc-Thu phải chia đất Mỹ-tho (sau là tỉnh Định tường) để cho Ngạn-Địch ở đấy. Năm Chính-hòa thứ mười chín, Tộ-quốc-công là Nguyễn Phúc-Khoát 阮福濶 sai quan tướng là Nguyễn Hữu-Kính 阮有鏡 đánh nước Cao-miên, lấy đất Đông-phố, đặt phủ Gia-định, lại chia đất Đông-phố xứ Lộc-dã làm huyện Phúc-long, dựng dinh Trấn-biên (nay tỉnh Biên-hòa) lấy xứ Sài-gòn làm huyện Tân-bình, lập dinh Phiên-trấn (nay tỉnh Gia-định). Kế đến đời vua Lê Duy-Phường năm Vĩnh-khánh thứ ba, Định-quốc-công là Nguyễn Phúc-Thụ 阮福澍 sai quan tướng là Trương Phúc-Vĩnh đánh Cao-miên lấy đất Sa-đích dựng châu Định-viễn, đặt quân-dinh ở Long-hồ (nay thuộc Vĩnh-long) để phòng-thủ. Tự đấy nước Cao-miên thế ngày suy-nhược. Triều vua Lê Hiển-tôn, năm Cảnh-hưng thứ mười tám, Hiếu-quốc-công là Nguyễn Phúc-Khoát 阮福濶 sai tướng Nguyễn Cư-Trinh đem quân đánh diệt nước Cao-miên, vua Cao-miên là Ông-Nguyên 翁源 dâng đất Tầm đôn và Suy-liệt, hai phủ sáp-nhập vào châu Định-viễn, năm sau Ông-Nguyên mất, chú là Ông-Đông 翁洞 quyền coi việc nước, dâng đất Trà-vinh và đất Ba-sắc. Con Ông-Đông là Ông Tôn 翁孫 lại dâng đất Tầm-phong-long rồi Hiếu quốc-công lại cắt

đất Hương-úc, đất Cần-bột, đất Chân-lâm, đất Sài-mật, đất Linh-đàn, gồm năm phủ, đặt ra bốn đạo : đạo Trấn-giang, đạo Kiên-giang, đạo Long-xuyên, đạo Chu-đốc, bốn đạo ấy đều thuộc An-giang và cắt đất Cờ-úc, đất Mỹ-tho, đặt đạo Tưởng-đồn (thuộc Vĩnh-tường).

Hiếu-quốc-công mất, con là ông Nguyễn Phúc-Thuần nối ngôi, bị Tây-sơn Nguyễn Nhạc giữ Quy-nhơn phải chạy ra Quảng-nam, rồi quân chúa Trịnh tiến đánh Quảng-nam, lại chạy ra Gia-định, bèn truyền ngôi cho con nhà anh là Nguyễn Phúc-Trường 阮福暲, tự xưng là Tân-chính-vương. Không may chết trận ở đất Hương-đối thuộc tỉnh Gia-định. Vua Thế-tổ là Nguyễn Phúc-Ánh 阮福映 (đức Gia-long) nối ngôi, bị giặc Tây-sơn đuổi phải chạy ra Sa-đích, rồi đem quân chống với giặc Tây-sơn ở dinh Long-hồ, tiến đánh Gia-định, bèn lên ngôi vua. Kế Tây-sơn lại vào ăn cướp cửa bể Cần-giờ, vua Thế-tổ phải chạy ra Hà-tiên, sau lại chạy ra Mỹ-tho, đem quốc-mẫu lưu ra ở đảo Phú-quốc. Kế lại chạy ra Côn-lôn, bấy giờ quân mỏi lương hết, may được người đàn bà ở tỉnh Hà-tiên chở chiếc thuyền gạo để giúp việc quân. Lúc ấy Tây-sơn thế mạnh bất đắc-dĩ phải bỏ Nam-kỳ chạy ra Xiêm-la, gặp được cụ giáng đạo là ông Bá-đa-lộc vào hỏi kế. Ông Bá-đa-lộc nói đảo Côn-lôn và xứ Đà-nẵng cùng với Đông-dương phụ-đầu cùng tiếp, nếu bằng lòng để cho Pháp-đình đặt lĩnh-sự để thông-thương, giặc có đến thì đã có quân Pháp giúp. Vua Thế-tổ ưng lời, Bá-đa-lộc bèn đưa thái-tử Cảnh sang Pháp để cầu viện. Nhưng nước Pháp trong nước có nạn, chưa có thể đem quân giúp được. Ông Bá-đa-lộc sợ rằng phụ ước, phải mộ quân ở đảo Bông-đi xa-ri và đảo Bô-đông đem bốn chiếc thuyền trận để đưa thái-tử Cảnh về Nam-kỳ. Khi ấy vua Thế-tổ ở Xiêm cũng kéo quân về Gia-định để đỡ khôi-phục. Lúc quân ông Bá-đa-lộc kéo về Gia-định, mới đến Nam-kỳ thì vua Thế-tổ đã khôi-phục được Gia-định, Hà-tiên, Long-xuyên rồi. Bèn đem quân hội với vua Thế-tổ ở thành Gia-định, rồi mà chia làm lục-quân, thủy-quân hai đội, tiến binh đánh được Khánh-hòa, Bình-thuận và đem hải-quân đánh Quy-nhơn. Tự đấy vua Thế-tổ mới thu-phục được Nam-kỳ và Bắc-kỳ mà nhất-thống thiên-hạ

Nhà Nguyễn thật đã có công to khai-thác cho Nam-kỳ.

Triều vua Tự-đức vì việc xung-đột với nước Pháp, mới phải cắt đất sáu tỉnh nhượng cho nước Pháp. Sau vua Tự-đức lại sai ông Phan Thanh-Giản đem vàng bạc sang Pháp để chuộc lại, nhưng Pháp-đình nghị rằng lời ước nhượng-địa triều-đình nghiệp đã phê-chuẩn rồi, không cho chuộc. Tự đấy xứ Nam-kỳ mới thành thuộc-địa của nước Pháp.

Xứ ấy hiện nay có hai mươi tỉnh. Nguyên tỉnh cũ là tỉnh Gia-định, Biên-hòa, Định-tường, Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên.

Nay sẽ đem sáu tỉnh cũ lược kể sau này.

Tỉnh Gia-định 嘉定

Trước thuộc nước Phù-nam, sau thuộc nước Châu-lạp, triều Nguyễn vua Thái-tôn Hiếu-triết hoàng-đế, mới mệnh quân tướng dựng đồn dinh ở đất Tân-mĩ; đến vua Hiển-tôn Hiếu-minh hoàng-đế mới sai Nguyễn Hữu-Kính kinh-lược đất Cao-miên, chia đất Đông-phố, đặt phủ Gia-định. Vua Thế-tổ Cao-hoàng mới sai vẽ địa-đồ, dựng ra địa-giới, phiên trấn rất là tinh-tường. Rồi lại đắp thành bát quái, gọi là thành Gia-định, thành đắp ở trên gò cao, thuộc thôn Tân-kha, huyện Trình-dương, cửa mở tám mặt, gọi cửa

Kiền-nguyên. Đoái-duyệt, Ly-minh, Chấn-hanh, Tốn - thuận, Khảm-hãm, Cấn-chỉ, Khôn-trinh, đó là lấy tám quẻ mà gọi tên cửa vậy. Trước dựng nhà Thái-miếu, giữa dựng nhà Hành-cung. Sau cái phủ Gia-định, đặt trấn-quan để thống-trị. Sau lại đổi là Gia-định thành, đặt ra quan tổng-trấn và hiệp tổng-trấn, và phó-tổng-trấn, thống coi trấn Biên-hòa, trấn Định-tường, trấn Vĩnh-long, trấn Hà-tiên, kiêm-lĩnh tả-trấn Bình-thuận, (trấn tức là tỉnh vậy). Năm Minh-mệnh thứ sáu đặt ra phủ An-lạc năm thứ mười ba chia hạt Gia - định đổi làm tỉnh Phiên-an, trích lấy phủ Tân-bình và phủ Tân-an mới đặt sáp-nhập vào tỉnh Phiên-an. Còn phủ Lạc-hóa thời trích biệt về tỉnh Vĩnh-long. Năm thứ mười bốn giặc Khôi giữ thành Gia-định. Quan-quân tiến đánh, thế giặc ngày mạnh, đánh hơn một năm chưa bình. Lúc ấy có câu: *Bao giờ đánh được giặc Khôi, yên thành Gia-định chồng tôi được về!* Nhân giặc Khôi mới cải-danh là Nam-kỳ lục tỉnh. Năm thứ mười - sáu mới bình được giặc Khôi, bèn bỏ cái thành ấy đổi xây thành mới. Tỉnh Phiên an lại đổi làm Gia-định, đặt thêm phủ Tây-ninh. Năm Thiệu-trị năm đầu, đặt phủ Hòa-thinh, kiêm-lĩnh huyện Tân-hòa, lại trích phủ Tân-bình, đặt thêm huyện Bình-long Năm Tự-đức thứ năm bỏ phủ Tân-định, nhưng do huyện Tân-hòa đặt ra quan-nha để kiêm-nhiếp, còn huyện Tân-thịnh thời sáp-nhập vào phủ Tân-an.

Núi thời có núi Linh-sơn (thuộc huyện Tân-linh phía tây-bắc), rộng hai mươi dặm, tức là một cái núi có danh ở tỉnh ấy. Núi ấy nhất-danh gọi là núi Bà-Đen, trên có chùa Linh-sơn, dưới có hồ nước ngọt, cảnh-trí rất là thanh-u. Núi có cả đá vàng và những đồ cổ, người ta thường nhặt được, trời đêm thanh-tĩnh, thường thấy thuyền rồng lững-thững ở quanh hồ và có rùa vàng ngoi trên mặt nước lớn hơn một trượng. Chỗ ấy cũng là linh-khí tự-nhiên vậy.

Sông có sông Ngưu - chử, nhất-danh là sông Tân-bình, ở về phía bắc huyện Bình-dương, chảy về phía đông qua sông Băng-bột, chảy qua trước tỉnh-thành, rồi xuống cửa sông Phù-gia, hợp với sông Phúc-bình phóng ra cửa bể Cần-giờ; thuyền buôn đi lại thường tấu-tập ở chỗ ấy, chính là một xứ đại-đô-hội vậy. Tục truyền sông ấy nhiều cá ngạc quần-tụ đuổi nhau, tiếng rống như trâu kêu vậy, cho nên gọi là sông Ngưu-chử. Sông ấy khi Nguyễn-triều trung-hưng thu-phục được thành Gia-định, tự-nhiên nước trong như suối, người ta đều chúc là có điềm thái-bình.

Cửa bể thời có cửa Cần-giờ, thuộc huyện Phúc-lộc, rộng ước năm dặm, nước sâu ước năm-mươi-lăm thước. Triều vua Minh-mệnh năm thứ mười-bảy lấy cái tượng cửa bể ấy khắc vào cái vạc Thuần-đỉnh.

Tỉnh Vĩnh-long 永隆

Nguyên là đất Sa-đích (bấy giờ là Sa-đec) của nước Chân-lạp. Triều Nguyễn trước xưa kinh-lý cõi nam, đặt phủ Gia-định, mộ dân đến ở, lại dựng ra trang-trại, khiến cùng hợp-tác với nhau. Vua Tục-tôn Hiếu-linh Hoàng-đế lấy làm địa-thế Gia-định quảng-mịch, chia ra châu Định-viễn, dựng dinh Long-hồ, sáp-nhập vào phủ Gia-định. Đời vua Thế-tôn Hiếu-vũ nước Cao-miên loạn, châu vua là Ông-tôn chạy sang đất Hà-tiên. Quan Đô-đốc Hà-tiên là Mạc Thiên-Tích, tâu xin lập Ông-tôn làm vua Cao-miên, dâng đất Tầm-phong-long; nhân thế mới rời dinh Long-hồ ở xứ Tầm-bào (nay thuộc đất thôn Long-hồ), lại ở xứ Sa-đích đặt ra đạo Đông-khẩu,

xứ Tiền-giang đặt ra đạo Tân-châu xứ Hậu-giang đặt ra đạo Chu-đốc, để phòng-bị đất Đông-phố. Các đạo ấy đều thuộc về dinh Long-hồ. Sau Tây-sơn kéo quân đông đấy tung-hoành, vua Thế-tổ triệt bỏ dinh Long-hồ, đặt ra dinh Hoằng-trấn. Sau lại lấy đạo Long-xuyên, đạo Kiên-giang sáp vào tỉnh Hà-tiên như cũ. Năm Minh-mệnh thứ tư, chia huyện Tân-an làm huyện Tân-minh, huyện Bảo-an, đặt phủ Hoằng-an. Năm thứ mười-ba cải làm trấn Vĩnh-long. Năm ấy lại đổi là tỉnh Vĩnh-long, đặt quan bố-chính, quan án-sát, để coi giữ việc quan; lại đặt thêm huyện Vĩnh-trị sáp vào phủ An-định kiêm-nhiếp huyện Vĩnh-định, huyện Vĩnh-an và đạo Chu-đốc, lại sáp-nhập vào tỉnh An-giang. Năm thứ mười-bốn giặc Khôi phiến-loạn, nhân thế lại lập tỉnh Vĩnh-long như cũ. Năm Tự-đức thứ tư, bớt phủ Hoằng-định, còn huyện Duy-minh thời thuộc về phủ Tân-minh, kiêm-nhiếp, huyện Bảo-an thời thuộc về phủ Hoằng-trị kiêm-nhiếp.

Sông có sông Tiền-giang, cách huyện Vĩnh-bình phía tây-bắc sáu dặm, nguồn nước tự sông Sa-đích tỉnh An-giang, qua đất Tân-hội chảy đến chỗ Tam-kỳ, một dòng thì qua tỉnh-thành phía đông, làm sông Đông-hồ chảy ra cửa bể Cổ-chiên; một dòng thời chảy ra đất Phú-thuận, bên đông làm sông Hàm-rồng, một dòng thời tự sông Hàm-rồng chia làm hai phái, một phái thời chảy ra cửa bể Ba-lại, một phái thì tắt qua tỉnh Định-tường làm sông Định-tường.

Tỉnh Định-tường 定 祥

Trước nguyên là đất Mỹ-tho, đất Cổ-úc nước Chân-lạp. Triều Nguyễn vua Thế-tôn Hiếu-triết có Dương Ngạn-Địch người nhà Minh xin đến qui-phụ, vua Thế-tôn cho trú ở đất Mỹ-tho, chiêu-tập những bản dân, dựng thành thôn-trại, khẩn ruộng cấy-cấy. Vua Duệ-tôn Hiếu-định lấy đất Mỹ-tho dựng các đồn-đạo, đặt cai-cơ và thu-ký để quản-trị. Triều vua Thế-tổ đổi làm trấn Định danh, sau lại đổi trấn Định-danh làm trấn Định-tường, thuộc về thành Gia-định. Lại đổi huyện Kiến-an làm ra phủ. Năm Minh-mệnh thứ mười-ba chia hạt mới danh là tỉnh Định-tường, đặt quan tuần-phủ, bố-chính, án-sát, rồi lại trích đất huyện Kiến-hòa đặt ra huyện Tân-hòa, cải sáp vào phủ Kiến-an. Năm thứ mười-bốn, giặc Khôi nổi loạn, đem binh đánh giữ tỉnh-thành. Năm thứ mười-sáu mới thu-phục được.

(Khôi là con nuôi ông Tả-quân Duyệt. Khi Khôi nổi loạn, vua Minh-mệnh sai quan đem xiềng đeo cổ mộ ông Duyệt, mộ táng tại tỉnh Gia-định, cửa mộ có đề chữ Bắc-kỳ Tổng-trấn Lê quận-công 北 圻 總 鎮 黎 郡 公. Hiện nay chỗ mộ có đền thờ cũng linh-ứng).

Năm thứ mười-chín đặt huyện Kiến-phong, và đặt phủ Định-tường. Đến năm Thiệu-trị năm đầu trích huyện Tân-hòa sáp vào tỉnh Gia-định.

Sông thời có sông Tri-tường, nguyên trước gọi là sông Mỹ-tho, cách phía nam huyện Kiến-hưng hai-mươi dặm; dòng nước tự sông Tiền-giang tỉnh Vĩnh-long chảy quanh-co về phía nam, qua trước tỉnh-thành chuyển về bên đông, phóng ra bể.

Cửa bể thời có cửa bể Ba-lôi rộng hai trăm tám-mươi trượng, nước thủy-triều lên thì sâu một trượng tám thước. Bên hữu cửa bể có cồn cát, tục gọi là Cồn-thuyền, liền đấy lại nổi lên một cồn cát nữa, tục gọi là Cồn-sào, và có cửa bể Đại-hải rộng hai trăm hai-mươi thước, nước triều lên sâu hai trượng. Cửa bể Tiểu-hải rộng một trăm bảy-mươi-lăm trượng, nước triều lên sâu một trượng tám thước.

Tỉnh An-giang 安江

Tỉnh An-giang nguyên trước là đất Tâm-phong-long thuộc nước Thủy-Chân-lạp. Triều Nguyễn vua Thế-tổ Hiếu-vũ, Chân-lạp quốc-vương là Nặc-ông tôn dem dâng đất ấy, bèn đặt ra đạo Chu-đốc. Triều vua Gia-long mới lấy đất ấy nhiều chỗ nhàn-khoáng, mộ dân đến ở để khai-khẩn trồng cấy, gọi là Chu-đốc tân-cương 朱篤新疆, đặt chức quản-đạo thuộc tỉnh Vĩnh-long. Triều vua Minh-mệnh năm thứ mười ba sai quan đo đất chia làm phủ Tuy-biên, phủ Tân-thành, huyện Tây-xuyên, huyện Phong-phú, huyện Vĩnh-an, huyện An-xuyên, huyện Đông-xuyên. Năm huyện ấy đặt ra tỉnh. Tỉnh có quan tổng-đốc, bố-chính, án-sát. Năm thứ mười sáu tăng-thiết phủ Ba-xuyên và huyện Vĩnh-định, huyện Phong-nhiên, huyện Phong-thành. Đến năm Thiệu-trị thứ hai, lại chia tỉnh Hà-tiên, phủ Tĩnh-biên và huyện Hà-dương, huyện Hà-âm, cải thuộc về tỉnh ấy. Năm Tự-đức thứ ba, bớt tỉnh Tĩnh-biên, huyện Vĩnh-định, huyện Phong-thịnh, do phủ Ba-xuyên kiêm-nhiếp.

Sông thời có sông Hậu-giang, cách phía tây-bắc huyện Tây-xuyên tám dặm, nguồn tự sông Cửu-long ở nước Tàu, chảy về phía tây-nam, qua nước Nam-chưởng, nước Vạn-tượng, làm sông Khung-giang, qua xứ Cao-miên, phủ Sơn-bô, rồi chảy xiên sang phủ Nam-vinh làm sông Nam-vinh, tự đấy lại chuyển về phía đông-nam đến tỉnh hạt; bên nam đối-ngạn tỉnh Định-tường. Sông ấy triều vua Minh-mệnh đem hình-tượng khắc vào vạc Huyền-đỉnh.

Lại có sông Vĩnh-tế, cách phía tây-bắc huyện Tây-xuyên hai-mươi-tám dặm. Triều vua Gia-long năm thứ mười tám mệnh-danh là sông Vĩnh-hà, rồi sai dân mở sông để phóng ra cửa bể Hà-tiên, chạy dài hai trăm năm dặm sáu-mươi hai trượng. Trải đến triều vua Minh-mệnh năm thứ năm, mới khai sông xong, tự đấy thuyền xuôi lái ngược đi lại buôn bán rất là thuận-tiện. Khai sông xong, có dựng bia đá kỷ-sự, và đem cái hình-tượng sông ấy khắc vào vạc Cao-đỉnh. Cửa bể thời có cửa Mỹ-thanh, gần huyện Vĩnh-định rộng bảy-mươi trượng, nước triều lên sâu mười trượng chín thước. Phía đông đến sông Tiền-giang tiếp-giới huyện Kiến-phong, tỉnh Định-tường; phía tây tiếp-giới huyện Hà-châu, huyện Long-xuyên, huyện Kiên-giang, thuộc tỉnh Hà-tiên, bên nam đến bể, bên bắc qua hạt Định-tường, làm sông Tri-tường, rồi chảy ra bể. Cửa bể thời có cửa Cổ-chiên rộng hai trăm bốn-mươi-lăm trượng, nước triều lên sâu hai trượng hai thước, bên tả có cồn cát tục gọi là cồn Ngâm-dừa, dài chín trăm ba mươi trượng, bên hữu lại có bãi cát tục gọi là Cồn-ngâm, dài một nghìn hai trăm năm mươi trượng, rộng hai trăm trượng, tự cửa bể Cổ-chiên ước một trăm chín dặm.

Cửa bể Tấn-di và cửa An-định có đảo Côn-lôn. Khi đức Cao-hoàng bị giặc Tây-sơn đánh phải chạy ra đấy, rồi Tây-sơn lại đem thủy-quân vây đảo ấy ba vòng. Vua Cao-hoàng thế rất nguy-bách, tự-nhiên trời làm mưa to gió lớn, bốn mặt mây mù, sóng bể dữ-dội, thuyền giặc bị đắm; đó cũng là lòng trời a-hộ, vua Cao-hoàng mới thoát được nạn, đi thuyền về đảo Phú-quốc.

Gần đấy lại có cái cù-lao gọi là Túc-tiểu, cao ước hai trượng; cách hơn hai dặm lại có cái cù-lao gọi là Túc-đại, cao ước hai trượng năm thước, phía nam đảo ấy lại có Vọng-phu-tuy, rộng ước tám-mươi trượng, ngoài có núi Tam-sơn, cách núi ấy sáu-mươi trượng, lại có cái cù-lao gọi là mũi Hương-yên, rộng tám-mươi-lăm

trượng; phía đông đảo ấy lại có cái cù-lao gọi là Nghê-tử, gần đấy lại có cái lần đá chạy dài một trăm ba-mươi trượng, rộng năm-mươi trượng, thủy-triều lên sâu đến bảy thước; bên bắc đảo có cái đảo gọi là Đẳng-tụy, cao ước một trượng năm thước.

Tỉnh Hà-tiên 河仙

Hà-tiên nguyên trước là đất Mang-khảm, thuộc Chân-lạp, rốt đời nhà Lê người tỉnh Quảng-đông là Mạc-Cửu 鄚玖 đến ngụ nước Cao-miên, thấy đất chỗ ấy sông dài bề rộng, thuyền buôn các nước tấu-tập cũng đông, nhân chiêu-tập lưu-dân ở Phú-quốc và Vương-úc, Lịch-giá, Kha-mao, lập ra bảy xã-thôn, minh làm quản-hạt, gọi là nước Hà-tiên, nhân chỗ ấy tục truyền có người tiên xuất-một ở trên sông, cho nên gọi tên là Hà-tiên.

Triều Nguyễn vua Hiển-tôn Hiếu-minh bấy giờ Trịnh Cửu cầu xin nội-phụ, phong cho chức Tổng-binh trấn Hà-tiên, đóng binh ở chỗ Phiên-thành, dân các nơi ngày thêm quy-phụ. Sau thành một chỗ đô-hội rất là vui-vẻ.

Mạc Cửu người huyện Hải-khang, đương đời nhà Thanh, không chịu cắt tóc, triều Khang-hi thứ mười-chín đưa quyến-thuộc sang Nam, ngụ ở phủ Nam-vinh nước Cao-miên, mở trường trưng thuế, sau lại tìm được mỏ bạc thành ra giàu có, mới mộ dân lập ra xã-thôn. Rồi đến kinh Phú-xuân cầu phong làm chức tổng-binh. Sau Mạc Cửu mất, con là Thiên-Tích tập-phong làm chức đô-đốc, đặt ra nha-thuộc, đắp thành đào sông, sửa đường đi lối lại, rất là khang-trang, kẻ buôn người bán đến đấy tụ-họp cũng đông. Rồi lại chiêu-tập bọn văn-sĩ ngâm-vịnh thơ-từ để làm cách tiêu-khiển. Truyền có mười bài vịnh cảnh Hà-tiên như sau:

1) *Bình-sơn điệp thúy* 屏山疊翠. Nghĩa là núi Bình chồng-điệp sắc xanh;

2) *Thạch-động thôn yên* 石洞吞煙. Nghĩa là cái động đá ngậm khói;

3) *Đông-hồ ấn nguyệt* 東湖印月. Nghĩa là nước Đông-hồ in bóng trăng;

4) *Nam-phố trừng ba* 南浦澄波. Nghĩa là bến Nam gợn nước trong suốt;

5) *Lư-khê nhàn-điếu* 蘆溪閒釣. Nghĩa là khe Lư-khê ngồi nhàn câu cá;

6) *Lộc-trĩ thôn cư* 鹿峙村居. Nghĩa là núi Lộc chung quanh có dân-thôn ở;

7) *Mễ-nham lạc nhạn* 米岩落雁. Nghĩa là núi Mễ-nham đàn nhạn bay xuống;

8) *Kim-dữ đình ngư* 金嶼釣魚. Nghĩa là cái đảo Kim-dữ đàn cá ngoi chơi;

9) *Giang-thành dạ cổ* 江城夜鼓. Nghĩa là chốn Giang-thành tiếng trống ban đêm;

10) *Tiên-tự thần-chung* 蕭寺晨鐘. Nghĩa là chùa Tiên-tự hồi chuông sớm mai.

Triều Nguyễn vua Thế-tôn Hiếu-vũ, nước Cao-miên loạn, quốc-vương là Nặc-ông-tôn phải chạy ra Hà-tiên, Mạc Thiên-Tích giúp binh để đưa về nước, Nặc-ông-tôn lấy làm có ông giúp mình, bèn cắt phủ Chân-lâm, phủ Sài-mạt, phủ Linh-quỳnh, phủ Cần-bột, phủ Hương-úc, đem năm phủ ấy đền ơn cho Thiên-Tích. Sau Thiên-Tích đem đất dâng vua Thế-tôn, vua Thế-tôn cho về Hà-tiên làm quản-hạt, bèn dựng đạo Kiên-giang ở xứ Lịch-giá, dựng đạo Long-xuyên ở xứ Kha-mao, rồi cử quan-lại để thống-trị.

Triều vua Duệ-tôn, Ngụy-chúa nước Xiêm-la là Phi-nhã-tân 丕雅新 vào cướp Hà-tiên phá cả đô-thành, Thiên-Tích phải lùi ở Trấn-giang. Đời vua Duệ-tôn ra tuần cõi nam, Thiên-Tích đến chỗ hành-dinh Gia-định bái-yết, vua Duệ-tôn sai Thiên-Tích về Trấn-giang, chiêu-tập lưu-dân, đến đó làm ăn sinh-

nghiệp. Sau Tây-sơn Nguyễn Huệ đem quân đánh cướp Long-xuyên. Thiên-Tích chạy sang Xiêm-la cầu-viện. Ngụy-chúa Phi-nhã-tân sinh lòng nghi-nhị không muốn giúp binh. Thiên-Tích lưu ở Xiêm bị bệnh chết, rồi mà Hà-tiên lại bị Xiêm-la chiếm-cứ. Đến vua Thế-tổ mới khôi-phục lại được, lấy đạo Kiên-giang đạo Long-xuyên, cải-sáp về Vĩnh-trấn. Niên-hiệu Gia-long hai đạo ấy lại đặt ra huyện, không bao lâu lại sáp về Hà-tiên, Triều Minh-mệnh đặt huyện Hà-tiên và phủ An-biên, năm thứ mười ba chia hạt gọi là tỉnh Hà-tiên, đổi phủ An-biên làm Khai-biên, huyện Hà-tiên làm Hà-châu. Năm thứ mười bốn, Ngụy Khôi nổi loạn, tỉnh-thành thất-thủ, không bao lâu lại bị giặc Chiêm tàn phá, phải đem đại-binh đến đánh mới bình xong. Năm thứ mười-lăm lại lấy phủ Khai-biên làm An-biên và đất Cần-bột, đất Lương-úc đặt ra phủ Quảng-biên; năm thứ hai-mươi nhân lấy huyện Châu-tâm, huyện Châu-thành, huyện ấy mới đặt, địa-thế rộng-rãi chia ra làm huyện Hà-dương, Hà-Âm.

Cửa bể thời có cửa Kim-dữ, cách phía nam huyện Hà-châu hai trăm dặm, chỗ ấy nguyên trước, đức Gia-long khai-sáng có dựng pháo-đài và có cửa Hợp-phố và cửa Đại-môn, cửa Tam-giang cũng thuộc huyện Long-xuyên, bên đông đến huyện Hà-dương, thuộc tỉnh An-giang, bên tây đến bể, bên nam đến núi Tô-châu, bên bắc giáp đất Mường.

Tỉnh Biên-hòa 邊和

Biên-hòa nguyên trước là đất nước Bà-lợi, sau là đất Đồng-nai, đất Bà-rịa, thuộc nước Chân-lạp. Nguyễn-triều khi mở đất cõi nam, chưa rỗi kinh-lý đến, mặc đất ấy cho nước Cao-miên. Triều vua Thái-tôn Hiếu-triết, đời nhà Thanh, Trần Thắng-Tài (nguyên chức tổng binh) nhà Nguyên xin đến quy-phụ, vua Hiếu-tôn lấy đất Đông-phố (thuộc nước Cao-miên) cho Thắng-tài ở đó, mở đất dựng phố thành ra một chỗ đô-hội có vẻ phồn-hoa. Triều vua Hiến-tôn Hiếu-minh sai quan chưởng-cơ Nguyễn Hữu-Kính kinh-lược đất Cao-miên, lấy xứ Lộc-dã làm huyện Phúc-long, đặt dinh Trấn-biên thuộc phủ Gia-định, chiêu-mộ lưu-dân đến ở. Triều Tây-sơn Nguyễn Huệ chiếm giữ đất ấy, vua Cao-hoàng sau mới khôi-phục được, nhưng theo chỗ cũ đặt ra dinh đóng binh để phòng-thủ. Năm Gia-long thứ bảy đổi làm trấn Biên-hòa, thuộc thành Gia-định, thăng huyện Phúc-tuy làm phủ. Năm Minh-mệnh thứ mười-ba mới chia hạt gọi là tỉnh Biên-hòa, đặt chức tuần-phủ, bố-chính, án-sát. Năm thứ 14 giặc Khôi chiếm giữ tỉnh-thành, sau mới khôi-phục được. Năm thứ mười tám đặt thêm huyện Nghĩa-an, huyện Long-khánh, thuộc phủ Phúc-tuy. Năm thứ mười-chín lại tăng-thiết ra huyện Phúc-bình; năm thứ hai-mươi-mốt Man-dân đem tám-mươi-mốt sách xin qui-phụ với triều-đình, bèn đặt ra quan thủ Tân-định và quan thủ Tân-bình, Tân-hòa Tân-thuận để quản-trị. Năm Tự-đức thứ tư mới bớt những nha-thuộc tỉnh huyện, huyện Khánh-long sáp-nhập phủ Phúc-tuy, huyện Phúc-bình sáp-nhập phủ Phúc-long, huyện Nghĩa-an sáp-nhập huyện Bình-an.

Cửa bể thời có cửa bể Long-hưng rộng ba trăm bảy-mươi trượng, nước triều lên sâu một trượng ba thước. Bên tả cửa bể có bãi cát tục gọi là Cồn-Ban, dài một trăm bốn-mươi trượng; bên hữu cửa bể nổi một bãi cát mới, tục gọi Cồn Vinh, dài bảy trăm hai-mươi trượng, nước triều lên sâu ba thước, cửa Xích-lam rộng sáu-mươi-bảy trượng, nước triều lên sâu bảy thước năm tấc; bên hữu lại có bãi cát nổi, tục gọi Cồn Hồ-cốc, dài sáu trăm bảy-mươi trượng, nước triều lên mặt nước đến chỗ

cát sâu bảy thước năm tấc ; cách chỗ bãi cát ước ba dặm mọc lên một cái gò đá, gọi là Côn-hộ, gần đấy lại có một cái bãi gọi là Côn Cá-đao.

* *

Xét địa-dư đời cổ so với địa-dư ngày nay khác nhau xa, vì tự người ta canh-cải cũng có, mà tự trời đất chuyển-di cũng có, không những địa-danh khác mà hình-thế cũng khác, tang-điền biến làm thương-hải, thương-hải biến làm tang-điền, cổ-kim không có nhất-định. Đây cũng là chép đại-khái để so-sánh ngày nay với ngày trước khác nhau như thế nào.

THIỆN-ĐÌNH

PHÉP ĐỌC SÁCH

II

6) Cái cách tuyển lấy sách hay mà học.— *Trên kia đã nói phải tuyển lấy sách hay mà giảng-cứu cho kỹ, nhưng cái cách tuyển-trạch như thế nào, và tuyển thế nào thì được sách hay mà học, đó cũng là một vấn-đề cần cho phép đọc sách.*

Kẻ học-giả mỗi người sở-hiếu một khác, vậy nên sách hay dầu nhiều, nhưng không thể đều thích-nghi cho kẻ học-giả được, nay muốn chọn sách hay thì phải mỗi người một khác, không thể theo về một chuẩn-tắc nhất-định được, thế thì không thể bảo cho mọi người lấy cái phép tuyển lấy sách mà học được ; song cũng phải nói qua về cái đại-cương tuyển lấy sách như sau này : Một là tuyển lấy những sách thể tài biên-thuật thứ-tự, nghị-luận có trật-tự chỉnh-tề ; hai là tuyển lấy sách giải-thuyết rõ-ràng tóm hết đại-thể mà không rườm, chỗ phiền chỗ giản đều hợp-nghi cả ; ba là tuyển lấy sách nào khảo về học thuật tiến-bộ mà hay tóm được những điều cốt-yếu ; bốn là tuyển lấy những sách bàn về học-vấn mà ý-kiến không độc-đoán ; năm là tuyển lấy những sách học cho vừa trình-độ tri-thức của mình ; đó là cái đại-cương tuyển lấy sách học phải thiết-thực như thế, để khiến cho kẻ học-giả tự mình phán-đoán lấy mà hiểu biết được ý-kiến của bậc tiền-giác, nếu hay tuyển sách mà học như thế thì mới được sách hay. Kẻ học-giả đời nay kén sách học thì chỉ lấy cái tiếng của người tác-giả cầu lấy những quyển sách đại-giả trước thuật, chứ không biết những sách ấy hoặc cao-thượng quá, lời nghị-luận rất cao không hợp cho những người sơ-học ; còn những người sơ-học thì lại không biết tuyển lấy sách mà học cho chuyên, và không biết tuyển lấy sách học cho thích-đáng, chỉ thích chọn lấy những sách của người tác-giả có tiếng, lầm khi không hợp trình-độ thì không thể nào học được. Bởi vì chọn sách học mà sai lầm thì chỉ phí thì-giờ và hao-tổn tinh-thần vô-ích, vậy nên kén sách mà học thực là một việc trọng đại, học-giả phải nên chú ý cẩn thận.

Đời nay trước-thuật càng ngày càng nhiều, cho nên sách xuất-bản ra cũng lắm, mỗi ngày in ra sách không biết bao nhiêu mà kể, ta cũng không cần đọc hết, vậy nên những người học giả chỉ cốt chọn lấy sách hay mà đọc ; chứ không cốt tại đọc lấy cho nhiều và không mong gì đọc cho chóng xong. Nếu mà muốn đọc cho hết cả những

sách hàng ngày xuất-bản, thì phải gia-công cố-gắng lắm, mà cũng chẳng có lợi-ích gì. Nay xét những người mới học thường hay khinh-táo bộp-chộp, hễ được quyển sách mới nào thì đua nhau mua lấy mà đọc, chứ không kiểm xét là sách hay sách dở, chỉ cứ bạ sách nào cũng đọc bừa đi như thế thì có ích gì. Vậy nên đọc sách dẫu nhiều, mà sở-đắc về đường tri-thức vẫn không hay hoạt-dụng được.

Nay lại kể thêm mấy cách tuyển-trạch như sau này : Một là sách nào xuất-bản chưa được một năm thì không nên đọc ; hai là những sách không có danh-tiếng thì không nên đọc ; ba là không phải sách mình sở hiếu thì cũng không nên đọc. Đó cũng là một cách tuyển trạch những nhà đọc sách nên tuân theo. Nay lại nói về những sách cùng một thứ mà lại có thứ sách tân-thư và cổ thư, thì nên kén lấy sách tân-thư mà đọc. Hoặc người bảo rằng cổ-thư không phải là không hơn tân-thư, mà tân thư vị-tất đã hơn gì cổ-thư. Nếu muốn xét về cái mục-đích duyên cách, thì đọc cổ-thư cũng bất-phương. Nhưng xét về tân-thư cũng lại có nhiều bổ-ích hơn, vì tân-thư nói về những phép khoa-học, cứ theo thứ tự mà luật-thuyết, thì nghiên-cứu cũng tiện. Còn như cổ-thư mà muốn tìm được cái tư-tưởng chính-xác thì cũng khó ; tuy xét về đường duyên-cách thì có lợi-ích thật, nhưng không phải kẻ sơ-học hay học kịp được. Vả lại gần đây khoa-học phát-đạt tiến-bộ nhiều lắm, muốn xét về đường duyên cách cũng khó ; chỉ nên xem xét những điều đại-thể về các khoa chính-trị, đạo-đức, triết-học, rồi sau hãy xét đến các việc duyên-cách thì mới là có ích.

Vả lại đương lúc xét về khoa-học, thì hãy nên gác bỏ những sách nghị-luận ra không nên xem vội. Nếu chưa thông hiểu về cái đại-khái các học khoa, không biết cái nguyên-tắc, mà đã vội đọc những sách nghị-luận, chỉ làm cho lộn sộn rối bừa cả lên ; vả lại đối với những vấn đề gian sáp, mà chỉ hiểu biết ở ngoài vỏ sơ sài, không bổ-ích gì cho tâm thân mình, thực là một cái thông-tệ của kẻ học-giả đời nay, học-thức chưa được thuần-thục mà đã thích đọc những sách nghị-luận, đều sinh ra cái tệ ấy cả. Học giả phải nên cẩn thận về việc chọn sách mới được.

7) Phép đằng-tả và phép nhớ ngầm. — Đọc sách là phải linh-hội lấy ý-nghĩa trong sách cho tăng thêm tri-thức mới, và ghi nhớ lấy để sau đem ra ứng-dụng; vậy nên miệng đọc câu nào thì trong tâm phải lý-hội lấy ý nghĩa. Nếu không hay thông suốt được cả toàn-thể nghĩa lý, thì không có ích gì. Song nếu đã học hiểu ý-nghĩa mà vụt chốc lại quên ngay thì cũng không được công-hiệu gì. Vậy nên đã lý-hội được nghĩa sách lại phải học cho thuộc lòng, sau này sẽ nói về cái phép đằng-tả và cái phép học thuộc lòng hay dở như thế nào.

Nay muốn đọc sách nào thì đằng-tả ngay sách ấy ra, để khiến cho kẻ độc-giả phải chú ý về từng câu từng chữ mà ghi nhớ lấy cho lâu ; nếu học được quyển sách hay mà ghi nhớ được như thế thì rất là có ích ; vì cái cách đằng-tả là phòng đừng để cho tinh thần tán-đật, phải chú hết toàn-lực về từng câu từng chữ mà học lấy cho thuộc. Nếu chỉ đọc qua thì sao hay hiểu biết được những chỗ vi-diệu và ghi nhớ lấy cho lâu. Song thế-gian biết bao nhiêu là sách mà cũng chưa mấy sách được hoàn-toàn, nếu học quyển nào mà đem đằng-tả cả ra thì không thể được, và lại tốn công khó nhọc nữa ; như là học một bộ sách mà lại đem viết cả toàn-bộ ra, thì chẳng ngu lắm thay ! Tựu-trung chỉ sao chép lấy một vài chỗ cốt-yếu để cho sau này khỏi quên, nhiều người vẫn thường làm như thế thì cũng tiện; xem thế thì cái cách sao chép lấy mấy

chỗ cốt-yếu tiện hơn cái cách đằng-tả cả toàn-bộ, vừa là không phí mất thì giờ mà sở đắc lại là tiện-tiệp hơn.

Cái cách học nhớ thuộc lòng cả cũng không tiện, nếu đọc bộ sách nào mà lại muốn nhớ thuộc lòng cả thì thực là ngu, hoặc muốn nhớ ngầm lấy một vài chỗ cũng không phải là cái cách tiện lợi; vì học lấy ghi nhớ tuy cũng cần cho đường tri-thức tăng-tiến, nhưng sức người ta có hạn, nếu dụng-lực về đường ghi nhớ quá, thì có khi lại làm tổn-hại cho đường tri-lực khác, như là nó làm kém mất cái tri tưởng tượng, phán-đoán suy-lý đi. Nếu chỉ dụng-lực học cho lấy ghi nhớ, thì không những vô-lợi mà lại có hại cho cả tâm-lực toàn-thân phát-đạt; vả lại ghi nhớ câu-nệ quá thì sở-ích cũng chẳng được là mấy, mà cũng rất là khốn-khổ; vì như mình nhớ lấy cả một câu nguyên-văn không sai một chữ nào, thì cũng giống như người ăn nuốt chửng không dụng-công nhai nhá, thì chỉ tổ làm hại cho tỉ-vị, mà không bổ-ích cho thân-thể một tý gì; cái cách nhớ câu-nệ quá thì chỉ làm hại cho tri-lực phát-đạt, mà cũng chẳng tăng-ích cho tri-thức chút gì. Vậy nên học mà hay lý-hội được ý nghĩa cho tinh, thì về đường nghi nhớ cũng dễ, mà lại hay giúp cho những điều tri-lực khác nữa. Những người học mà không cầu hiểu ý-nghĩa chỉ muốn nhớ cho thuộc lòng, thì thực là vô-ích. Song nếu ai học lấy những câu cách ngôn trong sách mà hay ghi nhớ lấy được, thì cũng là có ích vậy.

Ngày nay các nhà trường dạy học-trò, chỉ cốt cho học trò nuôi lấy cái tính ký-ức, thế thì cái tính ký-ức cũng có can-hệ về đường giáo-dục, mà học-trò cũng cần phải học cho nhớ để mong có lúc tinh ngộ cho thấu biết đến nơi, thì cũng là bổ-ích. Còn như những người không vào học nhà trường, không có thầy dạy, chỉ học một mình, mà lại không cố sức ghi nhớ, chỉ xem qua rồi lại bỏ quăng, rút cục lại quên hết cả, học như thế thì thực là không biết cái chân giá-trị về cái công ký ức vậy.

8) Phép toát-yếu và phép phân giải.— Trong phép đọc sách chỉ có cái phép toát-yếu và phép phân-giải là hay hơn cả; một đàng nó giúp cho cái sức suy nghĩ, một đàng nó lại giúp cho cả cái sức ký-ức, lại tỏ biết được điều đại-yếu trong sách, để giúp về sự tham-khảo sau này, thực là bổ-ích nhiều lắm. Cái phép toát-yếu là sau khi đọc xong một quyển sách, toát lấy những điều yếu-lĩnh mà đem biên riêng ra, để ghi lấy ý nghĩa cho hiểu, phòng cho sau này khỏi quên; hoặc là trong sách những chỗ giảng giải rõ ràng, chương tiết quan-hệ, mình không thể đem ra đọc đi đọc lại được, thì ghi lấy những chỗ toát-yếu ấy mà xem xét lại hai ba lần, thì có thể hiểu biết được những điều đại-yếu ở trong sách, và rõ những chỗ quan-hệ trước sau, có thể lưu để được; phép toát-yếu này khác hẳn phép đằng-tả mà lại có phần lợi ích hơn. Phép phân-giải là đem giải rõ ra mà chia từng mục, xem đến thì biết ngay được những chỗ kết-cấu trong sách, và những chỗ nghị luận quan-hệ cốt tử đều tiêu-biểu rõ ràng ra cả, phép này công-hiệu hơn phép toát-yếu. Cái phép ghi lấy những câu toát-yếu thì cũng tiện thực, nhưng không rõ bằng cái phép làm ra cái biểu phân-giải thì lại càng rõ ràng hơn; cái biểu ấy là biên rõ những chỗ quan-hệ trước sau, và vựng-toản ra từng việc một, xem đến là hiểu rõ ngay. Hai phép trên này phải nên đều dùng cả, không nên chỉ dùng một phép, học-giả phải nên tường-thẩm bắt chước lấy mà làm.

Hai phép trên này đều là có ích cả. Nếu gặp phải quyển sách nghị-luận cao-thượng mà sự thực thì nhầm lẫn cả, nay muốn lý-hội cho rõ, ngoài cái phép toát-yếu và phân-giải ra, thì

không có phép gì hay hơn cả. Song dùng cái phép toát-yếu và phân-giải thì phải nghĩ-ngợi và xem xét, cũng có người làm hay mà có người làm vụng, những người sơ-học thì chửa thể nào làm cho hay được. Tuy vậy, nếu hay làm theo hai phép ấy mà giỏi, thì học-lực cũng dần dà tấn tới lên đến mười phần. Không cứ người nào lúc mới làm cái phép toát-yếu và cái biểu phân-giải, cũng không khỏi vụng-về, đến sau kinh-nghiệm mãi cho đến khi tư tưởng thuần-thục, rồi mới hay đạt được đến tinh-xảo; lúc mới làm còn vụng cũng không nên thất-vọng vội, nếu hay đọc sách cho kỹ thì tự-khắc biết lựa chọn rõ-ràng, muốn làm biểu phân-giải cho rõ, thì phải chú-ý về phép toát yếu cho rành, không cần gì kỹ-càng quá, chỉ cốt giản-ước mà hay tóm lấy những đại-yếu là đủ. Nếu làm kỹ-càng quá, thời không những là phí thì-giờ mà lại thành ra phồn-tạp quá, không dùng để làm than-khảo được.

Còn như những sách thứ-tự đắc-nghi, trước sau chiếu-ứng tiếp-tục, rành rọt không rối loạn, xem những sách ấy mà muốn làm toát-yếu và biểu phân-giải, thì cực-kỳ là dễ; hoặc tóm lấy đại-ý trong chương-tiết, hoặc lấy những điều yếu-lĩnh, đem biên riêng ra cho chỉnh-tề, hoặc vạch làm đồ-thức mà chia ra từng món. Song thế-gian cũng ít có quyển sách được rành-mạch dễ xem. Học-giả xem sách phải tốn công-phu ngâm-nghĩ, xem xét trong từng chương, từng tiết, thấy được điều gì cốt-yếu, thì phải tóm mà ghi lấy và phân ra làm biểu-kỳ, tùy cái sức mình dụng-công khó nhọc nhiều, thì mình cũng được lợi-ích nhiều; việc gì lúc mới cũng chẳng phải là dễ, nếu hay tập làm cái phép toát-yếu và biểu phân-giải cho quen, thì sau này mới thông suốt được hết cả ý-nghĩa trong sách. Xưa kia có nhà triết-học đem các sách của bậc danh-gia ra làm toát-yếu, thực là dụng-công để tu-luyện lấy trí-lực, những sách kiệt-tác ở trong đời mà mình đem ra toát-yếu và làm biểu phân-giải thì rất là khó-nhọc; song những người nhiệt-tâm nghiên cứu về đường học-vấn, thì cũng không nên quản khó-nhọc, phải cố hết sức mà làm, chớ đừng trễ nải, thế nào rồi cũng xét biết được những chốn vi-diệu, mà có lúc lấy làm thỏa sướng vô-cùng.

Đọc sách cốt là không nhận sai mất cái chân-ý của người làm sách, nếu chỉ câu-nệ về từng câu từng chữ mà sai mất chân-ý thì thành ra nhận lầm vậy; nên muốn làm toát yếu cũng phải làm cái biểu phân-giải nữa, sau này sẽ kể tường. Nếu mình đọc sách đã hay nhớ mà không quên, không nệ và cũng không thiên, rồi dần-dà mình sẽ biết tuyển-trạch cho đích đáng.

Một là muốn giữ cái ý-nghĩa của người làm sách, mà lại cứ câu nệ từng câu từng chữ thì nó lại sai mất chân-ý đi.

Hai là không lý-hội hết được chân-lý trong quyển sách, mà mình làm toát-yếu và phân-giải lại chỉ theo những văn của người tác-giả nhiều quá, thì cũng hay sai mất chân-ý của người làm sách.

Lại còn một phép toát-yếu nữa, như là cái sách cốt-yếu của mình đương đọc, thì cũng phải dùng đến cái phép ấy, phải biên ghi những đề-mục cốt-yếu lên trên đầu sách, hoặc lấy bút chì mà khuyên điểm lấy chỗ khẩn-yếu, cái phép toát-yếu như thế, tuy rằng biên ra cũng hơi phiền quá, nhưng cũng có giúp ích cho sự dẫn-dụng và tham-khảo sau này nhiều lắm. Trên này nói cái phép toát-yếu và phép phân-giải, không những tiện cho sự tham-khảo về sau mà lại hay biết rõ được ý-nghĩa trong sách, thực là một cái lương-pháp rất hay. Nếu gặp lúc sách vở bề bộn nhiều quá, mà mình chỉ xem qua trong vài tháng,

thì cái đại-ý trong sách cũng chưa dễ đã lý-hội được ngay, vậy nên phải dùng phép toát-yếu và phép phân-giải mới được. Lại còn một phép nữa, nếu được quyển sách nào mục-lục tường kỹ hoàn-toàn thì chỉ cốt chú-ý về các mục-lục thì cũng dễ hiểu, nghĩa là đương lúc mình đọc bài trong sách lại xét đến từng mục lục mà ghi nhớ lấy, đến lúc đọc xong quyển sách rồi thì chỉ xem qua mục-lục là nhớ ngay, thế thì mục-lục cũng rất là khẩn-yếu mà cũng rất là tiện-lợi cho người đọc sách lắm. Song những người không biết lợi-dụng mục-lục, mà chỉ xem qua thì cũng không bổ-ích gì; chỉ tiếc rằng không mấy quyển sách làm mục-lục được hoàn-toàn; nếu chép mục-lục mà tóm được hết cả đại-ý thể-tài biên-chế thì thực là hay lắm. Nếu làm mục-lục mà không tinh-tế thì đọc sách cũng không được tiện-lợi. Đời xưa bên Âu-châu cũng không có mấy quyển sách làm mục-lục được tinh-tế, đến gần đây đã biết làm mục-lục kỹ và có chứng-dẫn rõ-ràng, thì tiện cho người đọc sách nhiều lắm. Nay lắm người làm sách chỉ khoe trương số cho nhiều, mà không biết làm mục-lục cho kỹ, thì thực là một điều khuyết-điểm về việc biên-toản vậy.

9) Đọc sách phải có phân-lượng chừng mực.— *Uống say và ăn no đều có hại cả, thì ai cũng biết; nay cái cách học phải cần giữ lấy vệ-sinh, trong sự ăn uống phải cần có tiết-độ. Bởi vì cái tráng-vị người ta đều có phân lượng nhất-định, không thể kham được những sức ăn uống quá-độ. Cái tinh-thần của người ta nó hoạt-động linh-diệu, hình như là cái lượng nó thực là vô-lượng. Nhưng cái tinh-thần có phải là vô-lượng đâu, tưởng như là vô-lượng mà nó vẫn là có lượng nhất-định không dễ biết được. Vì cái tinh-thần nó vẫn có cái phân-lượng vừa độ, mà không mấy người biết, nên người đời hay lấy đọc nhiều xem rộng để khoe-khoang, mà không hiểu cái phép vệ-sinh, làm cho tinh thần mệt quá, có khác gì như trâu ăn bò uống không!*

Cái tinh-thần người ta nó phát-đạt mỗi người một khác, có người đọc sách nhiều được, có người đọc ít đã lấy làm chán rồi, như thế thì biết sao được cái phân-lượng đọc sách của mọi người như thế nào. Nói đại-khái như có người nóng nẩy muốn đọc hiểu ngay cái ý-nghĩa trong sách, mà đến nỗi tinh-thần bì-quyện không còn biết thú-vị gì nữa, và cũng không nhớ gì cả, như thế là đọc sách đến quá-độ, nếu đọc quá đến thế thì còn muốn đọc sách nữa không! Có người nói: « Đọc sách là nó thúc-giục cho cái sức minh khảo-xét nghĩ ngợi. » Lại người nói rằng: « Nếu đọc sách mà không khảo xét nghĩ ngợi chỉ vụ xem cho rộng đọc cho nhiều, làm cho trí-lực mình đến suy yếu đi, thành ra chủ-nghĩa kiến-thức mình đến tiêu-diệt vào trong khoảng trí-thức thác-tạp. » Có người nói: « Đọc sách nhiều vị tất khôn ngoan nhiều, đọc sách chỉ là cái tài-liệu cung cho trí thức mình mà thôi. Đọc sách mà hay sinh được trí-thức, là cốt phải xem xét nghĩ ngợi, chứ đọc nhiều cũng vô ích. » Có người lại nói: « Cái vấn-đề cốt-yếu sự đọc sách là phải cố gắng; đọc bao nhiêu sách và đọc sách gì, đọc sách vào những lúc nào, là phải nên thẩm-định cho kỹ; cái người ăn mĩ-vị nhiều tất không được mạnh khỏe, cái người đọc sách ít cũng vị tất đã là người thiển-học. » Bồi-căn có nói rằng: « Đọc sách không phải chỉ để bàn nói xuông và nghị-luận hão, lại không phải chỉ nghĩ ngợi hỗn tạp, cốt là phải suy xét phán-đoán cho tinh. » Có người nói: « Người ta mà hại về ăn no, là cũng tại mình đói khát quá. » Cái hại về đọc sách nhiều cũng như thế, vì người ta vẫn hay nản đọc sách, có người có vô-số thì-giờ rảnh mà cũng không chịu đọc sách, để cần cho ngày

thêm tri-thức ra, như thế cũng tại là không biết phép đọc sách. Người ta sinh ra không phải là ai cũng hay ham muốn đọc sách, nên phải có cái phép đọc sách để bảo cho biết đường mà học; nếu quen cái thói đọc sách nhiều quá thì phải có phép để kiểu-chính lại mới được; ngày nay có hại về đường giáo-dục là phần nhiều tại hay ham đọc sách nhiều quá; người ta bảo rằng không đọc sách nhiều thì học không được rộng, song đây là nói về cái người đọc nhiều mà lầm-nhảm vô-ích thì mới là tệ-hại, lại tệ-hại nhất là cứ hay đọc những sách bất-lương, thực là hư-hại. Có nhà triết-học vẫn lấy làm buồn về nỗi trong thế-gian nhiều sách vô-ích, không những là vô-ích mà thôi, mà mười phần có đến chín phần có hại, đều lỗi tại những người tác-giả hay làm sách để xạ-lợi; ngày nay cần nhất là phải biết cái phép đọc sách, nếu hay biết được cái phép đọc sách, thì những sách hay mà đáng đọc cũng không được mấy, mà những sách dở không đáng đọc cũng thực là nhiều; những sách dở thực là thứ thuốc độc làm tê-tái cả tinh-thần, và làm cho trí-lực khô-kiệt cả đi; nói thế tuy là hơi quá-đáng, song không kỳ nước nào cầu được những quyển sách hay rất ít, chẳng thực thế là gì. Một nhà văn-học nước Anh nói rằng: « Cứ tưởng là có vô-số sách, mà sao chẳng thấy có một quyển sách nào. » Lại có người nói rằng: « Không nên đọc sách nhiều luôn một lúc, đã thấy hơi mỏi-mệt thì nên nghỉ-ngơi, chứ không nên đọc nữa. » Vô-luận là sách gì, lúc đã mỏi mệt rồi mà còn đọc mãi, như thế tức là quá cái lượng đọc sách, không kể gì một trang hay nửa trang, nếu đã thấy mỏi-mệt thì nên nghỉ ngay. Nếu muốn đem cả những sách mới xuất-bản ngày nay mà xem đọc hết cả thì không thể được; chỉ nên biết qua cái đề-mục mà thôi; rồi tuyển lấy một ít sách hay mà đọc cho kỹ thì hơn. Nếu đọc nhiều sách quá không khỏi là đọc phải những sách lầm-nhảm.

Đọc sách lại cần phải nên đọc đi đọc lại, cái thói học-trò ngày nay hoặc thấy sách giáo-khoa, hay là giảng-nghĩa-lục và những sách xem để xét-nghiệm, tuy rằng sách hay thế nào mặc lòng, cũng không đọc lại nữa; nếu cái người có tính cường-ký đến thế nào, cũng không thể đọc một lần mà hay nhớ hết cả được. Tiên-triết nói rằng: « Được quyển sách hay cần phải nên đọc đi đọc lại cho kỹ. » Những người mà đọc sách tạp-nhạp nhiều quá, thì cái trí-thức nó lại càng thêm hỗn-loạn; song đọc sách mà hay đọc đi đọc lại cho kỹ, thì không những là giúp cho cái sức ký-ức, mà lại hay lý-hội kỹ thêm ra, thế cho nên được quyển sách hay phải nên đọc đi đọc lại hai ba lần. Tóm lại cái lượng đọc sách phải cho tinh-mật, hễ không thấy chán nản mà hay sinh hứng-thú thế là vừa thích-độ; nếu thấy mỏi-mệt mà mất cả hứng-thú, thậm-chí không hay hiểu rõ được ý-nghĩa trong sách, như thế là thất-độ, học-giả phải nên chú ý về chỗ đó.

10) Những qui-tắc lặt-vặt về cách đọc sách.— *Mấy chương trên đã nói những điều cốt-yếu về cách đọc sách, sau này lại nói về những qui-tắc lặt-vặt, để cho các nhà đọc sách tiện-lãm.*

Một là nên chuyên-tâm đọc sách phải giữ theo những điều sa này: 1º Không câu-nệ những lời văn của người tác-giả mà nhận sai mất tư-tưởng của người ta; 2º Cái tư-tưởng cốt-yếu trong bài nghị-luận với cái tư-tưởng không quan-thiết, nên phân-biệt cho rõ-ràng; 3º Phải biết rõ cái chủ-ý trong bài luận thuyết như thế nào, đừng có bị những điều lặt-vặt mà nhận sai mất chân-ý; 4º Nhận cho rõ những điều khinh điều trọng quan-hệ trong

lời luận-thuyết; 5º Nhận rõ cái lời luận-thuyết căn-cứ như thế nào.

Hai về số sách-vở trước đã nói phải cần kén chọn lấy sách nhất-định mà học. Song chỉ đọc chuyên một pho sách, cũng không được, bởi vậy nhà trường có nhiều mục sách, cũng như là các thức ăn không thể ăn mãi một thứ được, phải có đủ và ba thức ăn mới được. Song người ta lúc đọc sách không thể kiêm cả và thứ được, đọc nhằm đến và thứ sách rồi tất sinh chán-nản, mà có khi không thể đọc mãi được nữa, vậy nên đọc độ một số ít sách thì mới là vừa phải; đó tuy là một vấn-đề cốt-tử, mà vẫn lấy làm ngờ chưa hay giải-đáp cho rõ-ràng được, vì rằng đọc vài quyển sách ít quá thì sinh ra chán, mà đọc nhiều sách quá thì nó thành ra thác-tạp; cứ ta sở-kiến thì nhiều người học-trò hay mắc phải cái tệ thác-tạp, đọc sách tạp-nhạp cả mà không hay hiểu rõ được đại-ý thành ra vô-hứng-vị; vô-hứng-vị thì tất sinh ra chán-nản; vậy nên mua sách về đọc, phải đọc suốt từ đầu đến cuối xem thế nào, tuy rằng bộ sách ấy chưa chắc đã tốt, nhưng mình đọc qua đi cũng bất-phương; nếu gặp được quyển sách hay mà mình không đọc cũng đem bỏ hoài đi mất chẳng tiếc lắm du! Song đồng-thời gồm đọc cả mọi sách thì không nên đọc quá nhiều vậy

Ba là đọc lấy cho chóng thì có ích-lợi gì không? Đọc sách là cần phải chú-ý xem xét, nếu đọc lấy cho chóng thì còn ích-lợi gì nữa. Việc học-hành là cốt cho thích-độ, đọc sách thì phải cho hiểu rõ ý-nghĩa, rồi dần dần mới hay tiến-bộ được; nay nhiều người cứ muốn đọc lấy cho chóng, thế là không biết cái phép đọc sách; những sách muốn đọc nhiều, mà giờ đọc sách thì ít, cũng không nên đọc vội-vàng; nếu muốn đọc sách phải chú-ý về cái sách đáng đọc; nếu chỉ đọc vội-vàng lấy cho chóng xong, thì thà rằng không đọc còn hơn.

Cái cách đọc chóng cũng phải nên phân-biệt, như là muốn đọc cho hết cả toàn-thiên ngay, rồi sau lại đinh-ninh đọc đi đọc lại, thì lần trước đọc cho chóng xong cũng được. Song trong sách còn nhiều những điều nghi-luận tổng-thác, lý-luận tinh-vi, quan-hệ rất nhiều, nếu đinh-ninh đọc kỹ cũng chưa chắc đã hiểu biết ngay được điều yếu-lĩnh; vậy nên lần trước đọc lấy cho chóng, để dự bị đọc lần sau cho kỹ. Nếu chỉ đọc qua một lần mà tư-tưởng đã tản-mạn ngay, dẫu đọc đến lần thứ hai nữa cũng chẳng thấy thú-vị gì mấy, nó đã làm tan mất cái sức chú-ý đi rồi, thì có khi chưa đọc hết đã bỏ dở, so với cái người thủy-chung vẫn chú-ý, đọc xong lần trước lại đinh-ninh đọc lần sau cho kỹ, rồi nó lý-hội dần dần tiến bộ mãi lên, cơ-sở rất là chắc-chắn, hễ tiến lên một bước là cảm-giác được một đoạn hứng-thú, tiến lên hai bước là cảm-giác được hai đoạn hứng-thú, rồi tự-nhiên hiểu-thấu được đến những điều tinh-vi diệu-chỉ, đọc sách chóng mà hay liệu-độ đắc-nghi như thế thì mới là có ích vậy.

Bốn phi-độc là đọc nhanh như bay. Bồi-cầu nói rằng: Học sách không phải chỉ đọc một bộ-phận mà đã đủ, đọc hết cả toàn-thiên rồi, lại phải đọc lại mà nhận kỹ lấy những chỗ tinh-tế trong sách. Song cũng không được mấy quyển sách hoàn toàn, mà những chỗ sách hay khả-thủ được cũng rất ít. Nhưng vì những sách tuy dở đến đâu, cũng có một vài chỗ hay khả thái thủ; trong hàng vạn quyển sách thì tất cũng có nhiều chỗ hay, ta tất là phải đọc, thế cho nên cũng cần đến cái lối phi-độc. Nếu không đọc luôn cho nhanh thì có khi phí mất thì-giờ, mà đọc phải sách dở thì càng sinh-tệ, cho nên cái phép

phi-độc cũng phải cần, theo cái cách ấy mà đọc cho nhanh để tóm lấy những chỗ hay trong sách, mà bỏ bớt phần dở đi, rồi mình hãy xem lại càng tiện mà lại càng kỹ, chứ không phải chỉ đọc cho chóng lấy một lần rồi thì thôi. Cái sách mình đọc phải nên chú-ý cho kỹ, lại phải trịnh-trọng chú-ý về những chỗ trước sau có quan-hệ, những chỗ nào nên lấy nên bỏ phải ghi cho nhớ, phải xét đi xét lại hai ba lần. Song những người sơ-học thì chưa thể theo cách phi-đọc được, sợ lại thành ra đọc nhầm ngay.

Năm tạp-độc là đọc bừa đi, tùy-ý mình sở-thích, chứ không theo gì phương-pháp qui-luật cả, và cũng chẳng chú-ý kỹ-càng, cứ mạn-nhiên đọc bừa đi. Cái cách tạp-độc như thế, cứ theo như qui-tắc trên kia đã bài bác đi rồi. Chỉ có như nhật-báo tiểu-thuyết thì có thể chẳng phải theo phép-tắc gì mà cứ đọc bừa đi cũng được. Còn như những sách khác, không biết tính-chất nó thế nào, thì phải theo cái cách như trên mà đọc, không thế thì chẳng được lợi ích gì cả. Ngày nay các học-trò đọc sách đã không biết chọn lấy sách nhất-định mà chuyên đọc, chỉ cứ đọc bừa đi thì có bổ-ích gì. Nay đã có cái phép đọc sách này, chúng ta phải nên nghiên-cứu mà tuân giữ thì tự-khắc là thấy có công-hiệu vậy.

Ôi! sách-vở là những lời danh-ngôn cao-luận của các đấng hiền-triết xưa nay cực-khẩu xưng-dương, thực là một bậc sư-phó chí-hiền, bè-bạn chí-thiện không gì bằng; ta nếu hay thừa-tiếp cho phải đạo, thì sách-vở tất bảo cho ta lấy những lời trung-cốc rất hay và những điều giáo-huấn rất phải, không còn ngờ gì nữa.

(Hết)

Ng. H.-T. *dịch*

GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

XII

6° *Ứng-dụng*

Người quân-tử đời nay tuy chưa công-nhiên coi đạo đức là hẳn-thù, nhưng đã ít lâu nay vẫn coi như là cái dải mũ thừa vậy. Cái thuyết của họ thường nói rằng đạo-đức tuy là hay nhưng mà vô-dụng. Ta thì bảo rằng thiên-hạ chưa từng có cái vật gì đã hay mà lại vô-dụng bao giờ, đã vô-dụng thì không gọi là thiện là hay được nữa. Nên ta thuật những điều ứng dụng về tiết thứ sáu này.

Xét: *Năm thiên trên thuật về các học-thuyết đã phát-minh những điều đạo-đức đem ra ứng-dụng cũng nhiều. Thiên này nói thêm ra một hai điều để bổ vào cho đủ.*

— Hoặc người nói rằng: « Nhiều người học thành ra vu-khoát vô-tài. » Không biết rằng những bậc chân-tài vốn tự trong học-vấn mà ra; nếu học mà tinh-côn hay linh-thông thấu biết hết cả, thì dẫu gặp việc lớn cũng làm phăng đi như chặt củi vậy. (Châu Nam-cao)

---

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải Siêu, xem *Nam-Phong* từ số 150.

— Hoặc người hỏi Tiền Tự-sơn rằng: « Dương-minh tiên-sinh chọn dùng kẻ nhân-tài thủy-chung hay đắc-dụng cả, bởi thuật gì mà hay như thế được?. — Tự-sơn rằng: « Thầy ta kén người dùng, không những chỉ kén lấy cái tài, cốt là trước tin cái tâm, nếu cái tâm đã hay kỷ-thác, thì cái tài nó tự hay hiệu-dụng cho mình. Người đời thì chỉ thích-dụng lấy cái tài người ta, mà không xét xem đến cái tâm, nên người có tài chỉ đủ làm lợi cho thân mình mà thôi, không có thành-công gì cả. » Ta bảo lời nói trên này thực là lời yếu-quyết để kén dụng nhân-tài. Song người ta mà tâm-địa không sáng thì sao hay xét biết được tâm-thuật người. Người ta không lo rằng không có tài, kiến-thức tiến lên thì tài càng tiến, không lo rằng không có lượng, kiến-thức lớn lên thì lượng càng lớn; đều là sở-đắc về học cả. (Cao Cảnh-Dật)

Xét: *Lời nói trên này thực là lời yếu-quyết để kén-dụng nhân-tài và cái thuật để soi xét cái tâm, rất là rõ-ràng thâm-thiết.*

— Kẻ học-giả lúc tĩnh đã hay hàm-dưỡng đắc-lực, lại có một hồi công-phu xem sách, thì tự-nhiên gặp việc gì hay ứng-dụng ngay. Nếu lúc tĩnh không hay hàm-dưỡng đắc-lực, mà những sách xem đọc chỉ là sách văn-chương hão-huyền mà thôi, thì nên dạy cho luyện-tập mọi việc cho quen; ngoài những việc ăn mặc tầm-thường, lại còn những sự thù-tạc cảm-ứng, việc gì chẳng phải là việc, có lúc nó thiên-biến vạn-hóa không biết đâu là đầu mối, mà việc gì cũng phải phán-quyết ở tâm mình, như là cái cân cái thước đối-đãi với mọi vật vậy. Tuy rằng cân đo tại mình, mà cái hình nặng nhẹ dài ngắn vẫn tùy theo mọi vật, chứ mình không có can-dự vào đó, sở-dĩ hay lấy tình thuận cả muôn vật mà vẫn là vô-tình là vì thế. Vậy nên không cứ việc lớn việc nhỏ, đều có lý cả, chỉ phán-đoán xem đâng nào phải và đâng nào trái, nếu biết là phải thì cứ quyết-đoán như thế, dẫu quỉ thần cũng không sợ; nếu biết chỗ ấy là không phải, thì quyết không làm thế, dẫu muôn chung nghìn tử cũng không thèm. Lại tùng-trung chia tách ra từng ly từng tí, biện-bạch rõ cái trái ở trong cái phải, cái phải ở trong cái trái, và những việc tự-thị nhi phi, tự-phi nhi thị, cứ thế mà làm thì không còn ngờ gì nữa, mà sở-hành đều có công-hiệu cả. Lại việc gì cũng có nước trước, làm việc khó phải lo từ lúc dễ, làm việc lớn phải gây từ lúc nhỏ; lại còn phải xét chỗ yếu-trước, chỗ yếu-trước ấy mà hơn người thì mới thắng người được, nếu sai mất nước ấy thì toàn-cục thất-bại. Lại còn phải biết nước trước nước sau, như đánh cờ mà lấy nước sau làm nước trước, thì là mắc phải cái tệ đục-tốc cũng là hư-hỏng; vả lại việc gì cũng phải làm cho đến nơi đến chốn, nếu đã theo đuổi làm được tám chín phần rồi mà không lưu-ý cẩn-thận, thì có khi cũng đến quyết liệt. Vậy nên khi đã học mà xét biết được điều phải điều trái rồi, thì lại tính đường thành-bại, như thế mới là học hữu-dụng. Đời có lắm người học-giả lúc thường thì bàn-luận đạo-lý rành mạch, nếu hỏi đến thế-vụ thì chẳng biết gì cả; thử cho làm một việc thì chẳng biết giở đâng nào, cái tài mình sơ-truyết như thế là bởi tại cái tâm thụ-bệnh, chứ không phải chỉ tại cái tài. Lời ngạn có câu rằng: « Kinh nhất sự trưởng nhất trí. » Ta phải nên xét xem cái căn-nguyên chỗ tâm mình thụ-bệnh là ở chỗ nào, rồi cố khắc-trị đi cho hết, đến khi thi-dụng ra mới khỏi sai lầm, mà dần dần mới tấn tới lên được. Nếu người nào học mãi mà gặp việc không hay ứng-dụng, thì chỉ có cái phép phải luyện lấy tâm mình, chứ không cần luyện-tập làm việc; cái

phép luyện tâm chỉ cốt là trong bụng không tơ-tưởng một việc gì ; nếu trong bụng không vướng một việc gì thì làm việc gì mà chẳng được, đó là tại cái công-phu chủ-tĩnh của mình đã đắc-lực vậy. (Lưu Chấp-sơn)

Xét : *Dương-minh tiên-sinh dạy học trò thường bảo phải cố công-phu ma-luyện cho quen mọi việc. Bài trên này là Chấp-sơn lại giải thích thêm ra vậy. Bồng-tử có nói rằng : « Cốt là chính lấy nghĩa cho phải chứ không mưu-lợi, học cho sáng cái đạo chứ không kể công. » Lời nói ấy bị phái công-lợi gần đây họ chê-bác mãi, nay được lời nói Chấp-sơn cứu-chính lại cho, thì mới bớt kẻ bài-bác. Người nào ra gánh vác việc đời mà hay làm nên thành-công, là bởi tại mình có cái sức tự-tin, và cái định-thức hay giám-biệt mọi việc. Nếu không có sức tự-tin thì chủ-kiến du-di, dẫu có mười phần tài giỏi cũng không hay dụng ra được năm phần. Nếu hay học về cái nghĩa tri-lương tri cho thâm-thiết, như ông Chấp-sơn bảo rằng : « Nếu biết đích là phải thì cứ quyết-đoán như thế mà làm, nếu biết chỗ ấy là không phải thì quyết không làm như thế. » Còn như những sự lợi-hại nhỏ-nhen bề ngoài nó lay chuyển, cũng không hay làm bận đến trong lòng, đó là bởi cái sức tự-tin mạnh không ai bằng. Song nếu không có định-thức để giám-biệt, thì cái điều mình lấy làm tự-tin, chưa chắc đã là phải mà nên tin. Nhưng cái tri-thức hay phân-biệt ấy không phải là đến lúc làm-sự mà hay như thế phải hàm-dưỡng nó từ trước khi ứng-sự mới được, nên người ta thường bảo rằng càng lịch-duyệt nhiều thì lại càng thêm tri-thức vậy. Song cái bản-thể tâm mình cũng phải thường sáng mới được, ví như cái gương kia nó sở-dĩ hay chiếu sáng không vật nào hay lần hình được, không phải chỉ cậy về hay soi mọi vật được nhiều mà thôi, tất phải cốt tại cái bản-thể nó sáng, nếu bản-thể cái kính nó đã mờ tối, thì dẫu đem chiếu đến hàng trăm thức, mà hình tướng các thức vật ấy vẫn không chiếu được đích-xác. Vậy nên Chấp-Sơn bảo rằng nếu mình gặp việc mà không hay ứng-dụng được, thì chỉ có cái phép là phải luyện lấy cái tâm, chứ không cần phải tập-luyện mọi việc. Lời nói ấy rất là thiết-đáng.*

— Hoặc kẻ hỏi thánh-hiền học-vấn, trước nhất là phải khởi-niệm vị mình ; còn các bậc hào-kiệt mà hay lập nên được sự-nghiệp là bởi cái tâm vị huân-danh ; nếu không có cái tâm vị-danh, thì tưởng cũng không làm nên được sự - nghiệp. Tiên - sinh bảo rằng : Không nên coi thường các vị hào-kiệt, cổ-nhân xưa kia phàm nhất-ngôn nhất-động mà hay tin ở hiện-thời, truyền về đời sau, là đều có một cái tinh-thần chân-chí ở trong, cái tinh-thần ấy tức là cái bụng thành, bởi có bụng thành nên mới hay lập được công-nghiệp bất-hủ ; nếu hơi có bụng hiếu-danh, thì tức là giả-dối bất-thành, đã bất-thành thì không có sự-vật gì cả, sao hay lập được công-nghiệp gì. (Lưu Chấp-sơn).

— Chấp-sơn vào yết-kiến vua Tu-tôn, vua hỏi rằng : « Nay quốc-gia bại-hoại đã cực lắm, thì nên chỉnh-đốn như thế nào?» Tiên-sinh thưa rằng gần đây nghị-luận về việc kén lấy người giỏi, thì chỉ mong kén lấy người tài-vọng, mà không kể gì tháo-thủ ; không biết rằng những người chân-chính tài-vọng trong thiên-hạ, đều bởi là người có tháo-thủ chân-chính cả. Tự xưa đến nay chưa có người nào không cần tháo thủ, mà lại dám hăng hái làm việc bao giờ ; cũng chưa có người nào tháo-thủ đã bất-cần, mà quân-sĩ lại sợ oai bao giờ. Vua nói : Đương lúc cần phải tế-biến, thì phải trước cầu lấy người có tài, rồi sau mới kể đến tháo-thủ. Tiên-

sinh bảo rằng: Lúc tế-biến lại cần phải người có tháo-thủ lắm, xem như Phạm Chí-Hoàn là người tháo-thủ bất-cần, dùng của đút được bổ quan, nên ba quân đều chểnh mảng không nghe theo mệnh lệnh, xem thế thì biết phải cần dụng cái người có tháo-thủ mới được. Vua mới đẹp lòng. (Minh-nho Học-án)

Xét: *Đức Khổng-tử khi xưa muốn truyền đạo-học vẫn thường nhớ đến kẻ sĩ có nết cuồng quyến. Quyến là cái nết có điều không thèm làm. Bạch-sa thường bảo rằng học-giả phải nên có cái tường vách liêm-ngung là cái nết liêm-khiết cạnh góc, mới hay đảm-nhiệm được việc thiên-hạ. Đời nay những người gọi là tài-trí, chỉ lo cho họ rằng hay làm phá-bỏ mất cái tường vách liêm-ngung ấy đi, mà làm bừa đi không nghĩ gì cả. Lời nói của Chấp-Sơn trên này chính là thuốc chữa về cái bệnh của kẻ tài-trí đời nay vậy.*

— Lúc động lúc tĩnh mà không hay coi như một, thì sao gọi là học được. Ông Dương-minh khi đi hành-quân, vẫn một mặt giảng học, một mặt ứng-thù quân-vụ, thế mà vẫn không rối-loạn một ly, thế thì những lúc ấy động với tĩnh là một hay là hai? (Lưu Chấp-sơn)

— Có người ghét nhiều việc mà lấy làm lo, không biết rằng việc đời dẫu nhiều đều là việc người ta nên làm cả; làm người mà không làm mọi việc, thì còn trách ai làm.

— Tiên-sinh thấy một người học-trò hay vội-vàng mang-bách, mới hỏi tại cớ sao? Thưa rằng: Vì bận nhiều việc muốn làm cho xong. Liền bảo rằng: Ta đây cũng chăm-chỉ làm mọi việc, nhưng không có vội-vàng mang-bách như nhà ngươi. (Trình Y-xuyên)

Xét: *Cao Cảnh-đật nói rằng: « Người ta lúc tĩnh mà đã có định-lực, thì mình hay chế được mọi việc, chớ để các việc nó hay chế được mình. » Y-xuyên sở-dĩ hay ứng mọi việc mà không mang-bách; Dương-Minh sở-dĩ hay một mặt trị việc quân mà một mặt vẫn giảng học, đều bởi đã có định-lực không bị chế ở mọi việc vậy.*

— Xử-trí việc lớn thì phải lấy cái lòng chí-công chí-thành mà làm thì mới nên được việc. Nếu không xét cái tình người, mà khinh-thường cho nhiệm-sự, hoặc dẫu biết là giả-dối, mà cũng cố che đậy cho xong việc, kết-cục cái tệ không biết bao nhiêu mà kể. (Lã Đông-lai)

Xét: *Gần đây những bọn tân-đảng cộng-sự với nhau không được bao lâu rồi lại quyết-liệt, đều bởi cái tệ như lời nói trên vậy.*

— Người ta vẫn bảo rằng kẻ hậu-sinh khá sợ, nhưng tựu-trung chọn được một hai người không phải là vừa, phải nên bảo cho lấy đường chính, khai-đạo dần-dà, trước bảo lấy điều đốc-thực đôn-hậu, rồi sau mới bảo lấy điều khôn-ngoan trí-tuệ, biện-bác nhanh-nhẩu, như thế thì sau này mới thành tài tốt, mới bỗ công thu-hoạch về sau. (Lã Đông-lai)

—Phong-tục trong dân-gian hậu hay bạc là bởi tự đâu? Bởi tự cái tâm-chí một hai người trên sở-hướng về đàng nào mà thôi. Nguyên dân-chúng sinh ra vốn hèn yếu ngơ-ngác không biết gì, tựu-trung có một vài người hiền và có trí khôn, dân-chúng mới tôn lên mà cùng theo phục mệnh-lệnh; người nào tinh khôn hơn nữa thì dân-chúng phục theo lại càng nhiều. Cái tâm-chí của mấy người hiền-trí ấy nếu hướng theo về đường nghĩa thì dân-chúng đua nhau theo về đường nghĩa; cái tâm-chí của mấy người hiền-trí ấy nếu hướng theo về đường lợi, thì dân chúng cũng đua nhau theo về đường lợi; cái thế nó xoay về đàng nào thì dân chúng cũng xu về đàng ấy, dẫu có người sức khỏe đến thế nào cũng không thể ngăn lại được; cho nên nói rằng

khua động vạn-vật không gì nhanh bằng gió, cái phong-tục nó cảm nhiễm đến cái tâm người ta, lúc mới còn tế-vi rồi sau thì không thể ngăn-cấm được nữa. Xưa kia đấng tiên-vương trị thiên-hạ, khiến cho người hiền đều ở ngôi quan có thế-lực, lấy phong-hóa cảm dân theo về đường nghĩa, cho nên đạo hợp-nhất mà phong-tục đại-đồng. Từ khi thế-giáo đã suy kém, mấy người trên không hay hết chức-vụ ở ngoài, mà tâm những người ấy sở-hướng lại khác, đua nhau khẩu-thuyết để truyền-bá làm thanh-khí; kẻ dân-chúng cũng đều thính-mệnh nghe theo mà gây nên tập-thượng; vì thế mới khởi lên đồ-đảng, kẻ nhân-tài lúc ấy cũng mới sinh ra; có người đem nhân-nghĩa khởi-xướng lên, thì đồ-đảng họ cũng chết theo về nhân-nghĩa mà chẳng đoái nghĩ gì cả; có người lấy công-lợi khởi xướng lên, mà đồ đảng họ cũng chết theo về công-lợi mà chẳng trở lại nữa; cái lẽ nước chảy xuống chỗ trũng, lửa bén vào chỗ khô, xưa nay người trên cảm-hóa thế nào thì dân-chúng đều ứng theo như thế cả. Đời nay những người quân-tử ở ngôi trên, chỉ kêu là thiên-hạ không có nhân-tài, mà mình thì cứ ngồi chiếm lấy cái ngôi cao-minh, không chịu đem cái chí-hướng của mình làm ra tiêu-biểu để chuyển-di phong-tục, mà hun-đúc lấy nhân-tài trong một đời; lại đổ tội cho thiên-hạ là không có nhân tài, như thế có phải không? Xem như trong một làng mười nhà, mà có một người học trò hiếu-nghĩa, cái trí nó hay làm biến-di được mười người, tất là hay tốt hơn trong mười người mà chính là người tài đó; cái trí nó hay biến-di được trăm người, tất là hay tốt hơn cả trong trăm người, mà chính là người tài đó. Thế thì cái việc chuyển-di phong-tục mà hun-đúc lấy nhân-tài trong một đời, không những là các người ở ngôi cao-minh có trách-nhiệm, mà những người mới nhất-mệnh là bậc sĩ-phu cũng phải dự phần trách-nhiệm vậy. Trên là quốc-gia hay theo như cái thuyết của ta, mà biết cẩn-thận chọn lấy người cùng trị ngôi trời; dưới là kẻ sĩ-phu hay theo giữ cái thuyết của ta, mà biết cẩn-thận cái tâm chí minh sở-hướng, sợ sai đi một tí thì làm hoại cả phong-tục mà hại cả nhân-tài; ai cũng hay giữ gìn cẩn-thận như thế độ vài mươi năm, may ra thu được hiệu-quả hay, cũng chửa biết chừng. (Tăng Địch-sinh)

Xét: *Đạo-học mà hay ứng-dụng ra với đời được, là nhờ về những bậc sĩ-phu hữu-chí, đem thân mình để dạy cho thiên-hạ, nhân thế mới gây nên cái phong-tục trong một đời, tạo ra cái tinh-thần về thời-đại ấy; xem như trong tờ thư của Vương Dương-minh đưa cho Nhiếp Song-giang và lời nói của Tăng Văn-chính trên này, đã bàn rõ vậy. Cố Đình-lâm có bàn về thế-phong nói rằng: « Xem như cái phong-tục đời vua Ai vua Bình nhà Tây-Hán đã suy-đồi như thế, mà hay biến ra cái phong tiết-nghĩa đời Đông-kinh; cái phong đời Ngũ-đại hỗn-loạn như thế, mà hay biến ra cái phong văn-minh đời Tống; thì khả biết rằng thiên-hạ không có phong tục nào là chẳng biến đổi được; đó là tại cái công đề-xướng của vua Quang-vũ và vua Minh vua Chương đời Đông-Hán, vua Nghệ-tổ và vua Chân vua Nhân đời Tống, nên gây ra cái phong-tục như thế vậy.» Lời bàn như thế cũng thiết-đáng, nhưng vẫn còn chưa đủ. Xưa nay phong-tục mà hay biến-cách đi được, nhờ về cái sức cổ-vũ của vua chúa chẳng qua chỉ độ một hai phần trong mười phần, mà nhờ về cái công huân-đào của các bậc sĩ-phu có đến tám chín phần trong mười phần. Xem như đời Minh Thái-tổ, Thành-tổ khởi lên hăng-hái dữ-tợn, làm cho tồi-tàn dân-khí, thúc-*

phục dân-đức biết đến thế nào, thế mà đến cuối đời Minh cái phong khí-tiết lại thịnh, có phần hơn cả đời Hán đời Tống, há chẳng phải là nhờ về cái giáo-hóa di-trạch của Diêu-giang 姚江 tiên-tinh là gì? Lại như Tăng Văn-chính tính về sau đời Ung-chính Kiền-long, khi ấy phong-thói cả nước đã bại-hoại đến cực-điểm, thế mà Văn-chính hay cùng với La-sơn chư-tử giảng-cứu đạo-học, lấy đạo thống tự-nhiệm, bền hay bài-trừ vạn-nan, xông pha vạn-hiểm, lập thành được công-danh, cái di-trạch đến nay còn chưa dứt, nay mà nói đến những người sĩ-phu cao-thượng đốc-hậu thì ai cũng phải chịu người đất Tương Hồ là hơn cả, thế thì nhờ về cái sức cảm-hóa của bậc tiền-bối họ Tăng họ La khi trước, sao thể giấu được vậy. Xem thế thì Tăng Văn-chính bảo rằng cái công chuyển-di phong-tục, hun-đúc lấy nhân-tài trong một đời, chẳng phải là cái công-nghiệp không thể làm được. Tuy rằng thói đời đương lúc hỗn-trọc đến cực-điểm, rồi cái công-hiệu cải-lương cũng có thể mong thấy được; mà chính đương lúc thói đời hỗn-trọc cực-tệ kẻ sĩ-phu mà đứng vào trong cái vòng nước xoáy ấy lại càng phải trác-nhiên độc-lập mà chấn-bạt lên, chứ không thể thôi được

(Hết)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

IX

Ông Nguyễn Văn-Giai 阮文階

Nguyễn Văn-Giai, một tên nữa là Bá 伯, sinh ở làng Đại-lã phủ Nam-sách, Hải-dương đời Mạc-Lê. Nguyên tổ-quán ở làng Phù-lưu, huyện Thiên-lộc, Bắc-ninh. Cha Nguyễn Văn-Giai đến ở làng Đại-lã rồi lấy vợ ở làng ấy mà sinh ra Nguyễn Văn-Giai. Cha mất sớm nhà nghèo. Nguyễn Văn-Giai rất hiếu-học, có sức khỏe mà nhanh trí khôn. Nhà không có dầu thắp đèn mà học, nhân đi ngoài đường thấy lợn của người làng xồng ra, bèn hai tay chẹ lấy mõm lợn đem dìm xuống ao cho chết đi, lừa đến tối vác về nhà mổ lấy mỡ dầu thắp đèn học. Hết con ấy lại bắt con khác, sau ra đến cả các làng bên, nhưng bắt trộm một con thì lại hỏi dò xem của nhà ai mà biên vào một cái sổ tường-tận, cứ thế mãi rồi trong huyện hạt có người biết mà dinh đánh, Nguyễn Văn-Giai phải thôi làm cách đó. Lại đi ăn trộm thóc-lúa hoa-mầu ở ngoài đồng để làm kế tư-lương, lâu người ta biết lại phải thôi. Lại xoay kế đi nấp đón đường kẻ trộm, hễ thấy đứa trộm nào về nặng gánh thì bất-thình-lình đánh mà cướp lấy gánh. Nhiều lần rồi bọn kẻ trộm nó biết, rủ nhau đinh báo-thù, Nguyễn Văn-Giai lại bỏ cách ấy. Bấy giờ cứ đi dình xem các nơi đình-miếu ở quanh vùng, hễ nơi nào có tế-lễ thì trước đã vào nấp ở bậu-cung hoặc bụi rậm sau đình miếu, đến lúc dân đang tế-lễ ở đình ngoài thì lẻn ra xẻ lấy một nửa xôi thịt rồi trốn mất.

Nguyễn Văn-Giai cùng-khốn phải làm liều như thế để lấy lương mà học, song vẫn không nản chí, lại càng chăm-chỉ thêm, học-lực đại tiến, đầu năm Quang-hưng đời vua Lê Thế-tôn (1578-1590) hồi chưa khôi-phục Thăng-long

ông vào Tây-kinh thi với nhà Lê đỗ Tiến-sĩ (Hội-nguyên, đình-nguyên và Hoàng-giáp). Bắt đầu bổ Hiến-sát-sứ xứ Thanh-hoa, kiêm chức Tham-mưu trong quân-vụ Trịnh Kiểm. Sau thiên chức Đô-Ngự-sử. Đến hồi quân Lê về khôi-phục Đông-kinh, ông có nhiều công trù-hoạch mưu-kế. Người nhà Thanh đưa thư hỏi vua Lê lúc đó có quả thực là con cháu nhà Lê trước không, ông với Đỗ Uông ra cửa ải tiếp sứ và tỏ sự thực. Luận-công đánh Mạc ông được thăng Lại-bộ Thượng-thư coi cả việc lục-bộ, lại kiêm chức Đô-Ngự-sử, gia tước là Thiếu-phó Lễ quận-công.

Niên-hiệu Thận-đức (1600), đời vua Kính-tôn ông Nguyễn Văn-Giai theo Thanh Quận-công là Trịnh Tráng chia đường tiến đánh Mạc Khánh-vương và bọn Tri-thủy 智水, đều dẹp tan cả. Khoản niên-hiệu Vĩnh-tộ (1600-1619) đời vua Thần-tôn, có cuộc nội-biến của Trịnh Xuân, ông dẹp yên ngay, có công phong là Kiệt-tiết tuyên-tực 竭節宣力, công-thần chức Thái-bảo. Năm Vĩnh-tộ thứ 10 thì ông Nguyễn Văn-Giai mất, tặng chức Đại-tư-đồ và sắc hạ cho hai làng Đại-lã với Phù-lưu phải thờ làm thần thành-hoàng, nay hãy còn. Sách « *Thanh-lâm phong-thổ* » nói việc ông Nguyễn Văn-Giai mất cũng là ám-muội, là vì ông có người con thứ ba âm-mưu phản-đối chúa Trịnh sự lộ ra bị giết, nên ông cũng uống thuốc độc mà chết, tuổi thọ đã 72. Lúc ông đã hiển-đạt rồi về làng Đại-lã làm tiệc đãi mừng cố-cựu, rồi giở sổ mời những người có lợn, có hoa-mầu mà ông lấy trộm lúc trước đến, đãi tiệc rồi chiều giá trả tiền lại và cảm ơn tử-tế.

Lại còn một chuyện sách « *Thanh-lâm phong-thổ* » nói ông trả nghĩa một người tình-trung tri-kỷ một cách tức cười như sau này :

Khi Nguyễn Văn-Giai còn thiếu-niên, nghèo đến không đủ quần áo mà mặc, chỉ có một cái quần một cái áo rách đi học thì mặc, tan buổi học về lại cởi ra, chỉ đóng một cái khố. Hôm ấy trời nắng bức, Nguyễn Văn-Giai ra ngồi tắm để khố bên bờ ngòi, liền bên đường đi, khi đang mải tắm có người kéo rào đi qua, kéo vương mất cái khố rách bao giờ không biết. Đường bờ ngòi buổi ấy kẻ đi người lại đông lắm mà nhà mình thì ở xa, Nguyễn Văn-Giai tắm xong mà cứ loanh-quanh ở dưới nước không dám lên. Đã lâu lắm, cách ngòi có một nhà giàu, nhà ấy có một cô con gái tuổi độ 17, 18, da trắng tóc dài, có giáng yểu-điệu, có nết đoan-trang mà cũng chưa ăn trầu hẹn ước nơi nào. Cô ở bên kia ngòi, biết ý anh khóa Giai sở-dĩ tắm ở dưới ngòi lâu mãi như thế. Cô bèn vào trong buồng rồi giả-cách có việc tất-tả đi qua bờ ngòi, qua chỗ khóa Giai đứng tắm thì đánh rơi một cái giải yếm lụa bạch rang-rúc xuống đấy mà như không biết. Cô đi khỏi đã lâu, cậu khóa Giai trông thấy cái giải yếm rơi trên bờ ngòi mới hiểu ý, bèn lên cầm lấy đông vào mình làm khố. Trong khi cậu cầm lấy cái giải yếm lụa trắng tinh mềm-nhũn đượm những mùi chân-hương nơi khuê-tú, quí báu biết bao, thì bất-giác cảm-tình lai-láng, run cả người, ngượng cả chân tay. Cậu nghĩ rằng : « *Ngẫm âu người ấy bâu này, chẳng duyên chưa dễ trao giây thâm tình! Mà thật rằng, khen cho con mắt tinh đời, anh-hùng biết giữa trần-ai mới già! Cái ơn tri-ngộ này, trừ phi cùng ai tình cuộc trăm năm hương-lửa, thì không đủ đền bồi. Song lại nghĩ mình đương lúc hàn-vi, biết anh-hùng giữa chốn trần-ai ấy có một nàng, còn người cầm cái cân tức là song-thân nhà nàng kia, chắc có tỏ rằng vàng hay thau cho chăng. Hay là lại theo thói thế-tình có trông thấy rỗ mới bỏ thóc, mà như ông Trạng Bạch-Liêu trong hàng phủ, lúc chửa đỗ, giạm con gái trưởng-giả*

bị nói chua lại càng thêm thẹn. Vả mình đang lúc lo tiến-thân lập-danh, thì nghĩa nọ tình kia, âu đành gác để bên lòng, lại ghi vào trong tập nhật-ký cũng như những việc vay vắng mặt về lợn và hoa màu kia, mà thề rằng mai ngày ngựa giong đai bạc áo lam, thì muôn từ nghìn chung cũng cùng tri-kỷ »

Ông Nguyễn Văn-Giai là khách đa-tình mà lại là kẻ sĩ khẳng-khái. Ông đã không chịu đem chí-khí mà hi-sinh cho ái-tình, không chịu chỉ quí hồ chóng được phú quí, sớm thỏa tình riêng, mà không nghĩ đến danh-tiết lớn nghìn năm như những bọn si-tình thiếu-niên khác, nên ông quyết không chịu ra làm tôi một cái Triều-đình tiếm-thiết là nhà Mạc, bèn bỏ quê hương vượt quan-ải vào thi với nhà Lê ở đất Tây-kinh. Ông đỗ Hoàng-giáp, được vua Lê tưởng Trịnh biết tài của ông, bổ chức pháp-quan, tham-mưu quân-vụ. Một cái chí-khí lớn-lao là « *khuông-phù chính-thống, quét sạch trung-nguyên* » vẫn canh-cánh một bên lòng, anh đồ xác ngày là học trò đêm là kẻ trộm ở hạt Nam-sách bấy lâu nay, nay gặp hội tao-phùng, cớ đã đến tay như thế, trừ phi bị cái nạn đôi đức sinh-thành, tử-sinh nguy-cấp ra thì còn ai mà khiến cho Lang về với Hạng, cho Thứ về với Tào, lúc bấy giờ được nữa. Cho nên bấy giờ mỗi khi ông giở đến quyển nhật-ký thủa hàn-vi ra thì không những những chỗ đinh-ninh bát cơm Phiếu-mẫu trả ơn nghìn vàng, khiến cho ông sốt lòng nóng ruột ; mà nhất là đến chỗ câu tự-thệ «*tỏ mặt phi-thường rước nàng nghi-gia* », thì lại càng khiến cho ông trông trăng mà thẹn với lời nước non nữa. Sự-thế như thế lại càng bách-thúc cho ông phải nghĩ: sao cho muôn dặm một nhà, cho người nhận mặt là ta cam lòng.

Thấm-thoắt có mấy năm, ông vận-trù quyết-thắng, làm cho vua Mạc phải chạy lên Cao-bằng, vua Lê được về ngự Thăng-long, ông được công-thành chí-toại, trở về thăm cố-hương để báo-đáp ơn xưa tình cũ, thì cô con gái bỏ rơi giải yếm ở bờ ngòi làng Đại-lã mà ông đã ghi vào trong sổ nhật-ký và đã chót phát-thề nhận làm bạn tri-kỷ trăm năm kia, thì nay bác mẹ đã gả cho một người nhà quê dốt-nát đã được một gái một trai rồi.

Đối với một người nặng tình tri-kỷ như thế, mà dù sao thì vàn đã đóng thuyền mất rồi. Cứ thường ra thì thiếu gì cách đền ơn trả nghĩa. Nhưng ông thì không thế, ông càng nghĩ đến thề xưa, càng nghĩ đến nàng, thì lại càng thương cho ngọc càng tiếc cho hoa. Cực chẳng đã, ông cho mời người chồng cô ta đến ngỏ thực tâm-tình, rồi nói mua lại vợ, dù đòi vàng bạc chức-tị gì cũng y như lời.

Lấy một nhà nho-thần, một vị huân-tướng, một trang khí-tiết đang đắc-chí như ông Nguyễn Văn-Giai lúc bấy giờ, nếu ông có phải là hạng *hiếu-sắc bất quyện chi anh-hùng*, thì thiếu gì là nguyệt Tràng-an, hoa Thượng-uyển, muốn chi chẳng có. Mà đành phạm vào danh giáo, làm một việc mà xã-hội Việt-Nam xưa nay chưa có bao giờ, để cho phỉ nguyện với khách thâm-tình như thế, ôi cũng đáng thương! Song cũng may cho ông, được cái đức ông chồng của nhà cô ta lại là hạng « *bất cập-tình* », hạng không dám sống thác với tình. Một là hắn sợ cái oai-linh nghiêng trời lệch đất của ông, hai là hắn cũng thèm một tiếng quan lớn, cho nên trước còn ngần-ngại, sau thì xin một chức quan huyện. Ông bèn bổ cho hắn làm huyện-thừa huyện Tư-nông, được độc-nhiệm 18 năm không phải đổi. Thế là nàng về với ông một cách thuận tình không xảy ra tai tiếng gì về cái « *ân tình oan-nghiệt* » sốt cả. Sau nàng ở với ông được vài người con trai cùng đỗ đạt cả.

Đối với việc ái-tình này cũng là một sự lạ trong làng nho, xưa nay nghị-luận có hai phái. Phái nghiêm-khắc thì cho ông là bội-lý mà phái khoan-dung thì cho ông là chung-tình.

Ông Vũ Duy-Chí 武惟志 cùng mẹ, anh em và con

Vũ Duy-Chí sinh ở làng Mộ-trạch, phủ Bình-giang, Hải-dương đời Lê trung-hưng. Mẹ là người có đức, thủa bàn-vi đi buôn bán ở chợ, một hôm có một người đàn bà đến mua hàng. Chợ đông người ấy vội-vàng bỏ quên một bó lụa ở hàng mẹ Vũ Duy-Chí. Bà cất vào một chỗ cẩn-thận, được một lát người đàn bà ấy vừa kêu vừa chạy đến tìm. Bà hỏi đích-thực rồi đưa bó lụa trả lại. Người đàn bà ấy lấy ra biếu lại bà mai tấm. Bà cười mà rằng : « Tôi lấy hai tấm thì thà lấy cả bó có hơn không. Vì tôi thương chị mà mất bó lụa này thì khốn-khổ, nên trả cho chị, chứ có cần gì lấy ơn ». Nói rồi đưa trả, cả chợ xúm đông vào xem, ai cũng khen ngợi.

Bà sinh được năm con trai đều quí-hiển cả. Con cả là Tự-Khoái 自快 có chí lớn từ thủa bé 17 tuổi ra chơi Tràng-an, tri-ngộ với Trịnh Dương-vương còn ở tiềm-đề, sau làm đến Tả-Thị-lang Trung-quân-công.

Con thứ hai là Bạt-Tụy 拔萃 đỗ Hoàng-giáp làm đến Tự-khanh.

Con thứ ba là Vũ Duy-Chí, con thứ tư là Phương-trượng 方丈 đều làm đến Thượng-thư, Quận-công.

Con thứ năm là Cầu-Hối 求海 đỗ Tiến-sĩ, làm đến Tham-chính.

Vũ Duy-Chí cũng là nhà văn-học mà xuất-thân là kẻ lại-điền, thờ Trịnh Dương-vương từ khi ở tiềm-đề. Sau Dương-vương được cầm quyền, Duy-Chí được tin dùng. Khi ra đánh họ Nguyễn ở Quảng-nam, lúc lên đánh họ Mạc ở Cao-bằng. Nào vận lương ngoài bể, đốc-chiến trên ngàn, nào bày mưu ngoài nghìn dặm mà đưa thư đến đều được khen. Vì vậy làm đến Tham-chính Tể-tướng. Triều-thần hiềm rằng ông là chân lại. Dương-vương làm bài luận «*Giải-nghi*» kể sự-nghiệp của bốn nhà Tể-tướng Trung-quốc khi xưa là họ Tiêu họ Tào họ Phòng họ Triệu cũng là chân lại-đạo xuất-thân cả, để hiểu-thị cho quần-thần.

Song ông Vũ Duy-Chí là người trung-hậu chất-thực không biết su-nịnh. Hôm ấy tết nguyên-đán, chúa Trịnh truyền chỉ cho các quan văn-võ vào chầu vua Lê xong thì cứ để nguyên đồ triều-phục mà vào yết vương-phủ. Ông liền dâng khải nói : « *Chúa thượng vốn một lòng tôn-phù hoàng-thất, thì nay yết phủ cứ xin theo lễ cũ, mặc áo thụng mũ thanh-cát chứ đừng dùng triều-phục là phải.* » Chúa Trịnh theo lời. Khi trí sĩ, vua cho đôi câu đối thêu vào cờ rằng :

Nhất đại tôn-thần Tiêu Tướng-quốc,
一代宗臣蕭相國
Lưỡng triều nguyên-lão Triệu Hàn-vương.
兩朝元老趙韓王

Ông thọ 75 tuổi.

Vũ Duy-Hải 武惟諧

Vũ Duy Hải là con Vũ Duy-Chí, đỗ Tiến sĩ, hai cha con cùng làm quan đồng-triều. Bấy giờ có bọn giặc Tầu là Tướng-Quận 將郡 đem hơn trăm cái tàu-ô vào ăn cướp xứ Hồng-đàm về An-quảng nước ta. Triều sai Vương-tử là Tôn Quận-công đem thủy-quân ra đánh. Vũ Duy-Hải thì làm Khám-chiến-quan.

Hôm tiến-thảo, ông dùng kế «*nữ-tử*» cho đi tìm con gái đẹp ở các phố chợ đến ba trăm người, rồi dặn cho các ả xuống tầu-ô ghẹo giặc. Đến đêm mỗi ả lừa giặc bất-ý lấy khăn tay đỏ sắp nước đút nút vào trong lòng súng. Xong rồi xuống xuồng trở về. Ngày mai giao-

chiến, quân ta dàn thuyền ra hàng chữ nhất bắn vào thuyền giặc. Giặc vội-vàng nạp đạn bắn lại thì súng tắc-tị cả không nổ. Tướng-Quân biết trúng kế kéo buồm chạy trốn, quân ta đuổi đánh được đại-thắng. Bắt được một đứa con gái độ 16 tuổi, nhan-sắc tuyệt vời, trở về dâng vào vương-phủ. Sau Vũ Duy-Hải với Vũ Công-Đạo là 1 người trong họ, Đào Công-Chính ở Cổ-am đồng-tình cùng đi sứ Tàu, có thi-tập xướng họa với nhau. Về làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, sau tặng Thượng-thư.

Ông Vũ Công-Đạo 武公道

Vũ Công-Đạo sinh ở làng Mộ-trạch đời Lê trung-hưng, con An-phú-hầu. Từ nhỏ đã có tiếng thông-minh. Đỗ tiến-sĩ năm Vĩnh-thọ đời Lê Thần-tôn (1658-1661) làm đến Đô-Ngự-sử, đầu năm Chính-hòa đời Lê (1680-1705) Hi-tôn, có việc triều cử ông Thượng-thư Vũ Duy-Đoán ra cửa ải nhận những tù họ Mạc mà người ta đem nộp. Chúa Trịnh Căn muốn cho kẻ hoạn-quan là Thân Đức-Tài đứng tên ở trên Vũ Duy-Đoán, Đoán không chịu ký tên. Vũ Công-Đạo nhất-định không tuân và nói : « *Nếu cứ thi-hành mệnh-lệnh này thì tòa Tam-đô* (1) *chúng tôi không dám thảo.* » Trịnh Căn giận lắm. Công-Đạo đập đầu mình vào cột. Vì vậy Công-Đạo với Duy-Đoán cùng bị bãi chức về quê. Không bao lâu, Công-Đạo lại được khởi-phục làm Lại-bộ Hữu-thị-lang. Ông xin định lại cách tuyển-bổ trong bộ lại để tiện cho quan-lại. Chúa Trịnh nghe lời. Ông làm quan đến Hộ-bộ Thượng-thư thì thôi. Tính ông thuần-chất cương-chính, lúc mới làm Đốc-đồng xứ Sơn-nam. Có một người đình khi phu-nhân về quê vắng, đưa một người danh-kỹ đến để xin vào hầu ông. Ông cự phắt ngay đi. Bình-nhật ông thường nói : « *Ta tuy không bằng cổ-nhân những ta không phạm vào cái lỗi hiếu-sắc bao giờ* ». Ông giữ được lời nói như thế thực cũng khó thay.

Ông Nguyễn Công-Đồng 阮公潼

Nguyễn Công-Đồng sinh ở làng Đồng-khê, phủ Nam-sách, Hải-dương, đời Lê trung-hưng.

Tướng ông xấu quá đến thành câu tục-ngữ còn truyền đến giờ : « *Ông Đồng Đồng-khê, mặt chữ « nãi 乃 », chân chữ « hề 兮 », răng bàn cuốc* ». Thế mà văn-chương hùng-kiện, tài-lược minh-mẫn lắm. Ông là học-trò của ông Lê Tự-Phu 黎字敷, Tiến-sĩ triều Lê ở làng La-xuyên bên cạnh làng Đồng-khê. Lúc ông còn nhỏ đến học ông Nghè Phu, thầy thấy trò xấu quá bật cười mà ra một câu đối rằng : « *Cái răng trắng ởn như bàn cuốc* ». Ông ứng-khẩu đối ngay : « *Con mắt lóng-lánh tựa sao mai* ». Thầy biết ngay là trò học được

Làng La-xuyên có một cô con gái nhà giàu mà nhan-sắc cực kiều-tú. Ngày thường cô hay qua lại cửa trường học quan Nghè để kén chồng trong đám học-trò đó. Cậu Đồng ta bèn nhờ mối giạm cho. Bác mẹ cô nghe nói Đồng học có tài thì bằng lòng cho, song cô ta nom người Đồng thì không thể nào nhắm mắt cho xuôi, nhất-định không lấy. Cô cũng biết Đồng sau tất đỗ đạt, cô làm nghề buôn vải gánh, cứ tháng sáu phiên lên bán ở chợ Huyện Thanh-lâm, đường phải đi qua làng Đồng-khê. Cô bèn bắc một cái cầu gỗ qua con sông nhỏ đầu làng mà đi lối khác chứ không đi lối Đồng-khê. Cậu Đồng tức lắm.

---

(1) Tam-đô là ba chức Ngự-sử : Đô Ngự-sử, Thiêm-đô Ngự-sử, Phó-đô Ngự-sử.

Công-Đồng 20 tuổi đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến Đô Ngự-sử. Tính rất trung-trực, không kiêng nể gì kẻ quyền-quí, ai có lỗi là đàn-hặc luôn. Cử-triều đều gờm vía. Sau mất tặng Binh-bộ Thượng-thư, Hải-nhuận-bá.

Văn-chương của ông lưu-hành ở đời cũng nhiều. Văn nôm như những bài văn tế quan Tả-bộ làng Nghĩa-phú Cẩm-giàng, văn tế oan-hồn ở làng Đa-giả, v.v., người đời lấy làm khoái-trá lắm, nay đều thất-lạc cả.

Còn Cô con gái La-xuyên kia thì thuận lấy người học-trò làng Phù-liễn trong huyện tên là Kỷ, sau đỗ Hương-cống, nên gọi Cống Kỷ. Nguyễn Công-Đồng khi đỗ Tiến-sĩ được vinh-qui về, bụng vẫn căm cô ả La-xuyên bên trầy về đường thủy, thuyền đến cái cầu gỗ của cô, sai quân-sĩ phá tan đi cho bỗ ghét. Cô ở với Cống Kỷ thì không sinh nở gì mà làm nên giàu có to lắm. Đúc một thằng bé con bằng vàng để bế bồng chơi, rồi cũng về làng ở, chỗ đất bán hàng vải ở Chợ-Huyện trước 10 thước thì cúng vào làng La-xuyên làm kỷ-tại nay vẫn còn. Chỗ khúc sông bắc cầu thì nay gọi là khúc Cầu-vôi.

(*Còn nữa*)

ĐỖ-NAM

TUỒNG HÁT

Tích Phụng-nghi-đình

I

CHƯƠNG - TRÌNH

Cảnh thứ nhất. — Dinh quan Tư-đồ

Vương Doãn làm quan Tư-đồ nhà Hán, bực vì Đổng Trác làm Thừa-tướng tiếm-lộng. Mời bá-quan hội tiệc, bàn mưu trừ-khử Đổng Trác. Bá-quan cùng than khóc, mỗi Tào Tháo bật cười, nên Vương Tư-đồ trao cho thanh kiếm để sang đâm Đổng Trác.

Cảnh thứ hai. — Đường đi và phủ Thừa-tướng

Tào Tháo sang đến nơi, vì Đổng Trác có con nuôi là Lã Bố, sức khỏe tài cao, cầm đao đứng hầu. Tào Tháo sợ. Đổng Trác hỏi sao đến hầu chậm. Kêu là vì ngựa què. Đổng Trác sai Lã Bố đi thay ngựa khác cho Tháo, rồi nằm quay mặt vào vách. Tào Tháo vừa rút thanh kiếm ra, thì Đổng Trác chợt trông bóng ở bức gương trong vách, ngồi phắt dậy hỏi. Tào Tháo vội quì xuống dâng kiếm. Khi Lã Bố đem ngựa ra, Tào Tháo sợ xin ra quần ngựa rồi tẩu-thoát. Đổng Trác bảo Lã Bố, rồi sức giấy nã.

Cảnh thứ ba. — Vườn hoa, dinh quan Tư-đồ

Tì-nữ Vương Tư-đồ là Điêu-Thiền tài-sắc song-tuyệt, đêm trăng ra vườn hoa hóng mát, sực nghe thấy Tư-đồ than-thở về nỗi nghe tin Tào Tháo thất-cơ, mà buồn-rầu không ngủ. Điêu-Thiền lòng nghe rồi đến hỏi gạn. Tư-đồ kể thực-tình. Điêu-Thiền xin dấn mình lo đỡ việc nước để báo ơn chủ, bàn kế gả mình cho Lã Bố, lại gả cho Đổng Trác, để cha con ghen-ghét lìa bỏ nhau, có thể tính việc được. Tư-đồ nghe lời vái lạy Điêu-Thiền, quyết dùng mĩ-nhân-kế để cứu nước. Sớm mai mời

Lã Bố, gọi Điêu-Thiền ra chuốc rượu, quả-nhiên Lã Bố chết mệt về tài-sắc, hẹn về xin cưới ngay.

CẢNH THỨ TƯ. — **Dinh quan Tư-đồ**

Vương Tư-đồ thấy Lã Bố đã say tình với Điêu-Thiền rồi, lại mở tiệc mừng mời Đồng Trác cho Điêu-Thiền ra múa nữ-nhạc. Đồng Trác lại chết mệt về tài-sắc, hỏi xin. Tư-đồ cho xe đưa về với Đồng Trác. Lã Bố thấy thế chết ngất người đi, chạy sang hỏi thì Tư-đồ bảo là Đồng Trác xin cưới về cho Lã Bố, mà giờ ra chiếm-đoạt, thì họ Đồng họ Lã còn có tình-nghĩa cha con gì.

CẢNH THỨ NĂM. — **Phủ Thừa-tướng**

Đồng Trác lấy được Điêu-Thiền yêu mến quá, ban ngày nằm ngủ, bắt Điêu-Thiền hát ru. Lã Bố tự ngoài vào, Điêu-Thiền lấy mắt liếc, Lã Bố lấy tay vẫy, rồi lần ra tự-tình, bảo Lã Bố cứu gỡ, chợt khi Đồng Trác sực thức dậy nom thấy, Điêu Thiền lại khóc rằng Lã Bố trêu ghẹo. Đồng Trác giận đuổi Lã Bố, cấm cửa không cho vào.

CẢNH THỨ SÁU. — **Phụng-nghi-đình**

Một hôm Đồng Trác vào triều vắng, Điêu-Thiền ra Phụng-nghi-đình, mong đợi Lã Bố, Lã Bố lần đến bỡn cợt Điêu-Thiền, nói thử rằng: hay là cứ yên lòng lấy Đồng Trác. Điêu Thiền tằng giận, giật thanh đao thề toan tự-tử. Lã Bố vội cứu gỡ, bảo để rồi liệu. Hai người đang thề hẹn, chợt Đồng Trác tự triều về bắt gặp, ghen tức cầm thanh kiếm đuổi chém. Lã Bố chạy, Đồng Trác vấp phải con rể là Lý Nho ngã lăn ra, Lý Nho vực dậy, rồi can bảo nên cho Điêu-Thiền lấy Lã Bố, nhưng Đồng Trác nghĩ tiếc, lại trớm hỏi Điêu-Thiền. Điêu-Thiền tằng khóc, giật thanh kiếm toan tự vẫn. Đồng Trác lại khuyên dỗ cùng về. Lã Bố cầm tức quá, thề quyết dám chết Đồng Trác để lấy Điêu-Thiền.

∴

CÁC VAI TRÒ

Sáu vai chính:

Tư đồ
Tào Tháo
Điêu-Thiền
Lã Bố
Đồng Trác
Lý Nho.

Mười sáu vai phụ:

Tám vai bá-quan
Bốn vai nữ-nhạc
Bốn vai lính.

Cộng 22 vai trò: 5 đào và 17 kép.

∴

Lời bạch

Văn-chương sử-bút các ngoại-thư, không bộ nào hay bằng bộ *Tam-quốc*; các hồi Tam-quốc diễn ra tấu kịch tuồng, không hồi nào náo-nhiệt và lý-thú bằng tấn Tư-đồ mưu Đồng Trác, Lã Bố hí Điêu-Thiền, có nhiều chỗ vui thích cười vỡ bụng, thật là một vở hát đủ cả lão-mưu gian-kế tuyệt sắc kỳ-tài đáng làm gương cho bậc lão-quyệt gian-ngoan, anh-hùng nhi-nữ. Vả Điêu-Thiền là người tài-sắc song-tuyệt, quyết dấn thân bồ liễu, gồng quẩy giang-san, mà đua đuổi với bọn tang-bồng, cho nổi tiếng nghiêng thành nghiêng nước, nên hãy thử cân tài cân sắc, dã ai hay vì hiếu vì tình. Vậy sửa soạn tấn tuồng này là cốt để dãi tỏ bức tranh người đời cổ, so với bậc tài-tình trong nước đó chẳng không, nên có câu đề nhan rằng:

Thân ve sá mảng chi chồng,
Cánh chuồn còn phải nhẹ bỗng nước non.

Gươm tình liếc mũi dao con,
Anh-hùng xiêu bởi đưa luồn mắt tình.

. .

RA TRÒ

CẢNH THỨ NHẤT. — **Dinh quan Tư-đồ**

Quan 1 ra bạch :

Hường : Quan Tư-đồ mở tiệc ; cho danh-thiếp qua mời. — *Tán* : Chà chà, bữa tiệc này mình phải đi chứ !

Hát thơ giọng bắc :

Đại mạng một trào hả dễ chơi,
Trải bao sương tuyết đội ơn trời ;
Tư-đồ mở tiệc vui mừng thọ,
Rủ bọn đồng-liêu hãy chén chơi.

Quan 2 ra nói :

Dạ thưa chào ngài, ngài đi chơi đâu đó ?

Quan 1 nói :

Không dám, à thế ra ngài chưa biết à ? Bữa nay quan Tư-đồ mở tiệc thọ mời bà con mình sang đánh chén, ta phải đi chứ.

Quan 2 hát bắc tiếp :

Rủ bạn đồng-liêu đánh chén chơi,
Anh em sả quản tiệc khuyên mời ;
Bữa nay hãy cứ vui cùng chén,
Cuộc nước tha-hồ ai với ai.

Quan 3 nói :

Kìa chào hai ông, hai ông đến tự bao giờ ? Tôi xiết tưởng bá-quan văn-võ.

Vỉa : Xiết tưởng bá-quan văn-võ.

Tán : Ủa hai ông đã hiểu chưa ?

Vỉa : Bữa tiệc vui nên đủ mặt mừng.

Tán : Ủa này hai ông ơi.

Nam : Một cây chất chẳng nên rừng.

Tán : Rứa như mà,

Nam : Ba cây góp lại nên vừng non cao.

Quan 4 hát tiếp :

Tán : Ủa này ba ông đợi em với chứ ? Rứa mà em vội sao.

Nam : Bắt tay mừng mặt ra chào,

Tán : Vậy ba ông cho em đi với chứ ?

Nam : Sẵn mai một bước tiệc đào ba xuân.

Bốn ông nữa cùng đến chào hỏi, rồi cùng nhập bọn vào trước cửa đình.

Quan Tư-đồ mở cửa ra chào :

Ủa xin chào các quan, nay lão-quan mở một tiệc thọ, xin cảm tạ các ngài hạ-cố.

Vỉa : Cảm tạ các ngài hạ-cố,

Tán : Vậy xin mời các ngài vào cho.

Vỉa : Lão-quan này tiệc thọ thêm vui.

Tán : Ủa bá-quan ơi,

Nam : Họa may thêm luống tuổi trời,

Tán : Vậy thì nhờ bá-quan tăng phúc cho đó.

Nam : May còn sống mãi với đời ganh đua.

Tán : Vậy xin mời bá-quan hãy vào cho.

Cùng vào đóng cửa lại.

Tào Thảo đến chậm bạch.

Hường : Ủa, nay nghe quan Tư-đồ thết tiệc, mình tuy bậc hạ-lưu phải sang.

Tán : À Thảo phải sang chén đã chớ, bảo a !

Hát bạc tầu-mã :

Xa xa ruồi ngựa, nẻo ngàn hoa đua nở giục mau, dẫng-dặc roi câu, nơi dặm liễu khoe mầu bát-ngát.

(*Vào gõ cửa*)

(*Lính ra mở*)

Tào Thảo nói :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, bữa nay về các quan hội tiệc, nên hạ-liêu tới hầu.

Tư-đồ đứng dậy đón chào :

A kìa Tào Hiếu-liêm đến chậm làm vậy.

Tào Tháo :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, sách có nói : « Bậc chống gậy các ngài đến, mình mới được đến. » Vậy bậc hạ-liêu có đâu dám đến trước bá-quan, dạ thưa ngài.

Tư-đồ :

Phải, Tào Hiếu-liêm biện-bạch giỏi lắm, xin mời Tào Hiếu-liêm ngồi dự tiệc.

Tào Tháo tảng từ chối, rồi xin lỗi phép bá-quan kéo ghế ngồi.

Tư-đồ sai bưng tiệc, và cho bốn người nữ-nhạc ra múa hát chúc mừng, bá-quan cùng uống rượu, bốn nữ-nhạc múa hát đồng-thanh.

Bài hát chúc mừng :

Bồng bồng đua nở trăm hoa, mừng đua nở trăm hoa. Sương pha tuyết đượm, âu-yếm vì hoa. Hoa sao hoa khéo mặn - mà. Rườm - rà tơ liễu, cợt ghẹo trăng hoa. Hỏi hoa hoa dù biết nói, nước non bao tuổi mà già. Bông hoa mai, bông hoa lý, bông hoa trà. Ong rà bướm liệng, mỉm miệng hoa cười, khéo hoa cười hỡi hoa. Chén lưu-hà, chúc tuổi già, cùng vui bạn Hằng-nga. Nước non nhà, cùng vui bạn trâm-thoa. Chiều xuân muộn, chưa để bóng gương lòa.

Vương Tư-đồ đứng dậy bày tỏ vì cớ gì mà thết tiệc :

Dạ dám thưa bá-quan,

Hướng :

Anh em ta đồng-liêu kết bạn, vốn cùng là trào Hán cựu-thần ; giốc một lòng phò-chúa khuông-quân, bực vì nỗi gian-thần nghịch-đảng.

Tán :

À như lão nói đây, gian-thần nghịch-đảng đó là ai ? Chính là thằng Đổng Trác. Nó tuy là Hán Thừa-tướng, mà thiệt là Hán tặc-thần ; trên nó hiếp thiên-tử, dưới nó nạt bá-quan, rõ là kẻ gian-ngoan trái mạng ! (*Đập bàn ngồi xuống*) Vì lẽ đó, lão từng nghĩ thâu đêm suốt sáng, đó các quan.

Vỉa : Từng nghĩ thâu đêm suốt sáng.

Tán : Rứa thì lão không nghĩ sao đặng.

Vỉa : Tủi nếp nhà bao-mãng trâm-hoa.

Tán : Ủa bá-quan ơi !

Nam : Nghĩ mình phương-diện quốc-gia.

Tán : Lão phải toan cho nó mới đặng.

Nam : Đá vàng cũng quyết phong-ba cũng liều.

Tán : Vậy nay lão-quan có sửa soạn ra một bài ca yến ẩm, xin để bắt nữ-nhạc hát chuốc rượu các quan vài ba tuần, xin các quan để lòng mà nghe cho, thì lão-quan lấy làm cảm-động lắm.

Tuần rượu thứ nhất hai nữ-nhạc hát :

Chén lưu-ly, chén lưu - ly, chén qui tay chuốc, cuộc rượu đào, cuộc rượu đào là thuốc thần-tiên ; khuyên người quân-tử đừng quên, tấm thân đại mạng ơn trên đỉnh đầu.

Tuần rượu thứ hai, thay hai nữ-nhạc khác hát :

Chốn cửa hầu, chốn cửa hầu dường sâu như bể, hỏi ai người, hỏi ai người là kẻ đồng-tâm ; tiệc quỳnh thề với cao-thâm, còn non còn nước tri-âm hãy còn.

Tuần rượu thứ ba, thay hai nữ-nhạc khác hát :

Rót chén son, rót chén son chưa mòn ước-thệ, khúc lòng vàng khúc lòng vàng ứa lệ như chan ; bạc đầu thề với

giang san, quyết vẫm đám cỏ mấy ngàn dặm xanh.

Tư-đồ đứng lên nói :

Dạ thưa bá-quan, bài đó là lão-quan soạn ra để tỏ ý khuyên chúc các quan ; đám cỏ mấy ngàn dặm xanh, đó là *thanh thanh thiên-lý thảo* 青青千里草, tức là chữ « Đồng 董 » đó, thưa các ngài.

Bá-quan một ông nói :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, thế ra ngài vì bạn đồng-chí mà thết bữa tiệc này, không phải là tiệc mừng thọ, mà chính là bữa tiệc ngậm cay nuốt đắng về thằng Đồng Trác đó, dạ thưa ngài.

Mấy ông khác cũng nói :

Dạ thưa ngài như cái thằng Đồng Trác, bà con mình ai chả muốn vẫm thây xẻ xác, bóc da sả thịt nó ra mà đánh chén mới hả dạ, thưa ngài.

Mấy ông khác nói :

Xin các ngài nói khẽ-khẽ chứ, sợ bức vách có lỗ tai, lỡ hở ra nó biết thì tiệc quan Tư-đồ mừng thọ này lại là tiệc dắt nhau vào thọ-đường mà chết cả, tôi sợ lắm !

Mấy ông khác cũng nói :

Các ông rõ rát quá, sợ cóc gì, rồi thế nào bà con mình chẳng moi gan móc mỡ, mổ ruột nó ra làm cỗ lòng đánh chén, mà sợ phải câm miệng.

Quan Tư-đồ gạt nước mắt nói :

Dạ thưa bá-quan, bà con mình vẫn là căm tức nó thâm gan tím ruột, phải cắn răng bấm bụng mà chịu, song chưa biết thế nào cho đặng.

Vua : Chứ biết thế nào cho đặng, khúc lòng này ngậm đắng nuốt cay.

Tán : Chứ cay đắng biết là ngần nào!

Nam : Xót vì cờ đã đến tay,

Tán : Ơi bá-quan ơi, chứ anh em mình không tính, còn ai tính đặng.

Nam : Liệu chiều phất gió phải xoay thế nào ?

Bá-quan, ông thứ 1 hát tiếp :

Tán : Ơi Vương-huynh ơi !

Nam : Anh em chút nghĩa đồng bào,

Tán : Chứ biết mần răng cho đặng.

Nam : Rượu hồng nghiêng chuốc lệ đào nhỏ sa.

Ông thứ 2 hát tiếp :

Tán : Ơi Vương-huynh ơi !

Nam : Anh em vì nước vì nhà,

Tán : Có lẽ nào chịu thằng gian-tặc.

Nam : Ruột cuồn nỗi khúc lệ hòa tuôn mưa.

Ông thứ 3 hát tiếp :

Nam : Tranh cao chọi một nước cờ, sao không nhảy mã còn chờ thí xe ?

Tán : Các ngài có tính thì tính mau, kẻo cờ mà chậm nước, không kịp nhảy mã, rồi đến phải thí xe thì khốn !

Ông thứ 4 hát tiếp :

Nam : Liền gan giốc một chén thề, đành ra sáp-huyết trở về liếc dao.

Tán : Mời các ngài ta hãy cứ chén, rồi cùng sáp-huyết ăn thề, về sẽ gại dao liệu cho nó.

Ông thứ 5 nói :

Cái đó xin các ngài hãy nghĩ kỹ, bàn cho chín, kẻo lỡ ra thì chết cả, tôi ghê lắm !

Tiếp nam : Dự bàn hay rắp mưu cao, kẻo như sa giọt máu đào luống thương.

Ông thứ 6 nói :

Cái đó thì tôi sợ quá, tôi xin các quan, tôi không dám sáp-huyết, sợ lỡ ra rồi hết nước mắt cũng không kêu trời được.

Tiếp nam : Can-ngăn xin chớ hưng cường, kẻo khi ứa giọt lệ hường kêu ai ?

Ông thứ 7, 8, cùng khóc òa lên nói :

Rõ tức quá về thằng Đồng Trác, mà sợ quá ghê quá đi mất, giờ biết làm thế nào hử trời !

Vương Tư-đồ ngồi vẫy nước mắt khóc nói :

Nếu bá-quan không đồng-tâm, thì còn toan tính được sự gì, chỉ còn mỗi cách ngồi kêu trời mà thôi, ơi trời ơi là trời !

Tào Tháo cười vỡ lên :

Hả hả hả, hả hả hả, hả hả hả, hả hả !

Nói :

Thế thì Tháo này cười vỡ bụng về các quan mất, hả hả hả !

Vương Tư-đồ ngừng nước mắt hỏi :

A này Tào Hiếu-liêm, lão-quan thiết-tưởng Tào Hiếu-liêm là con cháu ông Tào Tham ngày trước, kể đã mấy mươi đời ăn lộc triều Hán, là một nhà đại-gia thế-thần, nay không may vận trào Hán đến lúc khuynh-đổi, kẻ gian hùng lấn-lấp, lão-quan tưởng Tào Hiếu-liêm thấy các quan than khóc, chắc là cũng bầm gan tím ruột, cay đắng muôn phần mới là phải, mà sao bá-quan khóc, Tào Hiếu-liêm lại cười là sao ?

Ngâm nam :

Nước non ơn nặng bể trời,
Cớ sao kẻ khóc người cười lạ tai ?

Tào Tháo nói :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ và bá-quan, bá-quan khóc, nhưng không có thể ngồi khóc chết được thằng Đồng Trác, kẻ hạ-liêu này cười, song còn có cách vẫm thây phanh xác nó ra được, nên hạ-liêu nghĩ bật nực cười.

Ngâm nam :

Khóc nào có chết được ai,
Cười mà uốn lưỡi giết người bằng gươm.

Vương Tư-đồ nói :

Vậy Tào Hiếu-liêm có cách gì mà cười chết được thằng Đồng Trác, thì ngỏ cho lão-quan biết với ?

Ngâm :

Hay anh-hùng nép đống rơm,
Tức cười những rắp mài gươm trả hằn.

Tào Tháo nói :

Dạ dám bẩm quan Tư-đồ, hạ-liêu không phải là bậc anh-hùng rơm, nay ngài có thanh bảo-kiếm, thiên-kim chi kiếm, xin ngài trao cho tôi để tôi tẩng vào, tôi dâng Đồng Thừa-tường, chắc là tôi đâm chết nó được, chỉ một nhát là xong, chớ can chi mà khóc-lóc, dạ thưa ngài.

Ngâm :

Dám xin mượn lưỡi gươm thần,
Vì người trả oán rửa hờn như chơi.

Tư-đồ nghe nói mừng quá, vội chạy vào rút thanh kiếm đem đưa cho Tào Tháo, nói :

Ủa nếu Tào Hiếu-liêm có gan thế, thì lão-quan có tiếc chi một lưỡi gươm vàng trao tặng.

Vỉa :

Một lưỡi gươm vàng trao tặng,
Khuyên anh-hùng sẽ gắng ra tay.

Tán :

Ới Tào Hiếu-liêm ơi !

Nam :

Thuồng-luồng chẹt họng vuốt vây,
Mài gươm liếc đã mặc tay anh-hùng.

Nói :

Đó lão-quan xin tặng Tào Hiếu-liêm, tôi nói đây, thật cả bá-quan, không có ai can-đảm bằng Tào Hiếu-liêm cả.

Tào Tháo cầm lấy thanh kiếm tuốt trần ra liếc xuống hòn đá rồi thét :

Ủa con gươm của ngài trao tặng tốt tốt thật, tôi chừ thử tuốt gươm mài liếc.

Vỉa :

Chừ thử tuốt gươm mài liếc,
Lưỡi gươm vàng đá biếc long-lanh.

Tán :

Ới Vương Tư-đồ ơi !

Nam :

Vì ai rửa nỗi bất-bình,
Chém ngang xẻ dọc tung-hoành ai đang.

Mới giơ gươm chém thử lên cột, cột gẫy. Các quan đều giật mình sởn gáy đứng dậy run sợ len-lét, khen bảo :

Nói lối :

Tào Hiếu-liêm giỏi thật giỏi thật ! Vương Tư-đồ may sao may sao ! Thôi bá-quan xin chào.

(Chắp hai tay cùng vái, các hạ)
Hạ màn

Cảnh thứ hai. — Đường đi và phủ Thừa-tướng

Tào Tháo ra bạch :

Hường : Ủa như mình nghĩ Đồng Trác cũng từng căm-tức, vì Tư-đồ vẫn chực trừ gian.

Tán : Hừ giờ quan Tư-đồ ngài đã tặng cho mình thanh kiếm, mình tảng sang mình dâng cho Đồng Trác, hễ hắn cho mình tới gần, mình tiện đó chỉ đâm cho hắn một nhát, thế là cười mà hắn chết, mình hóa kiếp cho hắn dễ như bỡn, chứ cần gì mà khóc-lóc như bá-quan, nào hãy đi xem nào.

Hát nam tầu-mã :

Dặm trường vó ngựa ruổi sao,
Con gươm phất gió mũi đao chọc trời.

Hỏi :

A đây đã tới chưa ?

Tiếp nam tầu-mã :

Tới đây đây đã tới rồi,
Mau mau chân bước tới ngoài cửa dinh.

Hỏi :

Có cậu nào canh trong ấy ? xin bẩm quan Thừa-tướng có Tào Hiếu-liêm xin vào hầu.

Cậu lính ra hát dịp đuổi hỏi :

Cậu này cậu nào, bước vào tướng-phủ ? Đầu coi lù-lụ, như lũ họ Tào, tình tính tình tào, quá lới nọ anh tào-lao. — Người cậu cao cao, hao hao nét mặt, liếc nhanh như cắt, con mắt gian-hùng, tình tính tình hùng, quá lới nọ anh-hùng rơm. — Tôi sáng chưa cơm, hay đơm đầu gió, ngồi canh ngoài ngõ, gõ móc cóc tiền, tình tính tình tiền, quá lới nọ nào tiền ai cho, ò ý e o e ý ò.

Nói :

Này cậu có muốn vào hầu Thừa-tướng, phải biện tiền sở-hầu, tôi mới bẩm cho, cậu tính tôi ngồi canh ở đây, ăn gì chứ ?

Tào Tháo nói ngoài :

Thế này mới ức nữa, mình tiếng là hạ-liêu, nhưng cũng đã thi đỗ quan Hiếu-liêm, bậc ông cống ông cử, mà hắn gọi mình là cậu, cũng như hàng cậu lính, và hắn lại hách đòi tiền sở-hầu, ừ thì mình cũng hãy chịu nước lép, cho hắn mấy đồng, cốt hắn bẩm cho vào đã.

Ngâm :

Cửa hầu như bể khôn dò,
Ngặt vì cậu lính ỷ-o đòi tiền.

Mới đưa mấy đồng tiền, cậu lính trở vào mở cửa.

Tào Tháo đứng thập-thò ngoài nghẽn cửa ngó coi, thấy Đồng Trác ngồi phệ bụng, Lã Bố cầm thanh đao đứng hầu bên, Tào Tháo sởn tóc gáy lùi ra.

Nói ngoài:

Hừ mình chuyến này, định cài thanh kiếm này vào hầu, rồi đâm chết Đồng

Trác, mình thoạt ngó trông, thấy nó ngồi phệ bụng ra đã thích, chợt trông bên cạnh, thấy thằng con nuôi nó là Lã Bố vác thanh đao đứng bên, coi ngay như ông long thần giữ oản, làm cho mình sợ nhủn cả ruột, nếu mình động đến cha nó, thì mình chết mất mạng, âu là mình hãy cứ đánh bạo mình vào, rồi sẽ liệu cơ mới được.

Cậu linh bẩm :

Dạ dám bẩm quan Thừa-tướng, có Tào Hiếu-liêm xin vào hầu.

Đổng Trác nói :

À Tào Hiếu-liêm à, thằng Tào Tháo ấy à, ừ bay cho nó vào.

Tào Tháo vào vái chào.

Đổng Trác hỏi :

À Tào Tháo, sao mọi bữa ngươi đến sớm, mà nay ngươi đến chậm làm vậy, a Tháo ?

Tào Tháo nói :

Dạ dám bẩm quan Thừa-tướng, kẻ hạ-liêu không dám châm-trễ bao giờ, nay vì con ngựa nó quê hóa nên chậm.

Đổng Trác nói :

Ừ hôm nọ ta có ngựa tốt ở Tây-lương mới tiến. Lã Bố con vào dắt lấy một ngựa ra đây cho Tháo, a Bố.

Lã Bố dạ đi.

Đổng Trác kéo gối nằm quay mặt vào vách.

Tào Tháo lui ra nói ngoài :

Hừ, mình chỉ sợ có thằng con nuôi nó là Lã Bố, giờ Bố đi khỏi rồi là mạng thằng cha nó chết về tay mình hẳn, huống-chi nó lại nằm quay mặt vào vách mà dâng thây cho mình đâm, rõ số nó đến ngày mất mạng, dù mày có mọc cánh, cũng không bay đường trời, mà tránh khỏi mũi gươm này được. Thật thế nhé !

Nói xong trở vào rút gươm đến soạt một cái, lưỡi gươm coi sáng nhoáng.

Đổng Trác trông thấy bóng trong gương Tào Tháo vừa rút gươm, Đổng Trác ngồi phắt dậy.

Hỏi :

Ủa làm gì thế hử Tháo ?

Tào Tháo vội qui xuống cầm thanh kiếm dâng lên nói :

Tán : Dạ dám bẩm quan Thừa-tướng.

Hát nam : Long-lanh một lưỡi gươm vàng,
Lượm tay qui gối con dâng sang cửa hầu.

Tán : Vậy xin quan Thừa-tướng xem nhận cho.

Đổng Trác đứng dậy cầm lấy gươm xem.

Tán : Ủa con gươm tốt là tốt thật.

Nam : Lưỡi gươm sáng quắc gươm tầu,
cầm gươm muốn thử gai đầu ai chơi.

Tán : Có lẽ thằng này dâng gươm, hay là toan hành-thích, ông thì chém chết.

Tào Tháo kêu :

Dạ bẩm quan Thừa-tướng, lòng con thực, xin ngài xét kỹ cho.

Đổng Trác nói :

Vẫn biết lòng ngươi tốt, nhưng tao ngờ lắm, để rồi ra sẽ xét, hãy tha-thứ cho.

Lã Bố dắt ngựa ra nói :

Này ngựa đây, anh Tháo đem mà thay đi.

Tào Tháo xin phép :

Dạ dám bẩm quan Thừa-tướng đã ban cho, con xin phép ra quân thử mấy nước ngựa xem con ngựa này có được tốt và đủ nước không.

Đồng Trác ử

Tào Tháo ra nói ngoài :

Rõ mình làm mất toi thanh kiếm, mà suýt nữa mất mạng, rõ hú vía! Giờ xin phép ra quần ngựa, may hắn cho, thì mình phải chuồn chứ chậm thì chết, sao thoát được.

Thét :

Ủa, nẻo dặm hồng vút ngọn roi câu, cửa thành biếc xa mau giục ngựa.

Vía : Thành biếc xa mau giục ngựa.

Tán : Ủa sự kíp lắm rồi !

Vía : Ruổi bóng chiều vượt cửa Hàm-quan.

Tán : Rứa như ta nay :

Nam tẩu-mã : Xa xa tỏ nẻo băng ngàn;

Tán : Sao đi cho thoát đặng?

Nam tẩu-mã : Lánh cung chim én sợ làn cây cong.

(*Hạ*)

Đồng Trác bảo với Lã Bố :

A Bố ơi Bố, lúc nẫy Bố đi ra tẩu ngựa, xem như thằng Tháo nó toan làm thích-khách đâm chết cha, cha trông thấy bóng trong bức gương, cha ngồi phắt dậy, nó qui ngay xuống nói dâng thanh kiếm này, cha ngờ lầm a Bố.

Đưa thanh kiếm ra.

Lã Bố cầm xem nói :

Quái lạ, sao nó dâng thanh kiếm lại không có nắp, chắc là nó tuốt trần ra toan đâm rồi; nếu nó thực lòng dâng kiếm, thì quần ngựa rồi nó trở lại đây, mà không thì nó chuồn, bố bảo cũng không trở lại nữa. Để con chạy ra xem.

Ra ngó trông.

Trở lại nói :

Dạ thưa cha thằng Tháo nó tháo rồi, cút bao giờ rồi ấy. Quả nó là thích-khách, xin cha sức cho thiên-hạ nã bắt kỳ được.

Đồng Trác nói :

Ừ nghe thằng Bố nó nói phải, sức nã thằng Tháo cho mau, đánh rắn rõ rập đầu, bắt lươn nên chặn khúc.

(*Hạ màn*)

(*Còn nữa*)

HOÀNG THỨC-KHIÊM

SƯU-TẬP THƠ VĂN CỦ

III

Dụ vợ cả để mình lấy vợ lẽ

Ta nghĩ :

Triều-đình sửa-sang trăm việc, có vũ có văn ; cửa nhà lo-lắng trăm đường, có thê có thiếp.

Há phải mơ trăng mà tưởng gió ; muốn cho lắm cỗi lại sai cành.

Chẳng phải là chơi ; vốn điều nói thực.

Anh con nhà thi-lễ ; vốn kẻ tài-hoa.

Lúc thiếu-niên chuyên tập nghề nho, quân-tử sở-kỳ giả đại (1) ; giờ gặp hội ra lo việc nước, nam-nhi đáo thử thị hào (2).

Nghĩ bề gia-thất (3) đã cam lòng ; lại muốn khâm-trù (4) cho thỏa chí.

Tay ngó lại chồi lan cành quế, cũng không nên quấn-quít nữa mà chi ; song tưởng câu đông liễu tây đào, nghĩ cũng muốn đèo-bòng thêm chút nữa.

Vả xem tử-vi chi số ; ở trong thê-thiếp chi cung.

Trong ngoài Phụ Bật (5) tương-phùng, câu phục-nguyệt (6) in vào lá số ; sau trước Đào Hồng (7) giáp lại, chữ tiểu-tinh (8) ắt có trong cung.

Dây cát cũng nhờ hơi cù-mộc (9) ; lửa huỳnh đâu dám sánh vầng hồng (10).

Việc lạ quen dành chớ ngại-ngùng, dù kiến nọ khôn qua miệng chén ; tình xan-xẻ mặc lòng lặng-lẽ, mà sáo kia nhờ chút đường cày.

Gấm thêm hoa cho nở mặt tươi mày ; đào có liễu mới cam lòng đáng số.

Ôi ! Trai làm nên năm thê bảy thiếp, vốn ta đây cả nguyện-ước chi lòng ; nhà giầy phúc nhiều cháu lắm con, nhờ mẹ nó rộng bao-dung chi lượng.

Nhân-sinh lạc-sự ca

(Của ông Phan Đình-Thực)

Nghĩ trong cảnh thú cũng vui,
Xem trong phận-sự biết người là to.
Nhớ xưa trời đất làm lò,
Đúc nên muôn vật từ vua Thiên-hoàng (11).

---

(1) 君子所期者大 = Quân-tử đã rắp là to.

(2) 男兒到此是豪 = Con trai đến thế là giỏi.

(3) 家室 = Vợ gọi chồng là gia, chồng gọi vợ là thất.

(4) 衾裯 = Chăn dầy chăn mỏng, nghĩa bóng là hầu thiếp.

(5) Phụ = Sao Tả-phụ 左輔. Bật = Sao Hữu-bật 右弼.

(6) 復月 = Tháng mười-một, dương-khí lại dần dần thịnh.

(7) Đào = Sao Đào-hoa 桃花. Hồng = Sao Hồng-loan 紅鸞. Hai sao này giáp cung thê-thiếp thì tất có vợ đẹp.

(8) 小星 = Sao nhỏ, tức là vợ lẽ.

(9) Cát 葛 = Dây sắn. Cù-mộc 樛木 = Cây cong. Câu này nói vợ lẽ nương nhờ vợ cả.

(10) Huỳnh 螢 = Đom-đóm. Vầng hồng = Mặt trời. Câu này nói phận bé không bao giờ bằng vợ lớn được.

(11) Trời đất sinh ra các giống loài cũng như lò đúc các đồ. Thiên-hoàng 天皇 là vua ra trị đời từ khi mới có trời đất.

Trải qua mấy cuộc tang-thương (1),
Sinh sinh hóa hóa cũng đường huyền-cơ (2).
Trị dân có đạo quân-sư,
Những tôi danh-thế đều thì giúp công
Trị hi-hạo thói thời-ung, (3).
Nên xuân cõi thọ ở trong một đời (4).
Đã sinh ra đứng ở đời,
Dọc ngang lám cõi cũng người xưa nay.
Há rằng kẻ trí người ngây,
Hãy lo lập chí ắt hay nên tài.
Trăm năm ngày hãy còn dài,
Trời đâu có phụ mà ai buồn rầu.
Trên đặm liễu dưới vườn đào,
Cười hoa ghẹo nguyệt cợt trào mây mưa.
Đình lan rừng trúc nhởn-nhơ,
Bầy vơi hỡi chén say sưa hỡi lòng.
Sắc càng đặm rượu càng nồng,
Búa Ngô-Cương nhẹ quế cung Quảng-hàn (5).
Kia ai đầu bạc mà than,
Gì hơn tuổi trẻ sách đèn là hay.
Ngõ Nhan cửa Khổng vui-vầy,
Bể châu núi ngọc chất đầy một kho (6).
Thênh-thang bể học rừng nho,
Thảnh thơi chiếu ngọc một đồ kinh-luân (7).
Tràng thu thôi lại bảng xuân,
Cánh hồng thuận gió thanh-vân rộng đường (8).
Vũ-môn vượt khỏi ba tầng (9),
Rẽ mây động sấm vang-lừng cõi Nam.
Khi xưa cân-lũ y-lam (10),
Bây giờ xe ngựa áo xiêm rỡ-ràng.
Mới hay rằng đức-lưu quang (11),
Mới hay dương-hiển tôn-đường từ đây
Thân danh đã vẹn ngày nay, (12).
Sông Ngân cầu thước thơ bài quan-thư (13).
Sắt cầm tiếng nhặt tiếng thưa,
Phượng-hoàng mấy khúc nhẹ đưa loan-phòng (14).
Hoa đào thắm hoa liễu nồng,
Trăm xe công-chúa bảng rồng Trạng-nguyên.
Cửa nhà đã phỉ lòng nguyền,
Há rằng ấu học mà quên tráng hành (15).
Thương-đôn Chu-đỉnh trọng-khinh (16),
Đôi tay trí-trạch một mình đẩm-đương (17).

---

(1) Cuộc tang-thương là cuộc đời thay đổi cũng như bãi dâu biến ra bể rộng, hoặc bể rộng hóa nên bãi dâu.

(2) Huyền-cơ 玄機 là máy-móc bí-nhiệm của tạo-hóa.

(3) Đạo quân-sư là đạo làm vua làm thầy. Tôi danh-thế là bày tôi có tiếng giỏi ở đời.

(4) Hi-hạo 熙皓 là vui-vẻ tự-đắc. Thời-ung 時雍 là thái-bình hòa-thuận. Nên xuân, cõi thọ, là cảnh vui-vẻ sống lâu.

(5) Quảng-hàn 廣寒 là cung trăng. Ngô Cương 吳剛 là thằng Cuội. Tục truyền thằng Cuội cầm búa chặt cây quế ở cung trăng.

(6) Câu này nói học đã đến nơi đến chốn cao sâu.

(7) Kinh-luân 經綸 là đem mưu-chước ra giúp đời.

(8) Thi đỗ lên cũng như chim sếu bay cao gặp gió thuận, và cũng như đi xênh-xang con đường cao rộng trên tầng mây xanh.

(9) Học trò đi thi đỗ được cũng như cá gáy nhảy vượt ba đợt sóng mà hóa làm rồng.

(10) Cân-lũ 巾褸, y-lam 衣襤 là khăn áo rách-rưới.

(11) Đức lưu-quang 德流光 là đức tổ-tiên xuống đến con cháu vinh-hiển.

(12) Dương-hiển tôn-đường 揚顯宗堂 là danh-giá rỡ-rệt đến cả chốn thờ tổ-tiên.

(13) Tục truyền mồng bảy tháng bảy, chim thước bắc cầu qua sông Ngân cho Chức-nữ sang hội họp với Ngưu-lang. Quan-thư 關雎 là thơ nói được người gái hiền giúp việc nội-trợ.

(14) Phượng-hoàng 鳳凰 là tên khác đàn. Loan-phòng 鸞房 là chốn vợ chồng hợp duyên.

(15) Ấu học 幼學 là khi trẻ đi học. Tráng hành 壯行 là khi lớn làm việc.

(16) Thương-đôn 商鐓 Chu-đỉnh 周鼎 là cái đôn nhà Thương cái đỉnh nhà Chu, tức là của quí trong nước.

(17) Trí 致 là giúp vua. Trạch 澤 là làm ơn huệ cho dân.

Vua Nghiêu Thuấn dân Ngu Đường- (1),
Đem trời Bồ-bản Bình-dương lại đời
Gần xa hát xướng vui chơi, (2).
Muôn dân hòa-thái bốn trời lặng trong.
Năm cành quế tám cành đồng,
Mưa nhuần đã khắp vun trồng đã cao (3).
Bỏ xanh chen đứng trên trào (4),
Bi về quán-các ra vào hàn-lâm (5).
Đai-cân mấy dặm trời đâm,
Mấy nghìn chung-đỉnh mấy trăm lâu-đài.
Trăng danh-lợi dễ đầy vơi,
Nhớ vườn tùng cúc nhớ nơi tan hòe.
Đường hoa dặm liễu tư bề,
Mừng ông Cơ Đán lại về minh-nông (6).
Tam tam-kinh, lục lục-tùng (7),
Cửa nhà Đào Tạ cháu ông Quách Phần (8).
Vui tiệc rượu với hương-lân (9),
Tang-bồng nam-tử du-phần quê ta (10).
Tiêu-dao vui thú yên-hà (11),
Khi vào vườn liễu khi ra vườn đào.
Nào là bạn cũ quan tào,
Nào là bạn cũ thảo-mao anh-hiền.
Cờ tiên-tử rượu trạng-nguyên.
Ngâm thơ Lý Bạch gảy đàn Bá-Nha (12).
Cuộc cờ cuộc rượu cuộc trà,
Tình-tình tình-tình xướng hòa cầm thi.
Tiền mà chi của mà chi,
Ngày tiên đủng-đỉnh một thì nghìn thu.
Có khi vui thú hành-chu,
Gió thênh-thênh nhẹ Ngũ-hồ thuyền lan (13).
Có khi vui thú lâm-tuyền,
Thiên-thai một đỗng mấy tiên nguồn đào (14).
Có khi vui thú giang-cao (15),
Cỏ hoa sực-nức ngát-ngào trời xuân.
Chốn đâu là chốn Y Sần,
Một cây xuân-vũ muôn phần tùng-quân
Chốn đâu là chốn Lã-tân, (16).
Giây tơ trăm thước một cần câu trăng (17).
Đầy trời thanh-cảnh như giăng (18),
Ngang-tàng tám cõi một chàng trượng-phu.
Đủ công-danh đủ cơ-đồ (19),
Công hầu phú quí bồng-hồ thần-tiên (20).

---

(1) Nghiêu Thuấn là hai đời vua có thánh-đức. Ngu 虞 là họ Hữu-Ngu, họ vua Thuấn. Đường 唐 là họ Đào-đường, họ vua Nghiêu. Dân Ngu Đường là dân ở đời thái-bình thịnh-trị.

(2) Bồ-bản 蒲阪 là chốn vua Thuấn đóng đô. Bình-dương 平陽 là chỗ vua Nghiêu đóng đô.

(3) Nói sinh nhiều con khá như năm cành quế tám cành đồng.

(4,5) Nói quan sang mặc áo sắc đỏ sắc xanh, khi lên Triều-đình, khi đi về ra vào những nơi quyền quí.

(6) Nói công-danh đủ rồi, về vui cảnh nhà cũng như ông Cơ Đán xưa cáo hưu về nơi điền-dã.

(7) Tam-kinh 三徑 lục-tùng 六松 là những cây ở lối vườn cũ.

(8) Ông Đào-Tiềm ông Tạ-An ông Quách Tử-Nghi là những ông hưu-quan về ẩn ở nơi điền-viên lâm-tuyền và có nhiều con cháu khá.

(9) Hương-lân 鄉隣 là làng xóm.

(10) Tang 桑 là cung bằng gỗ dâu. Bồng 蓬 là tên bằng cỏ bồng. Du-phần 榆枌 là nơi làng cũ quê nhà.

(11) Yên-hà 煙霞 là nơi cảnh khói mây.

(12) Lý Bạch là người làm thơ hay. Bá Nha là người gảy đàn hay.

(13) Hành-chu 行舟 là đi thuyền, cũng như ông Phạm Lãi giong thuyền đi chơi Ngũ-hồ.

(14) Lâm-tuyền 林泉 là rừng suối. Núi Thiên-thai và nguồn đào là những nơi tiên ở.

(15) Giang-cao 江皐 là bãi bên sông.

(16) Y-Sần 伊莘 là ông Y-Doãn cày ruộng ở đất Sần. Xuân-vũ 春雨 là mưa xuân. Tùng quân 松筠 cũng như tùng trúc.

(17) Lã-tân 呂濱 là bến sông Vị chỗ ông Lã Vọng hay câu.

(18) Thanh-cảnh 清景 là cảnh thanh cảnh đẹp.

(19,20) Hai câu này hợp các ý câu trên mà nói một mình đủ hết các sự vui, khi ra thì giàu sang rất bậc, khi về thì vui thỏa đủ đường, chẳng khác gì tiên non Bồng vậy.

Màng chi những việc chẳng nên,
Gì hơn nhất-sĩ thánh-hiền đã cân.
Ngoài binh-trị trong tu-thân,
Hiếu trung một dạ quân-thân ở đầu.
Trả ơn hai đức cao sâu (1),
Đặt yên nhà nước kim-âu vững bền (2).
Trăm năm công-nghiệp vẹn tuyền,
Ghi công khoán sắt để tên chữ vàng.
Mới hay thiên-cổ lưu-phương (3),
Trời Nghiêu ngày Thuấn một trường bồng doanh.
Mới hay hữu-chí cánh-thành,
Đứng trong trời đất ngỡ mình là chơi.
Làm cho động đất vang trời,
Với giang-sơn nọ với người thế-gian.
Trăm năm hạc trở xe loan,
Tinh-thần có chốn hương đèn có nơi.
Thanh-nhàn ghi lại mấy lời,
Nhân-gian lạc-sự để đời đời xem.

Lượng như long phú

亮如龍賦

Bài này của ông Nguyễn Tắc-Dĩnh tiến-sĩ đời Lê Hồng-đức làm ra. Nói ông Gia-cát Lượng như rồng; khi ở nhà thì như rồng nấp, khi ra giúp nước thì như rồng bay, khi phò vua đánh giặc thì như rồng vùng-vẫy trong mây mưa vậy.

* * *

Trời Đông-Hán đã chồn chim ác (4); đất Nam-dương vừa chỗi đứng rồng (5).

Mình dài tám thước có thừa, mày mặt ngẩm rất vời thanh-tú (6); chí cả bốn phương còn hẹp, tinh-thần xem khác thứ phàm-dong (7).

Năm vẻ đã phô ra trạng-mạo; muôn cơ còn giấu để tâm-hung.

Lúc tràng-ngâm khoắc-khoải Di-Ngô, hơi phong-vũ muốn vin tay cửu-hợp; giấc cao-ngọa mơ-màng Y-Doãn, bóng vân-nghê dường rợp đất Tam-tông (8).

Bởi lương-hữu mỏng môi mách lẻo (9); xui sứ-quân mỏi mắt trông mong (10).

Lọt tai nghe tiếng sấm đã vang, pha sương để ba phen khóm nôm (11); ôm gối gặp mùa mưa phải dậy, phun nước cho mấy trận vẫy-vùng (12).

Giữ lều cỏ mấy thu viên-hạc (13); ruổi đường mây muôn đội bi-hùng (14).

Thành Phàn hai trận lộ sừng sua diễm-hỏa cuốn đàn hươu trong khói (15);

---

(1) Hai đức cao sâu là cha mẹ.

(2) Kim-âu 金瓯 là âu vàng, nói nhà nước yên thịnh cũng như âu vàng vững bền mãi.

(3) Thiên-cổ lưu-phương 千古流芳 là nghìn đời sau còn danh thơm mãi.

(4) Đây nói nhà Hán suy.

(5) Đây nói ông Gia-cát Lượng ra.

(6) Nói hình-dáng ông tốt đẹp.

(7) Nói chí-khí to tát.

(8) Khi ở nhà đã sánh với ông Quản ông Y, muốn ra giúp ông Hoàn nước Tề mà làm gió làm mưa, ra giúp vua Thang nhà Ân mà làm mây làm mống

(9) Nói người Từ Thứ tiến ông cho ông Lưu Bị.

(10) Nói ông Lưu Bị muốn dòm cho được.

(11) Nói ông Lưu Bị nghe nói đến ông Gia-cát, như là nghe thấy sấm, cho nên ba lần tới thảo-lư mà rước cho được.

(12) Nói gặp ông Lưu rước ra để giúp nước, như rồng gặp trời gần động mà phun mưa.

(13) Nói từ giã chốn thảo-lư chỉ có vượn hạc thôi.

(14) Nói ra làm quân-sư có muôn đội quân mạnh như hùng-bi.

(15) Đánh hai trận ở Phàn-thành, đốt quân họ Tào chạy như hươu.

quân khách một phen đưa lưỡi, giập ba-đào khua lũ khỉ bên dòng (1).

Cơn khuất cơn thân tầm-thường khó đạc ; khi u khi hiển vũ-trụ đều trông.

Khêu nước đem thuyền lưới xông mù, bưng mắt Tháo lấy mũi tên thoắt-thoắt (2) ; đạp sao vẫy quạt lông gọi gió, thổi tay Du ra ngọn lửa dùng-dùng (3).

Một phượng đã quen hơi bay liệng (4) ; năm hùm đều đua sức đột xông (5).

Ào-ào chín quận đòi cơn, vươn giao cạn giương vây Tương-bạ (6) ; cuồn-cuộn hai Xuyên một cuốn, giúp hùm thiêng mọc cánh Ba-trung (7).

Tôn-Quyền nọ khôn so tri-toán ; Tào Tháo kia dám liếc oai-phong (8).

Vạc thành-đô kê chân lại vừa yên, ơn tri-kỷ đã đền khi ngả tán (9) ; xe Bạch-đế vén râu theo chẳng kịp, mệnh thác-cô thêm nặng buổi ôm cung (10).

Bình Tào-Phi năm đạo thực hư, chơi thủ cá để tìm cơ tĩnh trấn (11) ; giặc Mạnh Hoạch bảy phen tha bắt, giẹp bảy voi đà nổi tiếng mưu công (12).

Dòng Lô-thủy vừa đào nước tía ; nấm Kỳ-sơn lại ruổi nháng hồng (13).

Tấm lòng son hai biểu xuất-sư, tuôn nghĩa-khí muốn reo mây thét gió (14) ; mái tóc bạc sáu lần thảo-tặc, dậy uy-phong mong lở núi cồn sông (15).

Vì lòng trời còn quạt gió sông Tuy, công cướp Ngụy tót Ngô là hẳn có ; vì khí đất đã tan hơi giếng hỏa, chí ôm Lưu ấp Thục cũng như không (16).

Vận-động luống phiền nhâu-lực ; an-bài nào kẻo thiên-công.

Lửa bốn bên toan đốt cả đồng-tào, cơ tạo-hóa khôn nài cơn dạ vũ (17) ; đèn bảy ngọn rắp khêu thêm một kỷ, sức hoán-di nào kịp buổi thu-phong (18).

Khôn lẽ lấy trí-năng mà tranh tạo-hóa ; nào khả đem thành-bại mà luận anh-hùng.

---

(1) Đi sứ bên Ngô Tôn-Quyền, dẹp bảy tôi nước Ngô đều nhãn như khỉ.

(2) Nói chèo thuyền trong mù lấy tên của Tào hơn mười vạn mà dùng.

(3) Nói lập đàn tế gió, mượn gió ba ngày giúp Chu Du đánh Tào Tháo.

(4) Nói tiến người Bàng Thống cho ông Lưu Bị.

(5) Nói tôi ngũ-hổ đều ở dưới trướng nghe lệnh.

(6) Nói giúp ông Lưu lấy chín quận cũng như thuồng-luồng được nước giương vây.

(7) Nói giúp ông Lưu lấy Lưỡng-Xuyên như hùm dữ trong rừng mọc cánh.

(8) Nói Tào Tháo Tôn Quyền không thể sánh với ông.

(9) Nói lấy nước Tây Thục mà yên vạc nhà Hán là trả được ơn cho ông Lưu.

(10) Nói lúc ông Lưu mất ở thành Bạch-đế mà gửi con là Lưu Thiện cho ông, sự ấy là nặng nhọc lắm.

(11) Lúc Tào Phi đem năm đạo quân vào đánh Thục, ông Khổng-Minh chỉ xem chậu cá như ngồi chơi, mà năm cửa đều có chước hãn-ngữ, quân Tào cũng phải lui.

(12) Giặc Mạnh Hoạch bảy phen đã bắt rồi lại tha, cho đến trận cưỡi con voi trắng nó cũng thua.

(13) Đã qua sông mà bắt Mạnh Hoạch, lại vượt núi mà đánh Tào Tháo.

(14) Hai lần dâng biểu xuất-sử, lời nói mạnh như mây như gió.

(15) Sáu lần ra núi Kỳ-sơn mà đánh Tào, cái oai mạnh bằng lở núi cồn sông.

(16) Lúc Hán đã suy, ông dẫu có tài phò đó cũng không được.

(17) Khi đốt lửa đánh ba cha con Tư-mã Ý ở Thượng-phương-cốc, trời mưa xuống tắt lửa, nó thoát được. Đồng-tào là cùng tầu ngựa, trỏ vào ba cha con Tư-mã, vì mã là ngựa.

(18) Lúc tế sao ở Ngũ-trượng-nguyên để cầu thêm tuổi, bị Ngụy Diên đi vào có gió tắt đèn.

Dặn Vân-Trường mở lưới Hoa-đong, ý đã xem kiền-tượng trở về trời Hứa-bắc (1); cho Thừa-Ngạn lỏng then Ngư-phúc, ý đã tỏ khôn-dư còn tựa đất Giang-đông (2).

Chu-lang ba độ nghẹt hơi, vì kinh thần-toán (3); Tư-mã một phen sởn gáy, vì chợn di-đong (4).

Tót binh-cơ nên mới dạy Ngụy Diên, vụng chỉ xuôi ngọn gió để thông hang Ti-ngọ (5); dòm chúa-ý vậy phải dung Hoàng-Hiệu, khó chi vén tấc mây cho lỏ chốn cao-thông (6).

Bữa châu-thường đường đã thấy no, ngày muôn việc hãy mầu hỏi trên kỷ-sách (7); hơi kim-tế thoảng đà nghe lạnh, đêm năm canh còn chong bóng dưới màn nhung (8).

Đốn cành cây nên trâu chạy ngựa bay, còn người phỏng-dạng (9); vẫn tòa đá hóa mây tuôn sấm động, hết kẻ trông-ngong (10).

Buổi trăng mờ đem ruột trút cho Duy, lòng diệt-tặc bấy giờ còn thồn-thức (11); cơn sao rụng dặn vai kẻ đến Uyển, nỗi ưu quân lúc ấy hãy mơ-mòng (12).

Ngồi Quân-sơn trở mặt Lưỡng-Xuyên, gió còn sảng tiếng (13); đứng Liệu-cốc gọi tên nhị-sĩ, đá hãy ghi lòng (14).

Mới hay Lượng sẵn đức rồng, tới khi hóa hãy in dấu gót; hà ví Tháo xưa tinh quắc, đến buổi già khôn giấn vuốt lông (15).

Diễn bài « Tương tiến tửu » của Lý Bạch

君不見。黃河之水天上來。奔流
到海不復回。君不見。高堂明鏡
悲白髮。朝如青絲暮成雪。人生
得意須盡歡。莫使金樽空對月。
天生我材必有用。千金散盡還
復來。烹羊宰牛且爲樂。會須一
飲三百杯。岑夫子丹邱生。進酒

---

(1) Lúc Tào Tháo chạy đường Hoa-đong, ông biết số Tào chưa chết, mới cho Quan Vân-Trường đến đấy để tha Tào làm ơn.

(2) Khi tướng nước Ngô là Lục Tốn vào nơi Ngư-phúc, không biết đường ra, ông Khổng-Minh biết nước Ngô còn vượng, phải hòa với nó, nên khiến Hoàng Thừa-Ngạn trở đường cho nó thoát.

(3) Ông giục Chu Du chết giả.

(4) Khi ông Khổng Minh chết rồi, mà Tư-mã thấy tượng gỗ cũng phải chạy.

(5) Cầm quân không đi chốn hiểm là đúng phép binh, cho nên không nghe Nguy Diên ra đường hang Ti-ngọ.

(6) Biết ý chúa yêu người Hoàng Hiệu, cho nên tha nó mà không chém, chứ có khó gì trừ một kẻ hoạn-quan.

(7) Ông ăn uống ít mà mọi việc lớn nhỏ không bỏ việc nào.

(8) Đêm khuya gió lạnh cũng không ngủ vẫn giong đèn mà lo việc binh.

(9) Lấy gỗ làm trâu ngựa có máy đi được để chở lương-xướng.

(10) Dùng đá xây làm đồ bát-trận, có tám cửa; Hựu, Sinh, Thương, Đỗ, Tử, Cảnh, Kinh, Khai. Vào cửa Hựu ra cửa Khai. Cửa Khai khi không cũng có gió mây mưa sấm, ai không biết mà vào lầm, thì vào được mà ra không được.

(11) Lúc ông sắp mất, lấy binh-pháp truyền cho Khương Duy dặn đánh cho diệt Tào.

(12) Dặn cho Tưởng Uyển làm Thừa-tướng để giúp vua nhà Thục.

(13) Nói ông hiền-thánh ở núi Quân-định-sơn.

(14) Nói ông khắc bia để hang Tà-cốc biết ngày sau Chung Hội và Đặng Ngải vào đấy đánh Thục.

(15) Nói ông là đứng nhân-long chứ không thèm ví với kẻ gian-hùng như Tào Tháo vậy.

君莫停。與君歌一曲。請君爲我傾耳聽。鐘鼓饌玉不足貴。但願長醉不願醒。古來聖賢皆寂寞。惟有飲者留其名。陳王昔時宴平樂。斗酒十千恣歡謔。主人何爲言少錢。徑須沽酒對君酌。五花馬。千金裘。呼兒將出換美酒。與爾同銷萬古愁。

I

Ngươi chẳng thấy sông Hoàng một [dải,
Nước từ trời đổ lại mông-mênh ;
Dòng tuôn đến rốn thương-minh,
Xuôi rồi nào thấy chảy quanh lại nào ?
Ngươi chẳng thấy trên cao-đường [nọ,
Tóc trong gương trông ngó buồn [tênh ;
Sớm còn mườn-mượt tơ xanh,
Chiều đã sương bạc điểm hình phơ-[phơ.
Khi đắc-ý kể giờ dễ mấy,
Cuộc vi-hoan gượng lấy kẻo mà ;
Chớ hề bầu cạn Đông-Pha,
Chén vơi Bắc-hải hẳng-hờ vầng trăng.
Tài đã thế hẳn rằng dùng thế,
Trời sinh ta chẳng lẽ về không.
Của đời là cũng của chung,
Không rồi lại có cũng trong của đời,
Chẳng hào hạch khuyên mời khôn [đã,
Mồ trâu dê cũng vả làm vui ;
Hễ sao trong một cuộc đời,
Tới ba trăm cốc mà thôi cho đành.
Sầm-tử với Đan-sinh từ thuở,
Chén này đưa xin chớ dừng tay.
Giặng câu gảy lại cùng ai,
Xin ai nấy đó lắng tai nghe cùng.
Dù chén ngọc chuông đồng chẳng [đoái,
Những ước-ao say mãi là hơn ;
Từ xưa mấy đấng thánh-hiền,
Có tăm hơi cũng mấy truyền như không.
Ưa là bác túy-ông khi ấy,
Chút di-danh còn lẫy-lừng thay ;
Tiệc vua Trần có từ ngày,
Mười nghìn đấu rượu một bài trò chơi,
Kìa quán-chủ trăm mười là mấy,
Gượng vì ai mượn lấy làm khuây ;
Tiểu-đồng gọi nó lại đây,
Đem đồ áo ngựa đổi ngay và bầu.
Cùng ngươi lấp mấy cơn sầu!

II

Sông Hà-thủy bên trời một dải,
Nước tuôn về Đông-hải như tên ;
Tưởng người đầu bạc nhà trên,
Tơ xanh buổi sớm tuyết in ban chiều.
Chữ đắc-ý vui điều tiêu-khiển,
Mượn thu dâng và chén rượu quỳnh ;
Người sinh hà lẽ hư-sinh,
Của kho vô-tận chén mình tiêu pha.
Trên án độc một và trân-vị,
Rượu đầy ao mặc kẻ say-sưa ;
Sầm Đan hai gã ngày xưa,
Cùng làng tri-kỷ say-sưa muôn vàn.
Nay cùng chàng mượn đàn gảy hát,
Sẽ vì ta ngao-ngát bên tai ;
Trống chuông soạn-ngọc mặc ai,
Vui cùng chén rượu tỉnh rồi lại say.
Anh-hùng dễ mấy ai biết tiếng.
Tiếng chàng Lưu truyền đến ngày [nay,
Chẳng xem Bình-lạc những ngày,
Mười nghìn đấu rượu vui say một lần.
Tiền còn hết chủ-nhân nói lại,
Mượn mua thêm chút mấy được nao.
Sẵn kia ngựa đẹp áo cừu,
Trẻ đi đổi rượu giải sầu cùng ngươi.

III

Chàng chẳng thấy nước Hoàng-hà,
Đôi dòng trời bể đều là chảy xuôi.
Tóc già tủi bóng gương soi,
Tơ xanh tuyết trắng hôm mai khác [mầu.
Nhân-sinh thích-chí mặc dầu,
Chén vàng nỡ để luống chầu bóng [trăng.

Tài này hẳn có dùng chăng,
Nghìn vàng rũ sạch lưng-lưng lại về.
Tiệc vui nào kể trâu dê,
Ba trăm chén rượu một khi mới đành.
Kia Sầm-tử nọ Đan-sinh,
Rượu dâng xin hãy liền canh chớ rời.
Vì chàng giặng khúc ca chơi,
Khuyên chàng sẽ thử lắng tai nghe cùng.
Chuông vàng mâm ngọc nào dùng,
Say dài chớ tỉnh ấy lòng mới ưa.
Thánh-hiền vắng-vẻ từ xưa,
Tiếng thơm mấy kẻ say-sưa còn truyền.
Vua Trần khi mở yến-duyên,
Hứng vui rượu kể mười nghìn đầy vơi.
Ít tiền ai khéo nên lời,
Rượu mua sẽ để rót mời chàng hay.
Năm hoa sẵn có ngựa này,
Nghìn vàng áo ấy chẳng say để gì.
Trẻ đi đổi lấy rượu về,
Cùng chàng châm-chước một khi tiêu-sầu!

IV

(*Thể hát nói*)

Nọ nước Hoàng-hà trôi đến bể,
Kia người bạch-phát tủi soi gương;
Cuộc vi-hoan khi đắc-ý lại thêm càng,
Đường thủ-tạc chớ để luống trăng với bóng.
Thiên-sinh ngã tài tất hữu-dụng,
Thiên-kim tán tận hoàn phục lai.
Miếng chung-minh đỉnh-thực sẽ làm vui,
Ba trăm chén một hơi là mấy chốc.
Tiến tửu quân mạc đình, dữ quân ca nhất khúc,
Khi rượu nồng xin thử lắng tai nghe.
Trống chuông cỗ ngọc có làm chi,
Say cả ba vạn sáu nghìn ngày mới thích.
Thánh-hiền trước đến nay đều tịch-mịch,
Người tửu-lượng tiếng để muôn thu.
Yến Trần-vương say tỉnh mặc tha-hồ,
Chủ sao nói ít tiền cho lỡ cuộc.
Rượu đối-ẩm mua về lại chuốc,
Đổi rượu ngon sá tiếc mã cừu đâu,
Cùng nhau mượn chén tiêu-sầu!

Cầm kỳ thi tửu

(*Hát nói*)

CẦM

Tì đồng (1) hữu-ý, thú cầm-trung dễ mấy ai hay; não-nùng thay giọng nói vận trên tay, ba ngón lỏng mà dồi-dào tư-vị (2). Dưới thư án (3) những khi thích-chí, vận cung-thương (4) lựa mấy phiếm loan; cân lưu-thủy khúc cao-sơn, một vài dịp sử sang hồ cống. Dù đắc-ý cành ngô tiếng phụng, mặc lao-sao Thiện-phủ Vũ-thành (5); khi bạn bầy cùng cuộc cờ bầu rượu chốn Sơn-đình (6), khi theo đòi với chân hạc vỏ câu miền Thục-cảnh (7). Tháng ngày thỏa tình tình tình tình, hỏi chủ

---

(1) Tì 絲 = Dây đờn bằng tơ. Đồng 桐 = Gỗ đồng làm đàn.

(2) Tư-vị 滋 味 = Ý-tứ hay.

(3) Thư-án 書 案 = Án sách.

(4) Cung thương 宮 商 = Tiếng cung, tiếng thương. Tiếng cung thuộc thổ, tiếng rất dài, rất đục rất thấp; tiếng thương thuộc kim, tiếng hơi dài, hơi đục, hơi thấp.

(5) Thiện-phủ 單 父 = Huyện Thiện-phủ, xưa ông Tử-Tiện làm quan ở huyện ấy, thường gảy đàn mà trị yên dân. Vũ-thành 武 城 = Đất Vũ-thành, xưa ông Tử Du làm quan đất ấy, mà dân đấy yên-vui, thường có tiếng gảy đàn đọc sách.

(6) Sơn-đình 山 亭 = Xưa ông Ta An ở núi Đông-sơn làm đình Bạch-vân, khi nhàn thường gảy đàn, đánh cờ và uống rượu làm vui.

(7) Thục cảnh 蜀 境 = Cõi đất Thục. Xưa ông Triệu Biện đi làm quan đất Thục, đem đàn cầm và chim hạc theo.

ông càng lắm lúc tính-tình (1); vui là vui với cảnh với tình, nói chi kẻ Lâm-cùng khi bán-dạ (2). Kìa chẳng thấy du-ngư mạt-mã (3), nữa là người hà có vô-tâm; chu-huyền ngọc-trần di-âm (4).

Kỳ

Trong vòng thế-cục, những xôn đi đặt lại khéo ghê thay! Người đâu ăn ở luống ngày (5), phải nhúc-nhắc cho qua mùa trang-hạ (6). Thao lược (7) sẵn trong tay biến-hóa, ruồi ngựa xe dù giọc dù ngang; khi vãng-lai biết được mối âm dương, lúc giao-thác ngẫm ra đường đạo-lý (8). Nọ Chiên-uyên (9), kìa Phi-thủy (10), chước nhung-cơ (11) vẫn bên dạ khoan-khoan; Người Thạch-thất kẻ Thương-sơn (12), việc trần thế gác ngoài tai thảy-thảy. Ngồi ngẫm nước cao đê (13) là thế ấy, mới hay rằng thế-sự như kỳ (14). Doanh thâu đắc tàng mà chi (15).

Thi

Cao sơn lưu-thủy thi thiên trục (16), rất phong-lưu dễ mấy kẻ tao-đàn (17); ngoài vẽ ra cảnh vật giang-san, trong tả khắp tình tình núng đạm (18). Một ngòi bút mà dệt nên tú-cẩm, đủ tinh thần trong đoản-thập tràng-thiên (19); lúc thôi sao cho Đại-doãn đó cũng quên (20), khi xướng họa dẫu cao-nhân nào dám sánh. Ngoài Đỗ Lý biết ai là thơ thánh, cùng phong vân nguyệt lộ

---

(1) Tinh-tình 惺 惺 = Thông hiểu thanh-nhân không hệ-lụy gì.

(2) Tư-mã Tương-Như đi chơi ở đất Lâm-cùng 臨 邛 thấy nàng Trác-Văn quân mà phải lòng, nửa đêm gảy đàn để ve.

(3) Du ngư 游 魚 = Cá lội lên để nghe đàn ông Bác-Ba. Mạt-mã 秣 馬 = Ngựa nghe thấy ông Bá Nha gảy đàn thì đứng ngóng.

(4) Chu-huyền 朱 絃 = Đàn dây đỏ. Ngọc-trần 玉 軫 = Đàn trục-ngọc. Di âm 遺 音 = Tiếng vang-vẳng, tiếng thừa.

(5) Luống ngày là uổng-phí ngày tháng không được việc gì.

(6) Tràng-hạ 長 夏 = Ngày mùa hạ dài.

(7) Thao-lược 韜 略 = Những mưu-cơ về việc dùng binh.

(8) Vãng-lai 往 來, giao-thác 交 錯 = Quân cờ đi lại thay đổi lẫn nhau.

(9) Chiên uyên 澶 淵 = Đất Chiên-uyên, xưa ông Khấu-Chuẩn đời Tống đánh giặc ở đất Chiên-uyên.

(10) Phi-thủy 淝 水 = Sông Phi-thủy, xưa ông Tạ An đời Tấn đánh giặc ở sông Phi-thủy.

(11) Nhung-cơ 戎 機 = Mưu-mẹo đánh giặc.

(12) Thạch-thất Thương-sơn 石 室 商 山 = Những chốn tiên cao ẩn.

(13) Cao đê 高 低 = Nước cờ cao, nước cờ thấp.

(14) Thế-sự như kỳ 世 事 如 棊 = Việc đời cũng như việc đánh cờ.

(15) Doanh-thâu đắc tàng 贏 輸 得 喪 = Thế thắng, thế bĩ, dù được, dù thua. Ý nói dù hay dở được thua cũng chẳng làm gì.

(16) 高 山 流 水 詩 千 軸 = Ngâm thơ nghìn bài hay như khúc đàn cao-sơn lưu-thủy.

(17) 騷 壇 = Những người làm thơ hay.

(18) Đọc câu thơ như là vẽ được ra hết thảy cảnh-vật núi sông ở bề ngoài và thấu hết tình-tình nông nhạt bề trong.

(19) 短 什 長 篇 = Bài ngắn thiên dài. Một ngòi bút mà viết ra thơ tả cảnh như gấm vóc đẹp, thơ tả tình đủ tinh-thần hay.

(20) Xưa người Giả Đảo vừa đi đường vừa nghĩ làm thơ, đương nghĩ hai chữ *thôi sao* 推 敲, gặp quan Đại-doãn là Hàn Dũ cưỡi lừa đi qua mà Đảo cũng không biết, quân của Đại-doãn hạch bắt. Hàn Dũ hỏi ra, biết Đảo là người giỏi, bèn kết làm bạn thơ.

với nhau (1); dạ dù ngày lấy rượu bạn bầu, khi đắc ý quản đâu điều vụng khéo. Mâu đạo-lý trăng đồng gió liễu, hứng thừa nhân vịnh vịnh ngâm ngâm (2). Ai rằng phá nhất sinh tâm (3)?

Tửu

Nhân-sinh hữu tửu tu đương túy (4), nhất trích hà tằng đáo cửu tuyền (5); cuộc phù-sinh duyên nợ nợ duyên, kho vô-tận (6) có không không có. Dù ngũ mã thiên-kim (7) là mấy đó, một và chuông mặc thích say sưa; giải mối sầu rồi lại nhớ mối thơ, trí đâu kể rằm rìa cơn ngộ-vũ. Thiên nhược bất ái tửu, thiên hà hữu tửu-tiên (8), địa nhược bất ái tửu, địa ưng vô lễ-tuyền 9); tạc-vật kia còn có thú tự phiên, cớ chi nỡ phụ-phàng ơn giáng-mệnh (10). Nghĩ người thế lũ say hơn lũ tỉnh, vậy có câu «ẩm giả lưu ký-danh»; (11) bầu Lý Bạch rượu Lưu Linh (12, nước non trần-tục tâm-tình thần tiên (13). Thềnh-thơi ba vạn sáu nghìn.

Thích hứng cầm kỳ thi tửu

Khi nhân-hạ ưu-du tự-thích, tưởng phong-trần còn có ích chi-chi; chẳng gì hơn những thú cầm-kỳ, rồi cuộc ấy lại bày nghề thi tửu. Khi đắc-ý chơi cùng bạn-hữu, đàn Bá-Nha ứng-thủ suốt năm cung; trong trần-ai tri-kỷ anh-hùng, dù mấy khúc mấy cung cũng chẳng tiếc. Loài vật nhỏ tai nghe còn biết (14 huống chi người hào-kiệt với văn-nhân; dưỡng tính-tình mà có ích thân, vô-sự cũng thần-tiên chi tiểu. Kia thục-nữ hình-dung yểu-điệu, biết biện-cầm là Sái Văn Cơ; xưa Thúy-Kiều đàn khéo ngẩn-ngơ, khiến Kim. Trọng đợi chờ ngơ ngẩn. Trách chi kẻ từ quan trả ấn, đêm năm canh nhớ bạn tri-âm; bao giờ cho thấy mặt mới đành tâm, bạn tri-kỷ cung cầm còn nhớ mãi. Khắp bầu bạn ở trong tứ-hải, lúc thong-dong lại trải cuộc cờ chơi; bàn son nhẻ nhẹ quân bài, nước cao thấp dễ mấy người dụng trí. Khi đắc-ý ngựa xe tốt sĩ, nước hơn người tài-trí tốt

---

(1) Ông Đỗ Phủ và Lý Bạch là những người thơ hay có tiếng đời xưa. Phong vân nguyệt 清風雲月露 = Thơ mát-mẻ như gió, giàu tứ như mây, sáng sủa như trăng, trong sạch như móc. Ý nói trừ hai ông ấy ra, thì không còn ai là người thơ hay như phong-vân nguyệt-lộ mà bạn với mình nữa.

(2) Mâu đạo-lý như trăng đọi cây đồng, gió đưa cành liễu, nên nhân lúc nhân ngâm thơ lâm thích.

(3) 破一生心 = Câu thơ của ông Trinh nói làm được một câu thơ nghĩ đến nát cả ruột.

(4) 人生有酒須當醉 = Người sống ở trên đời nên uống rượu cho say.

(5) 一滴何曾到九泉 = Khi đã thác rồi, thì dẫu một giọt rượu cũng không bao giờ đến chỗ chín suối được.

(6) Vô-tận 無盡 = Không bao giờ hết.

(7) Ngũ mã 五馬 = Năm con ngựa đẹp. Thiên kim 千金 = Áo cừu giá nghìn vàng.

(8) 天若不愛酒。天何有酒仙 = Trời nếu không thích rượu, trời sao lại có tiên uống rượu.

(9) 地若不愛酒。地應無酸泉 = Đất nếu không ưa rượu, đất nên không có suối nước ngọt.

(10) Giáng mệnh 降命 = Trời sinh rượu ra để cúng tế và uống kui tiệc vui.

(11) 飲者留其名 = Chỉ có người uống rượu, là còn tiếng lại (ở bài Tương tiến tửu Đường-thi).

(12) Lý Bạch 李白, Lưu Linh 劉伶 = Những tay hay rượu đời xưa.

(13) Nói những người hay rượu tuy ở nơi trần tục, mà tâm-tình như là thần-tiên.

(14) Ngựa nghe đàn đứng ngong, cá nghe đàn ra lượn.

trong tay. Khi thanh-nhàn vui-thú chơi bời, lời Lý Bạch lại truyền nơi tức-cảnh. Câu thơ thánh theo lời Khổng, Mạnh, giọng ngâm-nga đà lỏng-lảnh sao trời, lũng-văn cầm-tú đòi nơi, để tuyệt-cú sao trời sa xuống. Dù tới chốn lầu rồng gác phượng, thì so ra ăn thưởng giải đầu; biết bao khanh-tướng công hầu, ai cũng nhượng ý cao lời mạnh. Lại sang cuộc thơm-tho rượu thánh, chén pha-lê sóng-sánh ngát mùi hương; vui vầy xum-họp đồng-đường. bạn tri-kỷ cử-tràng đính chúc. Chén Vân-mẫu rượu sen rượu cúc, cuộc làm vui chén cho bõ lúc ngày xưa. Nhân-sinh trăm tuổi mà thôi, chén lại chén nào trời có tiếc, bao những kẻ đai cân guốc dép, mặc ngang-tàng nào có hẹp chi. Khi đàn lại có khi thi, khi kỳ khi tửu nam-nhi thị hào. Thảnh-thơi ngày tháng tiêu-dao!

VĂN-UYỂN

Giai-nhân nhân-sầu thập-vịnh

(Vịnh theo đầu đề của một vị nữ-sĩ Trung-kỳ tả mười cảnh buồn)

I

Buồn trông mặt biển

Mặt biển xa khơi biết mấy trùng,
Gió chiều hiu-hắt nước mênh mông;
Giữa vời vơ-vẩn con tinh vệ,
Sóng bạc trời xanh khách não-nùng!

II

Buồn ngắm chân trời

Bốn phương thăm thẳm một mầu xanh,
Hạc ruổi mây bay núi gập-ghềnh;
Hoa cỏ âu-rầu cơn gió bụi,
Nhìn xem cảnh-tượng khách buồn tênh.

III

Buồn kiếp phù-sinh

Buồn trông bể khổ lúc đầy vơi,
Ngán nỗi bèo mây một kiếp người;
Vinh nhục chẳng qua trong giấc mộng,
Bồng bềnh chi lắm hỡi ai ơi!

IV

Buồn đời dâu biển

Con tạo gây nên cuộc bể dâu,
Khi bồi khi lở bấy nhiêu lâu;
Nước non trải lắm phen dầy-dạn,
Để bận lòng ai một mối sầu!

V

Buồn buổi xuân qua

Ngày xuân thong-thả trước nhà lan,
Thấm thoắt thiều-quang bóng đã tàn;
Ai khéo xoay nên vòng tuế-nguyệt,
Vườn đào ngơ-ngác vẻ hồng-nhan.

VI

Buồn ngày thu lại

Cành biếc lơ-thơ lá lạt màu,
Bên tường lác-đác giọt mưa ngâu;
Gió chiều như giục lòng khuê khách,
Một tấm trăng thu một mảnh sầu!

VII

Buồn tựa bóng trăng

Vằng vặc năm canh bóng nguyệt lồng,
Bên đào ngồi tựa ngẩn ngơ trông;
Thương ai dầu dãi thân băng-tuyết,
Để bạn quần thoa luống chạnh lòng!

VIII

Buồn nương án sách

Bâng-khuâng tựa án lúc canh trường,
Một ngọn đèn xanh mấy quyển vàng;

Trước bóng vần-vơ hồn chí-sĩ,
Khiến người ngồi đó mối sầu vương.

IX

Buồn nhớ người xưa

Buồn nghe con cuốc tiếng bơ-vơ,
Chiếc bóng năm canh luống thẫn-thờ;
Tâm-sự biết ai mà nhắn hỏi,
Tấc lòng tơ-tưởng khách nghìn xưa.

X

Buồn vơ buồn vẩn

Ai khéo xui nên mấy đoạn sầu,
Mối sầu vơ-vẩn những đâu đâu;
Sầu non sầu nước sầu kim cổ,
Một khối sầu chung đượm giọt châu!

***

Vịnh Ngưu-lang

Vân Hán lênh-đênh nước mấy dòng,
Chàng Ngưu đành chịu đứng bên sông;
Khối tình đeo-đẳng cùng ai đó?
Một mối sầu riêng gỡ chửa xong.

Vịnh Chức-nữ

Sông Ngân dòng nước chảy veo-veo,
Nam bắc chia đôi nỗi hiềm-nghèo;
Luống những đau lòng thân Chức-nữ,
Khối tình vương-vít để ai đeo!

Đề tranh hoa mai

Khen ai khéo họa gốc mai già,
Lác-đác bên tường mấy đóa hoa;
Ngấn mực như in nền cốt-cách,
Cánh hồng còn đượm nét tinh-ba;
Trên cành hồ dễ ong qua lại,
Chiếc lá không hề tuyết điểm pha;
Gầy-guộc tấm thân sương bóng nguyệt,
Khen ai khéo họa gốc mai già.

MỘNG-LAN *thôn-nữ*

***

Tửu-đức tụng

(Nghĩ giúp bạn)

Tỉnh-tỉnh túy-túy, đã nghiêng bầu phi quỷ cũng thần tiên; khi thanh-nhàn pha nước cờ điêu hát, lần khúc địch cung huyền, cuộc hành-lạc lưu-liên vòng tuế-nguyệt. Thập tải phong-trần vong lịch-duyệt, 十載風塵忘歷閱, nhất bôi hồ-hải nhiệm tiêu dao, 一杯湖海任逍遙; *đem tượng đồng bia đá mà kỷ-niệm giấc chiêm-bao, thôi hãn-mặc với lược-thao là nhỏ cả. Chỉ gió mát nghênh-ngang đóa hoa thơm hề-hả, ván trò đời giỏn giã đủ mười mươi. Rượu ưa ưa cũng tùy người!*

Cái bút nhà nho

Ngang - ngang dọc - dọc, đem văn-chương mà giàng-bọc với non sông; cũng mày râu, cũng lông cánh, cũng ngòn trúc, cũng thân tùng (1); nét vũ-trụ quyết vẫy-vùng cho đủ mảnh. Lân-sách thảo-thành sinh Khổng-thánh, 麟策草成生孔聖, ngạc-thư tả tựu lão Hàn-nho 鰐書寫就老韓儒; *đấng anh-hùng vững cánh tay co, tấn kịch mới phó mặc trò tang-hải. Mười năm cũ thử hỏi đầu soi lại, thân-thế này dường đã trải mặt khoa-danh. Lạ gì cái thói đan-thanh!*

Đề bức ảnh « Cùng ba ông giáo Quần-phương chơi chùa Kim-đê »

Bỗng chốc đưa nhau tới cõi thiền,
Giang-hồ kỷ-niệm dấu thiên-nhiên;
Nhuộm màu không-sắc riêng chi bụt,
Đủ ngón thanh-nhàn đậm quá tiên;
Dâu bể chẳng im hồn tiêu-kiếp,
Gió mây từng mở mặt thanh-niên;
Tượng đồng bia đá vầy thôi nhỉ,
Rực-rỡ muôn thu tiếng dõi truyền.

---

(1) Ngòi bút làm bằng râu chuột, râu thỏ và lông cánh tra-trả. Quản bút bằng cành trúc và cành tùng.

Tiền-đề

(Họa vần của ông giáo Hải)

Da ngà vóc ngọc mặt hoa tươi,
Âu cũng con tiên cũng cháu trời ;
Mượn thú tiêu-dao cây cỏ phật,
Ra tay tô-điểm nước non người ;
Khối tình nặng-nhẹ càn khôn xiết,
Truyền thế xưa nay nhớ lại cười ;
Ngồi đứng thử buông « phông » bất-hủ,
Bồ thêm tạo-hóa tấn trò đời

Ngày hè được mưa

Chiếc ghế nam-lâu gió thoảng vèo,
Mây vần sấm rực lại mưa theo ;
Đục lầm nhiệt-khí cơn-cơn cuốn,
Trong vắt hồng-ơn giọt-giọt gieo ;
Gặp dịp vẫy-vùng thân én nhẹ,
Giỏ chiều xay-tỉnh tiếng quyên reo ;
Mát trời khách thử buông tay quạt,
Chiếm giữa xuân-thu giấc ngủ xèo.

Cảnh hè

Cái cảnh xuân qua lại cảnh hè,
Trên cành chuông điểm mấy con ve ;
Xênh-xang gác kín người mê đặc,
Nẫu-nực đường xa khách chán phè ;
Cánh hạc sen chia hoa trắng sóa,
Đầu rồng mướp rủ ngọn xanh le ;
Bể nam vi họa êm chiều gió,
Bay-nhảy đường côn sức khỏe-khỏe.

Cái quạt giấy

Bầu trời trái đất một lò nung,
Đời được nương em cũng mát lòng ;
Phe-phẩy chiếc lưng vòng bán-nguyệt,
Dồi-dào bốn cõi ngọn nhân-phong ;
Hành-tàng óc vẫn tri-cơ sẵn,
Khai-hạp tài kiêm giải-uẩn cùng ;
Lộ-cột hóa ra thân quý-tướng,
Người người ai chẳng đội ơn chung.

Viếng dấng thúc-phụ tạ-thế

Nước biếc non xanh cảnh một mầu,
Trai-đường vò-võ chủ đi đâu ;
Chén bồ nhắp cạn cơn mưa thảm,
Khóm trúc tung cao trận gió sầu ;
Hương-lửa ba sinh tròn kiếp trước,
Trống chiêng hai lễ rạng đàn sau ;
Trên không nếu có ông trời thật,
Mảy chút thành-tâm thấu giúp nhau.

NHÂN-VĂN-ĐÌNH

BÌNH-LUẬN THƠ CÁC DANH-NHÂN

I

Bán than

(TRẦN KHÁNH-DƯ)

Một gánh kiền khôn quẩy xuống ngàn,
Hỏi chi bán đấy gởi rằng than ;
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn ;
Ở với lửa hương cho trọn kiếp,
Thử xem đá sắt có bền gan ;
Nghĩ mình điên-đảo toan nghề khác,
Nhưng lệ trời kia lắm kẻ hàn.

. . .

Anh-hùng gặp bước lầm-than,
Quân-thân gánh nặng giang-san đợi chờ.
Một đời dễ mấy Khánh-Dư,
Lửa hương kiếp đến bấy giờ vẹn chăng!

II

Qua kẽm Trống

(LÊ THÁNH-TÔN)

Hai bên thì núi giữa thì sông,
Có phải đây là kẽm Trống không ?
Gió đập cành cây khua lắc-cắc,
Sóng dồn mặt nước vỗ long-bong ;
Ở trong hang đá e còn hẹp,
Ra khỏi đầu non dã rộng thung ;
Qua cửa ai ơi nên ngẫm lại,
Bình-thành xin nhớ hồi tang-bồng.

. . .

Thăng-bình gặp buổi thong-dong,
Non sông riêng để anh-hùng dạo chơi.
Cỏ cây khéo tả nên vui,
Bao giờ lại được như đời Thịnh-Lê

III

Bởn cô tiểu ngủ ngày

(YÊN-ĐỒ)

Ôm tiu gối mỗ ngày kho-kho,
Gió lọt buồng thiền mát-mẻ cô;
Then cửa từ-bi cài lỏng chốt,
Nén hương tế-độ bỏ không lò;
Cá khe lẳng kệ đầu ngơ-ngác,
Chim núi nghe kinh cồ gật-gù;
Nhắn bảo chúng-sinh như muốn độ,
Sẽ quỳ sẽ niệm sẽ Nam-vô!

. . .

Tình duyên đến cả sư-mô,
Cảnh thơ cũng có pha trò mới vui.
Nhà nho sao khéo trêu đời,
Cuộc trăm năm đồ trận cười như không!

IV

Qua đèo Ngang

(BÀ HUYỆN THANH-QUAN)

Qua đỉnh đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa;
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác-đác bên sông chợ mấy nhà;
Luyến chúa đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia;
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

. . .

Văn-chương trong đám quần-thoa,
Nghìn thu còn để tiếng bà Thanh-Quan.
Hồn thơ gửi với giang-san,
Bạc đầu cái phận hồng-nhan mà phiền!

V

Hoài-cổ

(BÀ HUYỆN THANH-QUAN)

Tạo-hóa gây chi cuộc hí-trường?
Đến nay thấm-thoát mấy tinh-sương;
Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo,
Ngõ cũ lâu-đài bóng tịch-dương;
Đá vẫn bền gan cùng tuế-nguyệt,
Nước còn chau mặt với tang-thương
Ngàn năm gương cũ soi kim-cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn-trường.

. . .

Tiếng ai như tiếng chuông vàng,
Thơ ai như giọng văn-chương khác đời!
Nghe thơ lại nhớ đến người,
Đài-trang sao có những lời thanh-tao?

VI

Chơi chùa Hầm

(CHU MẠNH-TRINH)

Lạc lối đâu mà lại tới đây,
Chùa Hầm đâu đấy phải chăng hay;
Lơ-thơ ngoài cửa cây xanh ngắt,
Nhấp-nhổ trong chùa bụt đỏ gay;
Nhác thấy vãi già chen vãi trẻ,
Toan đem mùi mặn trộn mùi chay;
Trở về nhớ cảnh về sao đặng,
Tiện gửi dầu nhang cùng một chầy.

. . .

Những nhà văn-sĩ xưa nay,
Kiếp tài-hoa vẫn đắm say vì tình.
Nam-mô phật-tổ chứng-minh,
Có tu thì kiếp ba-sinh mới tròn!

VII

Qua đèo Ba-đội

(HỒ XUÂN-HƯƠNG)

Một đèo một đèo lại một đèo,
Khen ai khéo vẽ cảnh treo-leo;
Cửa son đỏ loét tùm-bum nóc,
Hòn đá xanh rì lủn-phủn rêu;
Lắt-lẻo cành thông cơn gió thốc,
Dầm-dìa lá liễu giọt sương gieo;
Hiền-nhân quân-tử ai là chẳng?
Mỏi gối chồn chân cũng phải trèo.

. . .

Vần nào là chẳng treo-leo,
Cảnh nào là chẳng ra chiều lẳng-lơ.
Má hồng mệnh bạc tự xưa,
Tài-tình chi mấy cô Hồ Xuân-Hương

VIII

Hang Các-cớ

(Hồ Xuân-Hương)

Trời đất sinh ra đá một chòm,
Nứt làm hai mảnh hỏm-hòm-hom;
Rễ hầm rêu mọc trơ toen-hoẻn,
Luồng gió thông reo thổi phập-phòm;
Giọt nước hữu-tình rơi lõm-bõm,
Con đường vô-ngạn tối om-om;
Khen ai đẽo đá tài xuyên-tạc,
Khéo hở hang ra lắm kẻ nhòm.

. . .

Cuộc đời xưa vẫn tối om,
Vào đời len-lủi phải dòm đến nơi?
Cô kia hiểu thấu sự đời,
Khéo thay mượn cảnh vẽ vời nên thơ.

Nông-sơn

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(Từ ngày mồng 1 đến ngày 30 tháng tư tây năm 1931)

Ngày mồng 1 tháng 4 năm 1931. — Thượng-hạ Nghị-viện Pháp đã điều-đình thỏa-hiệp về ngân-sách năm 1931 rồi, định đình họp ít lâu. Ngân-sách năm nay, bên thu là: 50.643.486.395 quan; bên chi là: 50.640.509.452 quan; bên thu được dôi hơn bên chi là: 2.977.043 quan.

— Ở Anh ông Neville Chamberlain thôi không làm chủ-tịch đảng bảo-thủ nữa; người thay ông là Lord Stonehaven.

— Ở Nga, chính-phủ Sô-viết trước định đặt một giá tiền công nhất-định cho cả các thợ làm công-nghệ, nay không thể thi-hành được lại phải trở về lối cũ, là tính việc làm mà trả công.

Ngày mồng 2. — Thượng-nghị-viện Pháp lập thành Thượng-pháp-viện (*Haute cour de justice*) để xét án mấy nghị-viên Raoul Péret, René Besnard, Gaston Vidal và Albert Favre về việc thông-đồng với các nhà băng để biển-thủ tiền-tài của công-chúng. Quan chánh Thượng-pháp-viện hỏi ý quan chưởng-lý liệu bao giờ làm xong tờ cáo-trạng, rồi định đến ngày 19 tháng 5 sẽ họp phiên tòa thứ nhì để bắt đầu xét xử.

Ngày mồng 3. — Ở Pháp, một đoàn phái-viên các Thượng-hạ nghị-viên đến thăm quan Thủ-tướng để bày tỏ các lẽ quan-ngại về việc nước Áo và nước Đức ký hiệp-ước về quan-thuế, và nhân thể trình bày một bản dự thảo chương-trình chỉnh-đốn việc kinh-tế cho Âu-châu.

Ngày mồng 4. — Quan Tổng-trưởng bộ Hàng-không nước Pháp Dumesnil đời *Paris* đi tầu bay để sang khám các sở hàng-không ở Đông-Phi-châu. — Hội-đồng quản-trị nhà Băng Đông-Pháp thành-lập. Ông Stanislas Simon được cử làm chánh hội-đồng. Theo thể-lệ mới thì trong hội-đồng có một phần đại-biểu của Chính-phủ; vậy bộ Tài-chính cử những quan-chức sau này sung vào chân trị-sự thay mặt chính-phủ: Ông Olivier, Toàn-quyền thuộc-địa; Thomé, chánh Cảnh-sát tổng-cục; Bodruge, chánh sở văn-tự; Borromée nguyên quận-trưởng quận *Bas-Rhin*.

— Phó Thủ-tướng Áo SCHOBER có đăng trong báo *Germania* một bài để biện-chứng rằng hiệp-ước Áo Đức về quan-thuế không có trái với các điều-ước quốc-tế.

— Nội-các MIRONESCO nước Lỗ-mã-ni từ chức.

Ngày mồng 5. — Ở thành *Lyon* có cuộc bầu-cử hội-đồng thành-phố. Ông HERRIOT là thị-trưởng muốn chủ-trương đảng cấp-tiến để quyết-đấu với đảng xã-hội; nhưng hai đảng lại quyết-nghị liên-hiệp với nhau.

— Chính-phủ Anh mời Thủ-tướng BRÜNING và Ngoại-tướng CURTIUS nước Đức sang chơi kinh-đô Anh để thương-thuyết các việc. Chính-phủ Đức đã nhận lời.

Ngày mồng 6. — Ở Lỗ-mã-ni, ông TITULESCO đã nhận lập nội-các mới.

Ngày mồng 7. — Thủ-tướng và Ngoại-tướng Đức định rằng sau khi họp hội-nghị Hội Vạn-quốc rồi mới sang kinh-đô Anh hội-diện với các quan Chính-phủ Anh.

— Ở đảo *Madère* thuộc nước Bồ-đào-nha có loạn.

Ngày mồng 8. — Quan Giám-quốc Pháp DOUMERGUE cùng hai quan Tổng-trưởng bộ Tư-pháp và bộ Hải-quân rời *Paris* đi *Nice* để sang kinh-lược bên *Tunisie*.

— Ở *Caen* khai tổng-hội-nghị các học-sinh nước Pháp.

— Cuộc hội-diện Thủ-tướng và Ngoại-tướng Đức với Thủ-tướng cùng Ngoại-tướng Anh nhất-định là ngày mồng 5 tháng 6.

Ngày mồng 9. — Thành *Nice* làm tiệc đãi quan Giám-quốc Pháp, ngài có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng về chính-trị, khuyên quốc-dân nên đồng-tâm hiệp-lực để đối-phó với các việc cần-cấp về nội-chính ngoại-giao. Sau cuộc nghênh-tiếp ấy, quan Giám-quốc đáp tầu sang *Tunisie*.

— Ở Ấn-độ, dân Hồi-giáo họp hội-nghị, cực-lực công-kích GANDHI cho là muốn chuyên-chế quốc-dân.

— Thủ-tướng HAMAGUCHI nước Nhật cáo bệnh xin từ chức.

Ngày mồng 10. — Quan Giám-quốc Pháp đã đến kinh-đô *Tunisie*, quốc-vương nghênh-tiếp. Hai vị quốc-trưởng có diễn-thuyết tán-dương về cái tình thân-thiện của hai nước cùng kết-quả tốt của cuộc Bảo-hộ.

— Ngoại-tướng Đức tiếp một nhà biên-tập báo có ngỏ ý nước Đức sẵn lòng liên-hiệp với nước Pháp về quan-thuế.

Ngày 11. — Tổng-trưởng bộ hàng-không nước Pháp đi kinh-lược thuộc-địa Đông-Phi-châu bằng tầu bay đã đến *Tombouctou*.

— Đấu-xảo thuộc-địa ở *Vincennes* định đến ngày mồng 6 tháng 5 thì mở cửa.

— Cuộc hội-nghị nước Tầu với nước Nga đã đình-chỉ, nay lại tiếp-tục.

— Ở Bồ-đào-nha tình-trạng nội-loạn có ý nguy-kịch. Tại quần-đảo *Açores* đặt quân-luật.

Ngày 12. — Quan Giám-quốc Pháp hiện đương kinh-lược về phía nam nước *Tunisie*, đã đến thành *Kairouan* và *Sousse*, được nhân-dân hoan-nghênh lắm.

— Ở Tây-ban-nha có cuộc bầu-cử các nghị-viên thành-phố. Đảng dân-chủ được toàn-thắng.

Ngày 13. — Ở Tây-ban-nha đảng dân-chủ được đại-thắng trong cuộc tuyển-cử nghị-viên thành-phố, tuyên-bố rằng dù vua ALPHONSE XIII xin thoái-vị để nhường ngôi cho Hoàng-thái-tử, dân cũng không chịu, nếu lại muốn khôi-phục cái chính-thể chuyên-chế

nữa, thì quyết có loạn to, dân nhất-quyết xin lập chính-thể Dân-quốc.

Ngày 14. — Hai viên quan tầu bay đi tùy-tùng quan Giám-quốc Pháp trong cuộc kinh-lược đất *Tunisie*, bị nạn chết.

— Thợ dệt ở phía bắc nước Pháp bãi-công. Các chủ xưởng tuyên-bố rằng bắt đầu từ ngày 20 tháng tư lương thợ sẽ giảm xuống 10 phần trăm.

— Ở Tây-ban-nha vua ALPHONSE XIII thoái-vị, giao quyền cho một chính-phủ dân-quốc lâm-thời, do ông ZAMORA chủ-trương. Ở *Barcelone*, quan năm MACIA tuyên-bố Dân-quốc trong xứ *Catalogne*.

— Ngoại-tướng Anh HENDERSON bản nên đem bản dự-ước của Đức Áo về quan-thuế ra trình Hội Vạn-quốc; đại-đề các chính-phủ đều đồng-ý như vậy.

— Ở Nhật-bản, ông WAKATSUKI ra lập tòa nội-các mới.

Ngày 15. — Quan Giám-quốc đi kinh-lý đất *Tunisie* đã xong, hiện trở về kinh-đô *Tunis*.

— Chủ mỏ và thợ mỏ ở miền sông *Loire*, xung-đột nhau, quan Thủ-tướng làm trọng-tài điều-đình, hiện hai bên đã thỏa-hiệp.

— Vua ALPHONSE XIII cùng cả quyến-thuộc đã dời nước Tây-ban-nha đi. Khi ra đi có lời bá-cáo cho quốc-dân, nhưng tờ bá-cáo còn phải tạm đình chưa được công-bố. Trong các chức đại-sứ của Tây-ban-nha ở các nước, đã nhiều người xin từ chức. Quan năm MACIA tuyên-lập dân-quốc ở *Barcelone* và dựng một chính-phủ lâm-thời, tự đứng chủ-trương.

Ngày 16. — Quan Giám-quốc đã hoàn-thành cuộc kinh-lược đất *Tunisie*, hiện đáp tầu ở cửa *Bizerte* để về Pháp.

— Quốc-vương và hoàng-hậu Tây-ban-nha đến *Paris*, người đến trước người đến sau, không cùng đi một chuyến, đều được dân thành *Paris* hoan-nghênh, tỏ lòng ái-mộ.

— Chính-phủ lâm-thời Tây-ban-nha, hiện chưa có Nghị-viện, phải hạ sắc-lệnh (*décrets*) để quyết-định các việc quan-trọng về chính-trị. Có lệnh ân-xá rất rộng cho những người có tội. Tổng-trưởng bộ tư-pháp báo cho đặc-sứ của Giáo-hoàng (*nonce*) biết rằng từ nay ở Tây-ban-nha đạo Gia-tô không có địa-vị đặc-biệt như trước nữa, và các giáo-sĩ từ giờ phải tuyên-thệ trung-thành với Dân-quốc. Chính-phủ lâm-thời lại điều đình với quan năm MACIA không đặt riêng một chính-phủ dân-quốc cho xứ *Catalogne* nữa.

Ngày 17. — Quan Giám-quốc đi kinh-lược xong đã đỗ tầu ở cửa *Toulon* về *Paris*.

— Bộ Ngoại-vụ Pháp nhận được công-văn báo lập chính-phủ lâm-thời Tây-ban-nha, đã tỏ ý nước Pháp hứa nhận.

— Vua ALPHONSE XIII hiện ngụ ở *Paris*, có tin cho các báo biết rằng xin cho như khách du-lịch đi vi-hành (*incognito*), đừng nói-năng gì đến và cũng đừng hỏi-han gì về thời-cục cả.

— Chính-phủ lâm-thời Tây-ban-nha cử đại-tướng BURGETE thay đại-tướng CAVALCANTI vào chức chủ-tịch hội-nghị quân-phòng; lại hạ lệnh bắt đại-tướng BERENGUER là Thủ-tướng và binh-bộ thượng-thư trước. Phái-viên của chính-phủ lâm-thời hiện đương điều-đình với các lãnh-tụ xứ *Catalogne*.

— Toàn-quyền Ấn-độ mới là LORD WILLINGDON đã đến *Bombay*.

Ngày 18. — Quan Giám-quốc Pháp đã về *Paris*.

— Hội-đồng chính-phủ Pháp cử ông FRANÇOIS-PONCET thay mặt chính-phủ ở hội-nghị sắp họp tại *Genève* để xét về việc đặt một sở Ngân-hàng quốc tế để cho vay các nhà nông bằng cách

cầm đợ ruộng đất *crédit hypothéraire agricole*).

— Chính-phủ mới nước Tây-ban-nha đã được mấy nước nhỏ ở Âu-châu và Mĩ-châu công-nhận. Nước Anh thì nghe đâu đợi bao giờ chính-phủ mới Tây-ban-nha được quốc-hội chuẩn-y, bấy giờ sẽ công-nhận.

— Ở Lỗ-mã-ni ông TITULESCO không lập xong Nội-các, quốc-vương phải giao cho ông JORGA lập một tòa Nội-các toàn những tay chuyên-môn cả, không có lãnh-tụ về chính-đảng nào.

Ngày 19. — Ông HERRIOT ứng-cử thị-tỉnh hội-viên thành *Lyon* được trúng, thắng hẳn đảng phản-đối là đảng xã-hội; người đảng này được có 1.900 phiếu mà ông được những 8.881 phiếu.

Ngày 20. — Quan Tổng-trưởng bộ hàng-không nước Pháp đi kinh-lược bằng tầu bay ở các thuộc-địa Phi-châu, hiện đã đến Ma-lặc-kha (*Maroc*), đỗ ở thành *Marrakech*.

— Ngoại-tướng nước Anh diễn-thuyết ở Chúng-nghị-viện nói rằng chính-phủ Anh vẫn sẵn lòng thương-thuyết về việc đính hiệp-ước hải-quân Anh Pháp Ý, chứ không phải có ý thôi như thiên-hạ đồn lầm.

Ngày 21. — Ở kinh-đô Anh mở cuộc thương-thuyết nước Anh nước Pháp về vấn-đề quan-thuế.

— Nước Anh cùng các thuộc-địa tự-trị của Anh đều công-nhận chính-phủ mới nước Tây-ban-nha. Nước Đan-mạch và nước Thụy-sĩ cũng vậy.

Ngày 22. — Hội-đồng trị-sự đảng cấp-tiến (*parti radical*) mừng ông HERRIOT đã được toàn-thắng trong kỳ tuyển-cử hội-viên thị-tỉnh thành *Lyon*.

— Đảng nông-dân nước Đức (*Agrariens*) bày tỏ nhiều điều dị-nghị về hiệp-ước quan-thuế Đức Áo.

Ngày 23. — Quan Tổng-trưởng bộ hàng-không Pháp hiện đương kinh-lược các sở tầu bay ở Ma-lạc-kha.

— Hội-nghị « Tiểu-đồng-minh » (*Petite Entente*) định đến ngày mồng 4 tháng 5 sẽ họp ở *Bucarest* là kinh-đô nước Lỗ-mã-ni.

— Thứ-trưởng bộ hàng-không nước Anh là FELTON HOLL đi thanh-tra bằng tầu bay, bị nạn chết.

Ngày 24. — Bộ hàng-không nước Pháp bá-cáo cho các du-khách biết những thể-lệ bảo-hiểm về việc hàng-không và tuyên-bố rằng phàm máy bay nào không từng bay thử được giấy chứng nhận rồi thì không ai được phép dùng để bay chơi.

— Ở Tây-ban-nha đương có phong-trào phân-trị, nhiều tỉnh muốn biệt-lập đối với chính-phủ trung-ương. Lại hoàng-thân DON JAIME là con vua DON CARLOS trước, có lời bá-cáo cho dân Tây-ban-nha tỏ ý muốn tranh ngôi vua.

— Ở Thổ-nhĩ-kỳ có cuộc tổng-tuyển-cử Quốc-hội, đảng bình-dân (*Populiste*) là đảng của Giám-quốc MUSTAPHA KÉMAL chiếm được 287 ghế.

Ngày 25 — Chức Giám-quốc nước Pháp đã gần mãn-hạn 7 năm, định đến ngày 13 tháng 5 sau thì họp hai nghị-viện thành Quốc-hội để bầu-cử quan Giám-quốc mới.

— Nước Tàu mới thảo xong một bản thể-lệ mới thuộc về người ngoại-quốc kiều-cư ở Tàu, định đến ngày mồng 1 tháng 10 thì bắt đầu thi-hành.

Ngày 26. — Ở giữa trường trung-học thành *Nantes* có dựng tượng kỷ-niệm quan cố Thủ-tướng CLEMENCEAU, ông ANDRÉ TARDIEU thay mặt chính-phủ làm chủ-tịch lễ khánh-thành, có đọc một bài diễn-thuyết rất cảm-động để tán-dương công-đức quan cố Thủ-

tướng. Trường trung-học này là nơi thuở nhỏ ngài đã từng qua học ở đấy.

— Ở *Lyon* bầu chức thị-trưởng và phó-thị-trưởng; ông HERRIOT lần đầu-phiếu thứ nhất được trúng-cử chức thị-trưởng, nhưng được hơn có một phiếu, không chịu nhận. Lần đầu-phiếu thứ nhì, thì một phần đảng xã-hội bỏ vé cho ông, được 39 phiếu bầu đối với 17 phiếu trắng. Đảng xã-hội không chiếm được một chức phó-thị-trưởng nào cả.

— Ông ZAMORA là chủ-tịch chính-phủ lâm-thời nước Tây-ban-nha đi đến *Barcelone*, được thiên-hạ hoan-nghênh lắm.

— Nước Ai-cập định đến ngày mồng 1 tháng 6 mở cuộc tổng-tuyển-cử vào Quốc-hội.

Ngày 27. — Quan Tổng-trưởng bộ Hàng không Pháp đi thanh-tra các sở tầu bay ở thuộc-địa Phi-châu xong nay đã trở về *Paris*.

—Nước Ý ký thương-ước với nước Nga, Nga cam-đoan mua của Ý 350 triệu hàng-hóa.

— Chính-phủ Tây-ban-nha bắt giam đại-tướng BERENGUER.

Ngày 28. — Hội-đồng chính-phủ nước Pháp bàn về việc thương-thuyết về vấn-đề hải-quân cùng các việc khác phải liệt-kê vào chương-trình kỳ hội-đồng Hội Vạn-quốc sau này.

— Ở trường Đại-học *Sorbonne* có mở một cuộc cổ-động về thuộc-địa gọi là «Tuần-lễ thuộc-địa» (*Semaine coloniale*). Quan tổng-trưởng bộ thuộc-địa PAUL REYNAUD khai-mạc cuộc cổ-động đó, có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng.

Ngày 29. — Quan Thủ-tướng Pháp cùng với các quan-chức cảnh-sát ở *Paris* trù-tính các kế-hoạch để phòng-bị ngày mồng 1 tháng 5 là ngày kỷ-niệm đảng lao-động quốc-tế.

— Ở Nghị-viện nước Ý, tướng BALBO mời đi tầu bay ở Phi-châu về độ trước, diễn-thuyết nói về cách tổ-chức các đội tầu bay ở nước Ý, và công-dụng của tầu bay trong cuộc không-chiến sau này.

— Hội-đồng chính-phủ nước Tây-ban-nha quyết-nghị rằng ở xứ *Catalogne* thì con trẻ mới đi học được phép học bằng tiếng bản-xứ là tiếng *Catalan*, nhưng tự 8 tuổi trở đi thì hết thảy phải học tiếng Tây-ban-nha cả.

Ngày 30. — Đường điện-thoại nối nước Pháp với nước Lỗ-mã-ni hôm nay khánh-thành; quan Giám-quốc Pháp và vua CAROL nước Lỗ bắt đầu nói chuyện với nhau bằng máy nói trước nhất.

— Nghị-viện nước Lỗ-mã-ni giải-tán, định đến ngày mồng 1 tháng 6 thì bầu lại Hạ-nghị-viện, mồng 4 tháng 6 thì bầu lại Thượng-nghị-viện.

Tiểu-sử quan tổng-trưởng bộ thuộc-địa Pháp Paul Reynaud và quan thứ-trưởng Blaise Diagne

Quan tổng-trưởng PAUL REYNAUD sinh ở *Barcelonnette* quận *Basses-Alpes* năm 1878, ngài học ở *Paris*, thi đậu luật-khoa tiến-sĩ, biên vào sổ trạng-sư thành *Paris*, rồi được cử làm chánh-thư-ký hội-nghị các luật-sư nước Pháp.

Khi chiến-tranh ngài làm quan võ về ngạch phụ, có ra trận can-đảm lắm, được thưởng Bắc-đẩu bội-tinh và Chiến-thứ bội-tinh.

Năm 1919 ra ứng-cử nghị-viên trong quận *Basses-Alpes* được trúng-cử, trong khóa nghị-viện tự năm 1919 đến 1924, ngài thường bàn-bạc được nhiều điều hay, thứ nhất là xướng lên cái thuyết nước Pháp và nước Đức nên thân-thiện về đường kinh-tế, thuyết này trước ngài chưa ai đề-khởi đến. Năm 1924 Nghị-viện mãn hạn, ngài không được tái-cử, vì Liên-đoàn các đảng tả (*Cartel des*

gauches) bấy giờ đương thắng-thế. Năm 1926 khu thứ nhì thành *Paris* khuyết chân nghị-viên, ngài ra ứng-cử, vận-động rất kịch-liệt mà không địch lại với bọn cộng-sản, người đảng này được trúng cử.

Năm 1928 Nghị-viện mãn-hạn, lại ra ứng-cử khu thứ nhì thành *Paris*, lần này thì được trúng-cử. Tự đấy đến nay ở Nghị-viện ngài là một tay hoạt-động, thường can-thiệp vào các cuộc thảo-luận về ngoại-giao và tài-chính. Chính ngài đã chất-vấn Nội-các CHAUTEMPS, khiến cho Nội-các này mới ra trình diện với Nghị-viện đã bị khuynh-đảo ngay.

Khi Nội-các TARDIEU lên cầm quyền lần thứ nhì, thì ngài lĩnh bộ Tài chính, chủ-trương xin giảm thuế được nhiều và đốc-suất việc phát-hành các trái-phiếu về chương-trình *Young*.

Kịp đến khi tòa Nội-các LAVAL lên thay Nội-các TARDIEU, thì ngài bỏ bộ Tài-chính mà sang lĩnh bộ Thuộc-địa thay cho quan PIÉTRI thuyên sang bộ Tài-chính.

Chính-sách của ngài ở bộ Thuộc-địa là chuyên-chủ nhất là việc chấn-chỉnh kinh-tế ở Thuộc-địa.

Ngài là con rể tay luật-sư trứ-danh HENRI-ROBERT. Chính ngài cũng có tài ngôn-luận và có tài văn-học nữa. Ngài thường diễn-thuyết ở hội *Annales* được thiên-hạ hoan-nghênh lắm. Lại có soạn một quyển sách đề là *Les Trois Glorieuses* thuật về lịch-sử quốc-kỳ cờ tam-tài) nước Pháp.

Có tin đến tháng 10 tây thì ngài sang kinh-lược ở Đông-dương ta.

— Quan Thứ-trưởng bộ Thuộc-địa BLAISE DIAGNE là người da đen đất *Sénégal*, thuộc quốc-tịch Pháp. Tuy là người sinh-trưởng ở thuộc-địa, không phải gốc-tích người Pháp, mà có tài-năng lỗi-lạc, lên được đến địa-vị cao như vậy, thật là xứng-đáng lắm.

Xuất-thân là một chân quan-lại nhỏ ở thuộc-địa *Sénégal*; hồi chiến-tranh năm 1914 ứng-cử nghị-viên, được dân bản-xứ bầu làm đại-biểu ra Nghị-viện Pháp. Tự bấy giờ ở Nghị-viện thường tham-dự vào các cuộc thảo-luận một cách xuất sắc, khiến cho anh em đồng-viện cùng cả Chính-phủ phải chú-ý. Trong khi chiến-tranh, ông HENRI SIMON đương làm tổng-trưởng bộ thuộc-địa, biết ngài là người mẫn cán, liền cử ngài làm đặc-sứ đề đi cổ-động ở thuộc-địa Tây-Phi-châu và mộ quân tòng-chinh cho nước Pháp. Cổ-động có một hồi, mộ được 8 vạn quân *Sénégalais* vui-vẻ sang giúp mẫu-quốc.

Trong khóa Nghị viện từ năm 1924 đến năm 1928, ngài được cử làm chánh ủy-ban thuộc-địa (*Commission des Colonies*).

Khi quan Tổng-trưởng thuộc-địa MAGINOT đi kinh lý thuộc-địa Phi-châu thì ngài đi theo để hướng-đạo, đi đến đâu cũng được nhân-dân hoan-nghênh lắm.

Tháng 6 năm 1930 ngài được chính-phủ Pháp cử ra hội-đồng Hội Vạn-quốc ở *Genève* để thay mặt nước Pháp thảo-luận về vấn-đề « cưỡng-bách hành-dịch » (*travail forcé*) ở thuộc-địa. Ngài đã dùng hết tài hùng-biện khôn-khéo mà làm cho cái thuyết của nước Pháp được thắng.

Nay ngài được cử làm thứ-trưởng bộ Thuộc địa thật là xứng-đáng lắm, sẽ là một tay giúp việc sành-sỏi và mẫn-cán cho quan Tổng trưởng PAUL REYNAUD.

Thời-cục nước Tàu. — Từ khi cái phong-trào phản Tưởng nổi lên ở phía nam, chính-phủ Quốc-dân ở Quảng-châu thành-lập đã ngót hai tháng, thì cái mệnh-lệnh ủy ba tập-đoàn-quân chia đạo đánh vào Nam-kinh của chính-phủ Quảng-châu và cái mệnh-lệnh ủy ba tướng chia đạo

đánh Quảng-đông của Tưởng Giới-Thạch đều đã tuyên-bố đến hơn một tháng nay, ai cũng tưởng cái ngọn lửa chiến-tranh ở phía nam nước Tàu lại sắp cháy bùng lên. Thế mà từ bấy đến nay, trận-địa Quảng-đông và Hồ-nam vẫn còn yên lặng như tờ, chẳng thấy Tưởng đánh Trần mà cũng không thấy Trần đánh Tưởng.

Nay cứ theo như các báo Trung-hoa thì Tưởng sở-dĩ chưa đánh Trần, một là sợ cất quân đi đánh Quảng-đông, thì Nam-kinh nguy-ngập về đảng Cộng-sản ; vì ở Nam-kinh đảng Cộng-sản vẫn hoạt-động ngấm-ngầm ; mà ở các tỉnh ngoài thì nhất là Giang-tây và Hồ-nam, đảng Cộng-sản vẫn còn diên-man lắm, nếu Tưởng bỏ sểnh Nam-kinh ra thì nguy với đảng Cộng ngay. Hai là còn lo về cánh miền Bắc như các tướng Diêm Phùng và Hàn Phục-Cừ. Thạch Hữu-Tam tuy mặt ngoài vẫn là phục-tùng, mà chưa chắc họ trở mặt như bàn tay, thì Nam-kinh cũng chẳng vững gì. Ba là Tưởng định dụng kế mượn tay Cộng-sản quấy rối tỉnh Quảng-đông. Tưởng tuy đem quân đi đánh Cộng, mà hình như không cốt vây đánh Cộng, chỉ cốt xua cho đảng Cộng chạy sang Quảng-đông để đánh lộn nhau mà mình thu-lợi. Bốn là Tưởng định dùng-dằng lâu ngày để cho chính-phủ Quảng-châu tự-nhiên tan nát. Tưởng vẫn biết rằng : chính-phủ Quảng-châu là một chính phủ tuy hợp tất cả các phái : phái cải-tổ có, phái Tây-sơn có, phái văn-sĩ có, phái quân-phiệt có, một chính-phủ đã nhiều hạng người như vậy, chỉ có thể hợp-tác được một lúc, chứ quyết không thể hợp-tác được lâu ngày ; xem như Đường Thiệu-Nghi vừa đến Quảng-châu mấy hôm, đã cáo ốm mà về nằm ở huyện Mô-phạm thì đủ rõ.

Nay Tưởng mà muốn đánh Quảng-đông thì chỉ còn có hai tướng của Trần Minh-Khu là Tưởng Quang-Nại và Sái Đình-Khải là có thể dùng được đấy thôi. Thế mà sau khi Trần Minh-Khu vừa vào bộ tư-lệnh đạo quân thứ 19, thì Tưởng Quang-Nại lại cáo ốm mà nằm nhà thương Thượng-hải. Đó cũng là một cớ làm cho Tưởng thất-vọng về sự đi đánh Quảng-đông.

Còn Trần Tế-Đường sở-dĩ chưa đánh Tưởng là vì kho thuốc đạn Quảng-châu mới bị cháy, quân-hỏa không đủ dùng, còn phải đợi mua thêm thuốc đạn. Vả lại sự cất quân đi thế cánh Cộng lại chộp lấy Quảng-đông ; mà ở phía ngoài thì Tưởng lại đang cố-ý xua cho cánh Cộng tràn sang Quảng-đông, nên còn phải liệu kế cố-thủ lấy cương-giới cho vững. Còn cánh quân thứ 19 nguyên là quân-đội Quảng-đông do hai tướng Tưởng Quang-Nại, Sái Đình-Khải chỉ-huy hiện đóng ở Giang-tây, thì nay lại về tay Tưởng rồi ; đạo quân 19 mà về tay Tưởng cũng là một điều chi-nguy cho cánh Quảng-đông. Huống-chi Quảng-châu một mình độc-lực cũng tự biết rằng khó chống được với Nam-kinh, nên muốn dùng-dằng để liên-lạc với các tướng miền Bắc cho vững thêm cánh. Lại gặp lúc nước sông Tây-giang và Bắc-giang lên to tràn ngập cả đường xe hỏa, nên việc quân cũng phải đình - đốn. Quân Quảng-đông sở-dĩ không dám khởi-sự đi đánh Tưởng chẳng qua cũng vì những cớ trên.

Còn Tưởng Giới - Thạch thì vẫn tuyên-bố quyết dùng chính-sách hòa-bình để giải-quyết thời-cục Quảng-đông, chứ không dùng đến quân-sự. Nhưng một mặt Tưởng vẫn mật-phái năm-mươi tay gián-điệp đàn bà cho sang Quảng-châu để lựa chiều ly-gián các yếu-nhân trong chính-giới, và một đội tuyên-truyền đàn ông sang vận-động quân-đội Quảng-đông cho họ đừng hợp-tác với quân Trương Quế,

thì cái tình đoàn-kết của họ không thể bền chặt được lâu ngày.

Gần đây mới có tin rằng từ hôm chính-phủ mới Quảng-châu tuyên-bố hãy hoãn việc bắc-phạt, cuộc thảo Tưởng ra chiều tẻ ngắt, không náo-nhiệt như trước nữa. Vì Quảng-châu từ khi mở ra chính-phủ mới, quyền chính-trị và quyền tài-chính đều do các người trong hai cánh Trần Tế-Đường và Cồ Ứng-Phần giữ cả, khiến cho các cánh khác đều ngờ vực, ngay như hai tướng Dư Hán-Mưu và Lý Dương-Kính là người thân với Trần Tế-Đường cũng phải phàn-nàn. Còn ba người Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê lúc đầu ở Quảng-tây sang Quảng-đông, giữ thái-độ nhún-nhường, trừ quân-sự ra không muốn hỏi đến việc gì. Nhưng bọn Trần Tế-Đường và Cồ Ứng-Phần đối với quân-sự coi là việc hoãn, bởi vậy các tướng-lĩnh hai tỉnh Quảng có ý nghi hai người, từ khi có cái nghị hoãn cuộc bắc-phạt, bức thông-điện không dùng võ-lực để đánh đổ Tưởng ra, bọn Lý Tôn-Nhân, Trương Phát-Khuê Bạch Sùng-Hy lại càng không bằng lòng lắm, bởi thế Trương Phát-Khuê xưng bệnh ra Hương cảng. Lý Tôn-Nhân và Bạch Sùng-Hy cũng lánh ở một chỗ, những cuộc hội-nghị không quan-hệ lắm, đều không đến dự. Cứ xem cái tình-hình ấy thì cuộc thảo Tưởng không khéo lại có biến-hóa vậy.

Về mặt Bắc-bình hiện nay Trương Học-Lương đã khỏi bệnh, tạm không về Thẩm-dương, việc đông-bắc do Trương Tác-Tường thay quyền. Trương quyết đem toàn-lực giữ mặt Bình-tân để phòng phái phản-động.

Có tin ở Thẩm-dương nói rằng hiện quân đông-bắc ở trong cửa quan có hơn 10 vạn. Tại Thẩm-dương nếu tiếp được lệnh của Trương Học-Lương, tùy-thời có thể đem thêm quân vào.

Ở các tỉnh đông-bắc trên đường hỏa-xa Bắc-kinh Hán-khẩu quân-lính đi lại nhiều lắm. Người ta nói quân ấy đem đi đánh Thạch Hữu-Tam, Thạch Hữu-Tam có sáu vạn quân, mà cái thái-độ xem chừng lại muốn tán-thành cho Quảng-châu để chống lại Nam-kinh.

Có tin rằng quân của Phụng-thiên đã đánh nhau với quân của Thạch Hữu-Tam. Đánh nhau ở gần nội-kinh, cách phía nam Bắc-kinh 363 cây số.

Ba chiếc tàu bay kiểu Pháp, của đội phi-binh Phụng-thiên đã tới Bắc-bình để bảo-hộ thành-phố và để giữ-gìn mặt trận.

Có tin rằng quân Thạch Hữu-Tam bỗng kéo lên miền Thuận-đức và Cao-ấp, xem ra chực đánh úp lấy Bắc-bình và Thiên-tân. Lại có tin đồn: Thạch định tiến về mạn Thương-châu, chiếm giữ một cửa bể để đợi cánh Quảng-đông tiếp-tế lương-thực và khí-giới. Vì thế, Tưởng Giới-Thạch hạ lệnh bãi chức Thạch, và treo giải thưởng hai vạn bạc để mộ người lấy đầu Thạch. Trương Học-Lương cũng có thông-điện kể tội Thạch Hữu-Tam.

Giữa lúc Thạch Hữu-Tam dùng binh ở mặt bắc, thì Trần Tế-Đường ở Quảng-đông cũng hạ lệnh thảo-phạt Tưởng Giới-Thạch. Hiện nay ở Quảng-đông đang bận rộn về việc bổ xung binh-ngạch, còn ngày xuất-binh thì chưa định vào ngày nào.

Quân tiểu Cộng. — Tưởng Giới-Thạch từ khi đem quân đi tiểu Cộng, quyết tọa-trấn ở Nam-xương. Tưởng có phát-biểu bốn bức thư: một răn nhân-viên đảng bộ, nói trong lúc quân Cộng-sản tung-hoành, nên chịu trách-nhiệm từ nay về sau nên chịu quyền chỉ-đạo của đảng chính-hội; hai bảo quan-lại, nói sự lầm-lẫn từ trước nên ăn-năn đổi lại, nếu người nào tự bỏ chức-thủ, sẽ trị tội rất nghiêm; ba bảo tướng-sĩ, nói lần này

đi tiễu Cộng là vì sự còn mất của dân-tộc mà đánh, nếu không chịu ra sức xin chớ lại trông thấy mặt ; bốn bảo nhân-dân, nói nên cố sức tự-vệ.

Các đạo quân tiễu Cộng đều được thắng-thế. Tướng Giới-Thạch có hạ lệnh hễ ai bắt sống được bốn tên đầu đảng là Chu, Mao, Bành, Hoàng đến hàng, cứ mỗi tên được thưởng năm vạn đồng, cắt thủ-cấp đến hàng mỗi tên được hai vạn đồng. Tiễu Cộng chỉ bắt những tên đầu đảng chứ không bắt tội những người bị hiếp theo.

Việc người Triều-tiên giết hại Hoa-kiều.— Gần đây người Triều-tiên với người Hoa-kiều xảy ra sự xung-đột nhau, người Triều-tiên thảm-sát Hoa-kiều ở Vạn-bảo-sơn và Hán-thành, chết hại rất nhiều. Chính-phủ Trung-hoa có đưa thư giao-thiệp kháng-nghị, thì chính-phủ Nhật cho rằng việc lôi thôi là lỗi bởi thôn-dân Cao-ly công-kích người Trung-hoa ở Mãn-châu và chính-phủ Cao-ly sẽ phải bồi-thường mọi khoản.

Xem chừng chính-phủ Trung-hoa không lấy làm bằng lòng và sẽ ám-trợ cái phong-trào đề-chế Nhật-hóa.

Chính-phủ Nam-kinh đã phát bản chiếu-hội lần thứ hai để kháng-nghị chính-phủ Nhật. Đại-ý nói trước khi người Triều-tiên chưa bạo-động, lãnh sự Trung-quốc ở Hán-thành đã cảnh-cáo các nhà đương-cục Nhật, làm sao các nhà đương-cục Nhật không tính cách ngăn-giữ ngay, thậm-chí sau khi đã xảy ra sự bạo-động, mãi đến mười ngày rồi, các nhà đương-cục Nhật mới đem thực-lực để chế-chỉ, không rõ dụng-tâm ra thế nào. Vì cớ ấy, quí chính-phủ nên chịu cái trách-nhiệm biện-lí cái án ấy không hết sức, tệ chính-phủ vẫn phải bảo lưu cái quyền yêu-cầu bồi-thường.

Bộ ngoại-giao Nam-kinh lại điện giục các lãnh-sự ở Triều-tiên kíp tra xét những việc bạo-động của người Triều-tiên để điện về cho biết.

Vì bộ ngoại-giao Trung-hoa kháng-nghị với Nhật-bản về cái án Vạn-bảo-sơn và Hán-thành, đến nay cũng chưa có kết-quả ; nên các giới ở Nam-kinh, Thượng-hải cùng nhiều tỉnh khác ở miền đông-nam Trung-hoa đều nổi lòng căm-tức, mà đồng-thời gây lên phong-trào « bài Nhật », tẩy-chay hàng Nhật, thực-hành tuyệt-giao với Nhật về đường kinh tế.

Hội-nghị « phản Nhật hộ Kiều » đã khai-hội tại Nam-kinh, có thông-qua 27 đề-án, nay lược kể mấy điều sau này: 1°) Lập ngay hội « hộ Kiều cứu quốc » ở Nam-kinh; 2°) Lập-tức thực-hành tuyệt-giao với Nhật về đường kinh-tế; 3°) Yêu-cầu chính-phủ sức cho bộ ngoại-giao phải giao-thiệp với Nhật một cách nghiêm-trọng, không được nhượng-bộ chút nào cả. Nếu chính-phủ Nhật không chịu trách-nhiệm việc này thì từ nay Trung-hoa cũng lấy thái-độ ấy mà đãi lại kiều-dân Nhật ; 4°) Xin chính-phủ Quốc-dân tự thủ-tiêu điều-ước bất-bình của hai nước Trung-Nhật và phế-trừ những quyền đặc-biệt của người Nhật; 5°) Xin chính-phủ ra lệnh bắt những người Triều-tiên có hai quốc-tịch vào dân Nhật-bản ; 6°) Định ngày làm lễ truy-điệu những Hoa-kiều bị nạn ở Hán-thành ; 7°) Xin chính-phủ làm tội viên ngoại-giao-trưởng « tàng quyền nhục quốc » là Vương Chính-Đình; 8°) Xin chính-phủ lấy ngày 3 tháng 7 làm ngày kỷ-niệm việc Nhật-bản giết hại kiều-dân ; 9°) Xin chính-phủ dự bị việc chiến-tranh để làm hậu-thuẫn cho việc ngoại-giao ; 10) Xin chính-phủ trị-tội viên tổng-lĩnh-sự Trung-hoa ở Triều-tiên, vì không biết chủ-ý âm-mưu của người Nhật và không-khí của dân Triều-tiên, v. v..

Việc mua lại đường sắt Trung-đông sắp giải-quyết. — Có tin ở Bắc-bình nói rằng trong cuộc hội-nghị Trung

— Nga ở Moscou vừa rồi, nói hai bên Trung — Nga đã thành-lập bản hiệp-định mua lại đường sắt Trung-đông hai bên đều thỏa-thuận. Vì số tiền mua lại, bên Nga đòi là bốn vạn vạn đồng lư-bố vàng, bên Trung-hoa hiềm giá cao quá. Nhưng điều đó giải-quyết không khó, vì điều trọng-yếu trong bản hiệp-định, nói bên Trung-hoa không cần phải nộp hẳn số tiền ấy cho Nga, mà cho hàng-hóa Nga đem vào Trung-quốc nhất-luật miễn thuế để bù vào số tiền mua lại đường sắt. Nghe đâu trong bản hiệp định đối với điều ấy có nói rằng : « Số tiền Trung-hoa giao ra để mua lại đường sắt, sẽ lấy vào số tiền đánh thuế nhập-khẩu của hàng-hóa Nga ». Bản hiệp-định ấy nếu thành-lập, sẽ khiến cho các nước có buôn bán với Trung-hoa đều phải chú-ý, nhất là nước Nhật-bản. Bản hiệp-định ấy hiện còn giữ bí-mật, mà ngay sau khi công-bố, các nước cũng không có lí-do gì phản-đối, mà những nước có đính điều-ước tối-huệ với Trung-hoa cũng không thể phản-đối. Vì hàng-hóa Nga chở vào Trung-quốc, về danh-nghĩa dường như theo điều-lệ quan-thuế Trung-hoa mà đánh thuế, nhưng về sự thực hàng-hóa Nga chở vào có thể không hạn-chế và miễn thuế không có kỳ-hạn. Xét ra việc doanh nghiệp ở đường sắt Trung-đông trong hai năm nay không được phát-đạt lắm, chính-phủ Nga không có mối lợi gì có thể mưu được, nay nếu được phần lợi-ích ấy thì chắc chịu bỏ đường sắt Trung-đông. Vả hàng-hóa Nga chở vào Trung-quốc, được cái địa-vị tốt ấy, tự-nhiên có thể tồi-tàn phần lợi-ích về sự mậu-dịch của các nước với Trung-hoa, chính hợp với lòng kỳ-vọng của nước Nga sô-viết. Nay hội-nghị Moscou còn tiến-hành thảo-luận việc ấy, chẳng bao lâu cuộc đàm-phán có thể thành-công.

Việc thu-hồi tô-giới. — Bộ ngoại-giao Nam-kinh vì việc thu-hồi tô-giới các nước, phái-viên chia đi các lưu-vực Hoàng-hà, Trường-giang, Châu-giang để điều-tra, hiện đã xong việc, về thứ-tự việc thu-hồi cũng nghiên-cứu thỏa-thuận, đã lập-thành bản án giao-thiệp trình Vương Chính-Đình xem xét. Hiện đã đưa giấy cho các nước có tô-giới phái đại-biểu để họp lâm.

Dân-số Trung-quốc. — Bộ nội-chính Nam-kinh ngày 11 tháng năm vừa rồi có phát-biểu tổng-số nhân-khẩu cả nước là bốn vạn vạn bảy nghìn bốn trăm vạn người, tức là 474 triệu. Mỗi tỉnh có như sau này :

Giang-tô	34.126	nghìn người
Chiết-giang	20.642	»
Phúc-kiến	10.071	»
Quảng-đông	32.428	»
Quảng-tây	13.648	»
Vân-nam	13.812	»
Quí-châu	14.746	»
Hồ-nam	31.501	»
Hồ-bắc	26.699	»
Giang-tây	20.322	»
An-huy	21.715	»
Tứ-xuyên	47.992	»
Tây-khang đặc-biệt khu	8.906	»
Sơn-đông	28.673	»
Hà-bắc	31.233	»
Hà-nam	33.566	»
Sơn-tây	12.230	»
Thiểm-tây	11.802	»
Ninh-hạ	1.450	»
Cam-túc	6.281	»
Thanh-hải	6.195	»
Tuy-viễn đặc-biệt khu	2.123	»
Sát-cáp-nhĩ đặc-biệt khu	1.197	»
Nhiệt-hà đặc-biệt khu	6.594	»
Phụng-thiên	15.233	»
Cát-lâm	7.635	»
Hắc-long-giang	3.725	»
Tân-cương	2.552	»
Ngoại Mông-cổ	6.160	»
Tây tạng	3.723	»

Việc trong nước

Từ 15 Mai đến 15 Juin 1931

Lễ khánh-thành cái cầu mới bắc trên con sông đào ở Sài-gòn. — *Hồi 5 giờ chiều ngày 18 Mai, đã làm lễ khánh-thành chiếc cầu mới bắc trên con sông đào, nối liền với bên Nhà-bè. Cầu dài 185 thước rộng 12 thước 60, có một khúc quay được dài 12 thước, do hãng* Le Vallois Perret *bắc theo bản-đồ của các kỹ-sư sở công-chính. Móng cầu xây sâu tới 30 thước. Trong khi làm lễ, có ông hội-trưởng Hội-đồng trị sự thương-khẩu Sài-gòn và quan Thống-đốc Nam-kỳ đều đọc diễn-văn.*

Quan Thống-đốc Nam-kỳ đi kinh-lý. — *Ngày 22 Mai quan Thống-đốc Nam-kỳ ra Đa-lạt, qua đèo* Blas *để xem xét công-việc làm đường mới ở đó.*

Sài-gòn và Chợ-lớn hợp-nhất. — *Theo đạo Sắc-lệnh ngày 22 Mai thì thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn sẽ hợp-nhất mà cùng chung một quyền hành-chính.*

Khánh-thành tượng ông Đỗ-Phồ-Nghĩa. — *Chiều ngày 23 Mai, quan Toàn-quyền* Robin *đã làm lễ khánh-thành tượng ông* Jean Dupuis *tức Đỗ-Phồ-Nghĩa tại đường Bờ-Sông. Tượng này dựng ở trong một cái khung tường trắng Tiểu-học-Pháp-Việt bờ Sông. Trong khi làm lễ có quan Đốc-lý Hà-nội đọc một bài diễn-văn kể công-nghiệp ông Đỗ-Phồ-Nghĩa có công đi thám-hiểm sông Nhị-hà mà xứ Bắc-kỳ ngày nay mới ở dưới quyền bảo-hộ Pháp-đình.*

Quan Đại-lý Gatille bị bọn Mọi hại. — *Trưa ngày 26 Mai, quan Đại-lý* Gatille *đi thăm đường thuộc-địa 14 về cách đồn* Srekhtoum *độ 10 cây-số, thì bị một bọn dân Mọi Phnong sát-hại. Chiều ngày 17 thì làm lễ cất đám ông* Gatille.

Quan Khâm-sứ Le Fol về Pháp. — *Ngày 11 Juin, quan Khâm-sứ Trung-kỳ* Le Fol *đã trở về Pháp để thương-thuyết với quan Thượng-thư Thuộc-địa về tình-hình hiện-thời ở Trung-kỳ, và việc sắp đặt để đức Bảo-đại sắp trở về Kinh-đô Huế. Trong khi quan Khâm-sứ* Le Fol *vắng thì do sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 27 Mai, quan Khâm-sứ Ai-lao* Châtel *sẽ thay vào chức ấy.*

Một chính-sách mới ở Nghệ-Tĩnh và Quảng-ngãi. — *Vì cái tình-thế ở Nghệ-an Hà-tĩnh và Quảng-ngãi cứ rối-loạn mãi không yên, cho nên quan trên đã định cho những quan-lại hiện-chức tại Huế và các tỉnh, phàm ông nào quán ở tỉnh Nghệ-an Hà-tĩnh và Quảng-ngãi thì được phép về bản-quán để hội-đồng với thân-hào ở thôn quê đi vỗ-về hiểu-dụ lương-dân trong xứ mình cho dân biết tỉnh-ngộ mà chớ theo đảng cộng-sản làm càn, đến khi các xứ ấy được yên lặng rồi thì các quan-lại vẫn được cung chức cũ. Các quan khi về vẫn được lương bổng như khi tại-chức. Các ông giáo-học quán ở các tỉnh ấy trong khi nghỉ hè cũng phải về bản-quán mà hiểu-dụ dân như các quan-lại. Nếu ông nào không muốn về thì phải vào các tòa Sứ làm việc như các ông thư-ký vậy.*

Mua đất ở Gia-lâm để lập trại máy bay. — *Quan Toàn-quyền vừa ký nghị-định trích một số tiền là 111.447$59 để tậu một khu đất vừa công vừa tư cộng là 1.459 261 thước tây vuông ở Gia-lâm, để lập thêm một trại máy bay nữa.*

Một nhà Bác-học Hoa-kỳ sang Đông-dương. — *Đầu tháng Juin, Bác-sĩ* J. Wade *là một nhà bác-học ở Phi-luật-tân có đi thăm các trại hủi ở Đông-dương, đã tới qua Nhật-bản, Trung-hoa, Cao-ly, Bắc-kỳ, Nam-kỳ, nay đi Cao-miên, Xiêm-la và Java.*

Quan Toàn-quyền Pasquier đã xuống tầu sang Đông-dương. — *Ngày 4 Juin, quan Toàn-quyền* PASQUIER *cùng các quan tùy-tùng ngài đã xuống tầu* André Lebon *sang Đông-dương.*

Quan Toàn-quyền cử một Hội-đồng vào Trung-kỳ điều-tra các việc xảy ra để tư-trình về quan Thượng-thư Thuộc-địa. — *Quan Toàn-quyền mới cử một Hội-đồng vào Trung-kỳ để điều-tra kỹ-càng, tìm-tòi cho ra cái gốc rễ căn-nguyên cuộc biến-loạn ở miền bắc Trung-kỳ và ở Quảng-ngãi bấy nay, lại xem xét tình-hình dân-chúng cùng những lòng nguyện-vọng của dân hiện đương thế nào, để làm biên-bản tư sang Pháp trình quan Thượng-thư bộ Thuộc-địa.*

Hội-đồng có quan chánh Thượng-thẩm MORCHÉ *làm chủ-tịch, và có các quan-chức như sau này: Ông* PERROUD *nghị-trưởng Đại-hội-nghị kinh-tế Đông-dương; quan sáu* BONNET; *quan thanh-tra chính-trị Trung-kỳ* DUPUY; *quan Công-sứ Nam-định* CHAPOULART; *người An-Nam thời có quan Tôn-thất Trạm, nguyên Tổng-đốc Thanh-hóa.*

Cộng-sản quấy rối. — *Đêm hôm 20 Mai, có vài người cộng-sản giả dạng là mật-thám đi qua làng Thanh-đàm (thuộc huyện Nam-đàn) lên giọng quát-tháo, gọi lý-trưởng và tổng-đoàn ra theo các quan đi tuần. Các chức-dịch làng ấy tưởng thật, vội-vàng theo đi ngay. Đi hai ba ngày chẳng thấy ai về, người nhà mới bỏ đi tìm, thấy xác thằy lý nổi lềnh-đềnh trên mặt sông, còn xác người tổng-đoàn sau mãi mới tìm thấy thì cá đã dứt thủng cả da thịt. — Lại một người Bang-tá ở huyện Nghi-lộc mới bầu được hai ngày, bằng chưa kịp lĩnh, đã bị bọn cộng-sản hãm-hại rồi. — Sáng ngày 28 Mai, một toán cộng-sản kéo nhau vào cướp mấy nhà giàu ở làng Yên-phú thuộc huyện Anh-sơn Nghệ-an. Trong lúc bọn cướp hoành-hành có giết chết một người lý-trưởng và 11 người kỳ-dịch làng ấy. Lúc ấy có một viên đội tây* PERRIER *quản-lĩnh một toán quân đóng ở đồn Hồ-lương, đi xe đạp qua đó bị bọn cộng-sản xúm lại đâm chết rồi đem tử-thi quăng vào một bụi tre gần đó.*

Mới khám-phá ra được mấy tiểu-tổ cộng-sản. — *Sở Cảnh-sát Chợ-lớn nhân đi tuần bắt được một người đi phát truyền-đơn mà khám-phá ra được cơ-quan cộng-sản (là nơi chứa những truyền-đơn) ở phố Tổng-đốc Phương.*

— Sở mật-thám Hà-nội nhân đi tra xét về mấy viên quan tỉnh ở Yên-bay ngờ có người đầu-độc mà khám-phá ra có một chi-bộ cộng-sản mới thành-lập ở Yên-bay, bắt được cả thảy 22 người giao cho toà án tỉnh Yên-bay xét xử.

— Lại bắt được một tiểu-tổ cộng-sản mới lập ở đường Gia-long Hà-nội, năm người đàn ông và một người đàn-bà bị bắt với một khẩu súng lục cùng các đồ-vật quan-hệ đều đem về sở mật-thám.

— Lại bắt được một tiểu-bộ cộng-sản ở phố Khâm-thiên, 6 người bị bắt, liên-can đến 9 người nữa bị bắt ở Bắc-ninh.

— Lại khám-phá ra một chi-bộ cộng-sản ở tỉnh Hòa-bình, 6 người bị bắt giải về sở mật-thám Hà-nội để tra xét.

Bắt được mấy người có chân trong các đảng. — *Có hai người thiếu-niên trong đảng cộng-sản vừa ở Nga về ngụ ở phố Bê-nhị Vinh, lính mật-thám dò biết tung tích liền bắt ngay.*

— Hơn 40 người bị-cáo về tội chính-trị đã bị bắt ở Nam-định giải lên Hà-nội giao Hội-đồng đề-hình xét.

— Sở Cẩm tỉnh Gia-định lùng bắt được gần 200 người cộng sản, trong số đó có 3 người rất trọng-yếu của đảng.

— Sở mật-thám Vinh bắt được nhiều người cộng-sản có cả giấy má quan-trọng thuộc về miền phủ Diễn.

— Một toán lính đi tuần về miền Đồ-lương phủ Diễn-châu, gặp chiếc ô-tô có

ý khả-nghi, bắt dừng lại khám, thấy có súng trường và súng lục tới 20 khẩu cùng một bản án của đảng cách-mệnh kết án mấy viên chức giữ việc đi dẹp đảng cộng-sản bấy nay. Cả mấy người và tang-vật bị bắt về sở mật-thám để tra-xét.

Cái án cộng-sản ở Yên-bay. — *Trên đây đã nói 22 người mới lập ra chi-bộ cộng sản ở Yên-bay đã bị bắt. Toà án tỉnh ấy đã xét xử mà kết án là: 3 người phải 5 năm tù; 3 người phải 4 năm tù; 1 người phải 3 năm tù; 4 người phải 2 năm tù; 3 người phải 18 tháng tù; 2 người phải 1 năm tù.*

Tòa Thượng-thẩm xử lại cái án vượt ngục ở Hòa-bình. — *Ngày 18 Mai, toà Thượng-thẩm xử lại cái án vượt ngục ở Hoà-bình do Nguyễn Văn-Đệ đứng đầu. Ngày 10 Mars toà Nam-án tỉnh Phú-thọ đã xử 3 người phải xử-tử, 4 người khổ-sai chung-thân, 12 người khổ-sai 20 năm, 1 người khổ-sai 15 năm và 6 người được trắng án. Nay toà Thượng-thẩm xử lại là 14 người khổ-sai chung-thân, 2 người khổ-sai 15 năm, còn một người chết rồi thì được miễn-tố.*

Viện Cơ-mật xử lại cái án cộng-sản ở Huế. — *Ngày 20 Novembre 1930 Tôn-nhân, phủ-thừa và Hộ-thành đã kết án 80 người can tội cộng-sản. Nay viện Cơ-mật thẩm lại cái án ấy có giảm tội cho 15 người và tăng tội cho 16 người, còn bao nhiêu thì y án cả. Kết-quả án ấy là:*

1 người bị khổ-sai chung-thân; 2 người bị khổ-sai 9 năm và 7 năm quản-thúc; 1 người bị 8 năm khổ-sai và 7 năm quản-thúc; 1 người bị 7 năm khổ-sai và 5 năm quản-thúc; 3 người bị 6 năm khổ-sai và 3 năm quản-thúc; 5 người bị 5 năm khổ-sai và 4 năm quản-thúc; 14 người bị 3 năm tù và 3 năm quản-thúc; 14 người bị 3 năm tù và 2 năm quản-thúc; 18 người bị 2 năm rưỡi tù và 2 năm quản-thúc; 16 người bị 2 năm phạt giam.

Số tù tại nhà pha Hỏa-lò Hà-nội. — *Hiện nay số tù còn giam tại nhà-pha Hỏa lò Hà-nội tổng-cộng là 1.235 người. Trong số ấy có 3 người bị án xử-tử, 170 người bị án khổ-sai chung-thân, 192 người bị án khổ-sai có hạn và 242 người chính-trị phạm còn chờ Hội-đồng Đề-hình xét xử, còn tù thường-phạm là 628 người.*

Hành-hình ba người can vào việc án mạng đường Barbier. — *Ba người can vào việc án mạng ở đường* Barbier *Sài-gòn là tên Sáu Trương, Ngô Thiềm và Nguyễn Văn-Thịnh đã bị hành-hình sáng ngày thứ năm 21 Mai tại giữa sân toà-án gần cửa nhà Khám Sài-gòn.*

Giới-thiệu sách mới

Petit Passe-partout de la presse sino-annamite. 漢越刊小靈鑰. Chìa khóa thiêng nhỏ mở báo Hán-Việt. Par Tây-Dương. — Hà-nội, Trung-hòa thiện-bản, 1931. — Sách này là quyển tự-vị những chữ nho thường dùng trong các báo chí quốc-ngữ, sưu-tập được nhiều và cắt nghĩa rõ-ràng. Do Cố Hương (R. P. Hue), biệt-hiệu là Tây-dương, là người rất thông-hiểu tiếng ta và chữ nho soạn ra. Xuất-bản ở nhà in báo « Trung-hòa », sách dày 700 trang, giá bán 3 đồng 20.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản:

1. — Văn-minh-luận — 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris — 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp — 4 hào.
4. — L'idéal du Sage — 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.
   Quyển thứ I — 4 hào.
   Quyển thứ II — 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết — 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới — 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois — 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE — 4 hào.

Mới xuất-bản:

10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai). — 5 hào.

Sắp xuất-bản:

11. La Poésie annamite.